

HỒ SƠ

CÔNG TY LIÊN DOANH
SẢN XUẤT NƯỚC KHOÁNG
VIỆT - PHÁP

Tỉnh Quảng nam
Tháng 1 năm 1997

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------

Số : 05...CV/UB

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 01 năm 1997

*"V/v đề nghị cấp giấy phép đầu
tư cho dự án liên doanh sản xuất
nước khoáng Việt - Pháp "*

Kính gửi : BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Nam nhận được hồ sơ và đơn xin thành lập công ty Liên doanh sản xuất nước khoáng Việt - Pháp . Ủy ban Nhân dân Tỉnh có ý kiến như sau :

- Mỏ nước khoáng Tây Viên xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn thuộc Tỉnh Quảng Nam là mỏ nước khoáng lộ thiên cần được sản xuất theo dây chuyền công nghệ mới để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu .

- Mỏ nước khoáng nằm ở vùng rừng núi rất khó khăn, nguồn ngân sách Nhà nước chưa đủ để đầu tư khai thác nước khoáng và phát triển đời sống nhân dân ở khu vực này . Công ty liên doanh ra đời góp phần giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, nhằm tạo cơ sở cho vùng này phát triển .

- Thời gian hoạt động của Công ty liên doanh là 25 năm .

- Giá đất là 337.5 USD/ha/năm; bên Việt Nam góp vốn bằng quyền sử dụng đất và giá trị mỏ.

- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét cấp giấy phép .

Nơi nhân :

- Như trên
- Lưu VT/VP-UB

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



VŨ NGỌC HOÀNG

ĐƠN XIN PHÉP THÀNH LẬP CÔNG TY LIÊN DOANH

Quảng nam, ngày 16 tháng 1 năm 1997

Kính gửi : BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Những người ký dưới đây xin gửi Đơn xin phép đầu tư này theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam trình Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua Bộ kế hoạch và đầu tư

Những đặc điểm có liên quan tới việc hợp tác liên doanh cũng như việc xin các điều kiện ưu đãi trong đầu tư và những thông tin tài liệu văn bản có liên quan xin được trình bày dưới đây và xin gửi kèm theo

I. CÁC BÊN THAM GIA LIÊN DOANH :

1. Bên Việt Nam :

CÔNG TY ỨNG DỤNG KHKT VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

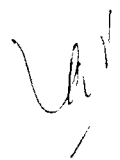
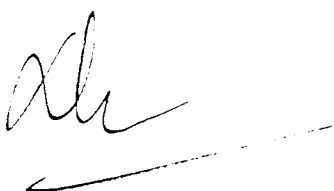
2. Bên nước ngoài :

Do Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING làm đại diện, trong đó bao gồm các thành viên:

1. CÔNG TY GMD INTERNATIONAL HOLDING - MỸ
2. CÔNG TY PAM KEVIN ENTERPRISES LTD - CANADA

II. MỤC ĐÍCH LIÊN DOANH

- Khai thác và sản xuất nước khoáng tại xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam .
- Bán, phân phối các sản phẩm do liên doanh sản xuất tại thị trường trong nước và xuất khẩu
- Trong tương lai sẽ mở rộng ra để sản xuất nước trái cây cho xuất khẩu



III. KIẾN NGHỊ VỀ ƯU ĐÃI

Vì lý do :

Dự án đầu tư tại vùng hẻo lánh, có điều kiện cơ sở hạ tầng rất khó khăn, nên liên doanh phải đầu tư thêm để nâng cấp 1,5 km đường do đó trong những năm đầu sẽ gặp nhiều khó khăn

Vì vậy, các bên liên doanh xin kiến nghị Nhà nước Việt nam cho hưởng các ưu đãi về tài chính như sau :

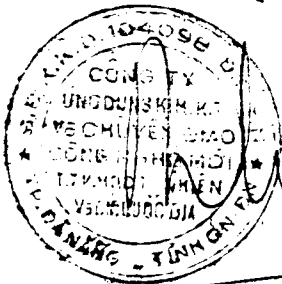
- Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài 7 %
- Nộp thuế lợi tức : 20 %
- Miễn thuế lợi tức 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50 % trong 02 năm tiếp theo

IV. NHỮNG TÀI LIỆU GỬI KÈM THEO ĐƠN NÀY GỒM

1. Hợp đồng liên doanh
2. Điều lệ liên doanh
3. Giải trình kinh tế kỹ thuật
4. Giấy phép thành lập của Bên Việt nam
5. Giấy phép thành lập của các Bên nước ngoài
6. Giấy chứng nhận của Ngân hàng nơi Bên nước ngoài mở tài khoản
7. Giấy tờ liên quan đến quyền khai thác mỏ của Bên Việt nam
8. Công văn của Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia
9. Công văn của UBND Tỉnh Quảng nam

BÊN VIỆT NAM

BÊN NƯỚC NGOÀI



Nguyễn Xuân Khu

Phạm Văn Tân

INVESTMENT APPLICATION FOR LICENCING A JOINT VENTURE

Quang Nam 16 January 1997

To: **The Ministry of Planning and Investment**

An investment application under the Foreign Investment Law of Vietnam is herewith being submitted by the undersigned to the Socialist Republic of Vietnam through the Ministry of Planning and Investment.

Particular regarding the proposed Joint venture as well as requested Investment Incentives and related data and documentation are described herein and submitted herewith:

I. THE JOINT VENTURE PARTIES:

1. The Vietnamese Party:

TECHNICAL APPLICATION AND TECHNOLOGY TRANSFER COMPANY

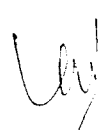
2. The Foreign Parties :

Presented by **GMD INTERNATIONAL HOLDING COMPANY**, in which, including members :

1. GMD INTERNATIONAL HOLDING - UNITED STATES
2. PAM KEVIN ENTERPRISES LTD - CANADA

II. PURPOSE OF THE JOINT VENTURE

- Exploiting and producing mineral water in Que Loc commune, Que Son district of Quang Nam province.
- Selling and distributing the products of the joint venture company in the domestic market and export.
- In future will extend to manufacturing fruit juice to export



III. PROPOSAL FOR INCENTIVES:

For the following reason :

A Project located in remote area with poor infrastructure. the JVC must upgrade 1.5 km of road so in the first years will be difficult

There for Joint venture Parties propose Vietnamese State grant the following financing incentive :

- Withholding tax : 7%
- Payable profits tax : 20%
- Exemption of profit tax for 02 years from the first profit-making year and reduction of 50% of the profit tax for the 02 following years.

IV. DOCUMENTS ENCLOSED THIS APPLICATION:

1. Joint Venture Contract:
2. Joint Venture Charter:
3. Feasibility Study
4. Company Licence of the Vietnamese Party
5. Company Licence of the Foreign Parties:
6. The Certificate of the Bank where the Foreign Party banks with
7. The documents related to the mining right of the Vietnamese Party
8. The Official Letter from the National Technology and Natural Science Centre
9. The Official Letter from the People's Committee of Quang Nam province.

FOR THE VIETNAMESE PARTY

FOR THE FOREIGN PARTY



A handwritten signature of the foreign party representative, written in black ink.

Phạm Văn Lai

Phạm Văn Lai

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH

Căn cứ :

- Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/11/1996;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác của Việt nam:

Hai bên liên doanh gồm :

A) Bên Việt Nam :

Công ty ứng dụng KHKT và Chuyển giao Công nghệ mới được thành lập theo quyết định số 194/VKH ngày 21/5/1993 của Viện trưởng Viện Khoa học Việt nam (nay là Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia).

- Người đại diện : Ông Nguyễn Xuân Huê
- Chức vụ : Giám đốc
- Trụ sở chính tại : 73 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng
- Điện thoại : 26679 - 23274
- Fax : 84-51-26679
- Mở tài khoản :
 - Ngân hàng : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
 - Số Tài khoản : 7301 - 0047C
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất hợp tác trao đổi chuyên gia với nước ngoài, xuất nhập khẩu các thiết bị và kỹ thuật công nghệ sản xuất các mặt hàng đạt chất lượng cao (nước khoáng, nước giải khát có ga, bánh kẹo, bao bì, các loại thuốc ...)

(sau đây gọi là "Bên Việt nam").

B) Bên nước ngoài :

1. Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING thành lập theo giấy phép số 944235973 - 2453582 ngày 6/12/1994 của Bang Delaware, Mỹ

- Đăng ký tại : Delaware, Mỹ
- Người đại diện : Ông Michel Drouot
- Quốc tịch : Pháp
- Chức vụ : Chủ tịch
- Địa chỉ chính thức : B.P 5144-97070 Saint Martin Cedex
- Điện thoại : (590) 87 2271
- Fax : (590) 87 1925
- Tài khoản ngân hàng :
Ngân hàng INCHAUSPE
Số tài khoản: 13219/00050/50.150.21289 .27
13219/00050/51.400.21289.2.54
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Sản xuất và kinh doanh nước khoáng

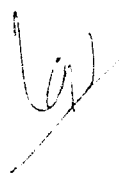
và

2. Công ty PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. thành lập theo giấy phép số 351354 ngày 13/9/1988 do chính quyền bang British Columbia cấp

- Người đại diện : Ông Phạm Văn Lai
- Quốc tịch : CANADA
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ chính thức : P.O Box 15539 Vanmain Vancouver BC
V6B5B3 Canada
- Điện thoại : 604 251 2895
- Fax : 604 251 2279
- Tài khoản ngân hàng :
Ngân hàng Montreal số tài khoản: 2712-4602-141
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Xuất nhập khẩu - Thương mại

Bên nước ngoài do Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING làm đại diện (sau đây gọi là "Bên nước ngoài").

Hai bên Liên doanh thoả thuận các điều khoản sau :




Điều 1 : Thỏa thuận Thành Lập Công Ty Liên doanh

Các bên thỏa thuận thành lập Công ty Liên doanh trên lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Liên doanh) theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và pháp luật có liên quan của Việt Nam

Điều 2 : Tên và địa chỉ của Công ty Liên doanh.

2.1. Tên của Công ty Liên doanh là:

- Tiếng Việt : CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN XUẤT KHẨU VIỆT - PHÁP
- Tiếng Anh : VIET - FRENCH EXPLOIT NATURAL MINERAL WATER EXPORT J.V.C. (LA FONTAINE)

2.2. Trụ sở của Công ty Liên doanh tại xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam.

2.3. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định thay đổi trụ sở của Công ty liên doanh hoặc thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác.

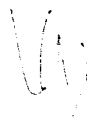
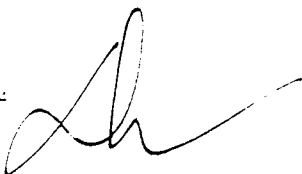
Điều 3 : Mục đích Liên doanh

- Khai thác và sản xuất nước khoáng tại xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam .
- Bán, phân phối các sản phẩm do liên doanh sản xuất tại thị trường trong nước và xuất khẩu
- Trong tương lai mở rộng ra để sản xuất nước trái cây cho xuất khẩu

Điều 4 : Kế hoạch kinh doanh

Năm thứ nhất : 6.000.000 chai 1.5 lít
 14.000.000 chai 0.5 lít

Năm thứ hai : 10.000.000 chai 1.5 lít
 14.000.000 chai 0.5 lít



Năm thứ ba : 10.000.000 chai 1,5 lít
18.000.000 chai 0,5 lít

Năm thứ tư : 10.000.000 chai 1,5 lít
20.000.000 chai 0,5 lít

Điều 5 : Phần góp Vốn

5.1. Tổng số vốn đầu tư của Công Ty Liên doanh dự kiến là: 11.283.000 USD (mười một triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đô la Mỹ) trong đó:

5.2. Vốn pháp định của Công ty Liên doanh do các Bên góp là: 3.383.000 USD (ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đô la Mỹ), trong đó:

5.2.1. Bên Việt Nam góp : 900.000 USD chiếm 26,6 % vốn pháp định, gồm:

- Quyền sử dụng đất trong 25 năm: và
(375,5 USD/ha/năm x 25 năm x 4ha) 33.750 USD

- Quyền khai thác mỏ nước khoáng 866.250 USD

5.2.2. Bên nước ngoài góp : 2.483.000 USD chiếm 73,4 % vốn pháp định, trong đó :

- Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING góp 2.313.900 USD gồm tiền mặt (ngoại tệ) và máy móc thiết bị chiếm 68,4% vốn pháp định;

- Công ty PAM KEVIN ENTERPRISES LTD góp 169.100 USD chiếm 5% vốn pháp định.

5.3. Vốn vay của Công ty liên doanh là 7.900.000 USD . Vốn vay của Công ty Liên doanh sẽ do Bên nước ngoài giúp Công ty liên doanh vay theo lãi xuất thị trường quốc tế tại thời điểm vay với lãi suất thấp nhất, nhưng không quá 8%-9 %/năm và thời gian vay là 5 đến 7 năm và bắt đầu trả lãi từ năm thứ hai. Trong trường hợp công ty liên doanh không thể đi

V/V 09

vay trực tiếp được từ các ngân hàng thì chính Bên nước ngoài sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp cho liên doanh vay với điều kiện tương tự trên.

5.4. Giá trị phần đóng góp vốn của mỗi Bên theo các hình thức không phải là tiền mặt sẽ được các Bên thỏa thuận, dựa trên đánh giá của các Bên theo giá thị trường quốc tế tại thời điểm góp vốn, được tính bằng USD và có chứng từ hợp pháp.

5.5. Trong quá trình hoạt động Công ty Liên doanh có thể huy động thêm vốn để phục vụ mục tiêu kinh doanh, nhưng phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.

Điều 6 : Lịch Biểu Góp Vốn

6.1. Các Bên cam kết góp vốn của mình đủ và đúng thời hạn theo lịch biểu sau đây:

Bên Việt Nam:

Trong vòng tháng đầu tiên kể từ khi có Giấy phép đầu tư phải bàn giao khu đất cho liên doanh. Mọi chi phí đền bù sẽ do liên doanh chịu

Bên nước ngoài:

- Góp 300.000 USD trong vòng 60 ngày kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư
- Góp 383.000 USD trong vòng 3 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư
- Góp 600.000 USD trong vòng 6 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư
- Góp 600.000 USD trong vòng 9 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư
- Góp 600.000 USD trong vòng 12 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư

6.2. Việc góp vốn của các bên Liên doanh phải được sự xác nhận bằng văn bản của Hội đồng quản trị.

6.3. Trong trường hợp tại thời điểm góp vốn, giá trị các khoản đóng góp của mỗi Bên thay đổi so với giá trị đã thỏa thuận thì các Bên Liên doanh sẽ

thoả thuận điều chỉnh giá thông qua thương lượng và trong mọi trường hợp không được nhỏ hơn phần góp vốn pháp định dự kiến của mình. Khi đã thống nhất, sẽ đệ trình giá cả đã thoả thuận cho Bộ kế hoạch và đầu tư xem xét và chuẩn y.

6.4. Trong trường hợp không đạt được sự thoả thuận của các Bên về giá trị phần góp vốn nêu tại điểm 6.3 thì Công ty Liên doanh sẽ mời một công ty kiểm định quốc tế để xác định giá trị phần góp vốn đó.

Điều 7 : Sự không có khả năng tuân theo lịch biểu góp vốn.

Nếu một trong các Bên không thực hiện được việc đóng góp phần vốn của mình đúng theo Điều 5 và 6 thì ít nhất mười bốn (14) ngày trước ngày hết hạn đóng góp, Bên đó phải thông báo cho Bên kia biết lý do không có khả năng tuân theo lịch biểu và các biện pháp khắc phục mà Bên đó đã hoặc đang làm. Nếu không có lý do chính đáng nêu tại Điều 31, thì Bên không đóng góp vốn đúng theo lịch biểu sẽ phải bồi thường cho Bên kia các thiệt hại và thua lỗ mà Bên kia phải chịu kể cả khoản lãi của phần góp vốn chậm đó theo lãi suất cho vay của Ngân hàng nơi Liên doanh mở tài khoản mà được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

Điều 8 : Tăng Vốn pháp định

8.1. Khi cần thiết, Công ty Liên doanh có thể tăng vốn pháp định bằng cách tái đầu tư số lợi nhuận mà Công ty Liên doanh thu được hoặc bằng cách các Bên đóng góp thêm vốn. Việc tăng vốn pháp định phải được sự nhất trí của Hội đồng Quản Trị và sự chuẩn y của Bộ kế hoạch và đầu tư.

8.2. Tỷ lệ góp vốn của các bên trong thời gian liên doanh như sau :

Từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 là :

- Bên Việt nam	: 26.6 %
- Bên nước ngoài	: 73.4 %

Từ năm thứ 6 đến hết thời hạn liên doanh thì mỗi năm Bên Việt nam có thể mua tối đa 1% vốn của Bên nước ngoài.



Điều 9: Chuyển nhượng phần đóng góp vốn.

9.1. Trong quá trình hoạt động của công ty Liên doanh, mỗi Bên Liên doanh có thể chuyển nhượng một phần hay toàn bộ vốn góp của mình trong Công ty Liên doanh và khi thực hiện quyền đó sẽ dành ưu tiên cho Bên kia của Công ty Liên doanh. Trường hợp Bên kia không muốn mua lại thì được chuyển nhượng cho Bên thứ ba với sự đồng ý của Bên kia trong Liên doanh. Bên chuyển nhượng vốn có trách nhiệm thông báo cho bên kia biết trước bằng văn bản về việc chuyển nhượng vốn ít nhất 90 ngày. Điều kiện chuyển nhượng vốn cho bên thứ ba không được thuận lợi hơn điều kiện chuyển nhượng vốn đã đặt ra cho Bên kia trong liên doanh. Việc chuyển nhượng vốn chỉ có hiệu lực khi được sự nhất trí của Hội đồng quản trị và sự chuẩn y của Bộ kế hoạch và đầu tư.

9.2. Khi việc chuyển nhượng được thực hiện xong, thì Bên nhận sự chuyển nhượng sẽ có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người chuyển nhượng.

Điều 10 : Thời hạn Công Ty Liên doanh

Thời hạn của Công ty Liên doanh là hai mươi lăm năm (25 năm) kể ngày được cấp Giấy phép đầu tư. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn ghi trên Giấy phép đầu tư của Công ty Liên doanh thì ít nhất sáu (6) tháng trước khi Công ty Liên doanh hết hạn hoạt động, các Bên sẽ thỏa thuận kéo dài thời hạn và phải nộp đơn xin gia hạn cho Bộ kế hoạch và đầu tư xem xét và chuẩn y.

Điều 11 : Sự hết hạn, gia hạn và chấm dứt trước thời hạn liên doanh

11.1. Khi Công ty Liên doanh hết hạn hoạt động theo Giấy phép đầu tư thì toàn bộ tài sản bao gồm cả vốn cố định và vốn lưu động sẽ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

11.2. Trong trường hợp liên doanh giải thể trước thời hạn thì tài sản của Công ty liên doanh sẽ giải quyết như sau :Ban thanh lý tổ chức kiểm kê, đánh giá, nhượng bán hoặc đấu giá tài sản của liên doanh. Toàn bộ tài sản của liên doanh bằng tiền sau khi trừ đi các khoản nợ phải thanh toán



được chia cho các bên liên doanh theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm giải thể

11.3. Ban thanh lý được thành lập và hoạt động theo qui định tại Điều lệ liên doanh

11.4. Bất cứ quyết định nào nhằm giải thể Công ty Liên doanh trước thời hạn sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và sẽ được trình lên Bộ kế hoạch và đầu tư chuẩn y.

Điều 13 : Tiến độ thực hiện Hợp đồng Liên doanh

(Kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư)

- | | |
|---|----------------------------------|
| - Làm thủ tục xây dựng : | trong vòng 02 tháng đầu |
| - Giải phóng mặt bằng: | Từ tháng 1 đến tháng thứ 3 |
| - Xây dựng : | từ tháng thứ 3 đến tháng thứ 12 |
| - Nhập khẩu và mua thiết bị cần thiết theo danh mục : | từ tháng thứ 4 đến tháng thứ 10 |
| - Lắp đặt thiết bị : | từ tháng thứ 8 đến tháng thứ 11 |
| - Tuyển chọn, đào tạo nhân viên: | từ tháng thứ 10 đến tháng thứ 12 |
| - Chính thức hoạt động : | từ tháng thứ 14 |

Điều 14 : Trách nhiệm các Bên tham gia Liên doanh

Mỗi bên sẽ hoàn thành các trách nhiệm và tuân thủ các nghĩa vụ theo các điều khoản của Hợp đồng này và của Điều lệ và sẽ tiến hành thực hiện các nghĩa vụ tương ứng được nêu dưới đây:

14.1. Trách nhiệm của bên Việt Nam là:

14.1.1. Đóng góp đủ phần vốn pháp định như đã nêu tại Điều 5 và 6

14.1.2. Trong thời gian Bên Việt nam góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì Bên Việt nam có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt nam. Trong thời gian Bên Việt nam góp vốn bằng quyền khai thác mỏ thì Bên Việt nam có nghĩa vụ nộp các khoản phí liên quan tới việc khai thác mỏ cho Nhà nước Việt nam. Trong thời gian hoạt động của dự án Công ty liên doanh có trách nhiệm trả tiền thuế tài nguyên cho Nhà nước Việt nam.

- 14.1.3. Thực hiện các thủ tục khai báo Hải quan để nhập khẩu thiết bị, máy móc, các dụng cụ và phụ tùng cho Bên nước ngoài để đóng góp vốn vào pháp định và nhập khẩu cho Liên doanh khi cần thiết và giúp đỡ việc vận chuyển chúng ở Việt Nam, mọi chi phí do Liên doanh chịu.
- 14.1.4. Hỗ trợ Liên doanh trong việc cung cấp nước, điện, phương tiện giao thông và phương tiện cơ bản khác với giá chấp nhận được, chi phí do Liên doanh trả.
- 14.1.5. Giúp đỡ Liên doanh mua hoặc có được thiết bị, máy móc, nguyên liệu và các hàng hoá dịch vụ khác ở Việt Nam.
- 14.1.6. Làm các thủ tục cần thiết để có được Visa, giấy phép làm việc, đi lại, xuất nhập khẩu các đồ dùng cá nhân cần thiết cho nhân viên nước ngoài.
- 14.1.7. Giúp Liên doanh tuyển dụng nhân viên, lao động địa phương gồm cả các nhân viên quản lý kỹ thuật. Trong mọi trường hợp sẽ ưu tiên tuyển dụng người của Bên Việt nam.
- 14.1.8. Cùng Bên nước ngoài soạn thảo hồ sơ liên doanh, giải quyết các vấn đề liên quan đến hồ sơ Liên doanh và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để có được Giấy phép đầu tư. Mọi chi phí do Liên doanh chịu
- 14.1.9. Thông báo cho bên nước ngoài về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan tới Luật pháp, chính sách của Việt nam, mà các sự thay đổi này có thể tác động đến liên doanh hoặc đến quá trình đầu tư của bên nước ngoài vào Liên doanh.
- 14.1.10. Giúp Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chức năng hoặc trách nhiệm mà bên Liên doanh yêu cầu hoặc giải quyết các vấn đề mà Liên doanh giao phó.
- 14.1.11. Trong thời gian liên doanh, Bên Việt Nam cam kết không hợp tác với bất kỳ Bên Nước ngoài nào khác để kinh doanh trong cùng lĩnh vực như dự án này.

Handwritten signature and initials at the bottom of the page.

14.2. Trách nhiệm của bên nước ngoài:

14.2.1. Đóng góp đủ phần vốn pháp định như đã nêu tại điều 5. 6

14.2.2. Tiến hành lựa chọn và mua trang, thiết bị, nguyên liệu ở ngoài Việt Nam và tiến hành các công việc có liên quan khác khi công ty Liên doanh giao phó.

14.2.3. Tổ chức huấn luyện nhân viên của liên doanh ngay tại Việt Nam hay huấn luyện tại nước ngoài khi cần thiết

14.2.4. Giúp liên doanh vay khoản tín dụng nêu tại điều 5 khoản 5.3

14.2.5. Giúp Hội đồng quản trị Liên doanh trong việc thực hiện các chức năng và trách nhiệm khác mà Liên doanh yêu cầu hoặc giải quyết các vấn đề mà Liên doanh giao phó.

Điều 15 : Việc mua thiết bị

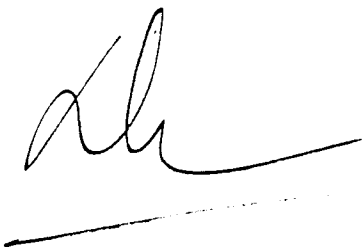
Liên doanh sẽ giành ưu tiên mua các hàng hoá, trang thiết bị, phụ kiện, phương tiện vận tải ...tại thị trường Việt nam với điều kiện đáp ứng các tiêu chuẩn thương mại và kỹ thuật cần thiết và có tính đến yêu cầu về số lượng, ngày giao hàng, giá và các điều khoản khác phải ưu đãi hơn so với các giá cạnh tranh từ bên nước ngoài. Liên doanh có thể mua các sản phẩm đó từ nước ngoài nếu có các điều kiện ưu đãi hơn.

Điều 16 : Việc uỷ quyền mua

Việc mua hàng đề cập ở Điều 15 sẽ được giao phó cho một trong các bên nhưng trong mọi trường hợp, việc mua bán này phải được các bên đồng ý, giám sát và phải được Hội đồng Quản trị chuẩn y.

Điều 17 : Tài khoản ngân hàng

17.1. Liên doanh sẽ mở tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam hoặc mở tại các Ngân hàng thương mại của Việt Nam hoặc tại Ngân hàng Liên doanh hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt ở Việt Nam và được Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.





17.2. Trong quá trình hoạt động khi cần vay vốn ở nước ngoài thì Liên doanh cũng có thể mở tài khoản vốn vay ở Ngân hàng ở nước ngoài và thực hiện theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 18: Kế toán và thống kê

18.1. Việc ghi chép sổ sách kế toán, thống kê của Liên doanh sẽ được thực hiện phù hợp với luật pháp Việt Nam về lĩnh vực kế toán, thống kê và phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chuẩn và tập quán quốc tế được công nhận. Các nguyên tắc trên phải được Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê Việt nam phê chuẩn

Sổ sách kế toán, thống kê và tài khoản của liên doanh phải được một công ty kiểm toán Việt nam hoặc quốc tế đã được đăng ký kiểm toán tại Việt nam kiểm tra phù hợp với luật pháp Việt nam: công ty kiểm toán này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

18.2. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ sách kế toán, thống kê là USD. Tất cả sổ sách và tài khoản sẽ được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

18.3 Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Liên doanh sẽ là:

- Giá trị quyền sử dụng đất và quyền khai thác mỏ	: 5%/năm
- Tiền đền bù	: 10%/năm
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	: 5%/năm
- Thiết bị sản xuất	: 15%/năm
- Thiết bị văn phòng	: 20%/năm
- Phương tiện	: 10%/năm

18.4. Việc phân bổ các quỹ dự trữ, quỹ phát triển của liên doanh, các quỹ phúc lợi khác và các khoản tiền thưởng giành cho nhân viên sẽ phù hợp với Luật Việt Nam. Việc sử dụng các quỹ do Hội đồng quản trị quyết định. Tỷ lệ lợi nhuận sẽ được phân bổ cho các quỹ sẽ do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và tài chính của Liên doanh.

Điều 19: Năm tài chính

- 19.1. Năm tài chính của Liên doanh sẽ tính từ ngày đầu tiên của tháng 1 và đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên sẽ tính từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư và đến ngày 31 tháng 12 năm đó.
- 19.2. Cuối mỗi năm tài chính, Liên doanh sẽ chuẩn bị báo cáo tài chính bằng tiếng Anh và tiếng Việt gồm: Bảng cân đối tài chính, tính toán lỗ lãi và một báo cáo của Hội đồng Quản trị. Báo cáo tài chính của Liên doanh sẽ được kiểm tra và xác nhận bởi một công ty kiểm toán có đăng ký theo Điều 18.1 và trình Bộ kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và gửi cho mỗi bên để có thể giám sát vào bất kể thời gian thích hợp nào.

Điều 20: Phân chia lợi nhuận và rủi ro

Sau khi hoàn tất các nghĩa vụ Tài chính với Chính phủ Việt Nam và chính lập các quỹ, khoản dự phòng theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, lợi nhuận còn lại và rủi ro sẽ được chia cho các bên liên doanh theo tỉ lệ góp vốn tại thời điểm chia lợi nhuận như qui định tại điều 8 khoản 2 của Hợp đồng liên doanh này.

Điều 21: Sử dụng tiền tệ

- 21.1. Tiền đồng Việt Nam sẽ được sử dụng cho tất cả chi phí mua sắm nguyên liệu và các nguồn cung cấp địa phương, trả lương cho nhân viên và công nhân Việt Nam hoặc bất kỳ khoản chi phí nào tại Việt Nam bao gồm cả chi phí điện nước cũng như tiền nghỉ khác phù hợp với luật pháp Việt nam.
- 21.2. Trong trường hợp mua vật phẩm hàng hoá, thiết bị, máy móc, phụ tùng, phương tiện vận chuyển, đồ dùng của nước ngoài, chi phí cho nhân viên người nước ngoài hoặc ở nước ngoài thì sẽ sử dụng ngoại tệ.

Điều 22: Bảo hiểm

Tài sản của Liên doanh sẽ được được bảo hiểm tại công ty Bảo hiểm Việt Nam (BAOVIET) hoặc một công ty bảo hiểm quốc tế khác. Việc chỉ định công ty bảo hiểm nào sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.





Điều 23: Hội đồng Quản trị

- 23.1. Cơ quan cao nhất của Liên doanh là Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định toàn bộ những vấn đề quan trọng liên quan đến Liên doanh .
- 23.2. Ngày cấp Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ sẽ là ngày thành lập Hội đồng quản trị của Liên doanh. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 năm.
- 23.3. Số lượng thành viên của mỗi bên trong Hội đồng quản trị tỷ lệ tương ứng với phần góp vốn pháp định của mỗi bên trong liên doanh tùy vào từng giai đoạn nêu tại điều 8 khoản 2 . Trong giai đoạn đầu tiên .Hội đồng Quản trị gồm sáu (06) thành viên trong đó bốn (04) thành viên do Bên nước ngoài bổ nhiệm và hai (02) thành viên do Bên Việt Nam bổ nhiệm. Mỗi Bên có quyền cách chức hoặc thay thế bất cứ lúc nào thành viên trong Hội đồng Quản trị do mình bổ nhiệm và bổ nhiệm thành viên khác thay thế thành viên đã bị cách chức vì bất cứ lý do chính đáng nào.nhưng phải báo trước cho bên kia trong liên doanh biết trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày quyết định chính thức bằng văn bản .
- 23.4. Bất cứ quyết định bổ nhiệm hoặc cách chức hoặc thay thế nào cũng phải được làm bằng văn bản tại trụ sở Liên doanh hoặc được gửi tới cuộc họp của Hội đồng quản trị. Mọi quyết định bổ nhiệm hoặc cách chức sẽ có hiệu lực từ ngày quyết định hoặc bổ nhiệm hoặc thời gian muộn hơn được ghi trong quyết định.
- Mỗi bên khi thay đổi đại diện của mình trong Hội đồng quản trị do việc bãi miễn không đúng đắn hoặc sai lầm mà gây ra sự khiếu nại của thành viên đó, thì bên thay đổi đại diện sẽ phải tự chịu trách nhiệm giải quyết về khiếu nại này kể cả các khoản đền bù cho bên kia và Công ty Liên doanh .
- 23.5. Trong nhiệm kỳ đầu tiên. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thứ hai là người của Bên nước ngoài, do Bên nước ngoài đề cử : và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thứ nhất là người của Bên Việt nam do Bên Việt nam đề cử. Sau mỗi nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ bầu lại.

23.6. Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc vạch ra chính sách chung của Liên doanh và tạo điều kiện cho các thành viên của Hội đồng quản trị bảo vệ quyền lợi chính đáng của các Bên Liên doanh. Chính sách chung của Liên doanh sẽ bao gồm những chính sách tài chính, thị trường, tiêu thụ sản phẩm, các vấn đề về giá cả cũng như các vấn đề quản lý chung. Hội đồng quản trị sẽ hoạt động theo những điều quy định trong Điều lệ. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ.

23.7. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện mọi chức năng của mình phù hợp với Điều lệ Liên doanh và luật pháp của Việt nam.

Điều 24 : Bộ máy điều hành của Liên doanh

24.1. Công ty Liên doanh sẽ có một Tổng giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc, một kế toán trưởng .

24.2. Tổng Giám đốc do Bên nước ngoài đề cử: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất do Bên Việt Nam đề cử, hai người này do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

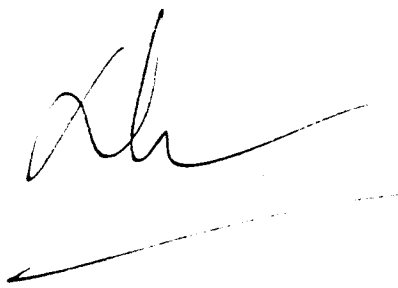
24.3. Kế toán trưởng sẽ là công dân Việt Nam do bên Việt Nam hoặc do Bên nước ngoài đề cử và Hội đồng Quản Trị bổ nhiệm .

24.4. Bên đề cử cán bộ có quyền đề cử một cán bộ khác để thay thế cán bộ đã đề cử trước đó nếu vì một lý do gì mà người đó thôi giữ chức.

24.5. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các công việc hàng ngày của Công ty Liên doanh phù hợp với Điều lệ liên doanh .Hợp đồng lao động ký giữa Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất với Hội đồng quản trị và Luật pháp Việt nam .

24.6. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định các trách nhiệm và chức năng tương ứng của Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất phù hợp với các điều khoản của Điều này và Điều lệ Liên doanh.

24.7. Mọi khoản thu chi và rút tiền từ ngân hàng của Liên doanh đều phải được báo cáo và có sự đồng ý của Tổng Giám Đốc.



1/15

01

Điều 25: Hoạt động của công ty Liên doanh

- 25.1. Trừ khi có qui định dự tính trước trong Hợp đồng Liên doanh hoặc trừ khi các Bên có thoả thuận khác, các Bên sẽ thực hiện thẩm quyền của mình liên quan đến Công ty Liên doanh để bảo đảm rằng:
- 25.1.1. Công ty Liên doanh thực hiện và điều hành công việc kinh doanh một cách công bằng, và có hiệu quả mang lại lợi ích cho Công ty;
 - 25.1.2. Công ty Liên doanh sẽ thực hiện tất cả các công việc kinh doanh trên cơ sở dài hạn.
 - 25.1.3. Các công việc hàng ngày của Công ty Liên doanh sẽ được tiến hành căn cứ vào các nghị quyết của Hội đồng quản trị ;
 - 25.1.4. Công việc kinh doanh của Liên doanh sẽ được tiến hành phù hợp với chủ trương của Hội đồng quản trị.
 - 25.1.5. Công ty Liên doanh sẽ gìn giữ các sổ sách kế toán có hệ thống và ghi chép rõ ràng mà có liên quan đến việc kinh doanh;
 - 25.1.6. Mỗi Bên và các đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên có quyền xem xét hồ sơ, sổ sách của Công ty Liên doanh vào bất cứ thời điểm thích hợp nào;
 - 25.1.7. Công ty Liên doanh sẽ thông báo đầy đủ cho các Bên biết tất cả các công việc tài chính và kinh doanh của Công ty.
- 25.2. Mỗi Bên sẽ sử dụng tất cả các phương tiện hợp lý và thích hợp trong khả năng của các Bên để duy trì, cải tiến và mở rộng việc kinh doanh của Công ty Liên doanh và để làm tăng uy tín và quyền lợi của Công ty Liên doanh.
- 25.3. Các Bên liên doanh không có quyền tự ý định đoạt tài sản của liên doanh.
- 25.4. Công ty liên doanh hoạt động độc lập . Những thay đổi trong nội bộ Bên Việt nam và Bên nước ngoài không thể chấp nhận là lý do cho việc thay đổi nội dung hợp đồng này trừ một số điểm liên quan trực tiếp .





Điều 26: Giữ bí mật

- 26.1. Mỗi Bên tham gia vào Hợp đồng Liên doanh này sẽ luôn luôn cố gắng giữ bí mật (và thu xếp để các nhân viên và đại lý cũng giữ bí mật) bất cứ thông tin mật nào bao gồm bất kỳ một bản báo cáo, hồ sơ, kế hoạch, phương pháp và hệ thống, các số liệu tài chính và kỹ thuật, Hợp đồng dịch vụ, Hợp đồng thương mại, danh sách bạn hàng và các thông tin tương tự khác mà họ có thể có được do có quan hệ với Công ty Liên doanh hoặc với những người cung cấp, khách hàng, công việc làm ăn của các Bên tham gia Hợp đồng Liên doanh này hoặc Công ty Liên doanh và sẽ không cho ai biết các thông tin nêu trên trừ khi được sự ưng thuận của Bên hợp doanh kia và/hoặc Công ty Liên doanh (tùy từng trường hợp) hoặc theo lệnh của tòa án hoặc trường hợp thông tin có liên quan đến sự thúc đẩy hoạt động của Công ty Liên doanh.
- 26.2. Các Bên trong Hợp đồng Liên doanh này sẽ tác động để Công ty Liên doanh dùng mọi nỗ lực hợp lý để bảo đảm các cán bộ, nhân viên và đại lý Công ty tuân theo nghĩa vụ giữ bí mật tương tự cho các Bên tham gia Công ty Liên doanh.

Điều 27: Lao động

- 27.1. Liên doanh có quyền tuyển dụng, thuê, bãi miễn, trả lương và các khoản tiền thưởng và chia các khoản lãi khác, và đàm phán và ký kết các Hợp đồng lao động riêng rẽ với từng cá nhân các nhân viên và công nhân. Việc tuyển dụng, thuê, bãi miễn, cho về hưu, tiền lương, các khoản phúc lợi xã hội, bảo hiểm lao động, kỷ luật lao động và các điều khoản và điều kiện khác của công việc thuê các nhân viên và công nhân của Liên doanh sẽ phải phù hợp pháp luật liên quan của Việt Nam và đến chừng mực nhất định phù hợp với chính sách của Việt Nam đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 27.2. Liên doanh có quyền tuyển dụng công dân Việt Nam theo các cách sau đây:
- 27.2.1. Tuyển dụng những người do cơ quan lao động địa phương giới thiệu mà đáp ứng các tiêu chuẩn và chất lượng theo yêu cầu của Liên doanh.




- 27.2.2. Tham gia vào trong Công ty cung ứng lao động hoặc Công ty dịch vụ đầu tư để tuyển dụng lao động phù hợp với các tiêu chuẩn và chất lượng theo yêu cầu của Liên doanh.
- 27.2.3. Trong trường hợp những người do cơ quan lao động địa phương giới thiệu hoặc qua các Công ty cung ứng lao động hoặc qua các công ty dịch vụ đầu tư không đáp ứng yêu cầu của Liên doanh, thì Liên doanh sẽ có quyền quảng cáo rộng rãi để tuyển dụng những người sống ở các địa phương khác với điều kiện sẽ thông báo cho cơ quan lao động địa phương
- 27.3. Trong trường hợp thuê lao động thì sẽ phải làm bản Hợp đồng lao động giữa người thuê và Tổng giám đốc của Công ty Liên doanh, hoặc với người được Tổng Giám đốc uỷ quyền, trong đó bao gồm cả những nội dung việc tuyển dụng, thuê, bãi miễn và về hưu, tiền lương, lao động, bảo hiểm, phúc lợi, tiền thưởng, xử phạt và các vấn đề liên quan đến người được thuê phù hợp với Bộ luật lao động.
- 27.4. Trong mọi trường hợp, liên doanh sẽ ưu tiên tuyển dụng công dân Việt Nam, đặc biệt là những người đang làm cho Bên Việt nam được Bên Việt nam giới thiệu, nếu chưa đáp ứng yêu cầu thì sẽ đào tạo thêm.
- 27.5. Trong trường hợp cần yêu cầu những người có trình độ kỹ thuật cao, khả năng quản lý và các phẩm chất khác mà nhân viên Việt Nam không đáp ứng thì Công ty Liên doanh có thể tuyển dụng người nước ngoài với điều kiện, khi làm như vậy, Công ty Liên doanh sẽ lập kế hoạch để đào tạo nhân viên Việt Nam thay thế những nhân viên nước ngoài.
- 27.6. Mức lương tối thiểu của người làm việc trong liên doanh là 40 USD tháng, mức lương sẽ được Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh tăng trong quá trình hoạt động của liên doanh.

Điều 28: Thỏa ước Lao động tập thể, quy chế lao động và quỹ bảo hiểm xã hội

- 28.1. Trên cơ sở thỏa thuận tập thể tự do tình nguyện, Tổng Giám đốc của Liên doanh hoặc người được Tổng Giám đốc uỷ quyền cùng với người đại diện cho tập thể lao động ký thỏa ước lao động tập thể trong vòng

6 tháng kể từ ngày Liên doanh bước vào hoạt động. Thỏa ước lao động tập thể bao gồm những nội dung ban đầu như sau: Lương sẽ trả cho người lao động phù hợp với ngành nghề, điều kiện làm việc, an toàn lao động, bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể và các điều khoản khác được các Bên nhất trí.

- 28.2. Liên doanh sẽ tuân thủ Bộ luật lao động về những vấn đề có liên quan đến Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, thuê lao động, đào tạo, kết thúc hợp đồng, quy định giờ làm việc, nghỉ giữa giờ, nơi làm việc, lương công nhật và lương khoán, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động, bảo vệ sức khỏe; kiểm tra, giám sát lao động và giải quyết tranh chấp về lao động...

Điều 29: Đào tạo

Ngay sau khi có Giấy phép đầu tư, Công ty liên doanh có trách nhiệm đào tạo nhân viên theo nội dung sau :

Ba kỹ thuật viên người Việt nam nói được tiếng Pháp sẽ được các kỹ thuật viên người Pháp đào tạo tại chỗ và sau đó sẽ được cử đi Pháp để nâng cao trình độ

Điều 30: Giải quyết tranh chấp

- 30.1. Các Bên sẽ cố gắng giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ hoạt động của Liên doanh theo Hợp đồng này thông qua thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp các Bên không đạt được biện pháp giải quyết, Vụ tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án trọng tài quốc tế của một nước thứ ba. Việc phân xử sẽ đưa ra Hội đồng trọng tài nêu trên xét xử phù hợp với thủ tục của trung tâm trọng tài đó. Khi xét xử, Hội đồng trọng tài trước hết sẽ căn cứ các điều khoản của Hợp đồng này một cách bình đẳng, phù hợp với luật pháp của Việt nam. Trường hợp luật pháp Việt nam chưa quy định thì sẽ áp dụng những nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Ngôn ngữ được sử dụng khi xét xử là tiếng Việt và tiếng Anh. Quyết định của toà án là trung thẩm và ràng buộc hai Bên.

- 30.2. Nếu một Bên có nghĩa vụ thực hiện phán quyết cuối cùng của trọng tài theo Hợp đồng này không thực hiện phán quyết đó trong thời hạn đã

được nêu cụ thể hoặc nếu thời hạn không được nêu cụ thể thì trong vòng 30 ngày sau khi các Bên nhận được văn bản phán quyết, thì Bên thắng kiện sẽ có quyền kết thúc hợp đồng bằng thông báo văn bản cho Bên kia biết.

Điều 31: Bất khả kháng.

31.1. Nếu một trong các Bên bị cản trở không thực hiện Hợp đồng Liên doanh được vì có trường hợp bất khả kháng mặc dầu đã hết sức cố gắng để tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình, thì Bên kia sẽ ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho biết trong vòng hai mươi một (21) ngày, cung cấp thông tin chi tiết về trường hợp đó cùng với lời giải thích lý do tại sao không thực hiện hợp đồng này.

Các bên sẽ thông qua trao đổi lẫn nhau để quyết định có kết thúc Hợp đồng này hay không hoặc là giảm bớt nghĩa vụ theo hợp đồng này hoặc trì hoãn việc thực hiện Hợp đồng này.

31.2. Theo tinh thần của Hợp đồng Liên doanh này, thuật ngữ "bất khả kháng" có nghĩa là mọi trường hợp nằm ngoài sự kiểm soát của các Bên tham gia Hợp đồng Liên doanh này, và không thể đoán trước và nếu đoán trước được thì không thể nào tránh được, và gây trở ngại hoàn toàn hoặc một phần hoặc làm cho một trong các Bên không thể nào thực hiện được một hoặc một số nghĩa vụ hoặc quyền lợi quan trọng nào theo Hợp đồng. Trường hợp đó sẽ bao gồm nhiều trường hợp nhưng không chỉ giới hạn những trường hợp như chiến tranh, bạo động, dân biến, nổ, cháy, bão lụt, hạn hán, sóng thần, động đất, tai họa thiên nhiên, đình công, phong toả, tranh chấp công nghiệp, chính biến và thay đổi lớn trong chính sách của Chính phủ.

Điều 32: Quyền kết thúc Hợp đồng Liên doanh của các Bên

32.1. Trong các trường hợp sau đây Hợp đồng Liên doanh sẽ hết hiệu lực và Điều 11 được áp dụng:

32.1.1. Lúc hết thời hạn quy định hoặc hết thời hạn bất cứ các thời gian gia hạn nào sau đó của Công ty Liên doanh.



32.1.2. Nếu Toà án kinh tế Việt nam tuyên bố Công ty Liên doanh bị phá sản theo luật pháp hiện hành.

32.1.3. Nếu Bộ kế hoạch và đầu tư đưa ra quyết định thu hồi Giấy phép Đầu tư khi các bên vi phạm nghiêm trọng pháp luật và những qui định tại Hợp đồng này .

32.1.4. Như đã qui định trong Điều 30.2 của Hợp đồng Liên doanh này.

32.1.5. Nếu các Bên đồng ý từ bỏ nghĩa vụ của họ theo Hợp đồng này và việc kết thúc Hợp đồng này đã được Bộ kế hoạch và đầu tư chấp thuận.

32.1.6. Khi một trong các Bên thông báo ý định muốn kết thúc Hợp đồng Liên doanh trong các trường hợp sau :

32.1.6.1. Khi xảy ra một trường hợp bất khả kháng nào kéo dài trong vòng sáu (6) tháng, với điều kiện là Bên yêu cầu kết thúc có cung cấp một cách hợp lý cho bên khác các chứng minh mà Bên đó có thể cung cấp được về trường hợp đó và các bước đi đã thi hành để ngăn ngừa hoặc giới hạn các hậu quả của trường hợp đó (nếu Bên đó là Bên bị ảnh hưởng bởi sự bất khả kháng) và Bên đó đã cố gắng ngăn ngừa và giới hạn các hậu quả của trường hợp đó.

31.1.6.2. Trong trường hợp Công ty Liên doanh bị thua lỗ đến nỗi không thể tiếp tục hoạt động được:

32.1.7. Khi một Bên Liên doanh vi phạm nghiêm trọng qui định của Hợp đồng Liên doanh, bên hoặc các bên liên doanh đã có thông báo là bên đó vi phạm nhưng Bên vi phạm không tiến hành sửa chữa trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo đó mà không có lý do chính đáng thì bên hoặc các bên liên doanh kia có quyền thông báo kết thúc Hợp đồng liên doanh này

32.1.8. Chính phủ đưa ra những qui định mới hoặc sự thay đổi luật pháp hoặc một sự thay đổi trong sự áp dụng luật pháp, hoặc sự tuân theo yêu cầu của bất cứ một cơ quan có thẩm quyền nào, hoặc bất cứ một thay đổi nào trong tình trạng có ảnh hưởng không tốt tới tình hình tài chính của Bên nước ngoài, tới sự thu nhập từ đầu tư

của Bên nước ngoài vào Công ty Liên doanh hoặc khả năng thu lợi nhuận hoặc hoàn trả vốn; hoặc.

32.2. Bất cứ sự kết thúc nào của Hợp đồng Liên doanh này cũng sẽ được thi hành mà không được làm phương hại đến các quyền hạn và trách nhiệm pháp lý được qui định trong Điều lệ Liên doanh và Hợp đồng Liên doanh này, gồm không giới hạn quyền được bồi thường các tổn hại mà bất cứ Bên nào phải chịu do sự sai sót của Bên kia gây ra.

Điều 33 : Giải thích Hợp đồng Liên doanh.

Hợp đồng Liên doanh này sẽ được phân tích và giải thích theo nghĩa từ ngữ hợp đồng phù hợp với pháp luật Việt Nam .

Điều 34: Bổ sung

Bất cứ một bổ sung nào trong Hợp đồng Liên doanh này đều sẽ được các Bên thoả thuận bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi được Bộ kế hoạch và đầu tư chuẩn y.

Điều 35: Thông báo

35.1. Bất cứ một thông báo nào của một Bên tham gia Liên doanh này đều được viết bằng văn bản và sẽ được xem là chính đáng nếu gửi bằng tay hoặc gửi bằng telex hoặc Fax, hoặc bằng thư bảo đảm đã trả tiền trước (nếu gửi ra ngoài nước Việt Nam thì gửi thư hàng không) cho người nhận tại địa chỉ (tùy trường hợp) hoặc tại số telex hoặc số Fax của Bên đó, thì ghi ngay dưới tên của Bên đó, như sau:

Bên Việt nam :

- Tên công ty : Công ty ứng dụng KHKT và Chuyển giao Công nghệ
- Người đại diện : Ông Nguyễn Xuân Huê
- Chức vụ : Giám đốc
- Trụ sở chính tại : 73 Lý Thái Tổ, Đà Nẵng
- Điện thoại : 26679, 23274
- Fax : 84-51-26679

Bên nước ngoài :

1.
 - Tên công ty : GDM INTERNATIONAL HOLDING
 - Người đại diện : Ông Michel Drouot
 - Chức vụ : Chủ tịch
 - Địa chỉ chính thức : B.P 5144-97070 Saint Martin Cedex
 - Điện thoại : (590) 874240
 - Fax : (590) 874241
2.
 - Tên công ty : PAM KEVIN ENTERPRISES LTD.
 - Người đại diện : Ông Phạm Văn Lai
 - Chức vụ : Giám đốc
 - Địa chỉ chính thức : P.O Box 15539 Vanmain Vancouver
BC V6B5B3 Canada
 - Điện thoại : 604 251 2895
 - Fax : 604 251 2279

Hoặc theo địa chỉ khác (hoặc số telex hoặc facsimile) khi bên nhận có thể thông báo (phù hợp với qui định của Điều này) theo tinh thần của Điều này.

- 35.2. Bất cứ thông báo nào gửi bằng telex hoặc fax sẽ được xem là đã gửi, và bất cứ một thông báo nào gửi bằng thư bảo đảm đã trả tiền trước sẽ được xem là tới nơi trong vòng (7) ngày sau khi gửi đến một địa chỉ trong nước Việt Nam hoặc mười bốn (14) ngày sau khi gửi đến một địa chỉ ngoài nước Việt Nam. Trong trường hợp gửi thông báo thì nếu gửi bằng thư phải chứng minh đã ghi đúng địa chỉ, có dán tem, và đã gửi tại bưu điện hoặc nếu giao tay thì chứng minh đã giao hoặc đã để lại tại địa chỉ hiện tại và trong trường hợp gửi bằng telex hoặc fax thì chứng minh là đã gửi tới số telex hoặc số fax của người nhận như trên hoặc thông báo liên tiếp theo các cách nêu tại Điều này.

**Điều 36 : Trường hợp không qui định trong Hợp đồng
và Điều lệ Liên doanh**

Mọi điều khoản khác liên quan tới hoạt động của công ty liên doanh mà không nêu trong Hợp đồng Liên doanh này và Điều lệ Liên doanh, thì sẽ được các bên thực hiện theo qui định hiện hành của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam và các qui định tại Giấy phép đầu tư.

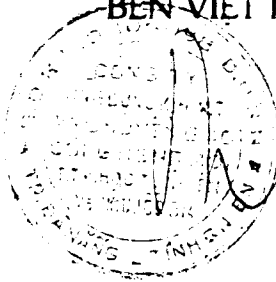



Điều 37 : Ngày có hiệu lực.

Hợp đồng Liên doanh này có hiệu lực kể từ ngày được Bộ kế hoạch và đầu tư cấp Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ Công ty Liên doanh.

Hợp đồng Liên doanh này được làm thành 08 bản gốc tại Đà Nẵng ngày ~~28-12-1996~~ bằng tiếng Việt nam và tiếng Anh : văn bản tiếng Anh và tiếng Việt nam đều có giá trị pháp lý ngang nhau.

BÊN VIỆT NAM



Nguyễn Xuân Khu

BÊN NƯỚC NGOÀI

[Signature]

Phạm Văn Quý

ĐIỀU LỆ LIÊN DOANH

Điều lệ Liên doanh này được thành lập trên cơ sở của Hợp đồng Liên doanh ký ngày ~~28/12/1996~~ giữa Công ty Công ty ứng dụng KHKT và Chuyển giao Công nghệ và Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING và Công ty PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. để thành lập công ty Liên doanh khai thác và sản xuất nước khoáng (sau đây gọi tắt là Công ty liên doanh)

Điều 1: Các bên tham gia vào Công ty Liên doanh

1.1. Bên Việt Nam :

Công ty ứng dụng KHKT và Chuyển giao Công nghệ mới được thành lập theo quyết định số 194/VKH ngày 21/5/1993 của Viện trưởng Viện Khoa học Việt nam (nay là Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia).

- Người đại diện : Ông Nguyễn Xuân Huệ
- Chức vụ : Giám đốc
- Trụ sở chính tại : 73 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng
- Điện thoại : 26679 - 23274
- Fax : 84-51-26679
- Mô tài khoản :
 - Ngân hàng : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
 - Số Tài khoản : 7301 - 0047C
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất hợp tác trao đổi chuyển giao với nước ngoài, xuất nhập khẩu các thiết bị và kỹ thuật công nghệ sản xuất các mặt hàng đạt chất lượng cao (nước khoáng, nước giải khát có ga, bánh kẹo, bao bì, các loại thuốc ...)

(Sau đây gọi là Bên Việt nam)



1.2. Bên nước ngoài :

1. Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING thành lập theo giấy phép số 944235973 - 2453582 ngày 6/12/1994 của Bang Delaware, Mỹ

- Đăng ký tại : Delaware - USA
- Người đại diện : Ông Michel Drouot
- Quốc tịch : Pháp
- Chức vụ : Chủ tịch
- Địa chỉ chính thức : B.P 5144-97070 Saint Martin Cedex
- Điện thoại : (590) 87 2271
- Fax : (590) 87 1925
- Tài khoản ngân hàng :
Ngân hàng INCHAUSPE
Số tài khoản: 13219/00050/50.150.21289 .27
13219/00050/51.400.21289.2.54
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Sản xuất và kinh doanh nước khoáng

và

2. Công ty PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. thành lập theo giấy phép số 351354 ngày 13/9/1988 do chính quyền bang British Columbia cấp

- Người đại diện : Ông Phạm Văn Lai
- Quốc tịch : CANADA
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ chính thức : P.O Box 15539 Vanmain Vancouver BC
V6B5B3 Canada
- Điện thoại : 604 251 2895
- Fax : 604 251 2279
- Tài khoản ngân hàng :
Ngân hàng Montreal số tài khoản: 2712-4602-141
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Xuất nhập khẩu - Thương mại

Bên nước ngoài do Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING làm đại diện (sau đây gọi là "Bên nước ngoài").

LA *01*

Điều 2: Tư cách pháp nhân:

- 2.1. Công ty Liên doanh có tư cách pháp nhân theo luật pháp Việt nam kể từ ngày Bộ kế hoạch và đầu tư cấp Giấy phép đầu tư và Chứng nhận đăng ký Điều lệ của Công ty Liên doanh (sau đây gọi là "Điều lệ").
- 2.2. Trong quá trình hoạt động, Công ty Liên doanh sẽ tuân thủ mọi pháp luật của Việt Nam và các điều khoản của Hợp Đồng, Điều lệ liên doanh và tất cả mọi quyền và lợi ích của mỗi bên sẽ được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

Điều 3: Trách nhiệm hữu hạn

- 3.1. Công ty Liên doanh là một công ty trách nhiệm hữu hạn, mỗi bên trong liên doanh chỉ chịu trách nhiệm với bên thứ ba (ngoài liên doanh) trong phạm vi vốn góp của mình vào vốn pháp định của liên doanh.
- 3.2. Công Ty Liên doanh là một pháp nhân độc lập sẽ không phân chia bất cứ một trách nhiệm nào về các khoản nợ hoặc bất kỳ một trách nhiệm nào khác của mỗi Bên tham gia.
- 3.3. Các Bên cũng sẽ không chịu bất cứ một trách nhiệm nào khác về các khoản nợ và bất kỳ một trách nhiệm nào của Công Ty Liên doanh, vượt quá phần góp vốn của mỗi Bên vào vốn pháp định của Công ty Liên doanh.

Điều 4: Mục đích liên doanh

- Khai thác và sản xuất nước khoáng tại xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam .
- Bán, phân phối các sản phẩm do liên doanh sản xuất tại thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Trong tương lai mở rộng ra để sản xuất nước trái cây cho xuất khẩu

Điều 5: Tên và địa chỉ của Công Ty Liên doanh

- 5.1. Tên của Công ty Liên doanh là:
 - Tiếng Việt : CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN XUẤT KHẨU VIỆT - PHÁP




- Tiếng Anh : VIET - FRENCH EXPLOIT NATURAL MINERAL WATER
EXPORT J.V.C. (LA FONTAINE)

5.2. Trụ sở của Công ty Liên doanh tại xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam.

5.3. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định thay đổi trụ sở của Công ty liên doanh hoặc thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác tại Việt nam và nước ngoài.

Điều 6: Kế hoạch kinh doanh

Năm thứ nhất : 6.000.000 chai 1,5 lít
 14.000.000 chai 0,5 lít

Năm thứ hai : 10.000.000 chai 1,5 lít
 14.000.000 chai 0,5 lít

Năm thứ ba : 10.000.000 chai 1,5 lít
 18.000.000 chai 0,5 lít

Năm thứ tư : 10.000.000 chai 1,5 lít
 20.000.000 chai 0,5 lít

Điều 7: Vốn của công ty liên doanh

7.1. Tổng số vốn đầu tư của Công Ty Liên doanh dự kiến là: 11.283.000 USD (mười một triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đô la Mỹ) trong đó:

7.2. Vốn pháp định của Công ty Liên doanh do các Bên góp là: 3.383.000 USD (ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đô la Mỹ), trong đó:

7.2.1. Bên Việt Nam góp : 900.000 USD chiếm 26,6 % vốn pháp định.

7.2.2. Bên nước ngoài góp : 2.483.000 USD chiếm 73,4 % vốn pháp định, trong đó :

- Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING góp 68,4 %
- Công ty PAM KEVIN ENTERPRISES LTD góp 5%



- 7.3. Vốn vay của Công ty liên doanh là 7.900.000 USD . Vốn vay của Công ty Liên doanh sẽ do Bên nước ngoài giúp Công ty liên doanh vay theo lãi xuất thị trường quốc tế tại thời điểm vay với lãi suất thấp nhất, nhưng không quá 8%-9%/năm và thời gian vay là 5 đến 7 năm và bắt đầu trả lãi từ năm thứ hai. Trong trường hợp công ty liên doanh không thể đi vay trực tiếp được từ các ngân hàng thì chính Bên nước ngoài sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty liên doanh vay với điều kiện tương tự .
- 7.4. Giá trị phần đóng góp vốn của mỗi Bên theo các hình thức không phải là tiền mặt sẽ được các Bên thỏa thuận, dựa trên đánh giá của các Bên theo giá thị trường quốc tế tại thời điểm góp vốn, được tính bằng USD và có chứng từ hợp pháp.
- 7.5. Trong quá trình hoạt động Công ty Liên doanh có thể huy động thêm vốn để phục vụ mục tiêu kinh doanh, nhưng phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.

Điều 8: Tăng vốn pháp định

- 8.1. Khi cần thiết, Công ty Liên doanh có thể tăng vốn pháp định bằng cách tái đầu tư số lợi nhuận mà Công ty Liên doanh thu được hoặc bằng cách các Bên đóng góp thêm vốn. Việc tăng vốn pháp định phải được sự nhất trí của Hội đồng Quản Trị và sự chuẩn ý của Bộ kế hoạch và đầu tư.
- 8.2. Tỷ lệ góp vốn của các bên trong thời gian liên doanh như sau :

Từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 là :

- Bên Việt nam	: 26.6 %
- Bên nước ngoài	: 73.4 %

Từ năm thứ 6 đến hết thời hạn liên doanh thì mỗi năm Bên Việt nam có thể mua tối đa 1% vốn của Bên nước ngoài.

Điều 9: Chuyển nhượng phần đóng góp vốn.

- 9.1. Trong quá trình hoạt động của công ty liên doanh, mỗi Bên liên doanh có thể chuyển nhượng một phần hay toàn bộ vốn góp của mình trong Công

Ty Liên doanh và khi thực hiện quyền đó sẽ dành ưu tiên cho Bên kia của Công Ty Liên doanh. Trường hợp Bên kia không muốn mua lại thì được chuyển nhượng cho Bên thứ ba với sự đồng ý của Bên kia trong liên doanh. Bên chuyển nhượng vốn có trách nhiệm thông báo cho bên kia biết trước bằng văn bản về việc chuyển nhượng vốn ít nhất 90 ngày. Điều kiện chuyển nhượng vốn cho bên thứ ba không được thuận lợi hơn điều kiện chuyển nhượng vốn đã đặt ra cho Bên kia trong liên doanh. Việc chuyển nhượng vốn chỉ có hiệu lực khi được sự nhất trí của Hội đồng quản trị và sự chuẩn y của Bộ kế hoạch và đầu tư

9.2. Sau khi việc chuyển nhượng được hoàn thành thì Bên nhận chuyển nhượng sẽ có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người chuyển nhượng

Điều 10: Thời hạn Công Ty Liên Doanh

Thời hạn của Công ty Liên doanh là hai mươi lăm năm (25) năm kể ngày được cấp Giấy phép đầu tư. Nếu các Bên thoả thuận kéo dài thời hạn ghi trên Giấy phép đầu tư của Công ty Liên doanh thì ít nhất sáu (6) tháng trước khi Công ty liên doanh hết hạn hoạt động, các Bên sẽ thoả thuận kéo dài thời hạn và phải nộp đơn xin gia hạn cho Bộ kế hoạch và đầu tư xem xét và phê chuẩn.

Điều 11: Hội đồng quản trị

- 11.1. Cơ quan cao nhất của Liên doanh là Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định toàn bộ những vấn đề quan trọng liên quan đến Liên doanh ngoại trừ những vấn đề đã nêu ra trong Hợp đồng, Điều lệ hoặc Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà đã dành riêng cho các Bên Liên doanh hoặc những người khác quyết định.
- 11.2. Ngày cấp Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ sẽ là ngày thành lập Hội đồng quản trị của Liên doanh. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 năm.
- 11.3. Số lượng thành viên của mỗi bên trong Hội đồng quản trị tỷ lệ tương ứng với phần góp vốn pháp định của mỗi bên trong liên doanh tùy vào từng giai đoạn nêu tại điều 8 khoản 2 của Hợp đồng liên doanh. Trong giai đoạn đầu tiên, Hội đồng Quản trị gồm sáu (06) thành viên trong



đó bốn (04) thành viên do Bên nước ngoài bổ nhiệm và hai (02) thành viên do Bên Việt Nam bổ nhiệm. Mỗi Bên có quyền cách chức hoặc thay thế bất cứ lúc nào thành viên trong Hội đồng Quản trị do mình bổ nhiệm và bổ nhiệm thành viên khác thay thế thành viên đã bị cách chức vì bất cứ lý do chính đáng nào .nhưng phải báo trước cho bên kia trong liên doanh biết trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày quyết định chính thức bằng văn bản

- 11.4. Bất cứ quyết định bổ nhiệm hoặc cách chức nào cũng phải được làm bằng văn bản tại trụ sở liên doanh hoặc được gửi tới cuộc họp của Hội đồng quản trị. Mọi quyết định bổ nhiệm hoặc cách chức sẽ có hiệu lực từ ngày quyết định hoặc bổ nhiệm hoặc thời gian muộn hơn được ghi trong quyết định.

Mỗi bên khi thay đổi đại diện của mình trong Hội đồng quản trị do việc bãi miễn không đúng đắn hoặc sai lầm mà gây ra sự khiếu nại của thành viên đó .thì bên thay đổi đại diện sẽ phải tự chịu trách nhiệm giải quyết về khiếu nại này kể cả các khoản đền bù cho bên kia và Công ty liên doanh .

- 11.5. Trong nhiệm kỳ đầu tiên. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thứ hai là người của Bên nước ngoài. do Bên nước ngoài đề cử : và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thứ nhất là người của Bên Việt nam do Bên Việt nam đề cử. Sau mỗi nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ bầu lại.

- 11.6. Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc vạch ra chính sách chung của liên doanh và tạo điều kiện cho các thành viên của Hội đồng quản trị bảo vệ quyền lợi chính đáng của các Bên liên doanh. Chính sách chung của Liên doanh sẽ bao gồm những chính sách tài chính, thị trường, tiêu thụ sản phẩm, các vấn đề về giá cả cũng như các vấn đề quản lý chung.

- 11.7. Hội đồng quản trị có Quy chế hoạt động phù hợp với lợi ích của Công ty liên doanh và các qui định liên quan đến Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư. Hội đồng quản trị phải soạn thảo và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với những nội dung chính sau:



11.7.1. Quy định chế độ lưu trữ hồ sơ, văn bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị;

11.7.2. Quy định các điều kiện họp định kỳ và không định kỳ;

11.7.3. Quy định các điều kiện thông qua nghị quyết bằng cách gửi văn bản đến các thành viên Hội đồng quản trị mà không cần triệu tập họp;

11.7.4. Quy định chế độ chuẩn bị các nội dung cho các kỳ họp

11.7.5. Chỉ định thư ký của Hội đồng quản trị (nếu cần) và quy định nhiệm vụ của thư ký...

11.7.6. Ngôn ngữ dùng trong các kỳ họp là tiếng Việt nam và tiếng Anh

11.8. Mỗi bên được quyền thay đổi các thành viên của mình tại bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày và việc thay đổi này không gây thiệt hại cho hoạt động của Công ty liên doanh. Nhiệm kỳ của thành viên mới này kể từ ngày được Hội đồng quản trị công nhận và sẽ chấm dứt cùng ngày với nhiệm kỳ của các thành viên khác.

Điều 12: Chức năng và quyền hạn của Hội đồng Quản trị

12.1. Ngoài những quy định đã đề cập trong Điều 11, Hội đồng Quản trị có những chức năng và quyền hạn sau :

12.1.1. Đại diện cho Công ty liên doanh trước pháp luật

12.1.2. Phê chuẩn việc chỉ định Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất và Kế toán trưởng;

12.1.3. Quyết định phần đóng góp vốn của các bên, phê duyệt lịch biểu góp vốn và xác nhận giá trị phần đóng góp vốn của các bên

12.1.4. Quyết định chương trình và kế hoạch hoạt động của Liên doanh làm cơ sở cho Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc đề ra kế hoạch quản lý, kinh doanh và mua sắm thiết bị, máy móc và nguyên vật liệu, hàng hoá, dịch vụ và lao động....

- 12.1.5. Phê chuẩn báo cáo quyết toán hàng năm để trình Bộ kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài Chính;
- 12.1.6. Quyết định phân phối lợi nhuận;
- 12.1.7. Quyết định các chính sách tài chính .đặc biệt là các quyết định về tăng vốn đầu tư, tái đầu tư lợi nhuận, chuyển nhượng vốn các quyết định về các khoản vay và cho vay trung và dài hạn, lựa chọn ngân hàng, uỷ quyền ký các chứng từ về tài chính, quyết định tỷ lệ khấu hao, việc phân chia các quỹ dự trữ và các quỹ khác và các biện pháp đánh giá các tài sản hiện có;
- 12.1.8. Quyết định các chính sách thương mại bao gồm giá cả và các điều kiện xuất nhập khẩu, các biện pháp phân phối và tìm hiểu thị trường, các cam kết dài hạn về cung cấp nguyên vật liệu cho Liên doanh và quyết định phân phối, mở chi nhánh và/hoặc các thoả thuận về đại lý;
- 12.1.9. Duyệt các kế hoạch hàng năm của liên doanh
- Kế hoạch ngân sách hàng năm;
 - Kế hoạch kinh doanh;
 - Kế hoạch marketing;
 - Kế hoạch lợi nhuận hàng năm;
- 12.1.10. Quyết định thuê chuyên gia để quản lý liên doanh.
- 12.1.11. Quyết định lương cho ban giám đốc và bảng lương cho nhân viên của liên doanh;
- 12.1.12. Quyết định số lượng lao động, trình độ cho từng vị trí phù hợp với yêu cầu công việc;
- 12.1.13. Duyệt các đề nghị về chỉ định và các điều kiện về thuê mướn nhân công;
- 12.1.14. Quyết định việc xin gia hạn hoặc giải thể liên doanh;



12.1.15. Quyết định những vấn đề khác được chú ý trong Hợp đồng Liên doanh hoặc trong Điều lệ Liên doanh trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng Quản trị:

12.2. Phù hợp với các qui định của Điều lệ liên doanh này, Hợp đồng liên doanh và Luật Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho Tổng Giám đốc và/hoặc Phó Tổng Giám đốc thực hiện một số công việc của mình.

Điều 13: Cách thức tiến hành của Hội đồng quản trị

13.1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định tại các cuộc họp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị sẽ được triệu tập và tổ chức khi cần thiết nhưng với điều kiện một năm phải họp ít nhất một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể (tự mình hoặc theo yêu cầu của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc hoặc theo yêu cầu của đa số thành viên sẽ triệu tập một cuộc họp của Hội đồng quản trị và những vấn đề do những người đã đề nghị nêu ra phải có trong chương trình nghị sự của cuộc họp.

13.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ tọa tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay thế để thực hiện các chức năng của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13.3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ở Việt Nam hoặc nơi khác do Hội đồng quản trị quyết định và có thể được tiến hành trên điện thoại nếu được sự đồng ý của các thành viên.

13.4. Phương thức tổ chức họp Hội đồng quản trị như nêu tại điều 13.3 phải được sự thống nhất của các thành viên trừ khi các thành viên Hội đồng quản trị đồng ý bằng văn bản là không cần phải sự nhất trí. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo đến các thành viên chậm nhất không quá 21 ngày trước ngày họp. Thông báo này sẽ thông báo ngày, thời gian và nơi họp. Khi đã thống nhất họp Hội đồng quản trị, thì Chủ tịch phải gửi tới tất cả các thành viên chương trình nghị sự ghi cụ thể tất cả các vấn đề sẽ nêu ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị ít nhất 30 ngày trước ngày họp.



- 13.5. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được làm biên bản và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị có mặt, hoặc người được các thành viên này ủy quyền phải ký vào biên bản. Biên bản phải được làm bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt nam
- 13.6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ có giá trị khi có sự tham dự của trên 2/3 thành viên Hội đồng quản trị đại diện các bên tham gia.
- 13.7. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể ủy nhiệm cho một người khác đến tham dự cuộc họp và bỏ phiếu thay mặt mình. Việc chỉ định người được ủy quyền có thể áp dụng trong một cuộc họp cụ thể hoặc việc ủy quyền này có thể áp dụng đối với các cuộc họp diễn ra trong một giai đoạn nhất định và trong giai đoạn này thành viên đó của Hội đồng quản trị vắng mặt. Người được ủy quyền có thể là một trong những thành viên của Hội đồng quản trị và người này sẽ chịu trách nhiệm bỏ thêm một phiếu cho người ủy quyền. Bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị đã ủy nhiệm cho người khác đều được tính vào số thành viên cần thiết để bỏ phiếu mặc dù thành viên đó không thực sự có mặt tại buổi họp. Tất cả sự chỉ định hay huỷ bỏ một người được ủy quyền đều phải được làm bằng văn bản do chính tay người ủy quyền hoặc huỷ bỏ ký và sự ủy quyền chỉ có hiệu lực khi đã được cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan công chứng xác nhận một cách hợp pháp và gửi tới trụ sở chính của Công ty Liên doanh hoặc tới nơi được quy định cụ thể trong thông báo triệu tập họp của Hội đồng quản trị.
- 13.8. Nếu một quyết định bằng văn bản được trên 1/2 thành viên của Hội đồng Quản trị ký hoặc trong trường hợp quyết định đó đòi hỏi sự nhất trí của các thành viên cũng đã được tất cả các thành viên ký thì quyết định đó sẽ có giá trị và hiệu lực như là nó đã được thông qua tại một cuộc họp của Hội đồng Quản trị được triệu tập và tổ chức một cách chính thức. Quyết định đó có thể bao gồm nhiều văn bản giống nhau mà mỗi văn bản do một hay nhiều thành viên ký.

Điều 14: Quyết định của Hội đồng quản trị

- 14.1. Quyết định có liên quan đến một trong những vấn đề sau phải cần sự nhất trí của tất cả các thành viên có mặt tại cuộc họp của Hội đồng quản trị:




14.1.1. Kế hoạch kinh doanh và hoạt động hàng năm và dài hạn của Công ty Liên doanh, ngân sách, vay nợ, duyệt quyết toán đầu tư, quyết toán năm của công ty liên doanh, chuyển nhượng vốn.

14.1.2. Sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Liên doanh này:

14.1.3. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Kế toán trưởng và người đứng đầu Ban Thanh lý của Công ty Liên doanh:

14.1.4. Ủy quyền Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình trong trường hợp đặc biệt.

14.2. Những quyết định của Hội đồng quản trị về những vấn đề khác ngoài những vấn đề đã được nêu ở Điều khoản 14.1 sẽ chỉ có hiệu lực nếu được quá 1/2 thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp của Hội đồng quản trị phê chuẩn

Điều 15: Nhân viên của Liên doanh

15.1. Công ty Liên doanh sẽ có một Tổng giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc, một kế toán trưởng .

15.2. Tổng Giám đốc do Bên nước ngoài đề cử: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất do Bên Việt Nam đề cử, hai người này do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm

15.3. Kế toán trưởng sẽ là công dân Việt Nam do bên Việt Nam hoặc do Bên nước ngoài đề cử và Hội đồng Quản Trị bổ nhiệm .

15.4. Bên đề cử nhân viên có quyền đề cử một nhân viên khác để thay thế nhân viên đã đề cử trước đó nếu vì một lý do gì mà người đó thôi giữ chức.

15.5. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định các trách nhiệm và chức năng tương ứng của Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất phù hợp với các điều khoản của Điều lệ và Hợp đồng liên doanh và bảo đảm thi hành đúng Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam.

Điều 16: Trách nhiệm và quyền hạn của nhân viên

- 16.1. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm bởi Hội đồng quản trị để tiến hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty Liên doanh và sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty liên doanh. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng phải ký hợp đồng lao động với Hội đồng quản trị.
- 16.2. Tổng Giám đốc là người điều hành chính của Công ty liên doanh và Tổng Giám đốc khi được sự uỷ quyền của Hội đồng quản trị sẽ thay mặt cho Công ty liên doanh trước toà, nhà chức trách Việt Nam và các bên thứ ba và trong các trường hợp khác như giao dịch đàm phán và ký kết hợp đồng. Sau quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có thể giao quyền hành chung hay đặc biệt cho bất kỳ Phó Tổng Giám đốc hoặc các cán bộ khác đứng ra đại diện cho công ty.
- 16.3. Tổng Giám đốc sẽ giám sát chung toàn bộ công việc của Công ty liên doanh và Tổng Giám đốc có thể ký tất cả các chứng nhận hợp đồng và các tài liệu khác của Công ty liên doanh theo sự uỷ quyền của Hội đồng quản trị, và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến công việc của Tổng giám đốc cũng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- 16.4. Tổng giám đốc sẽ chịu trách nhiệm và bảo đảm rằng tất cả các quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng liên doanh và của Điều lệ liên doanh này.
- 16.5. Trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến hoặc sự khác biệt giữa quan điểm của Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc thứ nhất về một vấn đề phát sinh hoặc một vấn đề có liên quan đến việc quản lý, hoạt động và tiến hành kinh doanh của công ty, thì quan điểm hoặc quyết định của Tổng giám đốc sẽ được thực hiện, ý kiến của Phó Tổng giám đốc thứ nhất sẽ được bảo lưu và trình lên Hội đồng quản trị trong cuộc họp tiếp sau của Hội đồng quản trị hoặc tại một cuộc họp của Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo yêu cầu của Phó Tổng giám đốc thứ nhất.
- 16.6. Ngay sau khi được bổ nhiệm, Tổng giám đốc và phó Tổng giám đốc sẽ tiến hành các công việc hành chính sau:




- 16.6.1. Làm và đăng ký con dấu của công ty theo yêu cầu của Bộ nội vụ Việt nam
- 16.6.2. Đăng ký với chính quyền địa phương về địa chỉ và nơi ở cố định của cán bộ Việt Nam và nước ngoài làm việc tại công ty.
- 16.6.3. Mở tài khoản của Công ty liên doanh tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam hoặc các ngân hàng Việt Nam khác, ngân hàng liên doanh hoặc chi nhánh của ngân hàng nước ngoài tại Việt nam hoặc khi được Ngân hàng Nhà nước Việt nam cho phép thì mở tài khoản vốn vay của liên doanh (nếu có) tại ngân hàng nằm ở nước ngoài .
- 16.6.4. Đăng ký hệ thống tài khoản đã được chấp thuận tại Bộ Tài chính.
- 16.6.5. Tiến hành các thủ tục cần thiết và ký kết các hợp đồng cần thiết có liên quan đến việc thành lập dịch vụ thông tin liên lạc như điện thoại, telex và fax.
- 16.6.6. Đăng ký kế hoạch tuyển dụng lao động đã được Hội đồng quản trị phê duyệt với cơ quan lao động của tỉnh, thành phố hoặc đặc khu trực thuộc trung ương.
- 16.6.7. Soạn thảo danh mục thiết bị, máy móc và nguyên vật liệu cần thiết để nhập khẩu cho mục đích hoạt động của Công ty theo chi tiết của luận chứng khả thi đã được chấp thuận và cấp Giấy phép Đầu tư do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp. Danh mục này sẽ được đệ trình cho Bộ Thương mại phê duyệt và cấp giấy phép nhập khẩu.
- 16.6.8. Ký các hợp đồng bảo hiểm thích hợp theo tinh thần của Hợp đồng Liên doanh và bản Điều lệ liên doanh với các công ty bảo hiểm.
- 16.6.9. Ký các hợp đồng lao động, kinh tế, dịch vụ với các tổ chức liên quan.



16.6.10. Trong 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư cần phải in trên báo trung ương và báo địa phương các thông tin sau:

- Tên, địa chỉ và đại diện của các bên trong Công ty liên doanh;
- Tên, địa chỉ của Công ty liên doanh và mục tiêu hoạt động;
- Vốn đầu tư, vốn pháp định và tỷ lệ góp vốn pháp định;
- Người đại diện của Công ty liên doanh trước toà án, tổ chức trọng tài và các tổ chức nhà nước khác của Việt Nam;
- Thời gian hoạt động dự kiến của Công ty liên doanh và ngày cấp Giấy phép đầu tư.

16.7. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc không được cùng nhau hoặc cá nhân phê chuẩn các khoản chi về vốn hoặc đưa ra những quyết định dẫn tới các chi phí, trái vụ của Công ty liên doanh vượt quá 10.000 USD hoặc một khoản tiền có giá trị tương đương mà không có chấp thuận của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ công bố các thủ tục cho phép đối với tất cả các chi phí và trái vụ phát sinh và Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải tuân theo các thủ tục nói trên.

16.8. Trong thời gian Tổng giám đốc vắng mặt hoặc không thể chỉ đạo hoạt động của công ty, Phó Tổng giám đốc thứ nhất, sẽ thực hiện theo sự ủy quyền của Tổng Giám đốc.

16.9. Thư ký sẽ thông báo các cuộc họp, ghi và lưu biên bản của tất cả các cuộc họp, chịu trách nhiệm về con dấu và sổ sách công ty, viết báo cáo hoặc thực hiện các nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị yêu cầu.

16.10. Kế toán trưởng sẽ giữ tất cả tài khoản và chứng từ liên quan tới tài chính của Công ty liên doanh và giữ các sổ sách kế toán thường kỳ. Kế toán trưởng sẽ xuất vốn của Công ty liên doanh để chi trả cho các nhu cầu thích đáng của Công ty liên doanh hoặc khi Hội đồng quản trị yêu cầu và giữ những hoá đơn phù hợp cho việc xuất vốn để chi trả này. Định kỳ, khi được yêu cầu, Kế toán trưởng phải gửi cho Hội đồng quản trị báo cáo về tất cả các hoạt động của mình với tư cách là kế toán trưởng và tình hình tài chính của Công ty liên doanh. Kế toán trưởng sẽ phải thực hiện tất cả các nhiệm vụ liên quan đến phòng kế toán hoặc các nhiệm vụ hợp lý mà Hội đồng quản trị yêu cầu.




- 16.11. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm các cán bộ hoặc đại diện khác để quản lý văn phòng trong một thời hạn và trao những quyền và phải thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị yêu cầu.

Điều 17: Người lao động

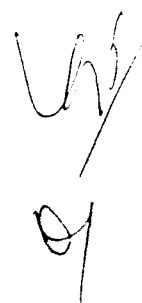
- 17.1. Mọi trường hợp sử dụng lao động trong Công ty liên doanh đều phải được ký kết Hợp đồng lao động bằng văn bản giữa Giám đốc với từng người lao động. Riêng Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng phải ký hợp đồng lao động với Chủ tịch Hội đồng quản trị. Công dân Việt nam được ưu tiên tuyển chọn vào Công ty liên doanh qua sự giới thiệu của cơ quan lao động địa phương hoặc ủy thác cho một công ty cung ứng lao động hoặc một công ty dịch vụ đầu tư tuyển chọn theo tiêu chuẩn Công ty liên doanh. Trong mọi trường hợp phải ưu tiên tuyển dụng lao động của Bên Việt nam giới thiệu theo tiêu chuẩn công bố với cơ quan lao động.
- 17.2. Liên doanh sẽ có quyền tuyển dụng lao động theo các cách sau đây:
- 17.2.1. Tuyển dụng những người do cơ quan lao động địa phương giới thiệu mà đáp ứng các tiêu chuẩn và chất lượng theo yêu cầu của Liên doanh.
- 17.2.2. Tham gia vào trong Công ty cung ứng lao động hoặc Công ty dịch vụ đầu tư để tuyển dụng lao động phù hợp với các tiêu chuẩn và chất lượng theo yêu cầu của Liên doanh.
- 17.2.3. Nếu những người được cơ quan lao động địa phương giới thiệu hoặc được công ty ủy thác tuyển người không đáp ứng được yêu cầu thì công ty liên doanh có quyền thông báo rộng rãi để tuyển dụng và tuyển dụng những người ở địa phương khác và báo cho cơ quan lao động địa phương biết.
- 17.3. Trên cơ sở thương lượng tập thể tự do và tự nguyện, Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) và đại diện lao động phải ký một thỏa ước lao động tập thể chậm nhất là 06 tháng kể từ ngày công ty liên doanh hoạt động. Thỏa ước lao động tập thể gồm những nội dung chủ yếu như: Tiền lương áp dụng cho mỗi loại nghề nghiệp trong công ty liên doanh, điều kiện làm việc, bảo hộ lao động, bảo

hiểm xã hội, phúc lợi tập thể, cam kết không đình công và các nội dung khác do các bên thỏa thuận.

- 17.4. Lương công nhân Việt nam làm việc tại công ty liên doanh được trả bằng đồng Việt nam có gốc ngoại tệ có thể chuyển đổi theo tỷ giá mà Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả lương. Mức tối thiểu đối với người lao động trong năm đầu làm việc là 40 USD người/tháng
- 17.5. Lương của người lao động làm việc trong công ty liên doanh được ấn định trên cơ sở bình đẳng giữa người trong nước và người nước ngoài. Mức lương cụ thể cho người lao động do Hội đồng quản trị quyết định.
- 17.6. Công ty liên doanh trả lương và các khoản phụ cấp khác cho người lao động trực tiếp, đầy đủ, đúng thời hạn và tại nơi làm việc. Mọi khoản chi phí phải trả bằng tiền mặt.
- 17.7. Mức lương của Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các nhân viên do Hội đồng quản trị quyết định trực tiếp. Mức lương của công nhân viên khác do Tổng Giám đốc đề xuất lên Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
- 17.8. Người lao động nước ngoài làm việc tại công ty liên doanh có thu nhập, sau khi nộp thuế thu nhập được chuyển phần thu nhập còn lại ra nước ngoài theo Quy chế quản lý ngoại hối của Việt Nam.
- 17.9. Mọi vấn đề liên quan đến người lao động trong công ty liên doanh như tuyển dụng, đào tạo, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể: thời gian làm việc và ngày nghỉ, tiền lương trả công lao động, bảo hiểm xã hội, kiểm tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động phải phù hợp với Bộ luật lao động.

Điều 18: Việc mua thiết bị

Liên doanh sẽ giành ưu tiên mua các hàng hóa, trang thiết bị, phụ kiện, phương tiện vận tải tại thị trường Việt nam với điều kiện đáp ứng các tiêu chuẩn thương mại và kỹ thuật cần thiết và có tính đến yêu cầu về số lượng, ngày giao hàng, giá và các điều khoản khác phải ưu đãi hơn so với các giá cạnh tranh từ bên nước ngoài. Liên doanh có thể mua các sản phẩm đó từ nước ngoài nếu có các điều kiện ưu đãi hơn.



Điều 19: Tài khoản ngân hàng

- 19.1. Liên doanh sẽ mở tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng thương mại của Việt Nam hoặc tại Ngân hàng liên doanh hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được ở Việt Nam và được Hội đồng quản trị liên doanh quyết định và được sự đồng ý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 19.2. Trong quá trình hoạt động khi cần vay vốn ở nước ngoài thì liên doanh cũng có thể mở tài khoản vốn vay ở Ngân hàng ở nước ngoài theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam
- 19.3. Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định hai (2) người có thẩm quyền sử dụng và rút tiền ở các tài khoản ngân hàng.

Điều 20: Kế toán và thống kê

- 20.1. Việc ghi chép sổ sách kế toán, thống kê của Liên doanh sẽ được thực hiện phù hợp với luật pháp Việt Nam về lĩnh vực kế toán, thống kê và phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chuẩn và tập quán quốc tế được công nhận. Các nguyên tắc trên phải được Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê Việt nam phê chuẩn

Sổ sách kế toán, thống kê và tài khoản của liên doanh phải được một công ty kiểm toán Việt nam hoặc quốc tế đã được đăng ký kiểm toán tại Việt nam kiểm tra phù hợp với luật pháp Việt nam; công ty kiểm toán này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

- 20.2. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ sách kế toán, thống kê là USD. Tất cả sổ sách và tài khoản sẽ được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- 20.3. Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của liên doanh sẽ là:

- | | |
|---|-----------|
| - Giá trị quyền sử dụng đất và quyền khai thác mỏ | : 5%/năm |
| - Tiền đền bù | : 10%/năm |
| - Nhà xưởng, vật kiến trúc | : 5%/năm |
| - Thiết bị sản xuất | : 15%/năm |

- Thiết bị văn phòng : 20%/năm
- Phương tiện : 10%/năm

20.4. Việc phân bổ các quỹ dự trữ, quỹ phát triển của liên doanh, các quỹ phúc lợi khác và các khoản tiền thưởng giành cho nhân viên sẽ phù hợp với Luật Việt Nam. Việc sử dụng các quỹ do Hội đồng quản trị quyết định. Tỷ lệ lợi nhuận sẽ được phân bổ cho các quỹ sẽ do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và tài chính của liên doanh.

Điều 21: Năm tài chính

21.1. Năm tài chính của liên doanh sẽ tính từ ngày đầu tiên của tháng 1 và đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên sẽ tính từ ngày cấp Giấy phép đầu tư và đến ngày 31 tháng 12 năm đó.

21.2. Cuối mỗi năm tài chính, Liên doanh sẽ chuẩn bị một báo cáo tài chính bằng tiếng Anh và tiếng Việt bao gồm: Bảng cân đối tài chính, tính toán lỗ lãi và một báo cáo của Hội đồng Quản trị. Báo cáo tài chính của liên doanh sẽ được kiểm tra và xác nhận bởi một công ty kiểm toán có đăng ký theo Điều 20.1 và trình Bộ kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và gửi cho mỗi bên để mỗi bên có thể giám sát vào bất kể thời gian thích hợp nào.

Điều 22: Thuế

22.1. Máy móc, trang thiết bị, hàng hóa, phụ tùng, phương tiện vận chuyển, tiện nghi cần thiết... nhập khẩu trong phần vốn xây dựng cơ bản của liên doanh được miễn thuế nhập khẩu.

22.2. Nếu qui định về thuế có liên quan đến các công ty có vốn đầu tư nước ngoài có thay đổi ưu đãi hơn thì tùy thuộc vào sự chuẩn ý theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam, chế độ thuế đối với liên doanh (hoặc bất cứ loại thuế nào có liên quan) cũng được theo đó sửa đổi, áp dụng cho phù hợp.

- 22.3. Công ty Liên doanh và các Bên trong liên doanh có trách nhiệm nộp thuế lợi tức, thuế doanh thu, thuế chuyển lợi nhuận... và các nghĩa vụ tài chính khác phù hợp với Luật pháp hiện hành của Việt nam

Điều 23: Phân chia lợi nhuận và rủi ro

Sau khi hoàn tất các nghĩa vụ Tài chính với Chính phủ Việt Nam và chính lập các quỹ, khoản dự phòng theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, lợi nhuận còn lại và những rủi ro sẽ được chia cho các bên liên doanh theo tỉ lệ góp vốn pháp định tại thời điểm chia lợi nhuận như qui định tại điều 8 khoản 2 của Hợp đồng liên doanh

Điều 24: Sử dụng tiền tệ

- 24.1. Tiền đồng Việt Nam sẽ được sử dụng cho tất cả chi phí mua sắm nguyên liệu và các nguồn cung cấp địa phương, trả lương cho nhân viên và công nhân Việt Nam hoặc bất kỳ khoản chi phí nào tại Việt Nam bao gồm cả chi phí điện nước cũng như tiện nghi khác phù hợp với luật pháp Việt nam.
- 24.2. Trong trường hợp mua sắm vật phẩm hàng hoá, thiết bị, máy móc, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, phương tiện vận chuyển, đồ dùng của nước ngoài, chi phí cho nhân viên người nước ngoài hoặc chi phí ở nước ngoài khác thì sẽ sử dụng ngoại tệ.

Điều 25: Bảo hiểm

Tài sản của Liên doanh sẽ được được bảo hiểm tại công ty Bảo hiểm Việt Nam (BAOVIET) hoặc một công ty bảo hiểm quốc tế khác. Việc chỉ định công ty bảo hiểm nào sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 26: Quỹ dự trữ, các quỹ khác và tiền thưởng

Việc phân bổ dự trữ và quỹ mở rộng kinh doanh của Công ty Liên doanh và quỹ phúc lợi và tiền thưởng cho cán bộ và công nhân được thực hiện theo luật pháp Việt Nam. Tỷ lệ phần trăm của lợi tức sau khi nộp thuế được dùng để thành lập quỹ dự trữ sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Việc sử dụng quỹ dự trữ cũng do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị sẽ quyết định tỷ lệ lợi nhuận được phân bổ vào các quỹ

Ưn
C/

khác tùy thuộc vào tình hình tài chính và kinh doanh của Công ty liên doanh.

Điều 27: Kiểm tra

Bất kể trong thời gian thích hợp nào, mỗi bên liên doanh hoặc đại diện của mỗi bên có quyền kiểm tra sổ sách, tài khoản, chứng từ lưu, nhà xưởng và tất cả các nguyên liệu và hàng hoá được sử dụng trong hoạt động của công ty liên doanh kể cả trụ sở chính và bất kỳ nhà xưởng nào được sử dụng có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều 28: Ban kiểm tra

28.1. Công ty Liên doanh sẽ thành lập một Ban kiểm tra tiến hành việc giám sát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty liên doanh. Trưởng ban kiểm tra và các thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban kiểm tra sẽ bao gồm 2 thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm tra này là 3 năm.

28.2. Ban kiểm tra sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Ban kiểm tra sẽ trình các báo cáo kiểm tra do Ban tiến hành lên Hội đồng quản trị cùng với các đánh giá về các báo cáo đó.

Điều 29: Sử dụng tài sản

Công ty liên doanh sẽ sử dụng tài sản của mình phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty và chức năng của từng loại tài sản. Các bên không có quyền riêng đối với tài sản của Liên doanh kể cả những tài sản do họ đóng góp vào vốn pháp định.

Điều 30: Quyền kết thúc Hợp đồng Liên doanh của các Bên

30.1. Trong các trường hợp sau đây Hợp Đồng Liên Doanh sẽ hết hiệu lực :

30.1.1. Lúc hết thời hạn quy định hoặc hết thời hạn bất cứ các thời gian gia hạn nào sau đó của Công ty Liên doanh.

30.1.2. Nếu Tòa án kinh tế Việt nam tuyên bố Công ty Liên doanh bị phá sản theo luật pháp hiện hành.

UV
/

01

30.1.3. Nếu Bộ kế hoạch và đầu tư đưa ra quyết định thu hồi Giấy phép Đầu tư.

30.1.4. Như đã qui định trong Điều 30.2 của Hợp đồng Liên doanh

30.1.5. Nếu các Bên đồng ý từ bỏ nghĩa vụ của họ theo Hợp đồng liên doanh và việc kết thúc Hợp đồng này đã được Bộ kế hoạch và đầu tư chấp thuận.

30.1.6. Khi một trong các Bên thông báo ý định muốn kết thúc Hợp đồng Liên doanh trong các trường hợp sau :

30.1.6.1. Khi xảy ra một trường hợp bất khả kháng nào kéo dài trong vòng sáu (6) tháng, với điều kiện là Bên yêu cầu kết thúc có cung cấp một cách hợp lý cho bên khác các chứng minh mà Bên đó có thể cung cấp được về trường hợp đó và các bước đi đã thi hành để ngăn ngừa hoặc giới hạn các hậu quả của trường hợp đó (nếu Bên đó là Bên bị ảnh hưởng bởi sự bất khả kháng) và Bên đó đã cố gắng ngăn ngừa và giới hạn các hậu quả của trường hợp đó.

30.1.6.2. Trong trường hợp Công ty Liên doanh bị thua lỗ đến nỗi không thể tiếp tục hoạt động được:

30.1.7. Khi một Bên Liên doanh vi phạm nghiêm trọng qui định của Hợp đồng Liên doanh, bên hoặc các bên liên doanh đã có thông báo là bên đó vi phạm nhưng Bên vi phạm không tiến hành sửa chữa trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo đó mà không có lý do chính đáng thì bên hoặc các bên liên doanh kia có quyền thông báo kết thúc Hợp đồng liên doanh này

30.1.8. Chính phủ đưa ra những qui định mới hoặc sự thay đổi luật pháp hoặc một sự thay đổi trong sự áp dụng luật pháp, hoặc sự tuân theo yêu cầu của bất cứ một cơ quan có thẩm quyền nào, hoặc bất cứ một thay đổi nào trong tình trạng có ảnh hưởng không tốt tới tình hình tài chính của Bên nước ngoài, tới sự thu nhập từ đầu tư của Bên nước ngoài vào Công ty Liên doanh hoặc khả năng thu lợi nhuận hoặc hoàn trả vốn; hoặc.




- 30.2. Bất cứ sự kết thúc nào của Hợp đồng Liên doanh này cũng sẽ được thi hành mà không được làm phương hại đến các quyền hạn và trách nhiệm pháp lý được qui định trong Hợp đồng và Điều lệ Liên doanh này, gồm không giới hạn quyền được bồi thường các tổn hại mà bất cứ Bên nào phải chịu do sự sai sót của Bên kia gây ra.

Điều 31: Quyết định giải thể Công ty Liên doanh

Bất cứ quyết định nào nhằm giải thể Công ty Liên doanh trước thời hạn sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và sẽ được trình lên Bộ kế hoạch và đầu tư chuẩn y.

Điều 32: Thanh lý

- 32.1. Ít nhất 06 tháng trước khi hết thời hạn liên doanh hoặc chậm nhất 01 tháng sau khi có quyết định giải thể liên doanh trước thời hạn. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Ban thanh lý liên doanh gồm 03 thành viên, trong đó mỗi bên cử 01 người và người thứ ba sẽ do hai bên liên doanh thoả thuận là người của công ty kiểm toán. Ban thanh lý soạn thảo qui chế hoạt động và các công việc phải làm của Ban thanh lý. Các thành viên Ban thanh lý có thể được chọn trong số các cán bộ của liên doanh hoặc các chuyên gia ngoài liên doanh. Mọi chi phí về thanh lý do Công ty liên doanh đài thọ và được ưu tiên thanh toán so với các trái vụ khác của Công ty liên doanh...
- 32.2. Ban thanh lý Công ty liên doanh có trách nhiệm báo cáo với Bộ kế hoạch và đầu tư ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban. Kể từ ngày đó Ban thanh lý đại diện cho Công ty liên doanh trong mọi công việc liên quan đến việc thanh lý trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 32.3. Thời gian hoạt động của Ban thanh lý không quá 06 tháng. Trong trường hợp cần thiết được Bộ kế hoạch và đầu tư chấp thuận thời hạn này có thể dài hơn nhưng không quá 1 năm. Các khoản nợ đến hạn hoặc chưa đến hạn của liên doanh phải được thanh toán ngay.
- 32.4. Khoản tiền thu từ thanh lý được ưu tiên thanh toán theo thứ tự sau:

32.4.1. Chi phí thanh lý:

Chị

01

- 32.4.2. Lương và bảo hiểm của người lao động;
- 32.4.3. Các khoản thuế nộp cho Nhà nước Việt nam;
- 32.4.4. Các khoản vay của liên doanh (nếu có);
- 32.4.5. Các khoản nợ khác của Liên doanh...

32.5. Sau khi thanh toán xong các khoản nêu tại mục 32.4 thì phần tài sản còn lại của liên doanh được giải quyết theo điều 11 của Hợp đồng liên doanh.

Điều 33: Việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh

Nếu Công ty liên doanh có chi nhánh hoặc đại diện tại những nơi khác thì việc chấm dứt hoạt động của các chi nhánh và đại diện của liên doanh đồng thời với thời điểm công bố giải thể công ty liên doanh và theo thể thức như đối với các việc giải thể Công ty liên doanh.

Điều 34: Liên doanh tiếp

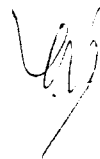
Công ty liên doanh có thể liên doanh tiếp với một tổ chức, cá nhân nước ngoài khác với sự nhất trí của Hội đồng quản trị và được Bộ kế hoạch và đầu tư chuẩn y

Điều 35: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Bất kỳ sự sửa đổi bổ sung nào vào bản Điều lệ này đều phải được sự nhất trí của Hội đồng quản trị và Bộ kế hoạch và đầu tư phê chuẩn.

Điều 36: Ngày hiệu lực

Bản Điều lệ Công ty liên doanh có hiệu lực kể từ ngày Bộ kế hoạch và đầu tư cấp Giấy phép đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ liên doanh.



Điều lệ Liên doanh này được làm thành 08 bản gốc tại Đà Nẵng ngày 28/12/1996. bằng tiếng Việt nam và tiếng Anh; văn bản tiếng Anh và tiếng Việt nam đều có giá trị pháp lý ngang nhau.

BÊN VIỆT NAM



Nguyễn Xuân Khu

BÊN NƯỚC NGOÀI

JOINT VENTURE CONTRACT

Pursuant to:

- The Law on Foreign Investment in Vietnam as approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 12th November 1996;
- Other relevant legal documents of Vietnam.

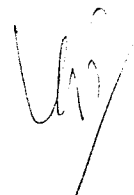
The Joint Venture Parties consist of:

A. VIETNAMESE PARTY:

Technical Application and Technology Transfer Company established under Decision No. 194/VKH dated 21 May 1993 of the Director of Vietnam Science Institute (now the National Natural Science and Technology Centre).

- Represented by : Mr. Nguyen Xuan Hue
- Position : Director
- Head office address : 73 Ly Thai To, Da Nang
- Telephone : 26679 - 23274
- Fax : 84-51-26679
- Bank with : Quang Nam - Da Nang Bank for Investment and Development
- Account No. : 7301 - 0047C
- Main area of business : Application of advanced technology in production activities, exchanging specialists with foreign partners, import and export of equipment and technology for the production of high quality products (mineral water, carbonated drinks, candies, packages and medicines etc).

(Hereinafter referred to as "Vietnamese Party")



B. FOREIGN PARTY

1. GMD INTERNATIONAL HOLDING established under Certificate of Business Registration No 944235973 - 2453582 dated 6/12/1994 in Delaware Province, USA

- Registered in : Delaware - USA
- Represented by : Mr. Michel Drouot
- Nationality : French
- Position : President
- Official address : B.P.5144-97070 Saint Martin Cedex
- Telephone : (590) 87 2271
- Fax : (590) 87 1925
- Bank with : INCHAUSPE
- Account No :
13219/00050/50.150.21289 .27
13219/00050/51.400.21289.2.54
- Main areas of business : Manufacturing and sale of mineral water

2. PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. established under Certificate of Business Registration No 351354 dated 13/9/1988 in British Columbia, Canada

- Represented by : Mr. Pham Van Lai
- Nationality : Canadian
- Position : Director
- Official address : P.O Box 15539 Vanmain
Vancouver BC V6B5B3 Canada
- Telephone : 604 251 2895
- Fax : 604 251 2279
- Bank with : Bank of Montreal
- Account No. : 2712-4602-141
- Main areas of business : Import Export - Trade

The foreigner presented by GMD INTERNATIONAL HOLDING (Hereinafter referred to "Foreign Party")

The two Joint Venture Parties have agreed on the following terms and conditions:

Article 1: Agreement to Establish Joint Venture Company

The parties, in accordance with the Law on Foreign Investment in Vietnam and other relevant laws, ordinances, decrees and regulations of Vietnam, have agreed to establish a Joint Venture Company (hereinafter referred to as "the JVC") in the territory of Vietnam.

Article 2: Name and Address of Joint Venture Company

2.1 The name of the JVC shall be:

- In Vietnamese : CONG TY LIEN DOANH KHAI THAC NUOC KHONG THIEN NHIEU XUAT KHAU VIET PHAP
- In English : VIETNAM FRENCH EXPLOIT NATURAL MINERAL WATER EXPORT COMPANY LTD. "LA FONTAINE"

2.2 The head office of the JVC shall be located at Que Loc commune, Que Son district of Quang Nam province.

2.3 During the course of its business operation, the JVC may, upon the decision of the Board of Management, change its head office or establish branch offices or representative offices or other premises in Vietnam or elsewhere.

Article 3: Purpose

- Exploiting and producing mineral water in Que Loc commune, Que Son district of Quang Nam province.
- Selling and distributing the products of the joint venture company in the domestic market and export.
- In future will extend to manufacturing fruit juice to export



- PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. shall contribute 169.100 USD in cash, which is equal 5% of the legal capital

- 5.3. The loan capital of the JVC shall be US\$ 7.900,000. The Foreign Party shall assist the JVC in obtaining the loan at the minimum international interest rate at the time of borrowing not exceeding 8% - 9% per year with the loan duration being from 5 to 7 years and the interest being paid from the second year. In the event that the JVC fails to obtain the loans directly from the banks, Foreign Party shall make the loan to the JVC either directly or indirectly at terms similar to the terms above stated.
- 5.4. The value of the capital contribution made by each party in forms of other than cash shall be agreed upon by the parties based on the parties' assessment of international market prices that shall be applicable at the time the contribution is made and expressed in US Dollars and the legal documents shall have to be presented.
- 5.5. During the operation process, the JVC can mobilise additional capital for its business, provided this mobilisation must be agreed upon by the Board of Management.

Article 6: Schedule of Capital Contributions

- 6.1. The parties undertake to make their respective contributions to legal capital in full and on time according to the following schedule:

The Vietnamese Party will:

hand over the land to the JVC within the first month after the issuance of the Investment Licence. All the compensation expenses shall be borne by the JVC.

The Foreign Party will:

- contribute USD 300,000 within 60 days after the issuance of the Investment Licence .

- contribute US\$ 383,000 within 3 months after the issuance of the Investment Licence.
 - contribute US\$ 600,000 within 6 months after the issuance of the Investment Licence.
 - contribute US\$ 600,000 within 9 months after the issuance of the Investment Licence.
 - contribute US\$ 600,000 within 12 months after the issuance of the Investment Licence.
- 6.2. The capital contribution made by the joint venture parties must be confirmed in writing by the Board of Management.
- 6.3. If at the time the contribution is made the value of the capital contribution shall change from the agreed values, the parties shall agree through mutual negotiation on the amended values which in all cases shall not be less than their projected contribution to the legal capital. Upon reaching an agreement on the value, shall submit the agreed value to the Ministry of Planning and Investment for its consideration and approval.
- 6.4. In the absence of any agreement having been reached by the parties on any change to the agreed value of any capital contribution as stated in the Article 6.3. the JVC shall invite an international company of valuers to evaluate the above mentioned capital contribution.

Article 7: Inability to Comply with Schedule of Capital Contributions

Should any of the parties be unable to make on schedule any part of its capital contributions in accordance with Article 5 and Article 6, such party shall, at least fourteen (14) days prior to the final date scheduled for the contribution, notify the other parties of the reasons for its inability to comply and of the measures which have been or are being taken to remedy the default. If the said reasons are not proper and do not fall within the scope of Article 31, the party who is unable to make on schedule its capital contribution shall further indemnify the other parties against all damages and losses suffered or incurred

by the other parties and pay the interest on such outstanding contribution at the lending rate charged by the Bank where the JVC has account with and approved by the State Bank of Vietnam.

Article 8: Increase in Legal Capital

- 8.1 When necessary, the legal capital shall be increased either by reinvesting the profits earned by the JVC or by additional capital contributions by the parties. The increase in the legal capital must be agreed by the Board of Management and approved by the Ministry of Planning and Investment.
- 8.2 The capital contribution ratios of the parties through the duration of the joint venture shall be as follows:
- From the first year until the fifth year in which the total capital fully recovered :
 - The Vietnamese Party : 26.6 %
 - The Foreign Party : 73.4 %
 - From the year sixth (6th) to the end of the project, the Vietnamese party can buy shares from the Foreign Party, each year maximum is 1%

Article 9: Assignment of Capital Contribution

- 9.1. During the operation process of the JVC, each of the parties shall be entitled to assign part or the whole of its capital contribution in the JVC and, in so doing, shall give priority to the other parties to the JVC. In case the other joint venture parties refuse to accept the offer, the assignment may be made to a third party provided this be agreed upon by the other Joint Venture Parties. The assignor is obliged to notify the other parties in writing of the assignment of the capital at least ninety (90) days in advance. Terms and conditions for assigning capital to the third party shall not be more favourable than those to the other joint venture parties. The assignment of capital come into effect only when being agreed by the Board of Management and approved by the Ministry of Planning and Investment.
- 
- 

- 9.2. The assignee, upon the completion of the assignment, shall take full responsibilities and entitlements of the assignor.

Article 10: Duration of Joint Venture Enterprise

The duration of the JVC shall be twenty five (25) years commencing from the date of issue of the Investment Licence. In case the joint venture parties agree to extend the duration specified in the Investment Licence, at least six (6) months prior to the expiry of the JVC's duration, the joint venture parties shall have to submit the application form for extending the JVC's duration to the Ministry of Planning and Investment for consideration and approval.

Article 11: Termination, extension and termination prior to expiry of the Joint Venture

- 11.1. When the operation term of the Joint Venture expires in accordance with the Investment Licence, all the JVC's assets including the fixed capital and the working capital shall be determined by the Board of Management.
- 11.2. In the event the Joint Venture is dissolved prior to the expiry of its term or of its extended term, the JVC's assets shall be settled as follows: The Liquidation shall evaluate, assess and put up for sale or auction the assets of the JVC. The money earned from the sale of the assets shall be distributed to the joint venture parties according to the capital contribution proportion at the time of dissolution after all the liabilities have been paid.
- 11.3. The Liquidation Board shall be established and operated in accordance with stipulations of the Joint Venture Charter.
- 11.4. Any decision to dissolve the JVC prior to the expiry of its duration shall be decided by the Board of Management and submitted to the Ministry of Planning and Investment for approval.
- 

Article 13: Implementation of the Joint Venture Contract
(starting from the date of issue of the Investment License)

- carry out the construction procedures within the first two months
- Site clearance from the first month to the third month.
- Construction from the third month to the twelveth month.
- import and purchase necessary equipment as listed from the fourth month to the tenth month
- Recruit and train the staff from the tenth month to the twelveth month.
- Officially commence operation from the fourteenth month onwards.

Article 14: Responsibilities of the Parties to the Joint Venture Enterprise

Each of the parties shall fulfill all its obligations and abide by the undertakings given pursuant to the provisions of this Contract and the Charter and shall carry out its respective responsibilities set out below.

14.1 The responsibilities of the Vietnamese Party shall be:

14.1.1. Fully contributing its share of the Legal Capital provided in the Article 5 and Article 6.

14.1.2. During the duration which the Vietnamese Party contributes the land used the right, the Vietnamese Party shall be liable to pay land rental. During the duration which the Vietnamese Party contributes right exploit the mine, the Vietnamese Party shall be liable to pay all the fees imposed in relation to its right to exploit the mine. During of operation period the JVC shall be liable to pay the royalties to the State of Vietnam.

14.1.3. Handling procedures for the declaration to customs of imports of equipment, machinery, tools, components and spare parts provided by the Foreign Parties as its capital contributions or otherwise required for the operations of the JVC and to assist

in handling their transportation within Vietnam. All expenses shall be paid by the JVC.

- 14.1.4. Assisting the JVC in arranging for the supply of water, electricity, transportation and other basic facilities at reasonable costs to the JVC.
- 14.1.5. Assisting the JVC in purchasing or acquiring equipment, machinery, materials and other goods and services within Vietnam.
- 14.1.6. Handling necessary procedures for and in obtaining entry visas, work permits, travel, and import and export of personal effects for expatriate personnel.
- 14.1.7. Assisting the JVC in recruiting local personnel including managerial technical personnel. In all cases, priority shall be given to the personnel of the Vietnamese Party.
- 14.1.8. Together with the foreign party, drafting joint venture documents, settling all matters relating to the joint venture documents and contacting the Vietnamese relevant authorities for the Investment Licence. All expenses shall be paid by the JVC.
- 14.1.9. Advising the Foreign Parties at all times of any changes in the laws of Vietnam or the policy of the Government of the Socialist Republic of Vietnam which might affect the JVC or the investment of the Foreign Party in the JVC.
- 14.1.10. Cooperating with the Board of Management in performing any other functions or responsibilities as may be required from time to time by the JVC and handling other matters entrusted to it by the JVC.
- 14.1.11. During the Joint Venture operation, the Vietnamese Party shall commit not to cooperate with any other Foreign Party with a view to operating in the same business field of this Joint Venture Project.

14.2 The responsibilities of the Foreign Party shall be:

14.2.1. Providing, in accordance with the provisions of Article 5 and Article 6, its full contribution to the legal capital of the JVC.

14.2.2. Selecting and buying equipment, material outside Vietnam and carrying out other related work entrusted by the JVC.

14.2.3. Organizing the training of the personnel of the JVC in Vietnam or overseas if so required.

14.2.4. Assisting the JVC to obtain the credit mentioned in paragraph 3 of Article 5.

14.2.5. Assisting the Board of Management to perform any other functions and liabilities required by the JVC or handling other matters entrusted to it by the JVC.

Article 15: Procurement of Equipment

Priority shall be given to the procurement in Vietnam of commodities, spare parts, transport vehicles so long as they meet the requisite technical and commercial specifications and so long as the quantities, delivery dates, quality, prices and other terms and conditions are more favourable to the JVC than competitive products offered by third parties outside Vietnam. The JVC may at any time purchase any such products from overseas if products offered by third parties outside Vietnam are favourably competitive.

Article 16: Delegation of Authority to Make Purchases

The purchase of the products mentioned in Article 15 for the JVC may be entrusted to any of the parties but in all cases, such purchases must be agreed and supervised by the parties and be approved by the Board of Management.

Article 17: Bank Accounts

17.1 The JVC shall open its bank accounts in both Vietnamese currency and foreign currency with the Bank for Foreign Trade of Vietnam or

other Vietnamese banks, joint venture banks or foreign bank branches established in Vietnam as agreed by the Board of Management and in accordance with the Law on Foreign Investment of Vietnam.

- 17.2 During the operation process, in case the JVC finds it necessary to borrow capital from abroad, the JVC can also open a borrowing account with a bank abroad provided this is in accordance with the Law on Foreign Investment in Vietnam.

Article 18: Accounting and statistics

- 18.1 The JVC shall keep all records and accounts in compliance with all applicable laws in Vietnam having mandatory application to the matter and with internationally accepted accounting principles, standards and practices.

The above mentioned principles must be approved by the Ministry of Finance and the General Department of Statistics of Vietnam.

The accounting and statistic books and accounts shall be checked by a Vietnamese auditing company or an international one which has registered in Vietnam to provide auditing services in accordance with the Vietnamese laws: The auditing company shall be decided by the Board of Management.

- 18.2 The monetary unit to be used in bookkeeping shall be US Dollar. All records and accounts shall be kept in Vietnamese and in English.
- 18.3 The depreciation rate of the fixed assets of the JVC shall be as follows:

- | | |
|--|--------------|
| • The mining right and land used the right | 5% per year |
| • Compensation expenses | 10% per year |
| • Buildings and structures | 5% per year |
| • Production equipment | 15% per year |
| • Office equipment | 20% per year |
| • Vehicles | 10% per year |

- 18.4 Allocations for reserve and expansion funds of the JVC and welfare funds and bonuses for staff and workers shall be set aside in

accordance with the laws of Vietnam. The use of the funds shall also be determined by the Board of Management. The proportion of profits to be allocated to other funds shall be decided by the Board of Management according to the business and financial situation of the JVC.

Article 19: Fiscal Year

- 19.1 The fiscal year of the JVC shall commence on the first day of January and end on the thirty-first day of December of each year. The first fiscal year shall commence on the date of the issue of Investment Licence and end on the thirty-first day of December that year.
- 19.2 At the end of each fiscal year, the JVC shall prepare an accounts report in both Vietnamese and in English consisting of the accounting balance sheet, the profit and loss statement and a report by the Board of Management. The accounts report shall be examined and verified by an registered auditing firm as stated in the Article 18.1 and shall be submitted to the Ministry of Planning and Investment and Ministry of Finance within three (3) months from the date of the ending of the fiscal year and shall be available for inspection by either party or its representative at any reasonable time.

Article 20: Distribution of Profits and risks

After finishing all financial obligations to the Vietnamese Government and setting up funds, reserves required by the Law on Foreign Investment in Vietnam, the remaining profits and risks shall be divided to the joint venture parties according to the proportion of each party's contribution to the legal capital of the JVC at the time of profit distribution as stipulated in clause 2 of article 8 of this Joint Venture Contract.

Article 21: Use of currency

- 21.1 Vietnamese currency shall be used to make all purchases by the JVC of local materials or supplies, to pay wages to its Vietnamese staff and workers, to pay local taxes, or to make any other local expenditure, including for the purchase of electricity, water and other utilities in accordance with the Vietnamese laws.

- 21.2 To the extent that the JVC needs to purchase articles, commodities, equipment, machinery, materials, spare parts, transport vehicles and substances from abroad, pay foreign staff or to make any other foreign expenditure, foreign currency may be used.

Article 22: Insurance

The assets of the JVC shall be insured by the Vietnam Insurance Company (BAOVIET) or another international insurance company. The Board of Management shall make the decision related to the appointment of the insurance company.

Article 23: Board of Management

- 23.1 The highest body in charge of the JVC is its Board of Management which shall have the power to make decisions on all important matters in relation to the JVC.
- 23.2 The date of issue of the Investment Licence and certificate of registration of the Charter shall be the date of establishment of the Board of Management of the JVC. The duration of the Board of Management shall be five (5) years.
- 23.3 The number of representatives of each Party in the Board of Management shall correspond to the contribution of each party into the legal capital of the joint venture referred to in clause 2 of article 8. Initially, the Board of Management shall comprise six (06) members of whom four (04) shall be appointed by the Foreign Party and two (02) by the Vietnamese Party. Any party shall be entitled at any time to remove or substitute any member or members of the Board of Management so appointed by it, and to appoint another member in place of the member removed for any proper reason provided that the other Joint Venture Parties shall be so informed at least 30 days after an official decision to such effect has been issued in writing.
- 23.4 Any such appointment or removal or replacement shall be made by notice in writing lodged at the head office of the JVC or delivered to a duly constituted meeting of the Board of Management. Any such appointment or removal shall take effect as at the time of such

lodgment or delivery or at such later time as shall be specified in such notice.

Any party removing its member from the Board of Management shall be responsible for and shall indemnify the other party and the JVC against any claim by such member for unfair or wrongful dismissal or other compensation to the other Party and to the Joint Venture.

23.5 For the first term, The Chairman of the Board of Management and a Second Vice Chairman of the Board of Management shall be a representative of the Foreign Party and appointed by the Foreign Party; and the first Vice Chairman of the Board of Management shall be a representative of the Vietnamese Party and appointed by the Vietnamese Party. The Board of Management shall be reappointed on expiry of each term.

23.6 The Board of Management shall have the necessary powers to establish the general policy of the JVC and to enable its members to protect the respective interest of the parties. The general policy of the JVC shall encompass policies on financial, marketing, sales and pricing matters as well as general management matters. The Board of Management shall act in conformity with the provisions of the Charter. The rights and obligations of the Board of Management shall be defined in the Charter.

23.7 The Board of Management will carry out its functions in accordance with the joint venture Charter and Vietnamese laws.

Article 24: The executive personnel of the JVC

24.1 The JVC shall have a General Director, two Deputy General Directors and a Chief Accountant.

24.2 The General Director shall be nominated by the Foreign Party; The First Deputy General Director nominated by the Vietnamese Party and both shall be appointed by the Board of Management.

24.3 The Chief Accountant shall be Vietnamese nationals nominated by the Vietnamese Party or by the Foreign Party and appointed by the Board of Management.

- 24.4 The party which nominated any officer shall be entitled to nominate another officer in place of any officer so nominated who for any reason ceases to be an officer.
- 24.5 The General Director and the Deputy General Directors shall be responsible to the Board of Management for the conduction of the day-to-day business of the JVC in accordance with the Joint Venture Charter, the labour contract signed between the General Director and the First Deputy General Director and the Board of Management and Vietnamese laws.
- 24.6 The Board of Management shall determine the respective responsibilities and powers of the General Director and the Deputy General Directors in conformity with this Article and the J.V Charter.
- 24.7 All the incomes, expenditures and withdrawals of money from the bank by the Joint Venture Company must be reported and agreed by the General Director or a person legally authorized by him.

Article 25: Joint Venture Enterprise's Operations

- 25.1 Save as otherwise provided or contemplated in this Contract or as the parties may otherwise agree, the parties shall exercise their powers in relation to the JVC so as to ensure that:
- 25.1.1. the JVC carries out and conducts its business and affairs in a fair and efficient manner and for its own benefit:
 - 25.1.2. The JVC shall carry out all of its business activities on a long term basis.
 - 25.1.3. The day to day operation of the JVC shall be conducted on the basis of the resolutions passed by the Board of Management:
 - 25.1.4. The business activities of the JVC shall be conducted in accordance with the policies of the Board of Management.

- 25.1.5 the JVC shall keep books of account systematically and therein make true and complete entries of all its dealings and transactions in relation to its business;
- 25.1.6 each of the parties and its respective authorised representatives shall be allowed access at all reasonable times to the books and records of the JVC;
- 25.1.7 the JVC shall periodically keep each of the parties fully informed as to all its financial and business affairs;
- 25.2 Each of the parties shall use all reasonable and proper means in its power to maintain, improve and extend the business of the JVC and to further the reputation and interests of the JVC.
- 25.3. Each of the Parties shall not have the right to decide about the JVC's assets by itself.
- 25.4 The JVC shall operate independently. The internal changes within the Vietnamese Party and the Foreign Party shall not be deemed as reasons for the changes to this Contract except for some directly related matters.

Article 26: Confidentiality

- 26.1 Each of the parties to this Contract shall at all times use its best endeavours to keep confidential (and to procure that its respective employees and agents shall keep confidential) any confidential information (including any reports, records, plans, methods, systems, financial and technical data, contracts for services, commercial transactions, customer lists and other similar information) which it or they may acquire in relation to the JVC or in relation to the clients, business or affairs of the other parties to this Contract or of the JVC and shall not use or disclose such information except with the consent of the other parties to this Contract and/or of the JVC (as appropriate) or in accordance with the order of a court of competent jurisdiction or in the case of information relating to the JVC, for the advancement of the business of the JVC.
- Uby
- 9

- 26.2 The parties to this Contract shall procure that the JVC shall use all reasonable endeavours to ensure that its officers employees and agents observe a similar obligation of confidence in favour of the parties to this JVC.

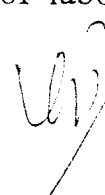
Article 27: Labour

- 27.1 The JVC shall be entitled to recruit, employ, dismiss, pay wages and bonuses and give other benefits to, and negotiate and sign separate labour contracts with individual staff and workers. The recruitment, employment, dismissal, resignation, wages, welfare benefits, labour insurance, labour discipline and other terms and conditions of employment of staff and workers of the JVC shall be in accordance with the relevant laws of Vietnam and, so far as consistent therewith, in accordance with policies from time to time approved by the Board of Management.
- 27.2 The JVC shall be entitled to recruit Vietnamese nationals in the following ways:
- 27.2.1. Recruit people recommended by the local labour office who meet the qualities and standards as required by the JVC.
 - 27.2.2. Engage a labour supply company or an investment service company to recruit labour according to the standards and qualities as required by the JVC.
 - 27.2.3. In the event that people recommended by the local labour office or by the labour supply company or the investment service company fail to meet the requirements of the JVC, the JVC may wide advertise to recruit employees from other localities provided that the local labour office shall be so informed.
- 27.3 In every case of employment, a labour contract shall be executed in writing between the employee and the General Director on behalf of the JVC, or a person authorized by him, covering recruitment, employment, dismissal and resignation, wages, labour, insurance, welfare, rewards, penalty and other matters concerning the employee in accordance with the provisions stipulated in the Labour Code.

- 27.4 Priority in the recruitment of personnel shall be given to Vietnamese citizens particularly the existing employees of the Vietnamese Party and recommended by the Vietnamese Party. In the event that they fail to meet the requirements, they shall be given further training.
- 27.5 In the event that advanced technical, managerial or other qualifications are required in respect of which Vietnamese personnel are not satisfied, the JVC may recruit foreigners provided that in doing so, the JVC will make and implement a plan to train Vietnamese personnel to replace those foreign employees.
- 27.6 The minimum salary of a simple worker in the JVC shall be US\$ 40 per month, the increase of which shall be considered by the Board of Management during the operation of the JVC.

Article 28: Collective Labour Agreement, Labour Regulations and Social Insurance Fund

- 28.1 On the basis of free and voluntary collective negotiation, the General Director of the JVC, or a person authorized by him, together with the labour representative shall sign a collective labour agreement not later than six (6) months after the date of commencement of the JVC's operation. The collective labour agreement may include the following initial items: the salary to be paid in respect of each type of occupation, working conditions, occupational safety, social insurance, collective welfare and other items agreed upon by the parties.
- 28.2 The JVC shall abide by the provisions of the Labour Code in relation to labour contracts, Co-operative labour agreements, the hire of labour, training, termination of a contract, any delay in performance of the contract, specification of working hours, work breaks, work locations, salary and wages, social insurance, labour safety, health protection, labour inspection and control, and settlement of labour disputes, etc..



Article 29: Training

Following the issuance of the Investment Licence, the Joint Venture shall be responsible for training the employees in accordance with the following contents:

Three local technicians speaking French shall be trained on site by French technicians and shall go to France for upgrading of skills.

Article 30: Dispute Resolution

- 30.1 The parties shall attempt to resolve any disputes arising out of the performance of this Contract by negotiation and conciliation. In the event that resolution is not achieved, the dispute shall be referred to and finally resolved by an International Arbitration of a third country.

The settlement shall be taken to the above mentioned Arbitration Committee and resolved in accordance with the Arbitration formalities of such Arbitration Committee. In reaching a decision, the arbitration body shall first apply the provisions of this Contract on the equal basis and in accordance with the Vietnamese laws. In case the Vietnamese laws has not regulated in details, the principles of international laws shall be applied. The language to be used in the arbitration shall be Vietnamese and English. The decision of the arbitrators shall be final and binding upon the parties.

- 30.2 If a party liable to carry out a final decision or award given in accordance with this Contract fails to comply therewith within the time specified for compliance or, if no time is specified, within thirty (30) days after the communication thereof to the parties, the party in favour of which the decision or award has been given shall be entitled to terminate this Contract by notice in writing to the other parties.

Article 31: Force Majeure

- 31.1 Should any of the parties be prevented from performing this Contract due to an event of force majeure despite of their best efforts to continue carrying out their obligations, that party shall without delay notify the other parties in writing and within twenty-one (21) days

thereof providing detailed information of the event and explaining the reasons for its inability to perform this Contract.

The parties shall through mutual discussions decide whether to terminate this Contract or whether to reduce part of the obligations under this Contract or whether to delay the performance of this Contract.

- 31.2 According to the spirit of this Contract, "force majeure" shall mean all events which are beyond the control of the parties to this Contract, and which are unforeseen, or if foreseen, are unavoidable and which totally or partially hinder or render or make any of the parties impossible to carry out any important obligations and benefit stated in the contract. Such events shall include but not be limited to war, riot, civil commotion, explosion, fire, storms, floods, droughts, typhoons, earthquakes, natural disasters, strikes, lock-outs, industrial disputes, political upheavals and major changes in government policy.

Article 32: Rights of Parties to Terminate Joint Venture Contract

- 32.1 This Contract shall be terminated and Article 11 shall apply in the following circumstances:

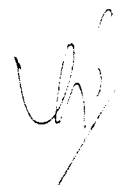
32.1.1. Upon expiry of the duration of the JVC or any extensions thereof.

32.1.2 .Upon declaration by the Economic Court of Vietnam of the bankruptcy of the JVC in accordance with the laws currently in force.

32.1.3. If the Ministry of Planning and Investment issues a decision to withdraw the Investment Licence.

32.1.4. As provided in Article 30.2 of this joint venture contract.

32.1.5. If the parties agrees to discharge themselves of their obligations under this Contract and the termination of this Contract is approved by the Ministry of Planning and Investment.



32.1.6. Upon any party giving notice of its intention to terminate this Contract:

32.1.6.1. Upon the occurrence of any event of force majeure which continues for a period of six (6) months provided that the party seeking to terminate has furnished the other party with such evidence as it can reasonably give of the event and the steps taken to avert or limit the consequences of such event (where it is the party affected by the force majeure) and has used its best endeavours to avert or limit the consequences of such event:

32.1.6.2. When the JVC have suffered losses so heavy that it can not operate any longer:

32.1.7. Upon a party or parties issuing a notice to terminate this Contract in the event at any time of a breach of any material term of this Contract by another party ("the defaulting party") and the failure of such defaulting party to remedy such breach after the defaulting party shall have received a request by notice in writing from the notifying party or parties to remedy the breach within thirty (30) days of the request without valid excuses.

32.1.8. Upon government new regulations, any change in law or any change in the application of any law, or compliance with any request of any governmental authority or any change in circumstance which adversely affects the financial position of the Foreign Parties, the amount of the profit expectations of the Foreign Parties, the effective return of its investment in the JVC or its ability to receive profits and/or repay of capital:

32.2 Any termination of this Contract shall be without prejudice to any rights and liabilities which have accrued under this Contract and the Charter including without limitation the right of any party to damages suffered in respect of any default of the other party.

Article 33: Interpretation of Joint Venture Contract

This Contract shall be analyzed and interpreted according to the contractual words and expressions in accordance with the Vietnamese laws.

Article 34: Addition

Any addition into this joint venture contract shall be agreed in writing by joint venture parties and shall be valid upon the approval issued by the Ministry of Planning and Investment.

Article 35: Notices

- 35.1 Any notice to be given by any party to this Contract or the Charter shall be in writing and shall be deemed duly served if delivered personally or sent by telex or facsimile transmission or by prepaid registered post (airmail in the case of an address for service outside Vietnam) to the addressee at the address or (as the case may be) the telex or facsimile number of that party set under its name below:

Vietnamese Party

Name of Company	: Technical Application and Technology Transfer Company
Represented by	: Mr. Nguyen Xuan Hue
Position	: Director
Head office address	: 73 Ly Thai To, Da Nang
Telephone	: 26679 - 23274
Fax	: 84-51-26679

Foreign Party:

1.

Name of Company	: GMD INTERNATIONAL HOLDING
Represented by	: Mr. Michel Drouot
Position	: President
Official address	: B.P 5144-97070 Saint Martin Cedex
Telephone	: (590) 874240
Fax	: (590) 874241

2.

Name of Company	: PAM KEVIN ENTERPRISES LTD.
Represented by	: Mr. Pham Van Lai
Position	: Director



Official address : P.O Box 15539 Vanmain
Vancouver BC V6B5B3 Canada
Telephone :604 251 2895
Fax :604 251 2279

or such other address (or telex or facsimile number) as the party to be served may have notified (in accordance with the provisions of this Article) for the spirit of this Article.

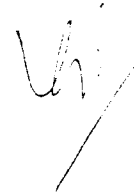
- 35.2 Any notice sent by telex or facsimile shall be deemed served when despatched and any notice served by prepaid registered post shall be deemed served seven (7) days after posting to an address in Vietnam or fourteen (14) days after posting to an address outside Vietnam. In proving the service of any notice it will be sufficient to prove in the case of a letter that such letter was properly stamped addressed and placed in the post or delivered or left at the current address if delivered personally and in the case of a telex or facsimile that such telex or facsimile transmission was duly despatched to the telex or facsimile number of the addressee given above or subsequently notified for the purposes of this Article.

Article 36: Cases not provided for in the Joint Venture Contract and Joint Venture Charter

Any provisions concerning the operation of the JVC which are not provided for in the Joint Venture Contract and Joint Venture Charter shall be complied by the Parties pursuant to the current stipulations of the Law on Foreign Investment in Vietnam and provisions of the Investment License.

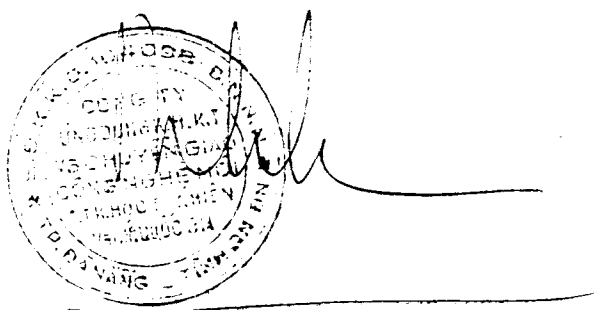
Article 37: Effective Date

This Contract shall become effective from the date of the issue of the Investment Licence and certificate of registration of the Charter by the Ministry of Planning and Investment.



This joint venture Contract is made in Danang in eight (08) copies on 28/12/1996..... in Vietnamese and in English. both Vietnamese version and English version are equally authentic.

FOR THE VIETNAMESE PARTY

A handwritten signature in black ink is written over a circular official stamp. The stamp contains text in both Vietnamese and English, including 'DANANG' and 'VIETNAM'. Below the signature is a horizontal line.

Nguyễn xuân Huệ

FOR THE FOREIGN PARTY

A handwritten signature in black ink, consisting of a large loop followed by several strokes.A handwritten signature in black ink, followed by the name 'Phạm Văn Lai' written diagonally.

JOINT VENTURE CHARTER

This Joint Venture Charter is established on the basis of the Joint Venture Contract on...28/12/1991... signed between Technical Application and Technology Transfer Company and GMD INTERNATIONAL HOLDING and PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. for the establishment of the mineral water exploitation and production Joint Venture Company (hereinafter referred to as Joint Venture Company).

Article 1: Parties entering the Joint Venture

1.1. VIETNAMESE PARTY:

Technical Application and Technology Transfer Company established under Decision No. 194/VKH dated 21 May 1993 of the Director of Vietnam Science Institute (now the National Natural Science and Technology Centre).

- Represented by : Mr. Nguyen Xuan Hue
- Position : Director
- Head office address : 73 Ly Thai To, Da Nang
- Telephone : 26679 - 23274
- Fax : 84 51 26679
- Bank account : Quang Nam Bank for
Investment and Development
- Account No. : 7301 - 0047C
- Main area of business :

(Hereinafter referred to as "Vietnamese Party")

1.2. FOREIGN PARTY

1. GMD INTERNATIONAL HOLDING established under Certificate of Business Registration No 944235973 - 2453582 dated 6/12/1994 in Delaware Province, USA

- Registered in : Delaware - USA
 - Represented by : Mr. Michel Drouot
- 91

- Nationality : French
- Position : President
- Official address : B.P.5144-97070 Saint Martin Cedex
- Telephone : (590) 87 2271
- Fax : (590) 87 1925
- Bank with : INCHAUSPE
- Account No :
13219/00050/50.150.21289 .27
13219/00050/51.400.21289.2.54

- Main areas of business : Manufacturing and sale of mineral water

2. PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. established under Certificate of Business Registration No 351354 dated 13/9/1988 in British Columbia, Canada

- Represented by : Mr. Pham Van Lai
- Nationality : Canadian
- Position : Director
- Official address : P.O Box 15539 Vanmain
Vancouver BC V6B5B3 Canada
- Telephone : 604 251 2895
- Fax : 604 251 2279
- Bank with : Bank of Montreal
- Account No. : 2712-4602-141
- Main areas of business : Import Export - Trade

The foreigner presented by GMD INTERNATIONAL HOLDING (Hereinafter referred to "Foreign Party")

Article 2: Legal Status

- 2.1. The JVC is an independent juridical person under the laws of Vietnam from the date of the issue of the Investment License and certificate of registration of the Charter of the JVC (hereinafter referred to as "the Charter").
- 2.2. In the course of its operation, the JVC shall observe the laws of Vietnam and the provisions stipulated in this Joint Venture Charter and the Joint Venture Contract, and its rights and interests shall be protected by the laws of Vietnam.

Article 3: Limited Liability

- 3.1. The JVC shall be a limited liability company with each joint venture having liability towards third parties (outside the joint venture) limited to its contribution to the legal capital of the JVC.
- 3.2. The JVC being an independent juridical person shall have no liability whatsoever for the debts or any other liabilities of either of the parties.
- 3.3. The parties shall have no liability whatsoever, beyond their respective contributions to the legal capital of the JVC, for the debts and any other liabilities of the JVC.

Article 4: Purpose

- Exploiting and producing mineral water in Que Loc commune, Que Son district of Quang Nam province.
- Selling and distributing the products of the joint venture company in the domestic market and export.
- In future will extend to manufacturing fruit juice to export

Article 5: Name and address of Joint Venture Enterprise

5.1 The name of the JVC shall be:

- In Vietnamese : CONG TY LIEN DOANH KHAI THAC NUOC KHONG THIEN NHIEU XUAT KHAU VIET PHAP
- In English : VIETNAM FRENCH EXPLOIT NATURAL MINERAL WATER EXPORT COMPANY LTD. "LA FONTAINE"

5.2 The head office of the JVC shall be located at Que Loc commune, Que Son district of Quang Nam province.

5.3 During the course of its business operation, the JVC may, upon the decision of the Board of Management, change its head office or establish branch offices or representative offices or other premises in Vietnam or elsewhere.

Article 6: Business plan:

Year I :	6,000,000	1.5 litre bottles
	14,000,000	0.5 litre bottles
Year II :	10,000,000	1.5 litre bottles
	14,000,000	0.5 litre bottles
Year III :	10,000,000	1.5 litre bottles
	18,000,000	0.5 litre bottles
Year IV:	10,000,000	1.5 litre bottles
	20,000,000	0.5 litre bottles

Article 7: Capital

- 7.1. The estimated total invested capital of the JVC shall be US\$ 11.283.000 (eleven million two hundred eighty three thousand US dollars).
- 7.2. The Legal Capital of the JVC to be contributed by the Parties shall be US\$ 3.383.000 (three million three hundred eighty three thousand US Dollars) of which:
- 7.2.1. The Vietnamese Party shall contribute US\$ 900,000 which is equal to 26,6 % of the legal capital.
- 7.2.2. The Foreign Party shall contribute US\$ 2.483.000 which is equal to 73,4 % of the legal capital of which:
- GMD INTERNATIONAL HOLDING shall contribute 68,4%
 - PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. shall contribute 5%
- 7.3. The loan capital of the JVC shall be US\$ 7.900,000. The Foreign Party shall assist the JVC in obtaining the loan at the minimum international interest rate at the time of borrowing not exceeding 8%-9% per year with the loan duration being from 5 to 7 years and the interest being paid from the second year. In the event that the JVC fails to obtain the loans directly from the banks, Foreign Party shall make the loan to the JVC either directly or indirectly at terms similar to the terms above stated.

- 7.4. The value of the capital contribution made by each party in forms of other than cash shall be agreed upon by the parties based on the parties' assessment of international market prices that shall be applicable at the time the contribution is made and expressed in US Dollars and the legal documents shall have to be presented.
- 5.5. During the operation process, the JVC can mobilise additional capital for its business, provided this mobilisation must be agreed upon by the Board of Management.

Article 8: Increase in Legal Capital

- 8.1 When necessary, the legal capital shall be increased either by reinvesting the profits earned by the JVC or by additional capital contributions by the parties. The increase in the legal capital must be agreed by the Board of Management and approved by the Ministry of Planning and Investment.
- 8.2 The capital contribution ratios of the parties through the duration of the joint venture shall be as follows:
- From the first year until the fifth year in which the total capital fully recovered :

- The Vietnamese Party	: 26,6 %
- The Foreign Party	: 73,4 %
 - From the year sixth (6th) to the end of the project, the Vietnamese party can buy shares from the Foreign Party , each year maximum is 1%

Article 9: Assignment of Capital Contribution

- 9.1. During the operation process of the JVC, each of the parties shall be entitled to assign part or the whole of its capital contribution in the JVC and, in so doing, shall give priority to the other parties to the JVC. In case the other joint venture party refuses to accept the offer and take up part or the whole of capital contribution of the intending assignor, this capital contribution can be assigned to a third party to be agreed by the other parties. The assignor is obliged to notify the other party in writing of the assignment of the capital at least ninety (90) days in advance. Terms and conditions for assigning capital to

the third party shall not be favourable than those offered to the other joint venture parties. The assignment of capital come into effect only when being agreed by the Board of Management and approved by the Ministry of Planning and Investment.

- 9.2. The assignee, upon the completion of the assignment, shall take full responsibilities and entitlements of the assignor.

Article 10: Duration of Joint Venture Enterprise

The duration of the JVC shall be twenty five (25) years commencing from the date of issue of the Investment License. In case the joint venture parties agree to extend the duration specified in the Investment License, at least six (6) months prior to the expiry of the JVC's duration, the joint venture parties shall have to submit the application form for extending the JVC's duration to the Ministry of Planning and Investment for consideration and approval.

Article 11: Board of Management

- 11.1 The highest body in charge of the JVC is its Board of Management which shall have the power to make decisions on all important matters in relation to the JVC except matters provided by this Contract, the Charter or the Law on Foreign Investment as reserved for the exclusive determination of the parties to the JVC or other persons.
- 11.2 The date of issue of the Investment Licence and certificate of registration of the Charter shall be the date of establishment of the Board of Management of the JVC. The duration of the Board of Management shall be five (5) years.
- 11.3 The number of representatives of each Party in the Board of Management shall correspond to the contribution of each party into the legal capital of the joint venture. The Board of Management shall comprise six (06) members of whom four (04) shall be appointed by the Foreign Party and two (02) by the Vietnamese Party. Any party shall be entitled at any time to remove or substitute any member or members of the Board of Management so appointed by it, and to appoint another member in place of the member removed for any proper reason provided that the other Joint Venture Party shall be so

informed at least 30 days after an official decision to such effect has been issued in writing.

- 11.4 Any such appointment or removal or replacement shall be made by notice in writing lodged at the head office of the JVC or delivered to a duly constituted meeting of the Board of Management. Any such appointment or removal shall take effect as at the time of such lodgment or delivery or at such later time as shall be specified in such notice.

Any party removing its member from the Board of Management shall be responsible for and shall indemnify the other party and the JVC against any claim by such member for unfair or wrongful dismissal or other compensation to the other Parties and to the Joint Venture.

- 11.5 For the first term, The Chairman of the Board of Management and the second Vice Chairman of the Board of Management shall be a representative of the Foreign Party and appointed by the Foreign Party; and the first Vice Chairman of the Board of Management shall be a representative of the Vietnamese Party and appointed by the Vietnamese Party. The Board of Management shall be reappointed on expiry of each term.
- 11.6 The Board of Management shall have the necessary powers to establish the general policy of the JVC and to enable its members to protect the respective interest of the parties. The general policy of the JVC shall encompass policies on financial, marketing, sales and pricing matters as well as general management matters.
- 11.7 The regulations of the Board of Management is in accordance with the interests of the JVC and the regulations concerning the Law on Foreign Investment in Vietnam. Within 6 months after the date of the issuance of the Investment Licence, the Board of Management must draft and ratify the Regulations of the Board of Management, which contains the following principle contents :
- 11.7.1 Regulations on the keeping of documents, resolutions of the Board of Management.
- 11.7.2 Regulations on the usual and ad hoc meetings.

11.7.3.Regulations on the conditions on which the resolutions can be sent to the members of the Board of Management and be ratified and not require a meeting.

11.7.4.Regulations on the preparations of the contents of the meetings.

11.7.5.Regulations on the nominations of secretary (if necessary) and the responsibilities of the secretary, etc.

11.7.6.The languages used in the meeting are Vietnamese and English

11.8 Each party is entitled to replace its members at any time provided that the other parties must be informed in advance at least 30 days and this replacement is not detrimental to the activities of the JVC. The term of this new member will commence since it is certified by the Board of Management and will terminate on the same day as other members.

Article 12: Functions and Powers of the Board of Management

12.1 In addition to the stipulations referred to in Article 11, the Board of Management shall have the following functions and powers :

12.1.1 Representing the JVC in front of laws;

12.1.2. Approving the appointment of General Director, First Deputy General Director and Chief Accountant;

12.1.3. Making decision on the share of capital contribution of the parties, approving the schedule of capital contribution and endorsing the capital contribution of the parties;

12.1.4. Making decision on the program and operation plan of the JVC serving as the basis for the General Director and Deputy General Director to set forth the plan of management, business and purchasing of materials, equipment and machineries, commodities, services and labour, etc;

12.1.5 Approving the annual balancesheet to be submitted to the Ministry of Planning and Investment and the Ministry of Finance;

12.1.6. Determining the profit distribution;

12.1.7. Making decision on financial policy, especially on the increase of the investment capital, reinvestment of profits, decisions on medium or long term loans or lending, choice of banks, delegation of power to sign financial documents, decisions on depreciation rate, on the distribution of reserve funds and other funds and methods of evaluating the existing assets;

12.1.8. Making decision on commercial policies including prices and import and export terms and conditions, distribution methods and market research, long term commitment of material supply for the JVC and on the opening of branches or negotiation for setting up agents;

12.1.9. Approving annual plans of the JVC :

- Annual budget plan
- Business plan
- Marketing plan
- Annual profit plan

12.1.10. Making decision on the employment of experts to manage the JVC

12.1.11. Making decision on the salary scales for the Directors and the payroll for the employees of the JVC;

12.1.12. Determining the size of the labour force and qualifications for each position

12.1.13. Approving proposals for appointment and conditions or employment;

12.1.14. Determining the extension or dissolution of the JVC;

12.1.15. Making decision on other matters contemplated in the JV Contract or this Charter to be within the competence of the Board of Management.

- 12.2 Subject to the provisions of this JV Charter, the JV Contract and the Law on Foreign Investment in Vietnam, the Board of Management may delegate any of its powers to the General Director and/or the Deputy General Directors.

Article 13: Proceedings of the Board of Management

- 13.1 The Board of Management shall make decisions at its meetings. Meetings of the Board of Management shall be convened and held as and when necessary, provided that the Board meets at least once a year. The Chairman of the Board may (on its own initiative or further to the request of the General Director or any of the Deputy General Directors), and shall at the request of a majority of its members, call a meeting of the Board of Management and such matters as any of such aforesaid persons requests shall be included in the agenda for the meeting.
- 13.2 The Chairman of the Board shall preside at all meetings of the Board of Management. In the absence of the Chairman, the Vice Chairman shall perform the duties of the Chairman.
- 13.3 Meetings of the Board of Management shall be held at such places, either in Vietnam or elsewhere, as the Board of Management may determine and may be conducted by telephone conference if so agreed by all the members.
- 13.4 Unless such requirement is waived in writing by all members, procedures to convene the Board meeting which are referred in Article 13.3 must be unanimously agreed by the members of the Board of Management. The Chairman of the Board of Management must send to all members of the Board of Management not less than twenty one (21) days' prior notice. The notice shall state the date, time and place of the meeting. When the meeting is confirmed to take place, a written agenda specifying the matters to be raised at any meeting of the Board of Management shall no less than thirty (30) days prior to the date of the meeting be sent to all members.
- 13.5 The members shall cause minutes to be made of all proceedings at all meetings of the Board of Management. Such minutes shall be signed by all the members present or their proxies. The minutes shall be made in both English and Vietnamese.

- 13.6 Any meeting of the Board of Management shall only be effective with the attendance of at least two third (2/3) of the members of the Board of Management representing all the parties to the joint venture
- 13.7 A member of the Board of Management may delegate a proxy to attend Board meetings and vote on his or her behalf. The appointment of the proxy may be in respect of a particular meeting or may be an appointment which will be effective over a specified period of time in respect of all meetings held during that period and at which the member of the Board of Management shall be absent. The proxy may be appointed from one of the other members of the Board of Management who will be entitled to cast a vote for each one of the members in respect of whom he acts as proxy. Any member of the Board of Management who is represented by proxy shall further be counted towards the quorum even though he is not personally present at the relevant meeting of the Board. Every appointment and revocation of a proxy shall be made by instrument in writing signed by the member making or revoking such appointment and shall take effect only when legally endorsed by authorised offices or the notary public offices and deposited at the head office of the Joint Venture Enterprise, or at such other place as is specified for that purpose in the notice convening the Board meeting.
- 13.8. A decision in writing signed by two thirds (1/2) of the members of the Board of Management, or in the case of decisions requiring the unanimous votes of all the members, signed by all the members shall be valid and effectual as if it had been passed at a meeting of the Board of Management duly convened and held and may consist of several documents in the like form each signed by one or more members.

Article 14 : Decision of the Board of Management

- 14.1 A unanimous vote of all the members of the Board of Management who are present at the meeting shall be required for a decision in relation to any of the following matters:
- 14.1.1. The annual and long term operation and business plan of the Joint Venture Enterprise, its budget, and borrowings, approval of investment balancesheet, annual balancesheet of the JVC, assignment of capital

14.1.2. Amendment of, and additions to, this Joint Venture Charter.

14.1.3. Appointment and replacement of the Chairman of the Board of Management, the General Director, the Deputy General Directors, the Chief Accountant and the head of the liquidation committee of the Joint Venture Enterprise.

14.1.4. Authorising the General Director and Deputy General Director to solve problems within their own authority in special cases.

14.2 Decisions made by the Board of Management on matters other than that provided in Article 14.1 shall be valid only if they have been approved by majority voting of the present members of the Board of Management.

Article 15: Officers

15.1 The JVC shall have a General Director, two Deputy General Directors and a Chief Accountant.

15.2 The General Director shall be nominated by the Foreign Party; The First Deputy General Director nominated by the Vietnamese Party and both shall be appointed by the Board of Management.

15.3 The Chief Accountant shall be Vietnamese nationals nominated by the Vietnamese Party or by the Foreign Party and appointed by the Board of Management.

15.4 The party which nominated any employee shall be entitled to nominate another employee in place of any officer so nominated who for any reason ceases to be an employee.

15.5 The Board of Management shall determine the respective responsibilities and powers of the General Director and the Deputy General Directors in conformity with this Article and the Joint Venture Charter.

Article 16: Responsibilities And Powers of Officers

16.1 The General Director and Deputy General Directors shall be appointed by the Board of Management to conduct the day-to-day business of the Joint Venture Enterprise and shall be responsible to it.

for the management and conduct of the day-to-day business of the Joint Venture Enterprise. The General Director, the Deputy General Directors and the Chief Accountant shall sign labour contracts with the Board of Management.

- 16.2 The General Director shall be the chief executive of the Joint Venture Enterprise and, when authorised by the Board of Management he shall represent the Joint Venture Enterprise before the court, the Vietnamese authorities and all third parties, and in other matters such as the negotiation and conclusion of contracts. Following the decision of the Board of Management, he may redelegate his general or special authority to represent the Joint Venture Enterprise to any of the Deputy General Directors or other key personnel.
- 16.3 The General Director shall supervise the whole activities of the JVC in general and the General Director shall be able to sign all contracts and other documents of the JVC as authorized by the Board of Management, and handle other duties in relation to the General Director's work required by the Board of Management.
- 16.4 The General Director shall be responsible and assure that all decisions made by the Board of Management shall be implemented in accordance with the provisions of the Joint Venture Contract and this Joint Venture Charter.
- 16.5 In the event of any disagreement or difference which arises or occurs between the General Director and the Deputy General Directors in relation to anything or matter arising out of or in connection with the management, operation and conduct of the business of the Joint Venture Enterprise, the opinion or decision of the General Director shall be implemented. Provided that the opinion of the Deputy General Directors shall be reserved and submitted to the Board of Management for its decision at the next meeting of the Board of Management or at a meeting of the Board of Management convened by the Chairman upon the proposal of the Deputy General Directors.
- 16.6 Immediately following their appointments, the General Director and Deputy General Directors shall carry out the following administrative procedures:

- 16.6.1 Arrange to have a seal of the enterprise made and registered in accordance with the requirements of the model provided by the Ministry of Interior.
- 16.6.2 Register with the local authorities the permanent residential addresses of all Vietnamese persons and foreigners who are employed to work at the Joint Venture Enterprise.
- 16.6.3 Open accounts of the Joint Venture Company at the Bank for Foreign Trade of Vietnam or other Vietnamese banks, joint venture banks or branches of foreign banks established in Vietnam or open borrowing accounts (if any) with banks located in foreign countries.
- 16.6.4 Register with the Ministry of Finance the system of accounts adopted.
- 16.6.5 Carry out all necessary procedures and sign the necessary contracts in relation to the establishment of communication services such as telephone, telex and facsimile.
- 16.6.6 Register the plan for labour recruitment as approved by the Board of Management with the labour office of the province, city or special zone under central authority.
- 16.6.7 Draw up an inventory of equipment, machinery and materials required to be imported for the purposes of the operations of the Joint Venture Enterprise, in accordance with the details of the feasibility study already approved and issued the Investment Licence by the Ministry of Planning and Investment. The list of the inventory of equipment, machinery and materials shall be submitted to the Ministry of Commerce for approval and issue of Import Licence.
- 16.6.8 Sign appropriate contracts of insurance with insurance organizations in accordance with the provisions in the Joint Venture Contract and this Joint Venture Charter.
- 16.6.9 Sign labour, economic and service contracts with the various organisations concerned.

16.6.10 Within thirty (30) days from the date of issue of the Investment Licence, cause to be published in a local or central newspaper, the following information:

-the full names, addresses and representatives of the parties to the Joint Venture Enterprise;

-the name and address of the Joint Venture Enterprise and its business activities;

-the invested capital, the prescribed capital and the proportion of the prescribed capital to be contributed;

-the representatives of the Joint Venture Enterprise before the law courts, arbitration bodies and other state bodies of Vietnam; and

-the proposed duration of the Joint Venture Enterprise and the date of the issue of the Investment Licence.

- 16.7 The General Director or Deputy General Directors shall not, either jointly or severally, approve capital expenditures or take any decision which may result in any cost, expense or liability for the Joint Venture Enterprise in excess of US\$10,000.00 or its equivalent without the express approval of the Board of Management. The Board of Management shall further establish authorization procedures for any and all expenses and liabilities to be incurred and the General Director, Deputy General Directors and the Chief Accountant shall abide by all such said procedures.
- 16.8 During the absence or disability of the General Director, the First Deputy General Director shall exercise all the functions as authorized by the General Director.
- 16.9 The Secretary shall issue notices of all meetings, make minutes of all proceedings at all meetings, have charge of the seal and corporate books, and make such reports or perform other duties as may be properly required of him by the Board of Management.
- 16.10 The Chief Accountant shall have the custody of all monies and securities of the Joint Venture Enterprise, and shall keep regular books of account. He shall disburse the funds of the Joint Venture

9

Enterprise in payment of the just demands of the Joint Venture Enterprise, or as may be ordered by the Board of Management, taking proper vouchers for such disbursements. He shall render to the Board of Management from time to time as may be required of him an account of all his transactions as Chief Accountant and of the financial condition of the Joint Venture Enterprise. He shall perform all duties incident to his office, or as are properly required of him by the Board of Management.

- 16.11 The Board of Management may appoint such other officers or agents as it shall deem necessary, who shall hold their offices for such terms, and shall exercise such powers and perform such duties, as shall be determined by the Board of Management.

Article 17: Labour

- 17.1 In all cases of using employees for the Joint Venture Enterprise, separate labour contracts in writing must be signed between the Directors and each labourer. The General Director, Deputy General Directors and Chief Accountant shall sign labour contracts with the Chairman of the Board of Management. The Vietnamese citizens shall be give priority to be employed for the JVC through the introduction of local labour office or authorized labour supply company or an investment service company in accordance with the criteria and qualifications specified by the Joint Venture Company. In all cases, employees recommended by the Vietnamese Party shall be given priority to be employed in accordance with the specifications declared to the labour bodies.
- 17.2 The JVC shall be entitled to recruit Vietnamese nationals in the following ways:
- 17.2.1. Recruit people recommended by the local labour office who meet the qualities and standards as required by the JVC.
 - 17.2.2. Engage a labour supply company or an investment service company to recruit labour according to the standards and qualities as required by the JVC.
 - 17.2.3. In the event that people recommended by the local labour office or by the labour supply company or the investment service company fail to meet the requirements of the JVC, the

9

JVC may wide advertise to recruit employees from other localities provided that the local labour office shall be so informed.

- 17.3 On the basis of free and voluntary collective negotiation, the General Director of the Joint Venture Enterprise, or a person authorized by him, together with the labour representative shall sign a collective labour agreement not later than six (6) months after the date of commencement of its operation. The collective labour agreement may include the following initial items: the salary to be paid in respect of each type of occupation, working conditions, occupational safety, social insurance, collective welfare, non - strike commitment and other items agreed upon by the parties.
- 17.4 Salaries of Vietnamese staff working in the JVC are paid in Vietnamese Dong and where applicable converted from foreign currency at the exchange rate published by the State Bank at the time of payment. The minimum salary shall be paid USD 40 per month as paid to simple work in the first year.
- 17.5 Salaries of employees in the JVC are decided on the basis of equality between nationals and foreigners. The specific level of salary of employees shall be determined by the Board of Management.
- 17.6 The JVC shall pay salaries and another allowances to the employees directly, fully, on time and at the place of work. All expenses are paid in cash.
- 17.7 Salaries of the General Director, Deputy General Directors and other executive employees are decided by the Board of Management themselves. Salaries of the other employees are proposed to the Board of Management for consideration by the General Director.
- 17.8 Foreigners working in the JVC and earning income, after paying individual income tax, are permitted to transfer the remaining income abroad in accordance with the Foreign Exchange Regulations of Vietnam.
- 17.9 All matters concerning employees in the JVC such as recruitment, training, labour contract, collective labour agreement, working hour and holiday, salaries and wages, social insurance, labour control,

91

settlement of labour disputes must be corresponding to the provisions of the Labour Code.

Article 18: Procurement of Equipment

Priority shall be given to the procurement, in Vietnam, of articles, commodities, equipment, spare parts, transport vehicles in the Vietnamese market provided they meet all technical and commercial specifications and so long as the quantities, delivery dates, quality, prices and other terms and conditions are at least as favourable to the Joint Venture Enterprise as competitive products offered by third parties abroad. The JVC shall be able to buy from abroad these products which enjoy more favourable terms and conditions.

Article 19: Bank Accounts

- 19.1 The Joint Venture Enterprise shall open its bank accounts in both Vietnamese currency and foreign currency with the Bank for Foreign Trade of Vietnam or such other Vietnamese commercial banks, joint venture banks or foreign bank branches established in Vietnam agreed by the Board of Management and approved by the State Bank of Vietnam.
- 19.2 During the operation process, in case of needing to borrow capital from abroad, the JVC shall be able to open borrowing accounts with banks located abroad and this must be in accordance with the Law on Foreign Investment in Vietnam.
- 19.3 The persons authorized to operate such bank accounts and draw cheques on them shall be any two (2) persons as the Board of Management may decide.

Article 20: Accounting and Statistics

- 20.1 The Joint Venture Enterprise shall keep all records and accounts in compliance with all applicable laws in Vietnam having mandatory application to the matter and with internationally accepted accounting principles, standards and practices. The above mentioned principles must be approved by the Ministry of Finance and the General Department of Statistics of Vietnam

The accounting and statistic books and accounts of the JVC shall have to be inspected by a Vietnamese auditing company or an international auditing company registered to operate in Vietnam in accordance with the Vietnamese laws; The auditing company shall be appointed by the Board of Management.

20.2 The monetary unit to be used in bookkeeping shall be US Dollar. All records and accounts shall be kept in the Vietnamese and in English.

20.3 The depreciation rate of the fixed assets of the Joint Venture Enterprise shall be taken as follows:

- The mining right and land used the right 5% per year
- Compensation expenses 10% per year
- Buildings and structures 5% per year
- Production equipment 15% per year
- Office equipment 20% per year
- Vehicles 10% per year

20.4 Allocations for reserve and expansion funds of the Joint Venture Enterprise and welfare funds and bonuses for staff and workers shall be set aside in accordance with the laws of Vietnam. The usage of funds shall be decided by the Board of Management. The proportion of profits to be allocated to other funds shall be decided by the Board of Management according to the business and financial situation of the Joint Venture Enterprise.

Article 21: Fiscal year

21.1 The fiscal year of the Joint Venture Enterprise shall commence on the first day of January and end on the thirty-first day of December every year. The first fiscal year shall commence from the date of issue of the Investment Licence and end on the thirty-first day of December of the year in question.

21.2 At the end of each fiscal year, the Joint Venture Enterprise shall prepare an accounts report in both the Vietnamese and English language consisting of the accounting balance sheet, the profit and loss statement and a report by the Board of Management. The accounts report of the Joint Venture Enterprise shall be examined and verified by the auditing company as referred to in Article 20.1 and submitted to the Ministry of Planning and Investment and the tax

office of the Ministry of Finance within three (3) months from the close of its fiscal year and shall be available for inspection by either party or its representative at any reasonable time.

Article 22: Taxes

- 22.1 Machinery, equipment, commodities, materials, spare parts, means of transport and necessary things imported for the capital of capital construction of the JVC shall be exempted from import tax.
- 22.2 Should the tax regime relating to enterprises with foreign owned capital in Vietnam be amended to be more favourable, then, subject to any relevant approval that may be required by the laws of Vietnam, the Joint Venture Enterprise's tax regime (or any category of relating tax) shall be correspondingly amended.
- 22.3. The JVC and the joint venture parties are entitled to pay the profit tax, turnover tax, withholding tax, etc. and other financial liabilities in accordance with the Vietnamese current laws.

Article 23: Distribution of Profits and risks

After finishing all financial obligations to the Vietnamese Government and setting up funds, reserves required by the Law on Foreign Investment in Vietnam, the remaining profits and risks shall be distributed to the joint venture parties according to the proportion of each party's contribution to the legal capital at the time of profit distribution as referred to in clause 2 of article 8 of the Joint Venture Contract.

Article 24: Use of currency

- 24.1 Vietnamese currency shall be used to make all purchases by the JVC of local materials or supplies, to pay wages to its Vietnamese staff and workers, to pay local taxes, or to make any other local expenditure, including for the purchase of electricity, water and other utilities in accordance with the Vietnamese laws.
- 24.2 To the extent that the JVC needs to purchase articles, commodities, components, equipment, goods, machinery, materials, products, spare parts, transport vehicles and substances abroad, pay foreign

consultants or staff and workers wages, or to make any other foreign expenditure, foreign currency may be used.

Article 25: Insurance

The assets of the JVC shall be insured by the Vietnam Insurance Company (BAOVIET) or another international insurance company . The Board of Management shall make the decision related to the appointment of such insurance company.

Article 26: Reserve And Other Funds And Bonuses

Allocations for reserve and expansion funds of the Joint Venture Enterprise and welfare funds and bonuses for staff and workers shall be set aside in accordance with the laws of Vietnam. The percentage of after-tax profits to be set aside to establish the reserve fund shall be determined by the Board of Management. The use of the reserve funds shall also be determined by the Board of Management. The proportion of profits to be allocated to other funds shall be decided by the Board of Management according to the business and financial situation of the Joint Venture Enterprise.

Article 27: Inspection

Each of the parties or its representatives shall be entitled at all reasonable times to inspect the books, accounts, records, premises and all other things materials to the business and operation of the Joint Venture Enterprise and for this purpose to enter the head office or any other premises used in connection with such business and operation.

Article 28: Board Of Inspection

- 28.1 The Joint Venture Enterprise shall establish the Board of Inspection which shall carry out the monitoring of all financial and business activities of the Joint Venture Enterprise. The head and the members of the Board of Inspection shall be appointed by the Board of

Management. The Board of Inspection shall consist of two (2) members and their term of office shall be three (3) years.

- 28.2 The Board of Inspection shall be responsible to the Board of Management. It shall submit to the Board of Management reports of the inspection carried out by it together with its assessment of the accounts reports of the Joint Venture Enterprise.

Article 29: Use Of Assets

The Joint Venture Enterprise shall use its assets in conformity with its operational objectives and with the function of each type of asset. The parties have no private right to the assets of the Joint Venture Enterprise including the assets they have contributed to the prescribed capital.

Article 30: Rights of Parties to Terminate Joint Venture Contract

- 30.1 This Contract shall be terminated in the following circumstances:

30.1.1 Upon expiry of the duration of the JVC or any extensions thereof.

30.1.2 Upon declaration by the Economic Court of Vietnam of the bankruptcy of the JVC pursuant to the laws currently in force.

30.1.3 If the Ministry of Planning and Investment issues a decision to withdraw the Investment Licence.

30.1.4 As provided in Article 30.2 of the Joint Venture Contract.

30.1.5 If the parties agree to discharge themselves of their obligations under the Joint Venture Contract and the termination of the Contract is approved by the Ministry of Planning and Investment.

30.1.6 Upon any party giving notice of its intention to terminate this Contract:

25

30.1.6.1. Upon the occurrence of any event of force majeure which continues for a period of six (6) months provided that the party seeking to terminate has furnished the other party with such evidence as it can reasonably give of the event and the steps taken to avert or limit the consequences of such event (where it is the party affected by the force majeure) and has used its best endeavours to avert or limit the consequences of such event;

30.1.6.2. When the JVC have suffered losses so heavy that it can not operate any longer;

30.1.7 Upon a party or parties issuing a notice to terminate this Contract in the event at any time of a breach of any material term of this Contract by another party ("the defaulting party") and the failure of such defaulting party to remedy such breach after the defaulting party shall have received a request by notice in writing from the first-mentioned party or parties to remedy the breach within fourteen (14) days of the request without valid excuses.

30.1.8. Upon government new regulations, the change of any law, or any change in the application of any law, or compliance with any request of any governmental authority, or any change in circumstance which adversely affects the financial position of the Foreign Parties, the amount of the profit expectations of the Foreign Parties, the effective return of its investment in the JVC or its ability to receive profits and/or repay of capital; or

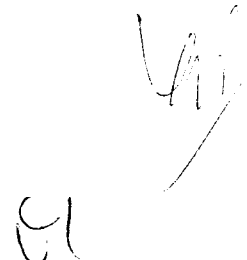
30.2 Any termination of this Contract shall be without prejudice to any rights and liabilities which have accrued under the Contract and this Charter including without limitation the right of any party to damages suffered in respect of any default of the another party.

Article 31: Dissolution of the JVC

Any decision on purpose of dissolving the JVC prior to the expiry of the duration (including prior to the expiry of the duration extended) shall be agreed by the Board of Management and submitted to the Ministry of Planning and Investment for approval.

Article 32: Liquidation

- 32.1 At least 06 months prior to the expiry of the JVC or within 01 month after the decision to dissolve the JVC prior to its expiry, the Board of Management shall set up the Liquidation Board of the JVC consisting of 04 members. One each shall be from the parties and one shall be from an auditing company as agreed by the parties. The Liquidation Board shall prepare its procedures of operation. The members of Liquidation Board may be selected among the staff of the JVC or experts outside the JVC. All expenses arising from the Liquidation are payable by the JVC with the priority of payment over other liabilities of the JVC.
- 32.2 The Liquidation Board of JVC shall be liable to report to the Ministry of Planning and Investment the date of its establishment and the date when it commences its operation. From this time on, the Liquidation Board shall represent the JVC in all business related to liquidation process before the Court and administrative offices.
- 32.3 The term of the Liquidation Board shall not exceed 06 months. In special case, with the approval of the Ministry of Planning and Investment, this term may be extended provided that it does not exceed one year. Both due and not yet due debts shall be paid without delay.
- 32.4 The amount of money received from the liquidation shall be paid according to the following order:
- 32.4.1 Liquidation expenses
 - 32.4.2 salaries and insurance premiums due by the Joint Venture Enterprise to or in respect of employees;
 - 32.4.3 taxes and imposts in the nature of tax which the Joint Venture Enterprise is liable to pay to the state of Vietnam;
 - 32.4.4 loans of the Joint Venture (if any);
 - 32.4.5 other liabilities of the Joint Venture Enterprise.
- 32.5 After settling all items provided in the Article 32.4, the remaining assets of the Joint Venture Company shall be settled in accordance with Article 11 of the Joint Venture Contract.

Handwritten signature and initials in the bottom right corner of the page.

Article 33: Termination Of Operation Of Branches

The operation of the branches and representative offices (if any) of the Joint Venture Company shall be terminated simultaneously with the dissolution of the Joint Venture Company and according to the terms of the dissolution of the Joint Venture Company.

Article 34: Establishment Of New Joint Venture

The Joint Venture Company shall be able to establish a new joint venture with foreign organization or individual provided the unanimous vote of the Board of Management and approval of the Ministry of Planning and Investment .

Article 35: Amendments, Additions to the Joint venture Charter

Any amendment and addition to this Joint Venture Charter shall be unanimously approved by the Board of Management and approved by the Ministry of Planning and Investment.

Article 36: Effective Date

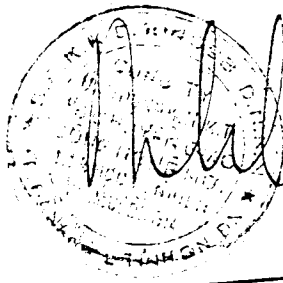
This Joint Venture Charter shall become effective from the date of the issue of the Investment Licence and certificate of registration of this Joint Venture Charter by the Ministry of Planning and Investment.



This Joint Venture Charter made in DaNang in eight (08) original versions on 28/12/1996..... in Vietnamese and in English. both versions having equal validity.

FOR THE VIETNAMESE PARTY

FOR THE FOREIGN PARTY



Nguyễn Xuân Huệ

[Handwritten signature]
[Handwritten signature]

GIẢI TRÌNH KINH TẾ KỸ THUẬT
DỰ ÁN SẢN XUẤT NƯỚC KHOÁNG
VIỆT PHÁP TẠI QUẾ LỘC

CHƯƠNG MỘT

SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Nước khoáng là một loại nước thiên nhiên tồn tại và lưu thông trong lòng đất, có thành phần và tính chất đặc biệt như chứa một số hợp phần muối ion, khí... với hàm lượng lớn, có hoạt tính sinh học, có tác dụng bồi dưỡng tăng cường sức khỏe, phòng và chống một số bệnh cho người có hiệu quả.

Ngày nay trên thế giới con người đã khai thác sử dụng nước khoáng vào nhiều mục đích khác nhau : tắm, ngâm tắm, điều trị bệnh, làm nguyên liệu điều chế các nguyên tố quý hiếm như Br, Z, Bo... và làm nước giải khát phục

vụ nhu cầu tiêu dùng nước và xuất khẩu. Nước khoáng giải khát đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được của một số quốc gia.

Nước ta nói chung, tỉnh Quảng nam - Đà Nẵng nói riêng có nguồn tài nguyên nước khoáng khá phong phú và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về trữ lượng, chất lượng nước khoáng giải khát đóng chai.

Trong những năm chuyển đổi nền kinh tế mở cửa đã có nhiều tổ chức doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư khai thác nước khoáng giải khát đóng chai phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trong nước và tiến tới xuất khẩu. Hàng năm, các doanh nghiệp đã đưa ra thị trường tiêu thụ một lượng nước khoáng giải khát đáng kể, thế nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của nhân dân trong nước, bởi vậy thị trường Việt Nam hàng năm cũng đã phải nhập ngoại một số lượng nước khoáng khá lớn.

Nghiên cứu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, điều kiện địa chất thủy văn, chất lượng, trữ lượng khai thác nguồn nước khoáng Quế Lộc, cũng như điều kiện thuận lợi về giao thông, cảnh quan môi trường, mặt bằng xây dựng nhà máy sản xuất. Công ty Ung dụng KHKT về chuyển giao công nghệ mới thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ Quốc gia cùng Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING lập đề án khai thác nước khoáng

nóng Quế Lộc - Quảng Nam Đà Nẵng để trình các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác sử dụng.

Để khai thác nước khoáng Quế Lộc được thành lập trên cơ sở báo cáo tổng hợp nguồn nước khoáng Quế Lộc. Quế Phong huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng do phân viện Công nghệ khoáng sản và môi trường thuộc Viện khoa học vật liệu của Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia thành lập. Nội dung chủ yếu của đề án được trình bày tỷ mỉ các vấn đề có liên quan đến điều kiện tự nhiên, địa chất, địa chất thủy văn, chất lượng, trữ lượng khai thác của nguồn nước khoáng khai thác, cấu trúc giếng khoan khai thác, dây chuyền công nghệ xử lý nước, đối bảo vệ vệ sinh nguồn nước khai thác và môi trường liên quan; Chế độ quan trắc động thái lưu lượng, mực nước, nhiệt độ nước, lấy mẫu kiểm tra chất lượng của nguồn nước trong quá trình khai thác sử dụng...

1. Khai thác, sử dụng, kinh doanh nước khoáng được các quốc gia chú ý rất sớm. Ở các nước Tây Âu ngoài việc tạo ra những khu du lịch nghỉ mát ở những nơi có nguồn nước khoáng nóng Lộ Thiên được phát triển thì việc sản xuất nước khoáng đóng chai trong tiêu dùng cũng khá phát triển. Tiêu biểu là ở Pháp, Anh với nhiều nguồn nước nóng có giá trị khoáng cao hoặc Liên Xô. Trong thập niên 80 một số quốc gia khu vực Châu Á như Singapor, Đài loan, Pilippine cũng đã ra đời những nhà máy sản xuất nước khoáng và đã sớm có sản phẩm trên thị trường Việt nam. Hàng hóa nước khoáng, nước tinh khiết được các thị trường ở các nước Trung cận Đông, Nam Mỹ tiêu thụ mạnh mẽ.

2. Việt nam với địa hình đa dạng, phức hợp vì vậy các mỏ khoáng sạch được hình thành và phân bố khắp lãnh thổ. Do điều kiện chiến tranh vì vậy sau khi hòa bình ngành địa chất Việt nam mới tổ chức khảo sát. Theo đánh giá của địa chất năm 1978, Việt nam có trên 200 điểm nước khoáng được tìm thấy, tập trung ở khu vực miền Trung, Tây nguyên, dọc những núi đồi của sườn phía Đông Tây Trường Sơn. Trong đó phần lớn là những đoạn xuất lộ và một số ít điểm đi thăm dò địa chất phục vụ địa chất, khai khoáng phát hiện. Vì vậy so với thế giới việc khai thác, sản xuất kinh doanh nước khoáng Việt nam quả còn mới mẻ. Trước năm 1940 tại Miền nam nơi duy nhất sản xuất loại nước này là một cơ sở sản xuất của người Pháp có tên sản phẩm, nước suối Vĩnh Hảo tồn tại cho đến ngày giải phóng. Sau giải phóng vài năm cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống, ngoài các loại nước giải khát

truyền thống như bia, nước ngọt, nước hoa quả nước khoáng đã dần dần đi sâu vào đời sống người Việt nam. Tuy nhiên việc hiểu biết giá trị công dụng và tiêu thụ nước khoáng trong các thành phố, thị trấn chỉ mấy năm gần đây. Hơn nữa ngoài nhu cầu tiêu dùng phát triển, việc cải cách nền kinh tế đất nước đã kích thích các nguồn lực phát triển nên việc xây dựng các cơ sở khai thác, sản xuất, kinh doanh nước khoáng nổi lên khá nhiều.

Nếu trước năm 90 thì ngoài một số ít chủng loại nước khoáng lưu hành tại Việt nam như nước suối Vĩnh Hảo, Đảnh Thanh với sản phẩm chai thủy tinh sản xuất trong nước kèm theo từ 4 đến 5 loại nước khoáng chai nhựa được nhập từ nước ngoài vào. Thị trường mặt hàng này chủ yếu là khách du lịch, các công chức cao cấp ở các công sở và một bộ phận rất nhỏ nhân dân ở đô thị.

Sau những năm 90 do đời sống nhân dân được nâng cao kèm theo việc mở cửa giao lưu kinh tế, văn hóa rộng rãi, đồng thời ý thức sử dụng nước uống trong lành, vô hạn, có chất lượng cao như nước khoáng được nâng cao thì nhu cầu sử dụng nước khoáng đóng chai trong đại bộ phận dân chúng nước tinh lọc tăng lên và mở rộng rõ rệt.

Tuy vậy tình hình tiêu thụ và thị trường nước khoáng hiện nay trên cả nước cũng chỉ ở giai đoạn ban đầu và còn nhỏ so với khả năng thực tế. Có thể nhận thấy tình hình trên như sau:

- Nước khoáng cũng chỉ được lưu hành và sử dụng trong một bộ phận nhân dân, chủ yếu là viên chức ở thành phố, thị trấn.

- Các nước giải khát khác có cồn và đường vẫn còn chiếm ưu thế. Vì vậy tồn tại song song với nước khoáng thiên nhiên, phần lớn nước ngọt được sản xuất từ nguyên liệu nước khoáng được tiêu thụ nhiều ở vùng nông thôn.

- Việc cho phép dễ dàng và mở ra ồ ạt các cơ sở sản xuất nước khoáng nhỏ là lẻ, kém chất lượng trong cùng một địa phương làm cho thị trường nước khoáng phong phú nhưng khó kiểm soát và làm cho người tiêu dùng nghi ngờ về giá trị và chất lượng mặt hàng này.

- Phạm vi lưu hành tiêu thụ mỗi loại nước khoáng được đóng khung trong một vài địa phương.

Trong gần 3 năm trở lại đây do việc chuyển đổi cơ chế, ngoài một vài cơ sở sản xuất nước khoáng có từ trước đã nổi lên hàng chục cơ sở sản xuất, kinh doanh nước khoáng với nhiều dạng được tung ra trên thị trường. Chính vì vậy mà cơ quan kiểm tra chất lượng Quốc gia là tổng cục đo lường chất lượng đã phải có riêng những qui định chặt chẽ hơn về nước khoáng và cho ra đời hội chất lượng nước khoáng Việt nam từ đầu năm 95 cũng nhằm mục đích nâng cao chất lượng nước khoáng Việt nam.

Tương lai, khi điều kiện kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, nhu cầu, sử dụng hàng thực phẩm có chất lượng cao là điều tất yếu. Chính vì vậy thì tình hình sản xuất cung ứng nước khoáng với qui mô nhỏ, lẻ, thủ công hoặc cũ kỹ sẽ không đáp ứng được nhu cầu trong nước. Đối với phần lớn các quốc gia ở vùng A rập, Trung Cận đông, một số nước ở Châu phi, nhu cầu nước uống như nước khoáng còn rất lớn. Do vậy việc đầu tư điều kiện và công nghệ tiên tiến để xây dựng các cơ sở sản xuất nước khoáng có qui mô lớn là một triển vọng to lớn đối với những quốc gia đang phát triển và có nguồn tài nguyên phong phú về nước khoáng nóng..

Người Việt nam sử dụng nguồn nước để sản xuất nước uống, tiêu dùng thì việc sử dụng tổng hợp chức năng nước khoáng trong dịch vụ, chữa bệnh, phục vụ du lịch sẽ góp phần làm thay đổi bộ mặt từng khu vực một cách đáng kể. Chính vì vậy, khai thác , sản xuất nước khoáng hiện nay ở Việt nam đang được các nhà đầu tư, cơ sở sản xuất trong nước quan tâm đáng kể.

Ở Việt nam có thể điem qua tình hình khai thác sản xuất nước khoáng trên biển ở từng vùng, từng thời điểm như sau:

- Miền Trung: Trước năm 75 đã tồn tại ở cơ sở sản xuất nước khoáng ở Bình Thuận do người đầu tư sản xuất có tên sản phẩm "nước suối Vĩnh Hảo". Sau giải phóng cơ sở này gián đoạn một thời gian, tiếp đến nguồn nước này được Bộ y tế đầu tư thực hiện công nghệ nuôi Tảo và hoạt động trở lại việc sản xuất nước khoáng đóng chai "Vĩnh Hảo" để tiêu thụ trong nội địa.

Nhìn khái quát có thể thấy tình hình sản xuất khai thác nước khoáng ở Việt nam thì cơ sở sản xuất , kinh doanh có tầm cỡ triển vọng rất hiếm. Bên cạnh đó thì hàng loạt cơ sở sản xuất vừa và nhỏ lẻ không đồng đều, qui mô sản xuất và tiêu thụ còn có tính chất địa phương tính, vùng. Tên tuổi các loại nước khoáng này còn rất giới hạn.

2.1. Quảng Nam Đà Nẵng và Thành phố Đà Nẵng, tiềm năng tiêu thụ :

- Quảng Nam Đà Nẵng ở vào trong cả nước, cách Hà nội 759 km về phía Bắc, cách Thành phố Hồ Chí Minh 957 km về phía Nam - phía Bắc tiếp giáp với Thừa Thiên - Huế trung tâm du lịch, phía Nam là tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp tỉnh Kontum và nước bạn Lào, phía Đông giáp biển Thái Bình Dương với cảng biển nổi tiếng . Diện tích tự nhiên cả tỉnh 11.989 km² là một tỉnh lớn so với cả nước. Dân số 1.85 triệu người, chủ yếu người kinh chiếm 95,76%.

- Thành phố Đà Nẵng nằm về phía Đông Bắc của tỉnh dọc theo bờ biển đông và là Cảng lớn của Việt nam. Dân số thành phố trên 700.000 người, tính đến năm 2010 sẽ có 1.000.000 dân và được qui hoạch trên diện tích tổng thể 10.250 ha. Thành phố Đà Nẵng được hình thành rất lâu đời, từ giữa thế kỷ thứ 19 Đà Nẵng đã trở thành cảng thương mại lớn nhất của miền Trung. Trước giải phóng Đà Nẵng là một thành phố thương mại và là khu vực trọng yếu đứng hàng thứ hai sau Sài Gòn.

Theo phân loại đô thị toàn quốc sau này thì Đà Nẵng là một thành phố loại II có qui mô dân số, hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng đứng hàng thứ III trên cả nước sau Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh . Theo phân vùng kinh tế Quảng Nam Đà Nẵng mà trung tâm là TP Đà Nẵng là trung điểm của trung tâm kinh tế và du lịch thứ ba của cả nước với những ưu thế hơn các tỉnh khác là cảng biển lớn, xa hàng không quốc tế, quốc lộ và đường sắt xuyên Việt và trở thành đầu mối giao thông xuyên á trên bước đường xây dựng từ sau ngày giải phóng Chính quyền Trung ương và Địa phương đã gấp rút triển khai nhiều dự án xây dựng phát triển các khu công nghiệp, các đường giao thông lớn và cơ sở hạ tầng. Như vậy có thể thấy rằng Đà Nẵng là một trong những thành phố trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch, giao thông vận tải trọng yếu của cả nước.

Vị trí của Quảng Nam Đà Nẵng và thành phố Đà Nẵng như vậy nên ngày nay và tương lai nhu cầu thực phẩm nói chung nước khoáng nói riêng cho nhân dân trong vùng và khách trong, ngoài nước rất lớn, hiện nay xu thế dùng nước khoáng thay cho bia, nước ngọt, nước chè v.v... ở các công sở hội nghị, giao dịch trong nước đã thành khá phổ biến và thị yếu tiêu dùng về nước khoáng trong đại đa số dân chúng ở các thành phố, thị trấn, đã nâng lên rất nhiều. Ngoài ra việc phân dạng chức năng tư liệu và hiệu quả được lý của nguồn nước khoáng nóng thị trường chủ yếu ở một số Thành phố, thị trấn miền Trung và miền Nam.

Sau những năm 90 miền Trung có thêm ba cơ sở nước khoáng:

- Nước khoáng "Đánh Thanh" ở Khánh hòa.
- Nước khoáng "Phú Linh" ở Quảng Nam Đà Nẵng.
- Nước khoáng "Bang" ở Quảng Bình.

Các cơ sở này trước đây cũng sản xuất ở dạng thủ công, công nghệ đơn giản sản lượng không đáng kể vì từ địa phương xây dựng lên. Vài năm gần đây do nhu cầu các cơ sở này đã có chú ý đầu tư thêm công nghệ chủ yếu được thực hiện trong nước và từng giai đoạn vì vậy quy mô có phát triển hơn. Tuy vậy vẫn chưa đồng bộ, không ổn định chưa trở thành cơ sở tầm cỡ quốc gia vì chủ yếu vẫn công nghệ truyền thống. Thị trường các mặt hàng ở các cơ sở này vẫn đóng khung ở từng khu vực, chủ yếu do thời gian sử dụng của khách hàng. Thí dụ: ở Đánh Thanh chủ yếu tiêu thụ mạnh ở địa phương với loại sản phẩm truyền thống là chai thủy tinh 0.50 lít. "Bang" ở Quảng Bình, "Phú Linh" ở Quảng Nam Đà Nẵng và một số vùng lân cận nhưng sản phẩm chủ lực vẫn là nước gọi là nước giải khát trên nền nước khoáng.

Gần đây có thêm cơ sở sản xuất nước khoáng "Tây Viên" ở Quảng Nam Đà Nẵng do công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ thuộc trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia đầu tư xây dựng. Sản phẩm của các cơ sở này đang được Chính quyền và dân địa phương quan tâm và cạnh tranh mạnh mẽ với các loại nước khoáng đi trước. Xí nghiệp sản xuất nước khoáng "Thạch Bích" thuộc Công ty đường Quảng Ngãi đã cho ra đời số lượng lớn sản phẩm chai nhựa và ban đầu thực hiện đóng chai thủy tinh 0,5l. Do có nguồn vốn lớn các cơ sở trên đầu tư công nghệ tương đối quy mô hơn và cơ sở "Thạch Bích" tương đối đồng bộ. Tuy nhiên vẫn là các cơ sở sản xuất nước khoáng bó hẹp trong phạm vi địa phương. Bên cạnh một cơ sở nhỏ lẻ khác như ; Thanh Tân (Huế) cũng mới ra đời.

Miền Bắc sản xuất kinh doanh nước khoáng có thể kể đến như nước khoáng "Kim Bôi", nước khoáng "Ba vì" ở Hà tây; nước khoáng Triều Hải cũng là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, có qui mô công nghệ không khác gì so với khu vực miền Trung. Sản phẩm chủ yếu vẫn là chai thủy tinh và tiêu thụ ở một số tỉnh phía Bắc.

Miền Nam có một số cơ sở sản xuất nước khoáng như nước khoáng thiên nhiên "Dakai" của một xí nghiệp bao bì thực phẩm thuộc công ty bia Sài gòn. Nước khoáng Somin ở Sóc Trăng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Sa khoáng Tỉnh. Gần đây nhất, xí nghiệp liên doanh nước khoáng

có tên sản phẩm "Lavie" của Pháp và Việt nam đặt ở (Long An). Về quy mô công nghệ có thể kể đến nước khoáng "Lavie" hiện đại và đồng bộ hơn cả và là cơ sở sản xuất đầu tiên của Việt nam về nước khoáng có số sản phẩm xuất khẩu và có khả năng mở rộng thị trường trong cả nước mặc dầu sản phẩm chỉ phổ biến tiêu thụ trong các công sở, các cuộc hội nghị.

Nước khoáng Tây viên thuộc xã Quế lộc của công ty đã được các nhà chuyên môn về nước khoáng đánh giá cao về giá trị dược lý, trữ lượng và điều kiện khai thác tốt và thuận lợi nhất trong khu vực miền Trung.

Cùng với vị trí vai trò quan trọng về địa lý, tầm quan trọng về vị trí phát triển kinh tế và tiềm năng tiêu thụ hàng thực phẩm, công nghiệp nói chung và nước khoáng hiện nay và tương lai như nói trên thì việc thành lập một liên doanh khai thác, sản xuất chế biến nước khoáng tại mỏ nước khoáng Tân viên xã Quế lộc huyện Quế sơn Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng là rất đúng đắn và cần thiết, hội đủ các điều kiện. Hơn nữa việc đầu tư xây dựng một cơ sở sản xuất lớn, quy mô công nghệ tầm cỡ quốc tế và hệ thống các dịch vụ khác ở mỏ nước khoáng này một mặt vừa để khai thác tận dụng nguồn nước quý giá mà các nhà đầu tư Việt nam không có điều kiện đầu tư. Mặt khác việc đầu tư, liên doanh sẽ thực hiện ngay được một cơ sở sản xuất nước khoáng hiện đại, giá trị sử dụng sản phẩm cao mới có thể cạnh tranh trên làng nước khoáng trên trường quốc tế. Vì vậy chỉ có con đường hợp lý là sự hợp tác đầu tư với các tổ chức kinh tế của những quốc gia có tiềm lực kinh tế và nền công nghệ phát triển.

CHƯƠNG HAI

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN DOANH

I. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ :

Sau khi nghiên cứu luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 18/CP ngày 16/4/1993 và một số các văn bản liên quan khác về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, cùng với việc xem xét tình hình cụ thể của mình. Công ty Ung dụng KHKT về chuyển giao công nghệ mới thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ Quốc gia có đất, có nguồn mỏ nước khoáng nhưng thiếu vốn để đầu tư. Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING của Pháp nhưng thành lập tại Mỹ thì lại có vốn, có công nghệ, kỹ thuật và kinh nghiệm, sẵn có uy tín ở nước ngoài. Hai bên đã chọn hình thức liên doanh để hợp tác lâu dài. Đây là hình thức hợp nhất, phù hợp với điều kiện sẵn có của mỗi bên. Theo hình thức liên doanh, hai Bên sẽ hỗ trợ cho nhau trong quá trình hoạt động, tận dụng thế mạnh của nhau làm cho dự án sẽ đạt một hiệu quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU RIÊNG CỦA BÊN VIỆT NAM

Thông qua việc thành lập liên doanh, Bên Việt Nam sẽ nhằm đạt được những mục tiêu sau:

- Khai thác có hiệu quả khu đất cũng như khu mỏ đang thuộc quyền sử dụng của mình
- Mở rộng khả năng kinh doanh tăng thu ngoại tệ
- Học hỏi được cách quản lý, điều hành theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Giải quyết được việc làm cho hàng trăm lao động
- Sau khi hết thời hạn liên doanh, bên Việt Nam có được cơ sở để tiếp tục kinh doanh mà không phải bỏ vốn ra.

III. GIỚI THIỆU CÁC BÊN LIÊN DOANH

1. Bên Việt Nam :

- Công ty ứng dụng Khoa học kỹ thuật và chuyên gia mới là một doanh nghiệp kinh tế nhà nước thành lập theo Quyết định 388/QĐ của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Nhà nước, là một doanh nghiệp độc lập có con dấu và tài khoản riêng. Cơ quan chủ quản thành lập là Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia có chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện : Ông Nguyễn Xuân Huê
- Chức vụ : Giám đốc
- Trụ sở chính tại : 73 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng
- Điện thoại : 26679 - 23274
- Fax : 84-51-26679

- Chức năng chính của doanh nghiệp là ứng dụng các thành quả tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất và đời sống . Tổ chức nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao.

- Tư vấn chuyên giao các quy trình công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực để phục vụ phát triển nền công nghệ trong nước hợp tác trao đổi chuyên gia nước ngoài.

- Tổ chức hoạt động các dịch vụ khoa học và dịch vụ kỹ thuật trong cơ-nhiệt - điện...

Thế mạnh của công ty là tổ chức tập hợp cán bộ khoa học kỹ thuật, các chuyên gia đầu ngành của địa phương để tổ chức sản xuất kinh doanh. Hầu hết có trình độ đại học và trên đại học, công ty có chức năng tổng hợp , đa dạng nhưng chuyên sâu trong từng lĩnh vực cụ thể trong các ngành cơ - điện, công nghiệp hóa thực phẩm. Với thế mạnh của mình công ty đã từng nghiên cứu chế tạo và lắp đặt các dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại có hiệu quả trong vùng như nhà máy bia nước ngọt Đà Nẵng ; xí nghiệp sản xuất bánh kẹo, xí nghiệp sản xuất nước khoáng Bang của Quảng Bình... những mỏ nước khoáng có hàm lượng cao được các nhà đầu tư nước ngoài và giới chuyên môn trong nước rất chú ý .

2. Bên nước ngoài :

1. Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING thành lập theo giấy phép số 944235973 - 2453582 ngày 6/12/1994 của Bang Delaware, Mỹ

- Đăng ký tại : Delaware - USA
- Người đại diện : Ông Michel Drouot
- Quốc tịch : Pháp
- Chức vụ : Chủ tịch
- Địa chỉ chính thức : B.P 5144-97070 Saint Martin Cedex
- Điện thoại : (590) 87 2271
- Fax : (590) 87 1925
- Tài khoản ngân hàng :
Ngân hàng INCHAUSPE
Số tài khoản: 13219/00050/50.150.21289 .27
13219/00050/51.400.21289.2.54
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Sản xuất và kinh doanh nước khoáng

và

2. Công ty PAM KEVIN ENTERPRISES LTD. thành lập theo giấy phép số 351354 ngày 13/9/1988 do chính quyền bang British Columbia cấp

- Người đại diện : Ông Phạm Văn Lai
- Quốc tịch : CANADA
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ chính thức : P.O Box 15539 Vanmain Vancouver BC
V6B5B3 Canada
- Điện thoại : 604 251 2895
- Fax : 604 251 2279
- Tài khoản ngân hàng :
Ngân hàng Montreal số tài khoản: 2712-4602-141
- Lĩnh vực kinh doanh chính : Xuất nhập khẩu - Thương mại

Bên nước ngoài do Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING làm đại diện.

CHƯƠNG BA

GIỚI THIỆU ĐỊA ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG

I. ĐỊA ĐIỂM ĐẶT LIÊN DOANH :

1. Mỏ Quế Lộc :

- Ngay tại khu vực mỏ nước khoáng Quế lộc (Tây viên) thuộc thôn Tú Lâm xã Quế lộc huyện Quế sơn cách huyện Ly Quế Sơn 14 km về phía Đông nam, nằm trên đường tỉnh Lộ cách quốc lộ 1A là 40 km về phía Đông, cách khu du lịch Mỹ Sơn chừng 30 km về phía Đông Bắc, cách khu mỏ nông Sơn chừng 5 km về phía Tây. Nếu tính từ quốc lộ 1A thuộc địa phận Quảng nam Đà Nẵng có thể đến nhà máy theo 2 ngã. Một là theo hướng tỉnh Lộ 611 từ Hương an qua thị trấn Quế sơn để đến, hai là theo hướng tỉnh lộ 610 từ Nam Phước qua huyện Ly Quy Xuyên và qua khu vực Thấp chàm Mỹ Sơn để đến. Diện tích đất nhà máy và các dịch vụ khác 45.000m².

- Quế lộc là một xã thung lũng bằng phẳng bao quanh là một số núi cao, vị trí nhà máy gần như nằm ở trung tâm của xã. Đặc biệt cạnh mỏ nước tại khu vực đặt nhà máy có một con suối (gọi là khe le hoặc sông Phước Bình) quanh năm có nước và nguồn tưới tiêu cho toàn xã. Dòng chảy con khe này phụ thuộc vào thời tiết, mùa mưa thường có hiện tượng lũ tuy thời gian rất ngắn.

- Lưu lượng nguồn nước khoáng Quế lộc 10 lít/giây, lưu lượng này có thể tăng lên gấp 2 lần khi công trình khai dẫn được thi công hoàn chỉnh.

- Theo Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản đã kết luận tại mỏ Quế lộc với trữ lượng cấp B là 86m³/ngày; cấp C1 là 181m³/ngày và cấp C2 127m³/ngày.

2. Điều kiện cơ sở hạ tầng:

- Về điện: Vị trí nước khoáng cách đường dây cao thế An Đầm - Mỹ Sơn 8 km .

- Về Lao động: Trong địa phương có 2.500 nhân khẩu, trong đó có 1.000 lao động, nguồn lao động còn dư thừa nhiều.

- Giao thông: Giao thông ở 2 vùng nước khoáng Quế lộc và Quế phong rất thuận tiện. Vùng Quế phong gần Đà Nẵng nằm trên đường số 105 và Quốc lộ 1.

* Từ vị trí trên có thể thấy:

- Điều kiện giao thông và nguồn nước ở vị trí này rất thuận lợi.

- Nguồn điện hiện nay đang được Chính quyền tỉnh đầu tư hơn 3 tỉ đồng để xây dựng công trình điện cao, hạ thế đang tổ chức thiết kế, thi công dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 1996.

- Điện thoại: huyện Lý Quế sơn đã có tổng đài điện thoại nối mạng quốc gia. Vì vậy việc xây dựng đường dây điện thoại cho nhà máy không phải là vấn đề khó. Tuy nhiên, nếu để thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện dự án phải cải tạo nâng cấp 4 km đường tỉnh lộ thuộc địa phận Quế sơn. Đồng thời để vừa sử dụng mô đất gò đồi cao nhưng cần phải san ủi và đắp thêm một số diện tích đất để tránh ngập lũ trong các tháng mưa.

Vị trí này nếu cần mở rộng đầu tư cũng rất thuận lợi và không ảnh hưởng.

Vị trí đặt nhà máy liên doanh như trên vừa đảm bảo cho việc khai thác, sản xuất tại chỗ theo qui định của nhà nước Việt nam và quốc tế về sản xuất nước khoáng vừa có điều kiện để phát triển thành khu vực liên hoàn tạo thành một cụm du lịch, kinh tế cả tỉnh cùng với Mỹ Sơn, Hòn tào và mỏ than Nông sơn.

Vấn đề xử lý và thoát nước thải hoàn toàn không ảnh hưởng đến dân cư (gửi kèm Đề án khai thác và vận bản đánh giá trị lượng mỏ).

KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

KHU MỎ NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

1. Vị trí địa lý hành chính

Mỏ nước khoáng Quế Lộc thuộc thôn Tú Lâm (Tây Viên), xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Có toạ độ địa lý trung tâm nơi xuất lộ nước khoáng là :

$15^{\circ}41'30'' \rightarrow 15^{\circ}42'30''$;

$108^{\circ}06'30'' \rightarrow 108^{\circ}08'30''$

Thuộc tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000, Hiệp Đức, 6640 III. in lại năm 1978 tại Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước theo tài liệu UTM 1/50.000

2. Đặc điểm địa hình - địa mạo - sông suối

Nguồn nước khoáng Quế Lộc được xuất lộ ở bờ suối Le (Khe Le), nằm gần như trung tâm của thung lũng Quế Lộc. Bao quanh thung lũng là những đỉnh núi cao : phía bắc là núi Hòn Châu cao 675m, phía đông là núi Tầu cao 953m, phía nam là núi Hòn Tan cao 868m.

Khe Le bắt nguồn từ dãy núi phía tây Đèo Le có hướng chảy chính là đông nam, tây bắc và đổ ra sông Thu Bồn tại địa phận xã Quế Trung.

Thung lũng Quế Lộc nằm trọn trong địa phận xã Quế Lộc có độ cao trung bình là 250m, thung lũng có hình dạng kéo dài theo hướng suối Le, tích tụ là trầm tích bờ rời hệ đệ tứ, thảm thực vật chủ yếu là lúa nước, rau màu, khoai sắn.

3. Đặc điểm khí hậu

Huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thuộc miền Trung Trung bộ, các đặc điểm nắng lắm, mưa nhiều, chịu ảnh hưởng của miền nhiệt đới nóng ẩm. Do có dãy núi Hải Vân che chắn nên điều kiện khí hậu của khu vực mỏ nước khoáng Quế Lộc khác hẳn với khí hậu miền Bắc Việt Nam, ít

chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. Hàng năm phân thành hai mùa rõ rệt: Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến hết tháng 4 năm sau.

Nhiệt độ trung bình vào các tháng trong năm có sự chênh lệch nhau không lớn : dao động trong khoảng 20°C - 22°C đến 25°C - 30°C. Tháng 1 là tháng lạnh nhất có nhiệt độ trung bình xấp xỉ 20°C. Tháng 6,7 là tháng nóng nhất thường có nhiệt độ trung bình 25°C - 30°C, cao nhất có lúc lên tới 37°C - 38°C.

Lượng mưa bình quân cao nhất trong năm xảy ra vào tháng 10, tháng 11, khoảng 700 - 730mm; thấp nhất vào tháng 2, tháng 3 khoảng 20mm, có năm chỉ đạt 17mm. Tổng số ngày mưa ở Quế Sơn khoảng 123 - 125 ngày / năm.

4. Điều kiện giao thông

Khu mỏ nước khoáng Quế Lộc có hệ thống đường giao thông khá thuận lợi. Khu xuất lộ nước khoáng cách đường liên tỉnh số 105 khoảng 250m về phía nam, cách huyện lỵ Quế Sơn 14 Km về phía tây bắc và cách thành phố Đà Nẵng 60Km về phía nam. Từ huyện lỵ Quế Sơn đến mỏ nước khoáng Quế Lộc phải vượt qua Đèo Le có độ cao khoảng 50 m, chiều dài gần 7 km.

5. Dân cư, kinh tế

Khu vực mỏ nước khoáng Quế Lộc có dân cư thưa thớt, chủ yếu là người Kinh, nguồn sống chính là nông nghiệp có ít tư tưởng sống bằng nghề buôn bán nhỏ.

Khu vực huyện Quế Sơn nói chung, xã Quế Lộc nói riêng trong thời gian chống Mỹ là cơ sở của cách mạng và là vùng giáp ranh nên nền kinh tế nói chung bị chiến tranh tàn phá. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng Nam Bắc được thống nhất, đến nay tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã chú ý đầu tư phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng như làm giao thông, cầu cống,

xây dựng đường điện cao thế liên huyện từ An Điền đi Mỹ Sơn và một số đường điện hạ thế và các xã trong huyện.

II. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG :

1. Khu vực sản xuất nước đóng chai gồm hệ thống nhà xưởng xử lý nước và công nghệ chế biến, đóng chai, khu làm việc cho nhân viên quản lý, hệ thống kho, xử lý nước thải và hệ thống thoát nước diện tích 20.000 m² độc lập và riêng biệt với 2 khu trên trong cùng 1 vị trí. Hệ thống nước thải sau khi xử lý 1 phần dùng cho nông nghiệp đã sử dụng nguồn nước khoáng , một phần được chảy vào suối Le để thoát.

(Kèm theo sơ đồ dự kiến bố trí)

2. Dự kiến xây dựng:

2.1. Chi phí giải phóng đền bù. Cần phải giải phóng đền một số hoa màu phụ cây lưu niên và trên 20 hộ dân cư có nhà bán kiên cố.

- Giá trị ước tính: Kế hoạch đầu tư giải phóng mặt bằng: Kế hoạch giải phóng mặt bằng sẽ được tổ chức cùng với địa phương và sẽ thực hiện xong 1 tháng trước khi bắt đầu xây dựng.

- Cần phải san ủi 45.000 m² và đào đắp trên 30.000 m³ đất đá.

- Nâng cấp 4km đường giao thông (đổ nền, rải nhựa) xây dựng củng cố lại một cây cầu 100m.

- Làm mới 1 trạm biến áp 360KVA và chùng 1 km đường dây hạ thế trong khu vực nhà máy.

- Lắp mới 14 đường dây điện thoại.

- Xây dựng hệ thống nhà xưởng sản xuất và khu dịch vụ.

- Tổ chức lắp đặt thiết bị công nghệ sản xuất.

* Tổng kinh phí ước tính :

- Chi giải phóng đèn bù
- Chi cải tạo nâng cấp đường
- Xây dựng công trình điện và điện thoại.
- Chi phí thiết kế hành chính
- Chi xây dựng nhà xưởng
- Chi lắp đặt trang thiết bị

CHƯƠNG BỐN

NGHIÊN CỨU ĐỊA CHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT KHU VỰC

1. Địa tầng

1.1. Hệ Cambri - Ocdovie hạ, hệ tầng A Vương (ϵO_1) av

Hệ tầng A Vương được phân bố ở phía đông nam và phía tây nam của khu mỏ. Đây là các thành tạo cổ nhất trong khu vực. Thành phần đất đá gồm các đá phiến Xêrixit, đá phiến thạch anh - xêrixit, đá phun trào Bazơ (meta - Bazan) và một phần phun trào trung tính bị biến đổi (metandêit) tạo ra các thấu kính xen vào giữa các đá phiến xêrixit. Phần dưới cùng là các đá hoa, cuội kết bị nén, đá phiến Silic, quaczit, kèm theo ít thấu kính của các đá phun trào axit bị biến đổi. Phần trên cùng là các đá phiến sét.

Theo đặc điểm tương tự thì đá trên tương đương với những đới Sinensis Quảng Nam - Đà Nẵng, được xác định nhờ các tập hợp bút đa tuổi Trénadoc gồm Acanphogatus Sinensis, Dictyonema A. Siaticum, D. Graptolithimim. Dcf. uralense. Chiều dày độ tầng khoảng 2.000m.

1.2. Hệ tầng Triat thống thượng, bậc Nori - ret điệp Nông Sơn ($T_{\text{N-S}}$)ns

Điệp Nông Sơn nằm bất chỉnh hợp lên các đá của hệ tầng A Vương (ε_{O_1}) được phân bố ở phía tây bắc của khu mỏ nước khoáng được kéo dài theo hướng đông bắc - tây nam, được chia ra 2 phụ hệ tầng ($T_{\text{N-S}}$) ns1 ở phần dưới và ($T_{\text{N-S}}$) ns2 ở phần trên.

- Phụ hệ tầng ($T_{\text{N-S}}$) ns1 gồm các đá trầm tích bột kết xen cát kết màu đỏ, cuội kết đa khoáng phân lớp dày.

- Phụ hệ tầng ($T_{\text{N-S}}$) ns2 gồm các trầm tích cát kết, cuội kết xen các lớp bột kết và sét kết mỏng và thấu kính than.

Đặc tính chung của thành phần thạch học của các đá trầm tích ở đây chủ yếu thuộc tướng biển ven bờ chuyển lên phần trên là tướng lục địa màu đỏ, chiều dày khoảng 1.500 - 1.800 m. Các hoá đá tìm thấy ở phần dưới khu vực mỏ than Nông Sơn gồm *Classopollis*. Sp. *Neoraistrirke Taylori*, thuộc bào tử phấn hoa. ở phần trên của hệ tầng có các đá *Laquesceras* Sp. *Saxocears* So. *Xipheroceras dudressieri*.

1.3. Hệ tầng Jura, thống dưới - giữa, điệp Thọ Lâm (J_{1-2} tl)

Điệp Thọ Lâm phân bố ở phía tây bắc của khu vực khảo sát thăm dò, được chia ra các tập :

- Tập dưới (J_{1-2} tl1) gồm các đá cuội kết, sạn kết thạch anh silic màu trắng sữa, xen cát kết thạch anh từ hạt trung đến hạt thô, phân lớp dày.

- Tập trên (J_{1-2} tl2) gồm các đá bột kết chứa vôi, xen sét vôi, đá vôi màu ghi, xám tím, cát kết, bột kết màu xám xen thấu kính sét than. Chiều dày của Điệp Thọ Lâm khoảng 1.200 - 1.300m.

1.4. Hệ Đệ tứ (Q)

Hệ Đệ tứ phân bố khá rộng rãi trong khu vực, dọc theo các bãi bồi, thềm sông ở phần trung tâm, phần tây bắc - đông nam khu mỏ nước khoáng. ở đây có thể chia ra 3 dạng tướng trầm tích :

- a Q_{IV}: gồm cuội cát mài tròn, chọn lọc tốt, chuyển lên cát pha, sét pha, giàu vật chất hữu cơ, thấu kính than bùn, bùn và sét màu xám vàng. Trong cát pha, sét pha có chứa bào tử phấn hoa.

- adp Q : gồm Laterit, cuội, sạn, được laterit gắn kết, cuội, sỏi, cát kết bờ rời, độ mài tròn chọn lọc kém.

Trong cuội, sỏi, cát sét hỗn hợp trên bãi bồi có sa khoáng vàng.

- edQ : gồm cát sét, bùn là các loại sườn tích và nhóm khoáng vật trước núi.

Các trầm tích trên được xác định tuổi nhờ các hoá đá tập hợp trùng lộ và bào tử phấn hoa.

Chiều dày trầm tích hệ đệ tứ từ 1 - 2 m đến 15-20 m.

2. Kiến tạo

Trong khu vực nghiên cứu có hai hệ thống đứt gãy chính:

- Hệ thống đông bắc - tây nam có phương vị gần 45⁰
- Hệ thống tây bắc - đông nam có phương vị gần 120⁰.

Ngoài ra còn thấy hai hệ thống đứt gãy phụ là : hệ thống á kinh tuyến và hệ thống á vĩ tuyến.

Hai hệ thống đứt gãy đông bắc - tây nam và tây bắc - đông nam là những đứt gãy sâu. Nước khoáng nóng thường từ dưới sâu dẫn đi lên mặt đất tại những nơi giao nhau của các hệ thống đứt gãy.

3. Macma

Trong khu vực hoạt động macma khá mạnh mẽ. Thành hệ macma đặc trưng là gabropyroxenit granitcid thể hiện sự đa dạng của macma, có thành phần từ bazơ đến trung tính, axit, á kiềm. Giai đoạn hoạt động của macma chủ yếu xảy ra trong kỷ Pecmi - Triat - Greta và Paleogen.

Các đá macma phân bố chủ yếu ở phần trung tâm khu vực khảo sát thăm dò. Điểm đặc trưng là ở gần khu mỏ nước khoáng Quế Lộc các đá xâm nhập có tuổi trẻ nhất và có đặc tính á kiềm.

Các pha xâm nhập chính trong khu vực khảo sát bao gồm :

1. $(P_2 - T_1)$ qs2 : pha gồm các đá a xít như granorit hocblen có biotit hạt vừa đến lớn màu xám sáng, granodiorit hocblen hạt vừa dạng pocfia.
2. $(P_2 - T_1)$ qs3 : pha này gồm các đá a xít như granit hocblen - biotit hạt vừa đến hạt lớn màu xám sáng.
3. (aT_3n) cv : pha này gồm các đá xâm nhập siêu bazơ, bazơ, trung tính, đặc trưng bằng các đá gabro - pyroxenit, gabrodiorit, diorit, thạch anh hạt vừa đến lớn, pha xâm nhập siêu bazơ - bazơ trung tính này phân bố ở phần phía đông nam khu vực khảo sát thăm dò không xa so với khu xuất lộ nước khoáng nóng Quế Lộc. Điều đó càng xác minh nguồn sâu của các hệ thống đứt gãy sâu dẫn nước khoáng nóng đi lên.
4. (aT_3n) hv₁ : pha này gồm các đá granit biotit sẫm màu hạt vừa đến lớn diabaz pocfia, ban tinh là fenxpat kali màu hồng.
5. $(k - p)$ dc : gồm granit, granoxienit biotit hocblen hạt khá lớn dạng pocfia, ban tinh là fenxpat kali màu hồng; pha này phân bố gần khu vực xuất lộ nước khoáng Quế Phong. Điều đó cho thấy nguồn nước khoáng Quế Phong được thành tạo ở sâu.
6. (p) bn : gồm grannit hai mica, granit alaxkit hạt nhỏ, sáng màu, giàu thạch anh, granit aplit có granat.

Tổng hợp khoáng vật thường gặp trong các pha xâm nhập trên là plagiocla (Lab rado, andezin, oliocla, tùy loại đá bazơ, trung tính, a xít) fenxpat kali (onthocla - mikrocclin) thạch anh, biotit, hocblen, xfen, octit, apatit, manhetit, zircon, pyrit, galenit, molipdenyt, epydot,...

Nhìn chung các đá xâm nhập nói trên có độ a xít trung bình thấp, tổng kiềm không cao, trong diorit 4,5 - 5,0 %, trong granodiorit 6,0- 8,3 %, $Na_2O > K_2O$

II. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THUỖ VĂN

1. Đặc điểm nước mặt

Trong khu vực nghiên cứu có 2 hệ thống suối chính :

Hệ thống suối bắt nguồn từ dãy núi Đèo Le - núi Tàu chảy theo hướng đông nam - tây bắc qua mỏ nước khoáng Quế Lộc và đổ vào sông Thu Bồn. Suối Lê (còn gọi là Khe Le) là suối duy nhất trong khu vực xuất lộ nước khoáng nóng Quế Lộc, bắt nguồn từ các đỉnh núi ở phía đông nam và đổ về sông Thu Bồn. Suối bị uốn khúc nhiều chiều rộng khoảng 4 - 5 m, chiều sâu mực nước trong suối trung bình là 0,3 - 0,4 m, độ dốc lòng suối 5 - 7‰. Trầm tích ở ven bờ và lòng suối chủ yếu là cát lẫn sạn, sỏi thạch anh, sét, sét pha. Nước trong, không màu, không mùi, vị nhạt. Lượng dòng chảy trong suối phụ thuộc vào thời tiết khá rõ rệt. Vào mùa mưa, có những trận mưa lớn mực nước suối bị ứ đọng dâng cao có thể gây ngập lũ trong diện tích tương đối rộng, nhưng sau một thời gian ngắn lượng nước suối được tiêu thoát khá nhanh.

2. Đặc điểm nước dưới đất

Căn cứ vào đặc điểm thành phần thạch học, mức độ chứa nước của các thành tạo địa chất. Khu vực khảo sát địa chất thủy văn được chia ra các đơn vị chứa nước như sau:

2.1. *Phức hệ chứa nước lộ hồng trầm tích hệ Đệ tứ (Q)*

Trầm tích hệ Đệ tứ được phân bố chủ yếu trong các thềm sông, bãi bồi (aQ_{IV}), thung lũng giữa núi và các nón phóng vật (adp ed Q) ở phần phía bắc và đông nam khu vực khảo sát.

Thành phần thạch học của đất đá chứa nước bao gồm: cát, cuội, sỏi, sét pha, laterit, ... chiều dày biến đổi trong khoảng 1 - 3m ở vùng rìa, 10 - 15 m ở vùng trung tâm.

Mặt cắt địa chất thủy văn khu vực Quế Lộc từ trên xuống có các lớp chứa nước và cách nước sau : Trên cùng là lớp bùn, sét, mùn hữu cơ, sét pha dày 0,5 - 2,0 m; Tiếp đến là lớp sét dẻo dày khoảng 0,5 - 1 m; Dưới cùng là lớp cát, cuội, sỏi, hạt thô dần từ trên xuống chiều dày từ 3,0- 3,5 m.

Nước dưới đất tàng trữ trong các lỗ hổng của các lớp cát sạn sỏi, cuội và phụ thuộc vào vị trí địa hình, phân bố của lớp và thời tiết rõ rệt. Về mùa mưa và đặc biệt là sau các trận mưa lớn, lượng nước được tàng trữ nhiều, mực nước dâng cao, nhưng về mùa khô lượng nước tàng trữ nhỏ, mực nước hạ thấp, thậm chí bị khô kiệt. Bởi vậy, lượng nước chứa trong tầng tích trữ rồi hệ thứ tư ít có ý nghĩa trong việc cung cấp nước cho ăn uống, sinh hoạt.

2.2. *Phức hệ chứa nước khe nứt vỉa trầm tích Jara (J_{1-2tl})*

Phức hệ chứa nước này được phân bố chủ yếu ở phần phía bắc khu vực khảo sát. Thành phần thạch học của đất đá chứa nước bao gồm : cát kết, bột kết,

sét kết phân lớp dày, ít bị nứt nẻ do đó mức độ chứa nước kém phong phú, chỉ phát hiện một số mạch lộ nhỏ dạng thấm rỉ ở chân núi, không có triển vọng cung cấp nước.

2.3. *Phức hệ chứa nước khe nứt vỉa trầm tích Triat ($T_{\text{an-r}}$) ns*

Phức hệ chứa nước này được phân bố chủ yếu ở phần phía Tây Bắc và khu vực chứa than Nông Sơn. Thành phần thạch học của đất đá chứa nước bao gồm : cát kết, cuội kết xen bột kết, sét kết phân lớp dày, ít nứt nẻ, mức độ chứa nước kém phong phú. ở khu vực mỏ than Nong Son các mạch lộ có lưu lượng nhỏ từ 0,1 - 0,2 l/s. các giếng nước do dân đào vào tầng này thấy mực nước thay đổi theo mùa mưa mạnh mẽ. Mùa mưa, nhất là sau những trận mưa lớn, mực nước trong giếng dâng cao, nhưng về mùa khô hạn thì thường bị khô cạn.

2.4. *Phức hệ chứa nước khe nứt trầm tích Cambri - Ocdovic hệ tầng A Vương (εO_1) av*

Phức hệ chứa nước này được phân bố thành dải hẹp ở phía nam khu vực khảo sát. Thành phần thạch học của đất đá chứa nước gồm : phiến sét, phiến

xerixit và đá hoa dạng khối ít nứt nẻ. Nhìn chung phức hệ này cũng nghèo nước, vì vậy trong giai đoạn trước đây cũng ít được nghiên cứu đặc tính chứa và thấm nước của hệ tầng này.

2.5. Đối chứa nước khe nứt trong các thành tạo xâm nhập

Đối chứa nước này phân bố ở phần trung tâm khu vực khảo sát. Các đá xâm nhập có tuổi khác nhau từ Pecmi đến Paleogen. Đá bị các hệ thống đứt gãy kiến tạo khu vực xuyên cắt theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam và tây nam - đông bắc gần như vuông góc với nhau đã tạo thành hệ thống khe nứt dày đặc. Mức độ chứa nước của đới phá huỷ kiến tạo cũng rất khác nhau, có chỗ rất phong phú nước, mạch lộ lớn nhất ngay trên đỉnh Đèo Le có lưu lượng khoảng 2.0 l/s, nhưng cũng có chỗ gần như là đới cách nước. Các suối bắt nguồn từ dãy núi Đèo Le - núi Tàu đều phát triển trên đới phá huỷ kiến tạo này. Đới phá huỷ kiến tạo này cũng là con đường dẫn nước khoáng nóng từ dưới sâu đi lên.

CHƯƠNG NĂM

CHẤT LƯỢNG VÀ TRỮ LƯỢNG

NGUỒN NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

I. CHẤT LƯỢNG CỦA NGUỒN NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

Nguồn nước khoáng Quế Lộc đã được nhân dân địa phương phát hiện và sử dụng từ lâu. Từ hai nguồn lộ lớn là Giếng Ông (ĐL 1) và Giếng Bà (ĐL 2) có lưu lượng khoảng 10 - 12 l/s, nhân dân địa phương đã sử dụng ăn uống và tắm về mùa đông, và đã thấy có kết quả điều trị một số bệnh ngoài da, đường tiêu hoá. Sau này các nhà Địa chất và Y học người Pháp cũng đã lấy mẫu nghiên cứu. Từ sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, các Đoàn Địa chất lập bản đồ Địa chất thuỷ văn tỷ lệ nhỏ và trung bình, các cơ quan

Viện nghiên cứu cũng đã đến Quế Lộc nghiên cứu khảo sát đánh giá chất lượng của nguồn nước khoáng nóng Quế Lộc.

Đặc biệt là năm 1992. Đoàn Địa chất 154 thuộc Liên đoàn địa chất 10 đã tiếp tục nghiên cứu chất lượng với mục đích khai thác nguồn nước khoáng nóng Quế Lộc để sản xuất nước khoáng giải khát đóng chai và đã được Bộ Công nghiệp năng cấp giấy phép khai thác số 774 CCNg / QLTN ngày 20/11/1992 cấp cho Đoàn địa chất 154 (nay là Công ty Bàn Thạch) được phép khai thác với lưu lượng 10m³/ ngày. Vào năm 1933, Công ty Ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới thuộc Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia đã khảo sát kỹ chất lượng của nguồn nước khoáng Quế Lộc. tại Giếng Ông (ĐL 1), Giếng Bà (ĐL 2) và giếng khoan QL2 (đặt trong khu vực xuất lộ của Giếng Bà)

a. Nhiệt độ của nước khoáng Quế Lộc ổn định là 84oC

b. Tính chất vật lý : nước khoáng thường không màu, vị nhạt, có mùi thoảng slic. Dọc theo các mương nhỏ nơi nước khoáng chảy qua thường quan sát thấy các kết tủa dạng keo màu trắng đục rất đặc trưng của muối silic.

c. Thành phần cơ bản của nước khoáng Quế Lộc :

- Tổng độ khoáng hoá biến đổi từ 0.22 g/l đến 0.46 g/l trung bình là 0.31 g/l.

- HCO₃⁻ + CO₃²⁻ biến đổi từ 88,5 mg/l đến 160,4 mg/l trung bình là 126.13mg/l

- SO₄ biến đổi từ 16.4 đến 62.5 mg/l trung bình là 34.44 mg/l

- Cl⁻ biến đổi từ 16,8 đến 28,36 mg/l trung bình 22.53 mg/l

- F⁻ biến đổi từ 7.2 đến 14 mg/l trung bình là 9.93 mg/l

- Na⁺ + K⁺ biến đổi từ 81,4 đến 111.3 mg/l trung bình 93,71 mg/l

- Ca⁺ biến đổi từ 1,7 đến 4.0 mg/l trung bình là 2.88 mg/l

- Mg⁺ biến đổi từ 0,0 đến 0.85 mg/l trung bình là 0.367 mg/l

- H₂SiO₃ biến đổi từ 50.8 đến 94.0 mg/l trung bình là 71,69 mg/l

- Tổng sắt (Fe^{2+3+}) biến đổi từ 0.00 mg/l đến 4,2 mg/l trung bình là 1,1 mg/l

Từ kết quả trên chúng tôi so sánh tiêu chuẩn Việt Nam về nước khoáng đóng chai (TCVN - 5370 - 91), Tiêu chuẩn vệ sinh nước uống của Bộ Y tế ban hành kèm theo quyết định số 505/BYT-QĐ ngày 13/4/1991 đã cho thấy:

- Hầu hết các chỉ tiêu phân tích lý tính, thành phần hoá học các nguyên tố vi lượng, vi sinh, kim loại nặng đều có giá trị thấp hơn giá trị cho phép.

- Có một số chỉ tiêu như Floor, sắt cao hơn giá trị cho phép vì vậy phải được xử lý giảm hàm lượng xuống dưới mức cho phép trước khi đóng chai.

Nước khoáng Quế Lộc có công dụng kích thích tiêu hoá, bổ thần kinh, chữa được các bệnh đường ruột và ngoài da, phòng ngừa các bệnh tim mạch.

d. Nguồn gốc và điều kiện thành tạo nước khoáng Quế Lộc

Dựa vào cấu trúc, đặc điểm địa chất, địa chất thuỷ văn khu vực, chế độ kiến tạo macma vùng, cũng như thành phần hoá học của nước, chúng tôi nêu lên một số ý kiến về điều kiện thành tạo và nguồn gốc nước khoáng Quế Lộc

Trước hết về nguồn gốc ban đầu của nước khoáng có lẽ được hình thành từ nước mưa, nước khí quyển ngấm xuống qua hệ thống khe nứt dày đặc trong đá xâm nhập. Điều này được thể hiện qua tài liệu thành phần hoá học, nước rất giàu các ion Bicacbonat là những thành phần có nguồn gốc khí tượng. Sự có mặt của các ion $\text{Na}^+ + \text{K}^+$ với hàm lượng lớn nhất trong các cation và các hàm lượng vi nguyên tố Silic, Fluor ... có lẽ liên quan đến quá trình rửa lũa các đá xâm nhập rất giàu kiềm và kiềm thổ. Như vậy nước khoáng mỏ Quế Lộc được hình thành và tàng trữ trong đá chứa nước γ $^{14}(\text{P}_2 - \text{T}_1)$ qs3.

Thành phần hoá học của nước khoáng có liên quan chặt chẽ đến quá trình ngấm và quá trình rửa lũa của các đất đá vây quanh.

Nhiệt độ cao của nước khoáng Quế Lộc liên quan chặt chẽ đến các hoạt động kiến tạo xảy ra thời kỳ sau Palêogen, tạo nên hệ thống đứt gãy kiến tạo có hướng chủ đạo là tây nam - đông bắc.

Sự hình thành nước khoáng Quế Lộc có thể mô phỏng như sau : Các hoạt động kiến tạo mạnh mẽ xảy ra vào thời kỳ sau Palêogen trong khu vực tạo nên khả năng ngấm nước mưa xuống cung cấp cho đới chứa nước nứt nẻ của đá xâm nhập (γ) trên đường vận chuyển của nước chúng hoà toa rửa lũa các đất đá vây quanh và nhận nhiệt lượng từ các lò macma để biến đổi chất lượng và làm nước khoáng nóng lên. Nước khoáng sau khi đã hình thành ở độ sâu và chế độ nhiệt, áp suất cao được dẫn lên mặt đất qua hệ thống khe nứt, đới huỷ loại của đứt gãy kiến tạo. Vì vậy đã tạo thành nước khoáng nóng phun lên mặt đất, tại cụm điểm lộ Giếng Ông (ĐL 1), Giếng Bà (ĐL 2)

II. TRỮ LƯỢNG NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

Nguồn nước khoáng Quế Lộc được xuất lộ lên mặt đất tại 2 khu vực nhỏ là ĐL 1 và ĐL2 nằm cách nhau 50m.

1. Điểm lộ 1 (ĐL 1) nhân dân địa phương gọi là Giếng Ông. Đây là cụm mạch lộ nằm ở phía tây nam. Mỏ được Đoàn địa chất 154 (nay là Công ty TNHH Bàn Thạch) thuộc Liên đoàn địa chất 10 xây bao bằng tường gạch. Mạch lộ này có lưu lượng tự chảy ổn định trong khoảng 5,73 đến 6,00 l/s. Nhiệt độ ổn định 84 - 85°C. Từ năm 1992 đến nay, Công ty Bàn Thạch đã tổ chức khai thác sản xuất nước khoáng đóng chai, bán ra thị trường hàng năm khoảng 250.000 đến 300.000 lít/ năm.

2. Điểm lộ 2 (ĐL 2) nhân dân địa phương gọi là Giếng Bà. Đây là cụm mạch lộ ở phía đông bắc mỏ. Cụm mạch lộ này được Công ty Ung dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới thuộc Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia xây bao bằng tường gạch từ tháng 2/1994. Công ty đã khảo sát nghiên cứu chất lượng, trữ lượng để tổ chức khai thác sản xuất nước khoáng giải khát đóng chai và điều trị bệnh. Lưu lượng tự chảy của cụm mạch lộ này ổn định vào khoảng 4,93 đến 5,10 l/s. Nhiệt độ ổn định từ 84 - 84,8°C. (Xem biểu đồ quan trắc động thái mỏ nước khoáng Quế Lộc)

Trong quá trình khảo sát đánh giá nguồn nước khoáng Quế Lộc vào tháng 9/1993, Công ty Ung dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới đã tiến hành khoan lỗ khoan có số hiệu QL2, chiều sâu 30m (Xem cột địa tầng

và cấu trúc lỗ khoan QL2) trong khu vực cụm mạch lộ (ĐL2) đồng thời hút nước thí nghiệm bằng bơm nước và xả nước tự chảy (Xem bảng 1). Lấy mẫu nghiên cứu chất lượng quan trắc động thái lưu lượng, nhiệt độ của nước (Xem biểu đồ quan trắc động thái nước khoáng mỏ Quế Lộc)

BẢNG 1 :

Đợt thí nghiệm	Chiều sâu mực nước tĩnh H_t, m	Chiều sâu mực nước động H_d, m	Độ hạ thấp mực nước S, m	Lưu lượng $Q \text{ l/s}$	Tỷ lưu lượng $q \text{ l/s m}$	Thời gian bơm Giờ	Nhiệt độ nước $^{\circ}C$
Xả nước	+ 1.52	+ 0.50	1.02	1.00	0.98		83
I	+ 1.52	- 0.58	2.10	2.00	0.95	84	84
II	+ 1.51	- 1.27	2.78	2.60	0.94	96	85
III	+ 1.51	- 2.01	3.52	3.10	0.88	96	85

Kết quả tính thông số địa chất thủy văn theo tài liệu bơm nước thí nghiệm tại lỗ khoan QL 2 (Xem bảng bảng 2 dưới đây)

BẢNG 2

Đợt bơm nước thí nghiệm	Lưu lượng $Qm^3 / \text{ngày}$	Độ hạ thấp S, m	Hệ số dẫn nước $Km^2 / \text{ngày}$	Hệ số dẫn áp $a m^2 / \text{ngày}$
I	172.80	2,10	198	$1,10 \times 10^5$
II	224.60	2,78	156	$1,47 \times 10^7$
III	278.84	3,52	119	$1,20 \times 10^5$
Hồi phục	278.84	3,52	178	
Trung bình			160	5×10^6

- Xếp cấp trữ lượng nguồn nước khoáng Quế Lộc

- Xem xét quá trình nghiên cứu chất lượng, lưu lượng tự chảy tại Giếng Ông, Giếng Bà và lỗ khoan QL 2, tài liệu hút nước thí nghiệm tại lỗ khoan QL2, tài liệu quan trắc lâu dài chúng tôi thấy rằng : lưu lượng trung bình tại

Giếng Ông là 6 l/s hay 518.4 m³/ngày; tại Giếng Bà là 5 l/s hay 432 m³/ngày; tại lỗ khoan QL 2 là 1 l/s hay 86,4 m³/ngày được xếp vào cấp B.

- Hiệu số lưu lượng hút nước cực đại tại lỗ khoan QL 2 với trừ lượng cấp B của lỗ khoan QL 2 có thể xếp vào cấp C1 ($C1 = 267,8 \text{ m}^3/\text{ngày} - 86,40 \text{ m}^3/\text{ngày} = 181,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$)

- Hiệu số giữa lưu lượng ngoại suy theo đường cong lưu lượng với trừ lượng cấp B + C1 có thể xếp vào cấp C2

Trừ lượng khai thác cấp C2 = $394,8 - 267,8 = 127 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Tóm lại, trừ lượng khai thác nước khoáng mỏ Quế Lộc như sau :

- Cấp B : Giếng Ông : QKT = 518 m³/ngày

Giếng Bà : QKT = 432 m³ /ngày

Lỗ khoan QL 2 : QKT = 86 m³/ngày

- Cấp C1 tại lỗ khoan QL 2 là QKT = 181 m³/ngày

- Cấp C2 tại lỗ khoan QL 2 là QKT = 127 m³/ngày

CHƯƠNG SÁU

YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ QUY TRÌNH KHAI THÁC SẢN XUẤT NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

1. YÊU CẦU DÙNG NƯỚC

Theo chủ trương đã được duyệt nguồn nước khoáng Quế Lộc khai thác nhằm để sản xuất nước khoáng đóng chai. Còn nguồn nước Quế Sơn sẽ được dùng cho tắm ngâm điều trị bệnh, Công ty sẽ triển khai vào giai đoạn II.

- Công suất đóng chai của 2 loại chai thủy tinh là 14 triệu lít/năm.
- Lượng nước dùng để xúc rửa chai và vệ sinh công nghiệp chiếm 25% lượng nước đóng chai là 3,5 triệu lit/năm.
- Tổng lượng nước cần dùng cho sản xuất đóng chai là: 14 triệu lit/năm – 35 triệu lít/năm = 17.500m³/năm.
- Trữ lượng cấp B (cấp công nghiệp) tại lỗ khoan QL12 là 86m³/ngày hay là 31.390m³/năm. Như vậy việc khai thác nước khoáng tại lỗ khoan QL2 (chỉ khai thác trữ lượng cấp B) cũng vượt yêu cầu sản xuất đóng chai.

2. CHỌN TẦNG CHỨA NƯỚC KHAI THÁC VÀ VỊ TRÍ ĐẶT GIẾNG KHOAN KHAI THÁC

Như trên đã trình bày : nguồn nước khoáng nóng Quế sơn được thành tạo ở dưới sâu trong đá xâm nhập, được tầng trữ lưu thông trong đới nứt nẻ của các đới kiến tạo. Nó được xuất lộ lên mặt đất tại 2 khu vực nhỏ Giếng Ông và Giếng Bà. Vì vậy việc chọn đới phá huỷ kiến tạo trong đá xâm nhập chứa nước nóng Quế lộc là cơ sở khoa học đảm bảo cho việc khai thác lâu dài, ổn định chất lượng và trữ lượng khai thác.

Lỗ khoan QL2 là lỗ khoan khảo sát thăm dò tính trữ lượng khai thác đã được Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản Quốc gia đánh giá đạt trữ

lượng cấp B (cấp công nghiệp) là $86\text{m}^3/\text{ngày}$, cấp C1 là $181\text{m}^3/\text{ngày}$ và cấp C2 $127\text{m}^3/\text{ngày}$, vì vậy lỗ khoan này sẽ cải tạo thành giếng khoan khai thác.

1. Cột địa tầng địa chất của giếng khoan như sau:

Từ 0,0m - 2,0 m là lớp bùn, sét, cát màu xám lẫn nhiều mùn hữu cơ.

Từ 2.0 m - 3.0m là lớp sét dẻo quánh màu vàng nhạt, cách nước tốt.

Từ 3,0m - 6,0m là lớp cát , cuội, sỏi tròn cạnh, kích thước hạt tăng theo chiều sâu.

Từ 6,0 - 10,0 m là đá granit sáng màu , nứt nẻ mạnh, chứa nước khoáng nóng

(Xem cột địa tầng và cấu trúc lỗ khoan khảo sát thăm dò QL2)

2. Thiết kế giếng khoan khai thác QL2 như sau:

- Chiều sâu giếng khoan 30,0m

- Từ 0,0m đến 10.0 m khoan đường kính $\varnothing 219\text{mm}$.

- Từ 10.0 đến 30.0m khoan đường kính $\varnothing 168\text{mm}$

3. Đặt ống chống , lọc, ống lắng ở các độ sâu sau:

- Từ +0.5m (nhô cao hơn mặt đất 0,5m) đến 10.0 m đặt ống chống bằng inôc đường kính $\varnothing 168\text{mm}$; khoảng trống chung quanh giữa thành ngoài ống chống và vách giếng khoan được trám bằng xi măng cát cuội sỏi để cách lý nước mặt, của tầng chứa nước cát cuội sỏi với đới chứa nước khoáng khai thác.

- Từ 10,0 m đến 25,0 m chống lọc bằng inôc đường kính $\varnothing 150\text{mm}$

- Từ 25,0,m đến 30,0m chống ống chống bằng inôc đường kính $\varnothing 150\text{mm}$ để làm ống lắng.

- Ống chống đường kính $\varnothing 168\text{mm}$ và ống lọc đường kính $\varnothing 150\text{mm}$ được nối với nhau bằng nhip pen lộn tu.

- Dựa vào kết quả hút nước thí nghiệm tại lỗ khoan QL3 và kết cấu của giếng khoan khai thác chúng tôi chọn máy bơm chìm động cơ để khai thác nước khoáng, loại SP-16 của Thụy Điển có công suất 16m³/h, chiều cao đẩy trên 50m.

3. THIẾT LẬP ĐỐI BẢO VỆ VỆ SINH NGUỒN NƯỚC KHOÁNG

Để bảo vệ vệ sinh nguồn nước khoáng khai thác không bị ô nhiễm bởi các nguồn nước khác, yêu cầu thực hiện đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Trong quá trình khai thác tại giếng QL2 phải thực hiện nghiêm túc các qui trình về kỹ thuật khai thác, không được khai thác quá công suất cho phép, khu vực khai thác phải luôn luôn sạch sẽ.

- Thiết lập và kiểm tra thường xuyên các đối bảo vệ vệ sinh nguồn nước khai thác.

Mỗi nước khoáng nóng Quế lộc được thiết lập các đối bảo vệ về nguồn nước như sau:

a. Đối thứ nhất được gọi là đối nghiêm cứu:

- Đối này được giới hạn bởi toàn bộ diện tích khu vực xuất lộ nước khoáng, gồm toàn bộ cụm mạch lộ Giếng Ông (ĐL1), và cụm mạch lộ Giếng Bà (ĐL2) chiếm diện tích rộng khoảng 100 - 200m². Trong phạm vi diện tích của đối này chỉ được xây dựng các công trình khai, dẫn nước khoáng, tuyệt đối không được xây dựng bất kỳ công trình gì gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước khoáng khai thác.

b. Đối thứ hai được gọi là đối kiểm soát:

Đối này nằm bao ngoài đối nghiêm cấm, được giới hạn bởi đường bao nằm cạnh đường bao thứ nhất khoảng 300m. Trong đối này tuyệt đối không được xây dựng các công trình sản xuất hoá chất độc hại, thuốc trừ sâu cỏ dại, phóng xạ, công trình ngầm chứa xăng dầu mỡ, chôn vùi chất thải công nghiệp và sinh hoạt, nghĩa trang nghĩa địa của người và gia súc...

c. Đối thứ ba được gọi là đối bảo vệ từ xa: Thông thường đối này được lấy toàn bộ khu vực phân bố nước khoáng, nhưng nguồn nước khoáng Quế lộc chứa đủ tài liệu để khoanh định ranh giới phân bố vì vậy việc lập đối bảo vệ từ xa nên chú ý đến các đối phá huỷ của đứt gãy kiến tạo có trong khu vực khảo sát thăm dò.

4. THEO DÕI THU THẬP TÀI LIỆU TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

Báo cáo đánh giá chất lượng, trữ lượng khai thác cũng còn nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ như điều kiện tầng trữ, lưu thông, điện phân bố của nước khoáng, đặc điểm về ổn định chất lượng, trữ lượng của nước khoáng Quế lộc vì vậy trong quá trình khai thác sử dụng Công ty chúng tôi có trách nhiệm quan trắc động thái mức nước, lưu lượng, nhiệt độ của nguồn nước khoáng khai thác. định kỳ lấy mẫu kiểm tra sự biến đổi thành phần hoá học và vi sinh của nguồn nước.

Việc thau rửa, quan trắc lâu dài động thái và lấy mẫu phân tích được quy định cụ thể như sau:

- Cứ một đến hai năm phải thau rửa giếng khoan khai thác 1 lần bằng máy nên khi áp lực lớn để rửa sạch chất keo bám ở thành ống chống, ống lọc, ống lắng, đồng thời hút sạch đất cát lắng đọng trong ống: lắng của giếng khoan.

- Cứ 7- 10 ngày đo mức nước tĩnh, nhiệt độ, lưu lượng tự chảy của cum mạch lộ Giếng Bà và Giếng khoan khai thác Q12 một lần. Số liệu đo phải được ghi chép rõ ràng vào sổ quan trắc động thái.

Cứ sáu tháng một lần lấy mẫu nước khoáng phân tích thành phần hoá học, vi sinh. Nếu xét thấy cần thiết phải lấy mẫu phân tích vi nguyên tố, kim loại nặng, phóng xạ để đánh giá đầy đủ chất lượng của nước và kiểm tra mức độ ô nhiễm của nguồn nước khoáng khai thác.

Ngoài ra trong quá trình khai thác nếu xảy ra các hiện tượng đột biến về chất lượng, lưu lượng khai thác thì phải ghi chép rõ ràng đầy đủ các hiện tượng đó. Nếu xét thấy có nguy cơ bị phá huỷ, cạn kiệt, bị ô nhiễm nguồn

nước thì phải ngừng khai thác và báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền liên quan để có biện pháp xử lý.

5. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC KHOÁNG ĐÓNG CHAI

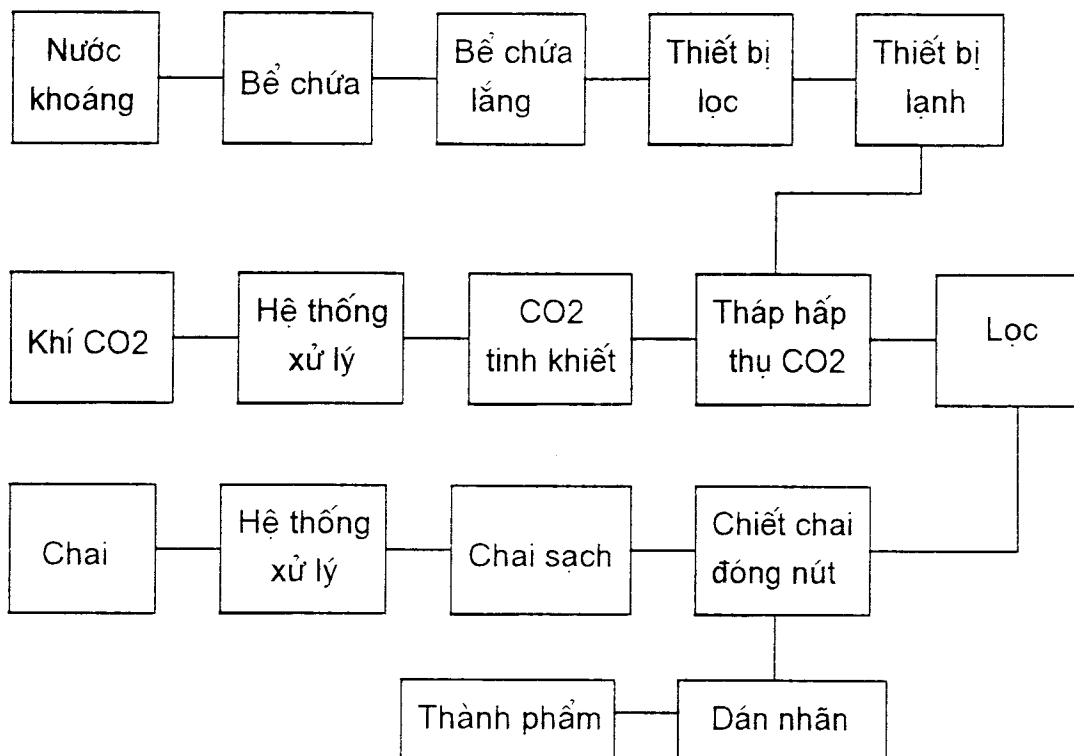
5.1. Quy trình

Khu vực sản xuất nước giải khát đóng chai đòi hỏi phải được xây dựng ở gần nguồn nước khoáng khai thác, nhưng hiện tại khu vực Quế lộc và cơ sở hạ tầng như đường giao thông, đường điện cao thế cũng gặp nhiều khó khăn vì vậy việc sản xuất nước khoáng giải khát đóng chai bước đầu sẽ được tổ chức ở Đà Nẵng. Việc vận chuyển nước khoáng thô về Đà Nẵng theo đúng quy định của Nhà nước, giữ hệ thống kín và không cho tác động bên ngoài làm biến đổi chất lượng của nước khoáng.

Nước khoáng từ giếng khoan QL2 được bơm lên bằng máy bơm rồi chuyển vào tec inóc chuyên dụng đưa về bể chứa nơi sản xuất, làm nguội đến nhiệt độ bình thường, khử mùi H₂S, giảm hàm lượng sắt, và Fluor trong nước dưới mức cho phép, lọc tinh, tiệt trùng bằng tia đèn cực tím, làm lạnh; chiết chai, gắn nút, kiểm tra sản phẩm, dán nhãn, nhập kho và cuối cùng xuất kho tiêu thụ.

Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất nước khoáng giải khát đóng chai thủy tinh được khái quát theo sơ đồ 1.

SƠ LƯỢC VỀ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ



5.2. Giảm hàm lượng sắt và Fluor

Như đã trình bày ở trên nước khoáng Quế lộc có hàm lượng sắt từ 0,25 - 3.5mg/l và Fluor có hàm lượng từ 7,3 - 14.4mg/l, cao hơn qui định cho phép vì vậy phải có công nghệ để làm giảm hàm lượng sắt và Fluor xuống dưới mức cho phép.

- Giảm hàm lượng sắt có thể bằng phương pháp cơ học truyền thống đơn giản mà không ảnh hưởng đến chất lượng nước khoáng.

- Giảm hàm lượng Fluor

Theo báo cáo nghiên cứu của đơn vị nghiên cứu nước khoáng thuộc trường Đại học Dược khoa - Bộ y tế do Giáo sư Hà Như Phú chủ nhiệm đề tài đề nêu ra qui trình giảm Fluor trong nước khoáng như sau:

+ Mục đích, yêu cầu: làm giảm hàm lượng Fluor (F) trong nước khoáng có hàm lượng Fluor cao xuống khoảng dưới 2 mg/l (qui định cho phép nước khoáng giải khát đóng chai) để sử dụng rộng rãi, không giới hạn về thời gian và số lượng nhằm cung cấp đủ khẩu phần hàng ngày về Fluor cho cơ thể. Chỉ giảm hàm lượng Fluor mà không ảnh hưởng đến các thành phần hoá học khác, đảm bảo duy trì tác dụng được lý cơ bản của nước khoáng.

+ Về nguyên tắc: lọc nước khoáng qua một lớp anionit có tác dụng chọn lọc với Fluor - Anion fluor (F) dễ bị thay thế bởi ion OH, vì hàm lượng F rất thấp nên lượng ion Oh thay thế không đáng kể. Có thể dùng các chất anionit là nhôm ôxyt đã hoạt hoá hoặc chất hydroxy apatit $[Ca_9(P_4O_{10})_6(OH)_2]$

+ Cách tiến hành : Cho nước khoáng có hàm lượng F cao hơn qui định chảy qua 1 cột aninit cao 0,8 - 1,0 m điều chỉnh vận tốc chảy 20 - 30 m/h, sau đó kiểm tra nồng độ F trong nước chảy ra bằng phản ứng Zircori - Alizarin và kiểm tra tổng số các anion và cation khác bằng cách đo độ dẫn (Dùng máy thử Water Test Hanna hoặc máy đo độ dẫn khác)

Thay thế cột lọc sau khi đã dùng xử lý khoảng 150m³ nước khoáng, nếu dùng nhôm oxýt hoá, 400m³ nước khoáng nếu dùng hydrxy apatit. Có thể tái sinh anionit để sử dụng lại.

CHƯƠNG BẢY

THIẾT BỊ ,NGUYÊN LIỆU, ĐIỆN, NƯỚC, LAO ĐỘNG

I. GIỚI THIỆU VỀ TRANG THIẾT BỊ :

Liên doanh sẽ được xây dựng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Toàn bộ thiết bị sẽ được liên doanh mua phù hợp với tiêu chuẩn trên. Những thiết bị nào mà tại thị trường Việt Nam có giá rẻ hơn và chất lượng tương đương với hàng mua tại thị trường nước ngoài thì liên doanh sẽ ưu tiên mua tại thị trường Việt Nam.

Với cấu trúc hiện đại do các kiến trúc sư Pháp thiết kế, toàn bộ nhà máy sẽ được lắp đặt theo tiêu chuẩn quốc tế. Dự kiến thiết bị trị giá 6.338.000 USD được đính kèm theo sau :

1. Trang thiết bị sản xuất (1) : 6.338.000 USD

2. Trang thiết bị văn phòng (2) : 122.000 USD

- Máy vi tính:

10 bộ x 2.000 USD/bộ 20.000 USD

- Máy fax + hệ thống điện thoại:

02 máy Fax +10 điện thoại và tổng đài 200 số 28.400 USD

- Máy photocopy

2 chiếc x 4.300 USD/c 8.600 USD

- Máy điều hoà, máy hút ẩm (20 chiếc các loại) 15.000 USD

- Bàn ghế và thiết bị cho văn phòng

làm việc 50.000 USD

3. Phương tiện (Ôtô 9 chiếc các loại) (3) : 590.000 USD

- Xe ô tô trên 30 chỗ để chở công nhân (4 chiếc)

4 chiếc x 30.000 USD/c 120.000 USD

- Xe ô tô từ 16 đến 30 chỗ (1 chiếc)

1 chiếc x 60.000 USD/c 60.000 USD

- Xe ô tô 4 chỗ (3 chiếc)

3 chiếc x 50.000 USD/c 150.000 USD

- Xe tải 26 tấn (4 chiếc)

4 chiếc x 45.000 USD/c 180.000 USD

- Xe chuyên dụng chở hàng

trong kho và nhà máy (8 chiếc x 10.000 USD/c) 80.000 USD

II. NGUYÊN VẬT LIỆU:

1. Phôi (14.000.000 chai x 0,094 \$/chai)	= 1.316.000 \$
2. Núť (14.000.000 nút x 0,0026 \$/nút)	= 36.400 \$
3. Nhãn (14.000.000 nhãn x 0,015 \$/nhãn)	= 210.000 \$
4. Bao bì đóng gói 2,33M x 0,01\$/M	= 23.300 \$
5. Đóng vào Palét 20.803 x 1,00	= 20.803 \$
6. Chuyên chở nguyên vật liệu từ Pháp đến Đà Nẵng	= 277.520 \$

TỔNG CỘNG	= 1.884.013 \$

III. ĐIỆN:

1. Liên doanh sẽ lắp thêm trạm biến áp với công suất là 360 KWA. Dự kiến phải lắp đặt mới toàn bộ hệ thống điện trong nội bộ Nhà máy. Ngoài ra đề phòng lúc mất điện, thì sẽ lắp thêm máy phát điện .

2. Nhu cầu về năng lượng:

- Nhu cầu điện cho sản xuất và sinh hoạt bình quân : 1. 200KWH/ngày
- Giá : 0,075 USD/kwh
- Ngày làm việc : 300 ngày/năm
- Nhu cầu điện năm 27.000 USD

IV. VỀ HỆ THỐNG CUNG CẤP NƯỚC:

Liên doanh sẽ dùng hệ thống nước bằng giếng khoan.

IV. LAO ĐỘNG

1. Cơ quan cao nhất là Hội đồng quản trị gồm 6 thành viên:

- + Bên Việt Nam : 02 thành viên
- + Bên nước ngoài : 04 thành viên

2. Bộ máy điều hành là Ban giám đốc. Bộ máy này sẽ do các bên chỉ định và tự quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Liên doanh. Trong đó:

- + Tổng giám đốc là người Bên nước ngoài.
- + Phó tổng giám đốc thứ nhất là người Bên Việt Nam

3. Tổng số lao động trong công ty liên doanh dự kiến khoảng 80 người và mức lương dự kiến theo bảng lương kèm theo dưới đây:

4. Đào tạo, tuyển dụng:

Công ty liên doanh sẽ tuyển dụng lao động thông qua cơ quan lao động địa phương. Những nhân viên này sẽ được đào tạo ít nhất 2 tháng về nghiệp vụ. Dự kiến sau 6 tháng mọi nhân viên đều thạo việc.

Trong thời gian đào tạo các nhân viên được hưởng 85% lương chính. Sau thời gian từ 1 đến 3 tháng sẽ được hưởng 100% lương như trong bảng lương.

5. Chế độ làm việc:

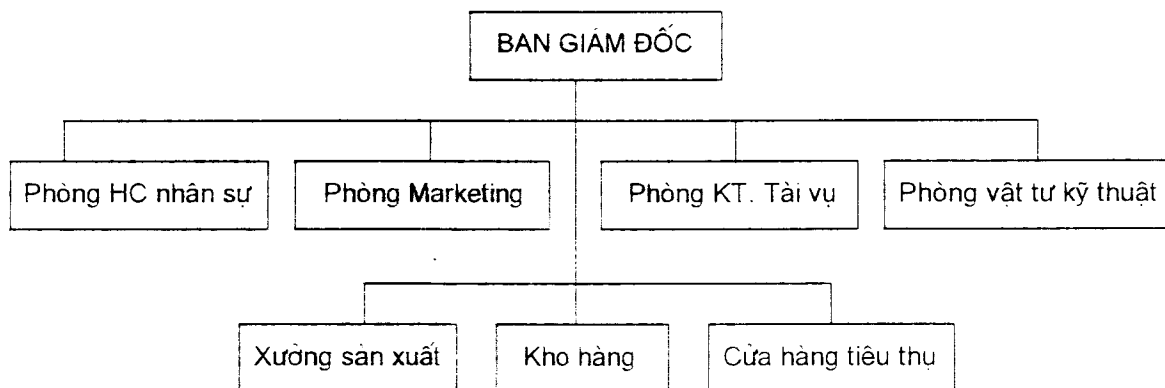
- Tùy theo từng thời kỳ và từng bộ phận, có thể làm từ 1 đến 2 ca/ ngày.
- 8 giờ/ ca
- Ngày làm việc trong tháng 26 ngày/tháng.
- Giờ làm việc:

+ Ca sáng : Từ 6h đến 14h

+ Ca chiều : Từ 14h đến 22h

Ngoài ra để phục vụ tốt điều kiện làm việc, thì công ty liên doanh tổ chức ăn giữa ca cho nhân viên mỗi ca một bữa giá trị 0.5 USD/người/ bữa.

6. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CHƯƠNG TÁM

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ : 11.283.000 USD

II. VỐN PHÁP ĐỊNH : 3.383.000 USD

1. Bên Việt Nam góp: 900.000 USD chiếm 26,6 % vốn pháp định bằng quyền khai thác mỏ nước khoáng và quyền sử dụng đất

2. Bên nước ngoài góp : 2.483.000 USD chiếm 73,4 % vốn pháp định, bằng máy móc thiết bị và tiền mặt trong đó :

- Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING góp 68,4 % bằng máy móc thiết bị và tiền mặt

- Công ty PAM KEVIN ENTERPRISES LTD góp 5% bằng tiền mặt do Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING cho vay

III. VỐN VAY

Vốn vay của công ty liên doanh là 7.900.000 USD khoản vay này sẽ do Bên nước ngoài giúp công ty liên doanh vay theo lãi suất không quá 8%-9% và thời gian vay khoảng từ 5-7 năm

IV. CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ:

1. Vốn đầu tư : 11.283.000 USD

2. Vốn cố định: 9.650.000 USD

- Giá trị quyền khai thác mỏ và quyền sử dụng đất 900.000 USD
- Chi phí đền bù dự kiến là 200.000 USD ✓ *thực tế*
- Xây dựng : 1.500.000 USD
- Thiết bị sản xuất 6.338.000 USD
- Thiết bị văn phòng 122.000 USD
- Phương tiện: 590.000 USD

3. Vốn lưu động : 1.633.000 USD

- Nguyên liệu (bao bì, chai, bình nhựa....) : 600.000 USD
- Hàng tồn kho, và trả chậm 580.000 USD
- Điện nước, nhiên liệu : 80.000 USD
- Lương, bảo hiểm xã hội : 80.000 USD
- Quảng cáo : 50.000 USD
- Ăn giữa ca cho nhân viên : 10.000 USD
- Giao dịch : 20.000 USD
- Chi phí khác : 50.000 USD
- Tiền mặt 163.000 USD

V. LỊCH BIỂU GÓP VỐN

Các Bên cam kết góp vốn của mình đủ và đúng thời hạn theo lịch biểu sau đây:

Bên Việt nam:

Trong vòng tháng đầu tiên kể từ khi có Giấy phép đầu tư phải bàn giao khu đất 4 ha cho liên doanh. Mọi chi phí đền bù sẽ do liên doanh chịu

Bên nước ngoài:

- Góp 300.000 USD trong vòng 60 ngày kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư để đền bù giải phóng mặt bằng .
- Góp 383.000 USD trong vòng 3 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư
- Góp 600.000 USD trong vòng 6 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư
- Góp 600.000 USD trong vòng 9 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư
- Góp 600.000USD trong vòng 12 tháng kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư

* Việc góp vốn của các Bên Liên doanh phải được sự xác nhận bằng văn bản của Hội đồng quản trị.

VI. KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH:

Khấu hao tài sản cố định của Công ty liên doanh được áp dụng theo thông tư 1062/TC-TCĐN ngày 17/11/1996 của Bộ Tài chính và tính như sau

Tài sản cố định	Giá trị (USD)	Tỷ lệ KH (%)	Thành tiền (USD)
- Giá trị quyền khai thác mỏ và giá trị quyền sử dụng đất	900.000	4%	36.000
- Tiền đền bù	200.000	10%	20.000
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	1.500.000	5%	75.000
- Thiết bị sản xuất	6.338.000	15%	950.700
- Thiết bị văn phòng	122.000	20%	24.400
- Phương tiện	590.000	10%	59.000

VI. NGUYÊN TẮC TÍNH HẠCH TOÁN THU, CHI:

A. Doanh thu: (R)

$$R = \text{Giá bán} \times \text{Số lượng sản phẩm}$$

Trong đó :

- Giá bán dự kiến : + chai nhựa 1.5 lít là : 0,4 USD/chai
- + chai nhựa 0.5 lít là : 0,15 USD/chai

- Công suất dự kiến :

Năm thứ nhất : 6.000.000 chai 1,5 lít
 14.000.000 chai 0,5 lít

Năm thứ hai : 10.000.000 chai 1,5 lít
 14.000.000 chai 0,5 lít

Năm thứ ba : 10.000.000 chai 1,5 lít
 18.000.000 chai 0,5 lít

Năm thứ tư : 10.000.000 chai 1,5 lít
 20.000.000 chai 0,5 lít

B. Chi phí của dự án : (C).

1. Chi phí lương trực tiếp: C1

Dự kiến kể từ khi sản xuất (năm thứ hai) theo như bảng lương đính kèm. những năm tiếp theo tăng 2 %.

2. Chi phí bảo hiểm xã hội: C2

$$C2 = 18\% C1$$

3. Chi phí lương gián tiếp: C3

$$C3 = 40\% C1$$

4. Chi phí điện, nhiên liệu, thông tin: C4

$$C4 = 4 \%R$$

5. Chi phí bảo dưỡng tài sản định kỳ hàng năm: C5

$$C5 = 0,5 \%R$$

6. Chi phí bảo hiểm tài sản: C6

$$C6 = 1\% \text{ giá công trình}$$

7. Chi phí bao bì: C7

$$C7 = 25 \% R$$

8. Khấu hao tài sản cố định : C8

Có bảng khấu hao đính kèm

9. Chi phí lãi vay: C9

$$C9 = \text{Số vốn vay} \times \text{Lãi suất vay}$$

(Số vốn còn vay của năm x 8 %)

10. Thuế doanh thu: C10

Thuế doanh thu phải nộp hàng năm là 4%

$$C12 = 4 \% R$$

11. Thuế tài nguyên : C11

Thuế tài nguyên phải nộp cho phần nước khoáng khai thác được tính tương đương bằng 2% doanh thu

$$C11 = 2 \% R$$

12. Chi phí đào tạo : C12

$$C12 = 1 \% R$$

13. Chi phí vận chuyển : C13

$$C13 = 1 \% R$$

14. Chi phí quảng cáo: (C14)

$$C14 = 2\% R$$

15. Chi phí quản lý, hành chính : (C15)

$$C15 = 2\% R$$

16. Tổng chi phí : Ct

$$Ct = C1 + C2 + + C15$$

17. Lợi nhuận gộp:

$$P1 = (R - Ct)$$

18. Thuế lợi tức : (T1)

Trong 2 năm đầu kể từ khi có lãi $T1=0$, trong 2 năm tiếp theo $T1=12.5\%$, tiếp đó là $T1 = 25\%$

19. Lợi nhuận sau thuế : (P2)

$$P2 = (P1 - T1)$$

20. Lập các quỹ của liên doanh (Q)

$$Q = 5\% P2$$

21. Chi trả gốc vay : C 21

Chi lãi vay bằng số tiền khấu hao hằng năm cộng với số tiền trích một phần từ lợi tức sau thuế của công ty ,trả trong vòng 7 năm và bắt đầu trả gốc từ năm thứ ba.

22. Lãi đem chia : NP

$NP = P2 - 5\% P2 - \text{Một phần C21}$
--

23. Tỷ lệ chia lợi nhuận :

Từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 là :

- | | |
|------------------|----------|
| - Bên Việt nam | : 26,6 % |
| - Bên nước ngoài | : 73,4 % |

Từ năm thứ 6 đến hết thời hạn liên doanh thì mỗi năm Bên Việt nam có thể tăng tối đa 1%.

24. Thuế chuyển lợi nhận của bên nước ngoài : 10 % LNN.

CHƯƠNG CHÍN

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kể từ khi cấp Giấy phép đầu tư)

- | | |
|---|----------------------------------|
| - Làm thủ tục xây dựng : | trong vòng 02 tháng đầu |
| - Giải phóng mặt bằng: | Từ tháng 1 đến tháng thứ 3 |
| - Cải tạo và xây dựng : | từ tháng thứ 3 đến tháng thứ 12 |
| - Nhập khẩu và mua thiết bị cần thiết theo danh mục : | từ tháng thứ 4 đến tháng thứ 10 |
| - Lắp đặt thiết bị : | từ tháng thứ 8 đến tháng thứ 11 |
| - Tuyển chọn nhân viên và đào tạo : | từ tháng thứ 10 đến tháng thứ 12 |
| - Chính thức hoạt động : | từ tháng thứ 14 |

CHƯƠNG MƯỜI

HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾT LUẬN.

I. HIỆU QUẢ KINH TẾ:

1. Thông qua các tính toán tại chương sáu , chúng ta có thể xem xét một số đánh giá kinh tế của dự án như sau:

- Hệ số hoàn vốn giản đơn trung bình (theo tăng vốn đầu tư) là 12 %
- Hệ số hoàn vốn giản đơn trung bình (theo vốn pháp định) là 18 %
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là: 15 %

2. Ngoài ra nếu dự án được thông qua sẽ đem lại nguồn thu ngân sách cho Nhà nước Việt Nam sau 25 năm khoảng **25,637,571 USD** với :

- Thuế lợi tức khoảng : 12.556.652 USD
- Thuế doanh thu 6.841.177 USD
- Thuế tài nguyên 3.420.589 USD
- Tiền thuê đất 33.700 USD
- Thuế chuyển lợi nhuận của bên nước ngoài: 2.785.454 USD

3. Thời gian thu hồi vốn:

NĂM	THỰC LÃI	KHẤU HAO	TỔNG
Thứ 1	1,317,199	56,000	1,373,199
Thứ 2	1,097,305	1,184,300	2,281,605
Thứ 3	1,083,821	1,204,400	2,288,221
Thứ 4	1,211,860	1,225,400	2,437,260
Thứ 5	1,042,540	1,246,402	2,288,942
Thứ 6	1,046,154	1,267,405	2,313,559
TỔNG CỘNG			12,982,786

Như vậy dự tính liên doanh sẽ thu hồi vốn sau khoảng 6 năm

II. HIỆU QUẢ XÃ HỘI:

- Dự án đã giải quyết được cho hàng trăm lao động có công ăn việc làm ổn định.

- Thông qua liên doanh, đào tạo được đội ngũ nhân viên thạo nghề, phong cách làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Tăng thêm uy tín và tạo cho Bên Việt nam có thêm những cơ hội hợp tác mới với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Khai thác và làm sống dậy vùng đất kém phát triển của ngoại vi Quảng nam- Đà Nẵng

III. KẾT LUẬN:

Đây là dự án rất có hiệu quả, đầu tư vào lĩnh vực mà Nhà nước đang khuyến khích. Đồng thời đối tác nước ngoài là một đối tác rất tốt và đang hoạt động có hiệu quả cả trong và ngoài nước, và đối tác nước ngoài này có rất nhiều kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh, khai thác và quản lý đối với ngành nước khoáng .

Với sự tự đánh giá đây là một dự án rất hiệu quả các bên tham gia liên doanh xin kính đề nghị Bộ kế hoạch và đầu tư cũng như các cơ quan liên quan xem xét và cấp Giấy phép đầu tư để liên doanh sớm đi vào hoạt động.

Đà Nẵng, Ngày 28 tháng 12 năm 1996

PHẠM VĂN LAI

BẢNG DOANH THU

NƯỚC KHOÁNG QUỐC LỘC

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Năm thứ 8	Năm thứ 9	Năm thứ 10
1.LOẠI CHAI 1,5 LÍT										
Số lượng tiêu thụ (chai/năm)	5,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,800	10,001,600	10,002,400	10,003,200	10,004,001	10,004,801
Giá bán (USD/chai)	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4
DOANH THU LOẠI CHAI 1,5 LÍT	2,000,000	4,000,000	4,000,000	4,000,000	4,000,320	4,000,640	4,000,960	4,001,280	4,001,600	4,001,920
2.LOẠI CHAI 0,5 LÍT										
Số lượng tiêu thụ (chai/năm)	12,000,000	16,000,000	18,000,000	20,000,000	20,001,600	20,003,200	20,004,800	20,006,401	20,008,001	20,009,602
Giá bán (USD/chai)	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15
DOANH THU LOẠI CHAI 0,5 LÍT	1,800,000	2,400,000	2,700,000	3,000,000	3,000,240	3,000,480	3,000,720	3,000,960	3,001,200	3,001,440
TỔNG DOANH THU	3,800,000	6,400,000	6,700,000	7,000,000	7,000,560	7,001,120	7,001,680	7,002,240	7,002,800	7,003,360

BẢNG DOANH THU

NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 11	Năm thứ 12	Năm thứ 13	Năm thứ 14	Năm thứ 15	Năm thứ 16	Năm thứ 17	Năm thứ 18	Năm thứ 19	Năm thứ 20
1.LOẠI CHAI 1,5 LÍT										
Số lượng tiêu thụ (chai/năm)	10,005,601	10,006,402	10,007,202	10,008,003	10,008,804	10,009,604	10,010,405	10,011,206	10,012,007	10,012,808
Giá bán (USD/chai)	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4
DOANH THU LOẠI CHAI 1,5 LÍT	4,002,241	4,002,561	4,002,881	4,003,201	4,003,521	4,003,842	4,004,162	4,004,482	4,004,803	4,005,123
2.LOẠI CHAI 0,5 LÍT										
Số lượng tiêu thụ (chai/năm)	20,011,203	20,012,804	20,014,405	20,016,006	20,017,607	20,019,208	20,020,810	20,022,412	20,024,013	20,025,615
Giá bán (USD/chai)	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15
DOANH THU LOẠI CHAI 0,5 LÍT	3,001,680	3,001,921	3,002,161	3,002,401	3,002,641	3,002,881	3,003,121	3,003,362	3,003,602	3,003,842
TỔNG DOANH THU	7,003,921	7,004,481	7,005,042	7,005,602	7,006,162	7,006,723	7,007,283	7,007,844	7,008,405	7,008,965

BẢNG DOANH THU

NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 21	Năm thứ 22	Năm thứ 23	Năm thứ 24	Năm thứ 25
1.LOẠI CHAI 1,5 LÍT					
Số lượng tiêu thụ (chai/năm)	10,013,609	10,014,410	10,015,211	10,016,012	10,016,813
Giá bán (USD/chai)	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4
DOANH THU LOẠI CHAI 1,5 LÍT	4,005,443	4,005,764	4,006,084	4,006,405	4,006,725
2.LOẠI CHAI 0,5 LÍT					
Số lượng tiêu thụ (chai/năm)	20,027,217	20,028,820	20,030,422	20,032,024	20,033,627
Giá bán (USD/chai)	0.15	0.15	0.15	0.15	0.15
DOANH THU LOẠI CHAI 0,5 LÍT	3,004,083	3,004,323	3,004,563	3,004,804	3,005,044
TỔNG DOANH THU	7,009,526	7,010,087	7,010,648	7,011,209	7,011,769

BẢNG TÍNH KHẤU HAO

NƯỚC KHOẢNG QUẾ LỘC

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Năm thứ 8	Năm thứ 9	Năm thứ 10
CHI PHÍ TÁI ĐẦU TƯ										
Năm thứ 1	0	192,000	201,000	210,000	210,017	210,034	210,050	210,067	210,084	210,101
Năm thứ 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm thứ 3		19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
Năm thứ 4			20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100
Năm thứ 5				21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000
Năm thứ 6					21,002	21,002	21,002	21,002	21,002	21,002
Năm thứ 7						21,003	21,003	21,003	21,003	21,003
Năm thứ 8							21,005	21,005	21,005	21,005
Năm thứ 9								21,007	21,007	21,007
Năm thứ 10									21,008	21,008
Năm thứ 11										21,010
Năm thứ 12										
Năm thứ 13										
Năm thứ 14										
Năm thứ 15										
Năm thứ 16										
Năm thứ 17										
Năm thứ 18										
Năm thứ 19										
Năm thứ 20										
Năm thứ 21										
Năm thứ 22										
Năm thứ 23										
Năm thứ 24										
Năm thứ 25										
Tổng chiết khấu tái đầu tư	0	19,200	39,300	60,300	81,302	102,305	123,310	144,317	165,326	186,335
Giá trị quyền Khai thác mỏ và quyền sdungđất (4%)	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
Giá trị đền bù, giải phóng mặt bằng (10%)	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000
Nhà xưởng, vật kiến trúc (5%)	0	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
Khấu hao thiết bị sản xuất (15%)	0	950,700	950,700	950,700	950,700	950,700	950,700	633,800	0	0
Khấu hao thiết bị văn phòng (20%)	0	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	0	0	0	0
Phương tiện (10%)	0	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000
TỔNG KHẤU HAO	56,000	1,184,300	1,204,400	1,225,400	1,246,402	1,267,405	1,284,010	968,117	355,325	376,335

BẢNG TỈ LỆ KHẤU HAO

NƯỚC KHOÁNG QUỐC LỘC

Hạng mục/ Năm		Năm thứ 11	Năm thứ 12	Năm thứ 13	Năm thứ 14	Năm thứ 15	Năm thứ 16	Năm thứ 17	Năm thứ 18	Năm thứ 19	Năm thứ 20
CHI PHÍ TÁI ĐẦU TƯ		210,118	210,134	210,151	210,168	210,185	210,202	210,219	210,235	210,252	210,269
Năm thứ 1											
Năm thứ 2		19,200									
Năm thứ 3		20,100	20,100								
Năm thứ 4		21,000	21,000	21,000							
Năm thứ 5		21,002	21,002	21,002	21,002						
Năm thứ 6		21,003	21,003	21,003	21,003	21,003					
Năm thứ 7		21,005	21,005	21,005	21,005	21,005	21,005				
Năm thứ 8		21,007	21,007	21,007	21,007	21,007	21,007	21,007			
Năm thứ 9		21,008	21,008	21,008	21,008	21,008	21,008	21,008	21,008		
Năm thứ 10		21,010	21,010	21,010	21,010	21,010	21,010	21,010	21,010	21,010	
Năm thứ 11		21,012	21,012	21,012	21,012	21,012	21,012	21,012	21,012	21,012	21,012
Năm thứ 12			21,013	21,013	21,013	21,013	21,013	21,013	21,013	21,013	21,013
Năm thứ 13				21,015	21,015	21,015	21,015	21,015	21,015	21,015	21,015
Năm thứ 14					21,017	21,017	21,017	21,017	21,017	21,017	21,017
Năm thứ 15						21,018	21,018	21,018	21,018	21,018	21,018
Năm thứ 16							21,020	21,020	21,020	21,020	21,020
Năm thứ 17								21,022	21,022	21,022	21,022
Năm thứ 18									21,024	21,024	21,024
Năm thứ 19										21,025	21,025
Năm thứ 20											21,027
Năm thứ 21											
Năm thứ 22											
Năm thứ 23											
Năm thứ 24											
Năm thứ 25											
Tổng chiết khấu tái đầu tư		207,347	209,160	210,076	210,092	210,109	210,126	210,143	210,160	210,176	210,193
Gtri quyền khai thác mỏ và quyền sdungđất (4%)		36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
Giá trị đến bù, giải phóng mặt bằng (10%)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhà xưởng,vật kiến trúc (5%)		75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
Khấu hao thiết bị sản xuất (15%)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khấu hao thiết bị văn phòng (20%)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Phương tiện (10%)		59,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG KHẤU HAO		377,347	320,160	321,076	321,092	321,109	321,126	321,143	321,160	321,176	321,193

L NG TÍNH KHẤU HAO

 NƯỚC KH

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 21	Năm thứ 22	Năm thứ 23	Năm thứ 24	Năm thứ 25
CHI PHÍ TÁI ĐẦU TƯ	210,286	210,303	210,319	210,336	210,353
Năm thứ 1					
Năm thứ 2					
Năm thứ 3					
Năm thứ 4					
Năm thứ 5					
Năm thứ 6					
Năm thứ 7					
Năm thứ 8					
Năm thứ 9					
Năm thứ 10					
Năm thứ 11					
Năm thứ 12	21,013				
Năm thứ 13	21,015	21,015			
Năm thứ 14	21,017	21,017	21,017		
Năm thứ 15	21,018	21,018	21,018	21,018	
Năm thứ 16	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020
Năm thứ 17	21,022	21,022	21,022	21,022	21,022
Năm thứ 18	21,024	21,024	21,024	21,024	21,024
Năm thứ 19	21,025	21,025	21,025	21,025	21,025
Năm thứ 20	21,027	21,027	21,027	21,027	21,027
Năm thứ 21	21,029	21,029	21,029	21,029	21,029
Năm thứ 22		21,030	21,030	21,030	21,030
Năm thứ 23			21,032	21,032	21,032
Năm thứ 24				21,034	21,034
Năm thứ 25					21,035
Tổng chiết khấu tái đầu tư	189,182	168,168	147,163	126,136	105,118
Giá trị quyền khai thác mỏ và quyền sử dụng đất (4%)	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
Giá trị đền bù, giải phóng mặt bằng (10%)	0	0	0	0	0
Nhà xưởng, vật kiến trúc (5%)	75,000	0	0	0	0
Khấu hao thiết bị sản xuất (15%)	0	0	0	0	0
Khấu hao thiết bị văn phòng (20%)	0	0	0	0	0
Phương tiện (10%)	0	0	0	0	0
TỔNG KHẤU HAO	300,182	204,168	183,153	162,136	141,118

BẢNG CÁCH TÍNH CHI PHÍ

NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

[illegible]

BẢNG CÁCH TÍNH CHI PHÍ

NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

[illegible]

BẢNG CÁCH TÍNH CHI PHÍ

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 21	Năm thứ 22	Năm thứ 23	Năm thứ 24	Năm thứ 25
C1. LƯƠNG TRỰC TIẾP SO VỚI NĂM TRƯỚC	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
C2. BẢO HIỂM XÃ HỘI (S.V. C1)	0.18	0.18	0.18	0.18	0.18
C3.LƯƠNG GIÁN TIẾP (S.V. C1)	30%	30%	30%	30%	30%
C4.ĐIỆN, NHIÊN LIỆU,T.TIN (S.V. R)	4%	4%	4%	4%	4%
C5.BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ (S.V. R)	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%
C6.BẢO HIỂM TÀI SẢN (SV.GIÁ CÔNG TRÌNH)	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
C7.CHI PHÍ BAO BÌ (S.V. R)	0.30	0.30	0.30	0.30	0.30
C8.KHẤU HAO (CÓ BẢNG KÈM THEO)					
C9.TRẢ LÃI VAY (S.V. TIỀN VAY)					
C10. THUẾ DOANH THU (S.V. R)	4%	4%	4%	4%	4%
C11. THUẾ TÀI NGUYÊN (S.V. R)	2%	2%	2%	2%	2%
C12. ĐÀO TẠO (S.V. R)	1%	1%	1%	1%	1%
C13. VẬN CHUYỂN (S.V. R)	3%	3%	3%	3%	3%
C14. QUẢNG CÁO (S.V. R)	5%	5%	5%	5%	5%
C15. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (S.V. R)	2%	2%	2%	2%	2%

BẢNG TÍNH CHI PHÍ

NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

Hạng mục/Năm	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Năm thứ 8	Năm thứ 9	Năm thứ 10
C1. LƯƠNG TRỰC TIẾP SO VỚI NĂM TRƯỚC	241,440	246,269	251,194	256,218	261,342	266,569	271,901	277,339	282,885	288,543
C2. BẢO HIỂM XÃ HỘI (S.V. C1)	43,459	44,328	45,215	46,119	47,042	47,982	48,942	49,921	50,919	51,938
C3.LƯƠNG GIÁN TIẾP (S.V. C1)	96,576	96,045	95,454	94,801	94,083	93,299	92,446	91,522	90,523	89,448
C4.ĐIỆN, NHIÊN LIỆU,T.TIN (S.V. R)	152,000	256,000	268,000	280,000	280,022	280,045	280,067	280,090	280,112	280,134
C5.BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ (S.V. R)	0	32,000	33,500	35,000	35,003	35,006	35,008	35,011	35,014	35,017
C6.BẢO HIỂM TÀI SẢN (SV.GIÁ CÔNG TRÌNH)	0	90,000	90,192	90,585	91,188	92,001	93,024	94,257	95,700	97,354
C7.CHI PHÍ BAO BÌ (S.V. R)	1,140,000	1,920,000	2,010,000	2,100,000	2,100,168	2,100,336	2,100,504	2,100,672	2,100,840	2,101,008
C8.KHẤU HAO (CÓ BẢNG KÈM THEO)	56,000	1,184,300	1,204,400	1,225,400	1,246,402	1,267,405	1,264,010	968,117	355,325	376,335
C9.TRẢ LÃI VAY (S.V. TIỀN VAY)	0	288,000	259,200	224,000	192,000	160,000	128,000	0	0	0
C10. THUẾ DOANH THU (S.V. R)	152,000	256,000	268,000	280,000	280,022	280,045	280,067	280,090	280,112	280,134
C11. THUẾ TÀI NGUYÊN (S.V. R)	76,000	128,000	134,000	140,000	140,011	140,022	140,034	140,045	140,056	140,067
C12. ĐÀO TẠO (S.V. R)	76,000	64,000	67,000	70,000	70,006	70,011	70,017	70,022	70,028	70,034
C13. VẬN CHUYỂN (S.V. R)	114,000	192,000	201,000	210,000	210,017	210,034	210,050	210,067	210,084	210,101
C14. QUẢNG CÁO (S.V. R)	190,000	320,000	335,000	350,000	350,028	350,056	350,084	350,112	350,140	350,168
C15. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (S.V. R)	76,000	128,000	134,000	140,000	140,011	140,022	140,034	140,045	140,056	140,067
TỔNG CHI	2,413,475	5,244,942	5,396,155	5,542,123	5,537,345	5,532,834	5,504,188	5,087,309	4,481,796	4,510,349

BẢNG TÍNH CHI PHÍ

NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 11	Năm thứ 12	Năm thứ 13	Năm thứ 14	Năm thứ 15	Năm thứ 16	Năm thứ 17	Năm thứ 18	Năm thứ 19	Năm thứ 20
C1. LƯƠNG TRỰC TIẾP SO VỚI NĂM TRƯỚC	294,314	300,200	306,204	312,328	318,575	324,946	331,445	338,074	344,836	351,732
C2. BẢO HIỂM XÃ HỘI (S.V. C1)	52,977	54,036	55,117	56,219	57,343	58,490	59,660	60,853	62,070	63,312
C3.LƯƠNG GIÁN TIẾP (S.V. C1)	88,294	90,060	91,861	93,699	95,572	97,484	99,434	101,422	103,451	105,520
C4. ĐIỆN, NHIÊN LIỆU, T. TIN (S.V. R)	280,157	280,179	280,202	280,224	280,246	280,269	280,291	280,314	280,336	280,359
C5.BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ (S.V. R)	35,020	35,022	35,025	35,028	35,031	35,034	35,036	35,039	35,042	35,045
C6.BẢO HIỂM TÀI SẢN (SV.GIÁ CÔNG TRÌNH)	99,217	101,290	103,382	105,483	107,584	109,685	111,786	113,887	115,989	118,091
C7.CHI PHÍ BAO BÌ (S.V. R)	2,101,176	2,101,344	2,101,512	2,101,681	2,101,849	2,102,017	2,102,185	2,102,353	2,102,521	2,102,690
C8.KHẤU HAO (CÓ BẢNG KÈM THEO)	377,347	320,160	321,076	321,092	321,109	321,126	321,143	321,160	321,176	321,193
C9.TRẢ LÃI VAY (S.V. TIỀN VAY)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C10. THUẾ DOANH THU (S.V. R)	280,157	280,179	280,202	280,224	280,246	280,269	280,291	280,314	280,336	280,359
C11. THUẾ TÀI NGUYÊN (S.V. R)	140,078	140,090	140,101	140,112	140,123	140,134	140,146	140,157	140,168	140,179
C12. ĐÀO TẠO (S.V. R)	70,039	70,045	70,050	70,056	70,062	70,067	70,073	70,078	70,084	70,090
C13. VẬN CHUYỂN (S.V. R)	210,118	210,134	210,151	210,168	210,185	210,202	210,219	210,235	210,252	210,269
C14. QUẢNG CÁO (S.V. R)	350,196	350,224	350,252	350,280	350,308	350,336	350,364	350,392	350,420	350,448
C15. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (S.V. R)	140,078	140,090	140,101	140,112	140,123	140,134	140,146	140,157	140,168	140,179
TỔNG CHI	4,519,168	4,473,055	4,485,236	4,496,706	4,508,358	4,520,194	4,532,219	4,544,437	4,556,851	4,569,485

BẢNG TÍNH CHI PHÍ

NƯỚC KII

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 21	Năm thứ 22	Năm thứ 23	Năm thứ 24	Năm thứ 25
C1. LƯƠNG TRỰC TIẾP SO VỚI NĂM TRƯỚC	358,767	365,942	373,261	380,727	388,341
C2. BẢO HIỂM XÃ HỘI (S.V. C1)	64,578	65,870	67,187	68,531	69,901
C3.LƯƠNG GIÁN TIẾP (S.V. C1)	107,630	109,783	111,978	114,218	116,502
C4.ĐIỆN, NHIÊN LIỆU,T.TIN (S.V. R)	280,381	280,403	280,426	280,448	280,471
C5.BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ (S.V. R)	35,048	35,050	35,053	35,056	35,059
C6.BẢO HIỂM TÀI SẢN (SV.GIÁ CÔNG TRÌNH)	120,193	122,085	123,766	125,238	126,499
C7.CHI PHÍ BAO BÌ (S.V. R)	2,102,858	2,103,026	2,103,194	2,103,363	2,103,531
C8.KHẤU HAO (CÓ BẢNG KÈM THEO)	300,182	204,168	183,153	162,136	141,118
C9.TRẢ LÃI VAY (S.V. TIỀN VAY)	0	0	0	0	0
C10. THUẾ DOANH THU (S.V. R)	280,381	280,403	280,426	280,448	280,471
C11. THUẾ TÀI NGUYÊN (S.V. R)	140,191	140,202	140,213	140,224	140,235
C12. ĐÀO TẠO (S.V. R)	70,095	70,101	70,106	70,112	70,118
C13. VẬN CHUYỂN (S.V. R)	210,286	210,303	210,319	210,336	210,353
C14. QUẢNG CÁO (S.V. R)	350,476	350,504	350,532	350,560	350,588
C15. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (S.V. R)	140,191	140,202	140,213	140,224	140,235
TỔNG CHI	4,561,256	4,478,042	4,469,830	4,461,622	4,453,423

BẢNG TÍNH CHỈ TIÊU KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Năm thứ 8	Năm thứ 9	Năm thứ 10
TỔNG THU (R)	3,800,000	6,400,000	6,700,000	7,000,000	7,000,560	7,001,120	7,001,680	7,002,240	7,002,800	7,003,361
TỔNG CHI (C)	2,413,475	5,244,942	5,396,155	5,542,123	5,537,345	5,532,834	5,504,188	5,087,309	4,481,796	4,510,349
LÃI TRƯỚC THUẾ (P1 = R - C)	1,386,525	1,155,058	1,303,845	1,457,877	1,463,215	1,468,286	1,497,492	1,914,931	2,521,005	2,493,012
THUẾ LỢI TỨC (T1 = 25% P1)	0	0	162,981	182,235	365,804	367,072	374,373	478,733	630,251	623,253
LÃI SAU THUẾ (P2 = P1 - T1)	1,386,525	1,155,058	1,140,864	1,275,642	1,097,411	1,101,215	1,123,119	1,436,198	1,890,753	1,869,759
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ (Q = 5% P2)	69,326	57,753	57,043	63,782	54,871	55,061	56,156	71,810	94,538	93,488
LÃI RÒNG (NP = P2 - Q)	1,317,199	1,097,305	1,083,821	1,211,860	1,042,540	1,046,154	1,066,963	1,364,388	1,796,216	1,776,271
TRẢ GỐC VAY	0	0	360,000	440,000	400,000	400,000	400,000	500,000	400,000	400,000
SỐ TIỀN CÒN VAY	0	3,600,000	3,240,000	2,800,000	2,400,000	2,000,000	1,600,000	1,100,000	700,000	300,000
LÃI ĐƯỢC CHIA	1,317,199	1,097,305	1,083,821	1,211,860	1,042,540	1,046,154	1,066,963	1,364,388	1,796,216	1,776,271
LỢI NHUẬN BÊN VIỆT NAM	350,375	291,883	288,296	322,355	277,316	287,777	298,447	409,317	538,865	532,881
LỢI NHUẬN BÊN NƯỚC NGOÀI	966,824	805,422	795,525	889,505	765,225	732,308	746,874	955,072	1,257,351	1,243,390
THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN (TC=10%LNN)	96,682	80,542	79,552	88,951	76,522	73,231	74,687	95,507	125,735	124,339
LÃI RÒNG + KHẤU HAO	1,373,199	2,281,605	2,288,221	2,437,260	2,288,942	2,313,559	2,330,973	2,332,505	2,151,541	2,152,606
HOÀN VỐN ĐẦU TƯ	1,373,199	3,654,804	5,943,025	8,380,285	10,669,227	12,982,786	15,313,759			
LÃI RÒNG / TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	11.67%	9.73%	9.61%	10.74%	9.24%	9.27%	9.46%	12.09%	15.92%	15.74%
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THU ĐƯỢC :										
1. THUẾ LỢI TỨC	0	0	162,981	182,235	365,804	367,072	374,373	478,733	630,251	623,253
2. THUẾ DOANH THU	152,000	256,000	268,000	280,000	280,022	280,045	280,067	280,090	280,112	280,134
3. THUẾ TÀI NGUYÊN	76,000	128,000	134,000	140,000	140,011	140,022	140,034	140,045	140,056	140,067
4. TIỀN THUẾ ĐẤT	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348
5. THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN	96,682	80,542	79,552	88,951	76,522	73,231	74,687	95,507	125,735	124,339
CỘNG	326,030	465,890	645,881	692,533	863,708	861,718	870,509	995,722	1,177,502	1,189,142

BẢNG TÍNH CHỈ TIÊU KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

NƯỚC KHOẢNG QUÊ LỘC

Hạng mục/Năm	Năm thứ 11	Năm thứ 12	Năm thứ 13	Năm thứ 14	Năm thứ 15	Năm thứ 16	Năm thứ 17	Năm thứ 18	Năm thứ 19	Năm thứ 20
TỔNG THU (R)	7,003,921	7,004,481	7,005,042	7,005,602	7,006,162	7,006,723	7,007,283	7,007,844	7,008,405	7,008,965
TỔNG CHI (C)	4,519,168	4,473,055	4,485,236	4,496,706	4,508,358	4,520,194	4,532,219	4,544,437	4,556,851	4,569,465
LÃI TRƯỚC THUẾ (P1 = R - C)	2,484,753	2,531,426	2,519,805	2,508,896	2,497,805	2,486,529	2,475,064	2,463,407	2,451,554	2,439,500
THUẾ LỢI TỨC (T1 = 25% P1)	621,188	632,857	629,951	627,224	624,451	621,632	618,766	615,852	612,888	609,875
LÃI SAU THUẾ (P2 = P1 - T1)	1,863,565	1,898,570	1,889,854	1,881,672	1,873,354	1,864,897	1,856,298	1,847,555	1,838,665	1,829,625
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ (Q = 5% P2)	93,178	94,928	94,493	94,084	93,668	93,245	92,815	92,378	91,933	91,481
LÃI RÒNG (NP = P2 - Q)	1,770,386	1,803,641	1,795,361	1,787,588	1,779,686	1,771,652	1,763,483	1,755,178	1,746,732	1,738,144
TRẢ GỐC VAY	300,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
SỐ TIỀN CÒN VAY	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
LÃI ĐƯỢC CHIA	1,770,386	1,803,641	1,795,361	1,787,588	1,779,686	1,771,652	1,763,483	1,755,178	1,746,732	1,738,144
LỢI NHUẬN BÊN VIỆT NAM	531,116	541,092	538,608	536,276	533,906	531,496	529,045	526,553	524,020	521,443
LỢI NHUẬN BÊN NƯỚC NGOÀI	1,239,271	1,262,549	1,256,753	1,251,312	1,245,780	1,240,156	1,234,438	1,228,624	1,222,712	1,216,701
THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN (TC=10%LNN)	123,927	126,255	125,675	125,131	124,578	124,016	123,444	122,862	122,271	121,670
LÃI RÒNG + KHẤU HAO	2,147,734	2,123,802	2,116,437	2,108,681	2,100,795	2,092,778	2,084,626	2,076,337	2,067,909	2,059,337
HOÀN VỐN ĐẦU TƯ										
LÃI RÒNG / TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	15.69%	15.99%	15.91%	15.84%	15.77%	15.70%	15.63%	15.56%	15.48%	15.40%
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THU ĐƯỢC :										
1. THUẾ LỢI TỨC	621,188	632,857	629,951	627,224	624,451	621,632	618,766	615,852	612,888	609,875
2. THUẾ DOANH THU	280,157	280,179	280,202	280,224	280,246	280,269	280,291	280,314	280,336	280,359
3. THUẾ TÀI NGUYÊN	140,078	140,090	140,101	140,112	140,123	140,134	140,146	140,157	140,168	140,179
4. TIỀN THUẾ ĐẤT	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348
5. THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN	123,927	126,255	125,675	125,131	124,578	124,016	123,444	122,862	122,271	121,670
CỘNG	1,166,699	1,180,728	1,177,277	1,174,039	1,170,747	1,167,399	1,163,995	1,160,533	1,157,012	1,153,431

BẢNG TÍNH CHỈ TIÊU KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

NƯỚC KHOÁNG QUẾ LỘC

Hạng mục/ Năm	Năm thứ 21	Năm thứ 22	Năm thứ 23	Năm thứ 24	Năm thứ 25
TỔNG THU (R)	7,009,526	7,010,087	7,010,648	7,011,209	7,011,769
TỔNG CHI (C)	4,561,256	4,478,042	4,469,830	4,461,622	4,453,423
LÃI TRƯỚC THUẾ (P1 = R - C)	2,448,270	2,532,045	2,540,818	2,549,587	2,558,347
THUẾ LỢI TỨC (T1 = 25% P1)	612,068	633,011	635,205	637,397	639,587
LÃI SAU THUẾ (P2 = P1 - T1)	1,836,203	1,899,033	1,905,614	1,912,190	1,918,760
TRÍCH LẬP CÁC QŨY (Q = 5% P2)	91,810	94,952	95,281	95,610	95,938
LÃI RÒNG (NP = P2 - Q)	1,744,393	1,804,082	1,810,333	1,816,581	1,822,822
TRẢ GỐC VAY	0	0	0	0	0
SỐ TIỀN CÒN VAY	0	0	0	0	0
LÃI ĐƯỢC CHIA	1,744,393	1,804,082	1,810,333	1,816,581	1,822,822
LỢI NHUẬN BÊN VIỆT NAM	523,318	541,225	543,100	544,974	546,847
LỢI NHUẬN BÊN NƯỚC NGOÀI	1,221,075	1,262,857	1,267,233	1,271,608	1,275,975
THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN (TC=10%LNN)	122,107	126,286	126,723	127,161	127,593
LÃI RÒNG + KHẤU HAO	2,044,574	2,008,250	1,993,486	1,978,717	1,963,940
HOÀN VỐN ĐẦU TƯ					
LÃI RÒNG / TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	15.46%	15.99%	16.04%	16.10%	16.16%
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THU ĐƯỢC :					
1. THUẾ LỢI TỨC	612,068	633,011	635,205	637,397	639,587
2. THUẾ DOANH THU	280,381	280,403	280,426	280,448	280,471
3. THUẾ TÀI NGUYÊN	140,191	140,202	140,213	140,224	140,235
4. TIỀN THUẾ ĐẤT	1,348	1,348	1,348	1,348	1,348
5. THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN	122,107	126,286	126,723	127,161	127,598
CỘNG	1,156,095	1,181,250	1,183,915	1,186,578	1,189,238

12,556,652

6,841,177

3,420,589

33,700

2,785,454

25,637,571

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100/ CV-UB

-----IL.181
Đà Nẵng, ngày 19 tháng 1 năm 1996

V/v quy định mức giá thuê
mặt đất để hợp tác đầu tư
xây dựng nhà máy sản xuất
nước khoáng Tây Viên

Kính gửi : - Sở Tài chính vật giá
- Sở Kinh tế đối ngoại
- Công ty ứng dụng KHKT
và CGCN mới.

Xét đề nghị của Sở Tài chính vật giá tại Tờ trình số 38/VG ngày 13/1/1996, UBND tỉnh có ý kiến như sau :

1/ Đồng ý quy định mức giá tối thiểu cho thuê mặt đất để hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy Liên doanh sản xuất nước khoáng Tây Viên tại xã Quế Lộc - huyện Quế Sơn - QN-ĐN (kèm theo sơ đồ vị trí số 111/SXD ngày 2/1/1996) là : 337.5 USD/ha/năm. Mức giá này áp dụng với hiện trạng của diện tích đất cho thuê, không bao gồm các chi phí đền bù, giải toả và giá trị khoáng sản trong lòng đất.

2/ Căn cứ nội dung quy định nói trên, Công ty ứng dụng KHKT và CGCN mới tiến hành đàm phán với đối tác đầu tư nước ngoài. Sau khi đàm phán thống nhất mức giá thuê mặt đất, Công ty có trách nhiệm báo cáo kết quả cho Sở Tài chính vật giá xem xét trình UBND tỉnh để phê duyệt và làm thủ tục đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận ghi vào Giấy phép đầu tư ./.

PHÒNG CÔNG CHỨC QUẢN LÝ SỞ TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QN-ĐN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH

22/9/2025 - 7/1996

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận :

- Như trên
- Sở XD, ĐC, UBKH.
- Cục thuế, KHICNMT.
- Cục QLDN.
- UBND xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn.
- Liên VT, PPT, KIDN, XD



HUỶNH NĂM

ĐĂNG KÝ KHI THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Tên doanh nghiệp tự ứng dụng khoa học kỹ thuật
và chuyển giao công nghệ mới Science-technology
Application and new technologies Transfer Company
Trụ sở chính 100 Trưng Nữ Vương
Đã Nẵng

Trụ sở chi nhánh VP đại diện tại TP. Huế Nội
và TP. Hồ Chí Minh

Tên cơ quan sáng lập (cơ quan quản lý Nhà nước
cấp trên trực tiếp)

Viện Khoa học Việt Nam
Kỹ thuật Trung tâm Khoa học và nhiên
và Công nghệ Quốc gia

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP DNNN

Số 194/VKH-QĐ ngày 21.5.1993
của

Viện Khoa học Việt Nam

104098

SỐ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

104098

Ngành, nghề kinh doanh Khoa học kỹ thuật, chuyển giao
công nghệ mới, thiết kế, lắp ráp, lắp đặt các dây
chuyển thiết bị công nghệ mới, xây lắp, lắp
lắp đến các hệ thống, trạm biến áp, trạm
thủy lực, thủy điện, đường ống dẫn, sản xuất
các loại máy, thiết bị, dụng cụ, phụ kiện, sản xuất

Vốn 845.000.000 đồng

(Số vốn điều lệ, vốn kinh doanh, vốn chủ sở hữu)

Trong đó: Vốn cố định 562.000.000 đồng

(Mức trần, mức sàn, mức tối thiểu, mức tối đa)

Vốn lưu động 283.000.000 đồng

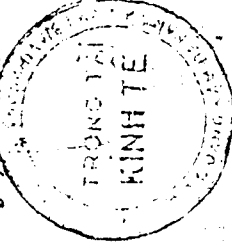
(Mức trần, mức sàn, mức tối thiểu, mức tối đa)

Ngày cấp giấy CNĐKKD

12.06.1993

Dấu cơ quan cấp
giấy CNĐKKD

Chức danh, chữ ký
người cấp giấy



PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN HỒNG

(Lần thứ nhất)

[illegible]

Trong đó: Vốn cố định

Vấn lưu động

Các thay đổi khác

Ngày 11 tháng 4 năm 1994

Dầu cơ quan chấp

nhận dạng ký

Chức danh, chữ ký

người chấp nhận, đăng ký

PHO CHU TICH



14-00000

(Lần thứ hai)

Ngành nghề kinh doanh

Vấn

Trong đó: Vốn cố định

Vốn lưu động

Các thay đổi khác

Ngày tháng năm

Phân cấp quản lý

phần đăng ký và khai thác số 1

Chức danh, chữ ký

người chấp nhận đang kỳ



Trung tâm Khoa học tự nhiên
và Công nghệ quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 776 /KHCHQG-KHTC

V/v: cho phép Công ty UDKHKT và CGCN
mới được liên doanh với nước ngoài
về khai thác, sản xuất nước khoáng và
được góp vốn liên doanh bằng quyền
sử dụng đất đai, nguồn mỏ.

Hà nội, ngày 3 tháng 6 năm 1995

Kính gửi: ỦY BAN NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới là Doanh nghiệp nhà nước thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia. Vừa qua Công ty đã tìm hiểu, bàn bạc và ký biên bản thỏa thuận với Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING L.t.d. đăng ký tại USA về việc thành lập xí nghiệp liên doanh khai thác và sản xuất nước khoáng, xây dựng nhà máy tại xã Quế lộc huyện Quế sơn tỉnh Quảng nam Đà nẵng.

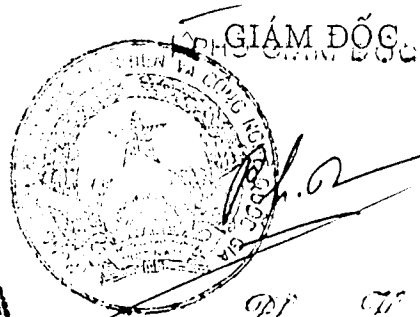
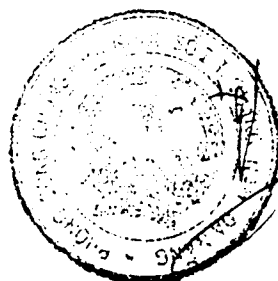
Để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới xúc tiến công việc tiếp theo, Hình thành được xí nghiệp liên doanh với Công ty GMD INTERNATIONAL HOLDING L.t.d., Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia trân trọng đề nghị Quý Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng nam Đà nẵng cho phép Công ty ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới được phép liên doanh đầu tư khai thác, sản xuất nước khoáng và được góp vốn liên doanh bằng quyền sử dụng đất đai và nguồn mỏ tại nguồn nước khoáng tự nhiên thuộc xã Quế lộc, huyện Quế sơn, tỉnh Quảng nam Đà nẵng.

Xin chân thành cảm ơn.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu VP

Đã được chấp thuận và đồng ý
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG
22/6/1995



Phạm Tăng Tiến

V/v: Chủ trương liên doanh
sản xuất nước khoáng

Kính gửi: - CÔNG TY ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT
VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MỚI

Ủy ban nhân dân Tỉnh nhận được công văn và hồ sơ của Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới về việc xin chủ trương liên doanh sản xuất nước khoáng có chất lượng cao với công ty GMD International Holding LTD - Mỹ và ý kiến đề xuất của Sở Kinh tế đối ngoại. Ủy ban nhân dân Tỉnh có ý kiến như sau:

1- Đồng ý về nguyên tắc cho phép Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới và Công ty trách nhiệm hữu hạn GMD International Holding - Mỹ tiến hành dự án liên doanh sản xuất nước khoáng có chất lượng cao.

2- Sở Kinh tế đối ngoại có trách nhiệm hướng dẫn Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới lập hồ sơ đúng trình tự theo qui định của Nhà nước về đầu tư với nước ngoài.

3- Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp cùng với chủ đầu tư xúc tiến những thủ tục cần thiết đúng chức năng trong phạm vi của mình theo luật định.

4- Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới tính toán kỹ về tài chính, tỷ lệ góp vốn cho phù hợp, chuẩn bị Cán bộ để đàm phán và tham gia liên doanh cho có hiệu quả.

Nơi nhận: PHÒNG CÔNG CHỨNG (Mức S2: 1)
CHỦ TỊCH BAN CHÍNH

- Như trên
- Sở KTDN
- Sở CN - TTCN
- Sở TC - vật giá
- Sở xây dựng
- Sở Địa chính
- UBND huyện Quế Sơn
- Lưu VT/KTDN

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

KT/CHỦ TỊCH
UBND CHƯ TỊCH

LÊ TRÍ TẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100 /CV-UB

V/v: Đồng ý chủ trương liên doanh
sản xuất nước khoáng tại xã Quế Lộc.

Quế sơn, ngày 20 tháng 6 năm 1995

Kính gửi: - CÔNG TY ỨNG DỤNG KHKT VÀ CHUYỂN GIAO CN MỚI

Căn cứ công văn số 993/CV-UB ngày 14/06/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng về chủ trương liên doanh sản xuất nước khoáng tại xã Quế Lộc - huyện Quế Sơn - tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, và công văn số 62/CV ngày 6/6/1995 của Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới về việc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn đồng ý cho Công ty ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới liên doanh khai thác và sản xuất nước khoáng với nước ngoài tại xã Quế Lộc huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn có ý kiến như sau:

1/ Đồng ý cho Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới và Công ty GMD International Holding L.T.D xây dựng nhà máy liên doanh tại nguồn nước khoáng thuộc xã Quế Lộc huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng.

2/ Giao cho phòng kinh tế huyện Quế Sơn và Ủy ban nhân dân xã Quế Lộc thực hiện các thủ tục cần thiết trình Ủy ban nhân dân huyện và các ngành liên quan của tỉnh để cấp đất cho công ty ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới theo nhu cầu của nhà máy liên doanh.

3/ Các ban ngành liên quan thuộc huyện Quế Sơn trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao, tạo điều kiện giúp đỡ Công ty ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới tiến hành xây dựng nhà máy liên doanh theo tinh thần công văn này.

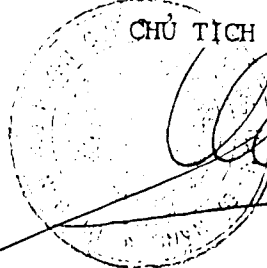
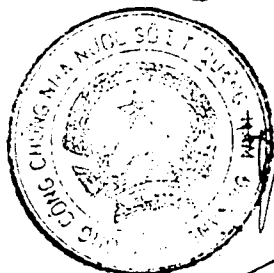
Nơi nhận:

- Như trên
- Sở Địa chính
- Sở KT đối ngoại
- Sở Xây dựng
- Phòng KT huyện
- UBND xã Quế Lộc
- Lưu VP

CHUNG NHẬN SƠ YẾU LỊCH SỬ
2219 NGÀY 20/6/1995

TM/ UBND HUYỆN QUẾ SƠN

CHỦ TỊCH



TRẦN NGỌC NHÌ

Số 4 /TB-UB

Đà Nẵng, ngày 4 tháng 04 năm 1996

THÔNG BÁO

(V/v: Cho phép chọn địa điểm xây dựng công trình sản xuất nước khoáng)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

- Căn cứ nghị định số 91/CP ngày 17/08/1994 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý quỹ hoạch đô thị.

- Xét hồ sơ và yêu cầu của Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới trong nội dung công văn số 108/CV-TCHC ngày 4/10/1995, và công văn số 209/CV-UB ngày 26/12/1995 và số 228/CV-UB ngày 26/12/1995 của Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn và sơ đồ xác định thỏa thuận ranh giới giữa Công ty TNHH Bàn Thạch và Công ty ứng dụng KHKI & CGCN mới.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng thông báo như sau:

1/ Cho phép công ty ứng dụng KHKI & CGCN mới được chọn địa điểm lập dự án xây dựng nhà máy liên doanh sản xuất nước khoáng Tây Viên tại xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng.

+ Ranh giới khu đất nghiên cứu lập dự án khoảng 45.000 m².

+ Vị trí địa điểm theo sơ đồ số 111 /SXD ngày 22 tháng 02 năm 1996 của Sở Xây dựng (kèm theo thông báo này)

2/ Giao Sở Tài chính chủ trì tổ chức họp xác định giá đất cho thuê để xây dựng nhà máy nước khoáng theo đúng qui định.

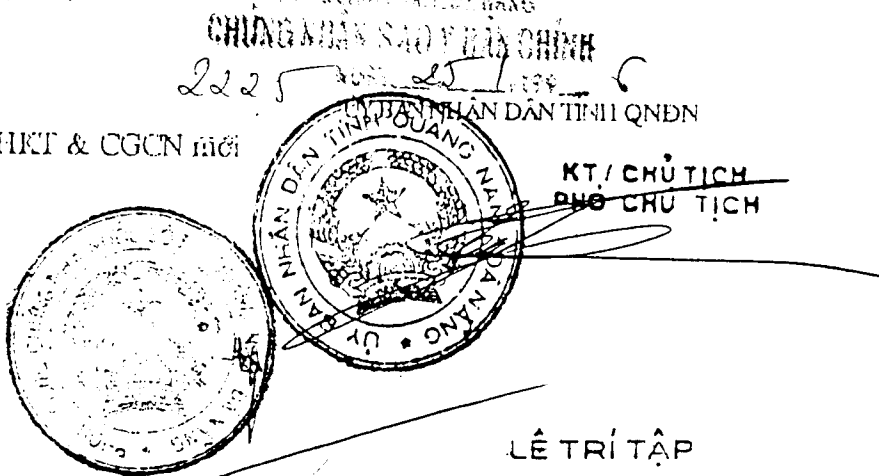
3/ Giao Sở địa chính lập thủ tục thuê đất xây dựng công trình theo quy định của luật đất đai sau khi Sở xây dựng thẩm định tổng mặt bằng xây dựng và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4/ Giao Sở xây dựng thẩm tra hồ sơ thiết kế cấp giấy phép xây dựng.

Nhận được thông báo này Công ty ứng dụng KHKI & CGCN mới liên hệ với các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện.

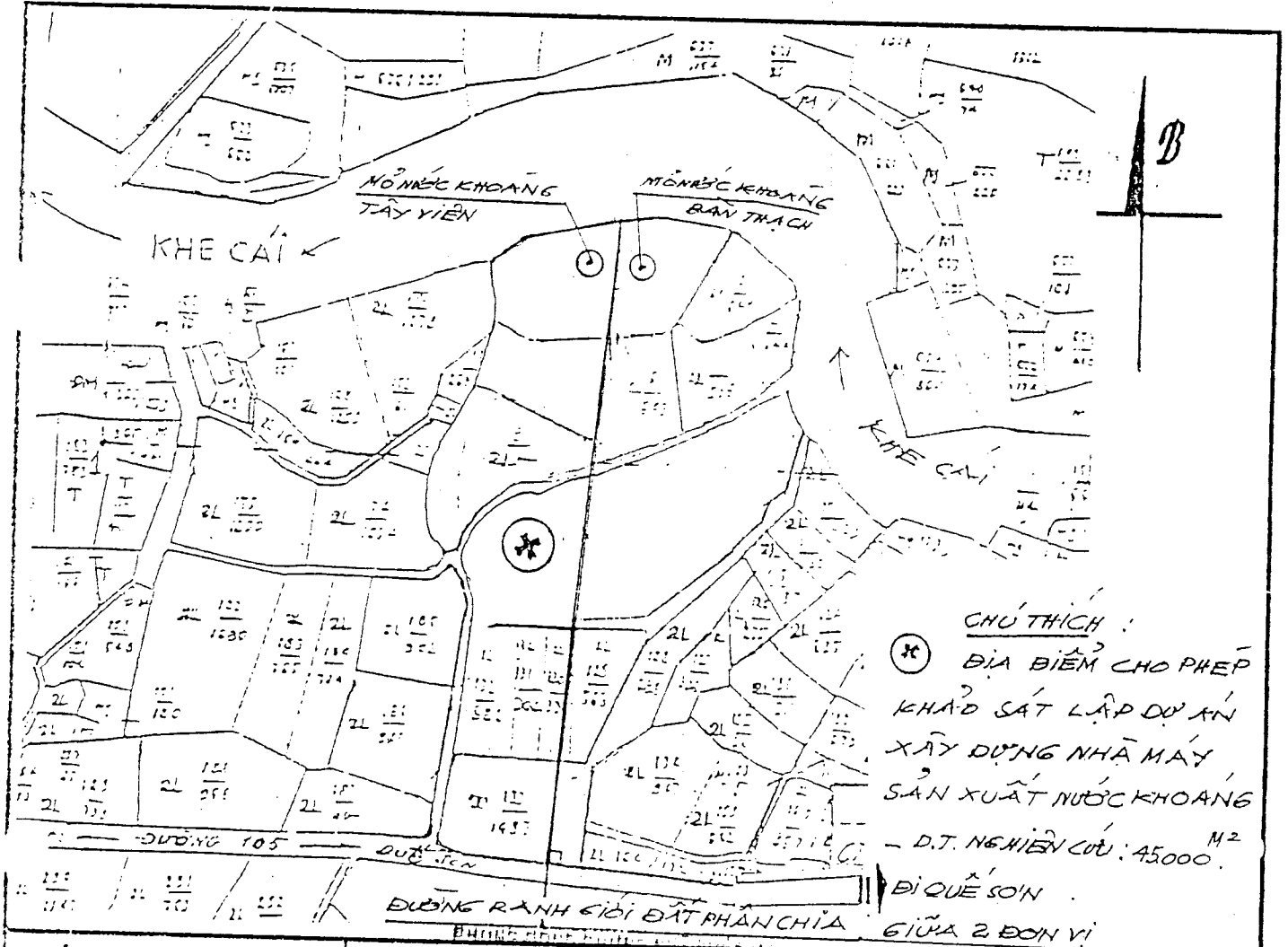
Nơi nhận:

- Công ty ứng dụng KHKI & CGCN mới
- Sở xây dựng
- Sở địa chính
- UDKH tỉnh
- Lưu VP-UB



SƠ ĐỒ CHỌN ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

KÈM THEO THÔNG BÁO CHO PHÉP CHỌN ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG SỐ: 4 /QĐ-UB NGÀY
4 THÁNG 1 NĂM 1996 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

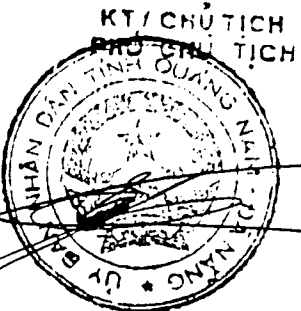
TỈNH QUẢNG NAM
BỘ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM
CHUNG NHẬN SƠ Y BẢNG CHỈ DẪN
22/19

TÊN CÔNG TRÌNH: ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC KHOẢNG
C.TY CHẾ DUNG K.H.K.T VÀ CHUYỂN GIAO C.N.M.
ĐIỂM: XÃ QUÊ LỘC . H. QUÊ SƠN . Q.N.

SỐ: 111 /SXĐ

Ngày: 02.1.96

Tỷ lệ:



LÊ TRÍ TẬP

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG QUẢN LÝ QUY HOẠCH XĐ
CHUYÊN VIÊN

NGUYỄN QUANG L

CÔNG CHỨC

TRƯỞNG KỸ NGỌC

Hà nội, ngày 21 tháng 8 năm 1995

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC KHOÁNG

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

- Căn cứ Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản ngày 28/7/1989 của Hội đồng Nhà nước, Nghị định số 95 HĐBT ngày 25/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thi hành Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản ;

- Theo Quy định nguyên tắc, thủ tục xin khai thác nước dưới đất và đăng ký công trình khai thác nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 604 C/Ng/QLTN ngày 13/8/1992 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp năng ;

- Xét đơn xin khai thác nước khoáng số 60 KTNT-CT ngày 20/5/1995 ; Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, Đề án khai thác nước khoáng Quế Lộc của Công ty Ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới ; kèm theo Quyết định phê duyệt số 28/KHCNQG ngày 25/1/1995 của Giám đốc Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ Quốc gia, công văn số 119/CV-UB ngày 23/1/1995 của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, và các văn bản khác kèm theo ;

- Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Cho phép Công ty Ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới thuộc Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ Quốc gia được khai thác nước khoáng thiên nhiên tại giếng khoan QL2 (Giếng Bà) thuộc địa phận thôn Tú Lâm (Tây Viên), xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Tọa độ QL2 : X = 1737.750 - Y = 191.640

- Lưu lượng : 86 m³/ngày ;

- Chế độ khai thác : liên tục ;

- Mục đích sử dụng : theo chỉ định của Sở Y tế Quảng Nam - Đà Nẵng ;

- Đối bảo vệ vệ sinh nguồn nước khai thác nằm trong diện tích được giới hạn bởi các điểm góc A, B, C, D có tọa độ thể hiện trên bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước khoáng Quế Lộc kèm theo Giấy phép này ;

- Thời hạn khai thác : 10 (Mười) năm kể từ ngày ký giấy phép này.

Điều 2 : Công ty Ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới có trách nhiệm :

- 1/ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về kỹ thuật, khai thác, sử dụng hợp lý, bảo vệ nguồn nước khai thác và môi trường liên quan ; các quy định về chất lượng sản phẩm và điều trị bệnh theo quy định của Bộ Y tế, Bộ KH-CN-MT, Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng ;
- 2/ Trong quá trình khai thác phải theo dõi mực nước, lưu lượng, nhiệt độ nước, định kỳ lấy mẫu kiểm tra chất lượng nguồn nước khoáng khai thác ;
- 3/ Ba tháng trước khi giấy phép hết hạn, nếu muốn được tiếp tục khai thác phải làm thủ tục xin gia hạn ; khi muốn thay đổi các điều kiện của giấy phép hoặc ngừng khai thác vì bất cứ nguyên nhân gì đều phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật ;
- 4/ Hàng năm phải báo cáo về tình hình sản xuất, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước khai thác và môi trường liên quan với Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ;
- 5/ Chịu sự kiểm soát về chất lượng sản phẩm của Sở Y tế, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.

Điều 3 : Trước khi tiến hành khai thác, sử dụng nguồn nước khoáng Quế Lộc, Công ty Ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới có trách nhiệm báo cáo, đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ở địa phương theo quy định hiện hành.

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG
THỦ TRƯỞNG

Nơi nhận :

- Như Điều 1
- UBND tỉnh QN-ĐN
- TT KHTN và CN
- Sở CN, Y tế tỉnh QN-ĐN
- Vụ KHKT
- Cục QLTKNSNN
- Lưu VP Bộ.

CHUNG NHẬN SƠ Y BÀN CHỨNG

NGÀY ____ / ____ / 19__

Giã Tân Đình

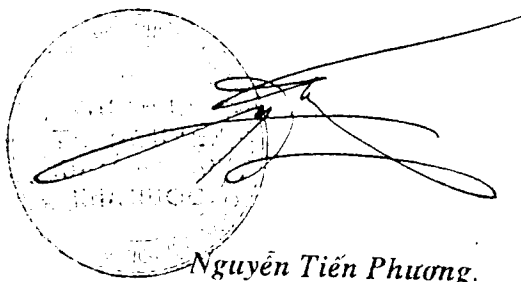
CỘNG HÒA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công trình khai thác nước khoáng thiên nhiên tại giếng khoan QL2 (ngay tại Giếng Bà) thuộc địa phận thôn Thú Lâm (Tây Viên), xã Quế Lộc - huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng của Công ty Ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ mới đã được đăng ký Nhà nước tại Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước

Số đăng ký : 43 . NK-95

Hà nội, ngày 22 tháng 8 năm 1995

CỤC TRƯỞNG CỤC QLTKNS NHÀ NƯỚC

A circular official stamp of the State Mineral Resources Administration (Cục Quản lý tài nguyên khoáng sản Nhà nước) is partially obscured by a large, stylized handwritten signature in black ink. The signature is written over the stamp and extends to the right.

Nguyễn Tiến Phương.

VIỆN KHOA HỌC
VIỆT NAM

-- * --
Số : 174 /VKH-QB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

//-/à nội, ngày 21 tháng 5 năm 1993

QUYẾT ĐỊNH CỦA VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM
Về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước
Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật
và chuyển giao công nghệ mới.

— * —

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM

- Căn cứ Nghị định 118/CP ngày 20 tháng 5 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Viện Khoa học Việt Nam;
- Căn cứ quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định 388/HĐBT ngày 20/11/1991 và Nghị định 156/HĐBT ngày 7/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Căn cứ Thông báo số 157/TB ngày 17/5/1993 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho phép thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước : Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới;
- Xét đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tổng hợp .

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước : Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới trực thuộc Viện Khoa học Việt Nam. Tên giao dịch Quốc tế : SCIENCE-TECHNIQUE APPLICATION and NEW TECHNOLOGIES TRANSFER COMPANY gọi tắt là SCITEANTCO.

Điều 2: Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới được phép :

2.1 Đặt trụ sở tại 160 Trưng Nữ Vương Thành phố Hà Nội;
có Chi nhánh ở Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn kinh doanh	845.000.000đồng
- Trong đó :	
Vốn cố định	562.000.000đồng
Vốn lưu động	283.000.000đồng
- Theo nguồn vốn :	

+ Vốn tự bổ sung 255.200.000đồng
+ Vốn huy động 589.800.000đồng

2.3 Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề chủ yếu của doanh nghiệp :

2.3.1 Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật; hợp tác trao đổi chuyên gia với nước ngoài để xuất nhập khẩu kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới phục vụ nghiên cứu và sản xuất.

2.3.2- Tổ chức thiết kế, chế tạo các thiết bị đơn chiếc để phục vụ lắp đặt các dây chuyền thiết bị công nghệ, thiết bị áp lực.

- Xây lắp mạng lưới điện cao-hạ thế, trạm biến áp từ 35KV trở xuống và trạm thủy điện.

2.3.3 Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.

2.3.4 Cố vấn kỹ thuật, tổ chức hệ thống thông tin, hội thảo, triển lãm liên doanh liên kết với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ góp phần phục vụ nền kinh tế quốc dân.

Điều 3: Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới có nghĩa vụ làm đầy đủ thủ tục về đăng ký kinh doanh và hoạt động theo đúng pháp luật.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tổng hợp và Giám đốc Công ty ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

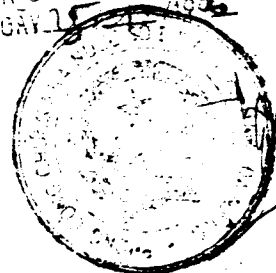
Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ (để b/c)
- Ủy ban KHNN
- Bộ Tài chính
- Bộ Thương mại
- Bộ Năng lượng
- Trọng tài kinh tế QN-ĐN
- Vụ TCCB, Vụ KHTH
- Công ty UD KHKY và CGCNM
- Lưu VP.

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM



Nguyễn Văn Hiếu
PHÒNG CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC SỐ 1
TỈNH QUẢNG NAM-ĐÀ NẴNG
CHỨNG NHẬN SAO Y BẮC NHÌN
2232 NGÀY 15-6-1996



CHỖ CHỮ CHỮ
Trần Văn Trường

DELAWARE REGISTRY, LTD.
CERTIFICATE OF INCORPORATION
OF

GMD INTERNATIONAL HOLDING LTD.

FIRST. The name of this Corporation is GMD INTERNATIONAL HOLDING LTD.

SECOND. Its registered office in the State of Delaware is to be located at 2316 Baynard Boulevard, County of New Castle. The Registered Agent in charge thereof is DELAWARE REGISTRY, LTD., 2316 Baynard Boulevard, Wilmington, Delaware 19802.

THIRD. The purpose of this corporation is to engage in any lawful act or activity for which corporations may be organized under the General Corporation Law of Delaware.

FOURTH. The amount of the total authorized capital stock of this corporation is _____ Dollars (\$ _____) divided into 1,000 shares, of
NO PAR VALUE Dollars (\$ NO PAR) each.

FIFTH. The name and mailing address of the incorporator is as follows:

NAME

MAILING ADDRESS

LEILA F. FOGG

2316 BAYNARD BLVD., WILMINGTON, DE 19802

SIXTH. The powers of the incorporator are to terminate upon filing of the Certificate of Incorporation, and the name and mailing address of the person(s) who are to serve as director(s) until the first annual meeting of stockholders or until their successors are elected and qualify are as follows:

MICHEL DROUOT

CUL DE SAC, B.P. 5144

EVELYNE DROUOT

97070 SAINT MARTIN, CEDEX, GUADELOUPE

SEVENTH. Provisions for the management of the business and for the conduct of the affairs of this corporation and provisions creating, defining, limiting and regulating the powers of this corporation, the directors and the stockholders are as follows:

(1) The board of directors shall have the power to make, adopt, alter, amend and repeal the bylaws of this corporation without the assent or vote of the stockholders, including, without limitation, the power to fix, from time to time, the number of directors which shall constitute the whole board of directors of this corporation subject to the right of the stockholders to alter, amend and repeal the bylaws made by the board of directors.

(2) In addition to the powers and authority hereinbefore or by statute expressly conferred upon them, the board of directors of this corporation are hereby expressly empowered to exercise all such powers and to do all such acts and things as may be exercised or done by this corporation; subject, nevertheless, to the provisions of the statutes of the State of Delaware and of the Certificate of Incorporation as they may be amended, altered or changed from time to time and to any bylaws provided, however, that no bylaw so made shall invalidate any prior act of the board of directors which would have been valid if such bylaw had not been made.

EIGHTH. A director of this corporation shall have no personal liability to the corporation or its stockholders for monetary damages for breach of fiduciary duty as a director, provided that this provision shall not eliminate the liability of a director (i) for any breach of the director's duty of loyalty to the corporation or its stockholders, (ii) for acts or omissions not in good faith or which involve intentional misconduct or a knowing violation of law, (iii) under Section 174 of the Delaware General Corporation Law, or (iv) for any transaction from which the director derived an improper personal benefit.

I, THE UNDERSIGNED, for the purposes of forming a Corporation under the laws of the State of Delaware, do make, file and record this Certificate, and do certify that the facts herein stated are true, and I have accordingly hereunto set my respective hand.

DATED December 6, 1994

Leila F Fogg

BANQUE INCHAUSPE & Cie

LES PORTES DE SAINT-MARTIN-BELLEVUE - BP 479 - 97055 SAINT-MARTIN CEDEX
TEL 97.21.21 - TELEX 919 362 - FAX 97 21.72

ATTESTATION

Nous soussignés **BANQUE INCHAUSPE ET CIE**, société en nom collectif
au capital de 37.000.0000 Francs, représentée par Madame SMITH Marie-Laurence,
Directrice de l'Agence de SAINT MARTIN, Les Portes de Saint Martin, Bellevue,
MARIGOT, SAINT MARTIN,

Attestons que la S.N.C. "GMD INTERNATIONAL" est titulaire des comptes n° 13219/
00050/ 50.010.135017.76 et n°13219/ 00050/ 51.400.135014.15 (comptes commerçants
dont le gérant est Monsieur DROUOT Michel) ouvert en nos livres depuis le 23 février 1995.

Fait pour servir et valoir ce que de droit.

Saint Martin, le 22 décembre 1996

BANQUE INCHAUSPE & Cie
SAINT MARTIN



BANQUE INCHAUSPE & Cie

LES PORTES DE SAINT-MARTIN-BELLEVUE - BP 479 - 97055 SAINT-MARTIN CEDEX
TÉL. 87.21.21 - TÉLEX 919 362 - FAX 87.21.72

ATTESTATION

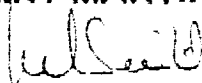
Nous soussignés **BANQUE INCHAUSPE ET CIE**, société en nom collectif
au capital de 37.000.0000 Francs, représentée par Madame SMITH Marie-Laurence,
Directrice de l'Agence de SAINT MARTIN, Les Portes de Saint Martin, Bellevue,
MARIGOT, SAINT MARTIN,

Attestons que Monsieur et Madame DROUOT Michel sont titulaires des comptes n° 13219/
00050/ 51.000.11289.9.14 et n°13219/ 00050/ 51.400.11289.8.15 ouvert en nos livres
depuis le 24 février1992.

Fait pour servir et valoir ce que de droit.

Saint Martin, le 22 décembre 1996

**BANQUE INCHAUSPE & Cie
SAINT MARTIN**



BANQUE INCHAUSPE & Cie

LES PORTES DE SAINT-MARTIN-BELLEVUE - BP 479 - 97055 SAINT-MARTIN CEDEX
TEL. 67.21.21 - TÉLEX 919 362 - FAX 67.21.72

ATTESTATION

Nous soussignés **BANQUE INCHAUSPE ET CIE**, société en nom collectif
au capital de 37.000.0000 Francs, représentée par Madame SMITH Marie-Laurence,
Directrice de l'Agence de SAINT MARTIN, Les Portes de Saint Martin, Bellevue,
MARIGOT, SAINT MARTIN,

Attestons que Monsieur DROUOT Michel (pour l'exploitation d'immeubles) est titulaire des
comptes n° 13219/ 00050/ 50.150.21289.5.27 ouvert en nos livres depuis le 26 décembre
1995 et n°13219/ 00050/ 51.400.21289.2.54 ouvert en nos livres depuis le 19 décembre
1994.

Fait pour servir et valoir ce que de droit.

Saint Martin, le 22 décembre 1996

BANQUE INCHAUSPE & Cie
SAINT MARTIN



NGÂN HÀNG INCHAUSPE & C.TY

LES PORTES DE SAINT-MARTIN-BELLEVUE-BP 479-97055 SAINT-MARTIN CEDEX
TEL. 87.21.21 - TÉLÉX 919 362 - FAX 87.21.72

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chúng tôi, ký tên dưới đây, Ngân hàng INCHAUSPE & Công ty, Công ty tập thể, có số vốn là 37.000.000 Franc, đại diện là bà SMITH Marie-Laurence, Giám đốc Chi nhánh SAINT MARTIN, Les Portes de Saint Martin, Bellevue, MARIGOT, SAINT MARTIN ,

Chúng nhận ông và bà DROUOT Michel là chủ những tài khoản số 13219/00050/51000.11289.9.14 và số 13219/00050/51.400.11289.8.15 đã được mở ở sổ sách chúng tôi từ ngày 24 tháng 02 năm 1992 .

Giấy này làm để sử dụng và có giá trị pháp lý .

Saint Martin, ngày 22 tháng 12 năm 1996

**Ngân hàng INCHAUSPE & C.ty
SAINT MARTIN**

(Đã ký)

NGÂN HÀNG INCHAUSPE & C.TY

LES PORTES DE SAINT-MARTIN-BELLEVUE-BP 479-97055 SAINT-MARTIN CEDEX
TEL. 87.21.21 - TÉLÉX 919 362 - FAX 87.21.72

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chúng tôi, ký tên dưới đây, Ngân hàng INCHAUSPE & Công ty, Công ty tập thể, có số vốn là 37.000.000 Franc, đại diện là bà SMITH Marie-Laurence, Giám đốc Chi nhánh SAINT MARTIN, Les Portes de Saint Martin, Bellevue, MARIGOT, SAINT MARTIN ,

Chúng nhận Công ty S.N.C "GMD INTERNATIONAL" là chủ những tài khoản số 13219/00050/50.010.135017.76 và số 13219/00050/51.400.135014.15 (tài khoản thương mại) mà người quản lý điều hành là ông DROUOT Michel đã được mở ở sổ sách chúng tôi từ ngày 23 tháng 02 năm 1995 .

Giấy này làm để sử dụng và có giá trị pháp lý .

Saint Martin, ngày 22 tháng 12 năm 1996

Ngân hàng INCHAUSPE & C.ty
SAINT MARTIN

(Đã ký)

CANADA
PROVINCE OF BRITISH COLUMBIA

NUMBER

351354



Province of British Columbia
Ministry of Finance and Corporate Relations
REGISTRAR OF COMPANIES

COMPANY ACT

CERTIFICATE OF INCORPORATION

I HEREBY CERTIFY THAT

PAM KEVIN ENTERPRISES LTD.

HAS THIS DAY BEEN INCORPORATED UNDER THE COMPANY ACT

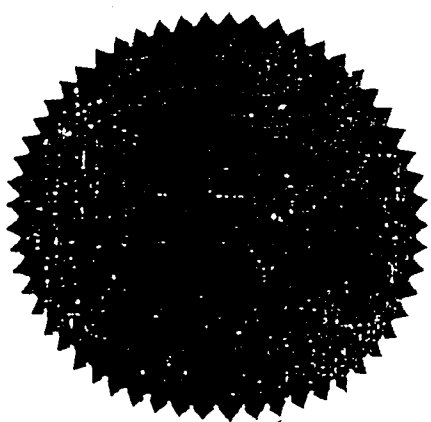
GIVEN, UNDER MY HAND AND SEAL OF OFFICE

AT VICTORIA, BRITISH COLUMBIA

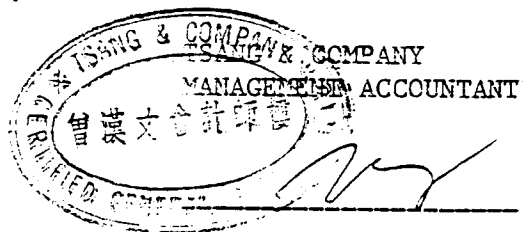
THIS 13TH DAY OF SEPTEMBER, 1988

A handwritten signature in cursive script, reading "Roberta J. Lowdon".

ROBERTA J. LOWDON
DEPUTY REGISTRAR OF COMPANIES



*To certify this is a true copy
of the original*



FOR DEPOSIT ONLY
TO THE CREDIT OF
TSANG & COMPANY

GMD INTERNATIONAL HOLDING LTD

**23156 BAYNARD BOULEVARD
WILMINGTON - DE
DELAWARE 19802
U.S.A**

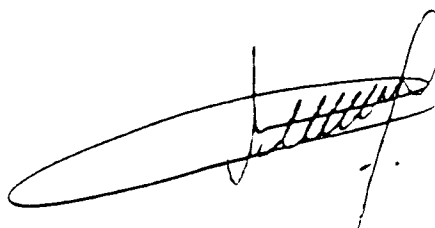
**Les Terres Basses No.663
BP 5144
97070St MARTIN CEDEX
Tél : (590) 87.22.71
Fax : (590) 87.19.25**

CERTIFICATE

Date 14 January, 1997

I, undersigned, MICHEL DROUOT - Chairman of : **"GMD International Holding Ltd.."** Certified by the present that the 5% of shares owned by PHAM VAN LAI, Director of Pam Kevin Enterprises Ltd., will be financed by "GMD International Holding Ltd.."

MICHEL DROUOT

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Michel Drouot', written over a horizontal line.

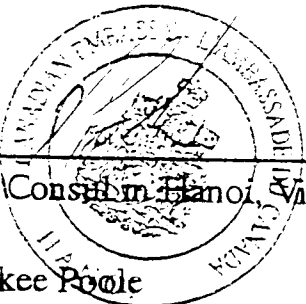
STATUTORY DECLARATION

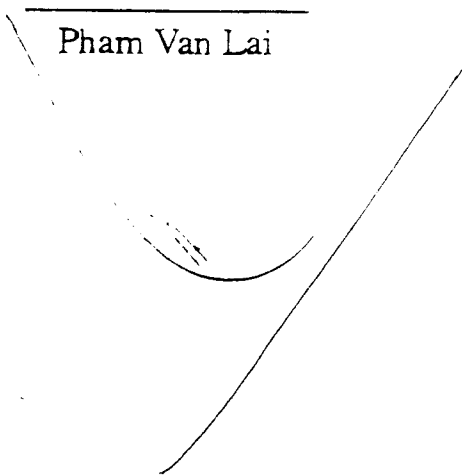
I, PHAM VAN LAI, currently residing at 1449 Graveley Street in the city of Vancouver, the province of British Columbia, Canada.

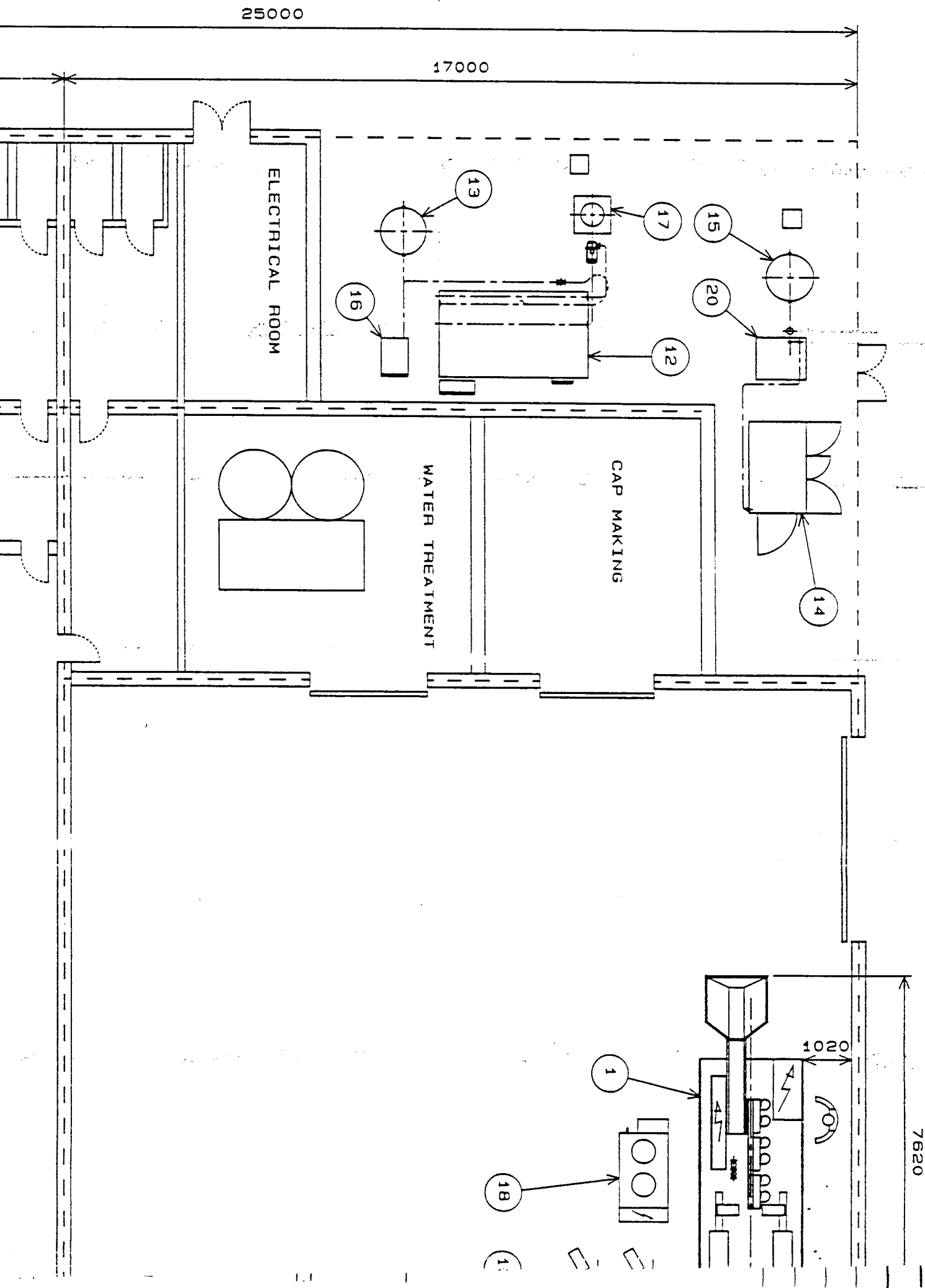
DO SOLEMNLY AFFIRM AND DECLARE THAT THE STATEMENTS MADE BY ME IN THIS AFFIDAVIT ARE TRUE.

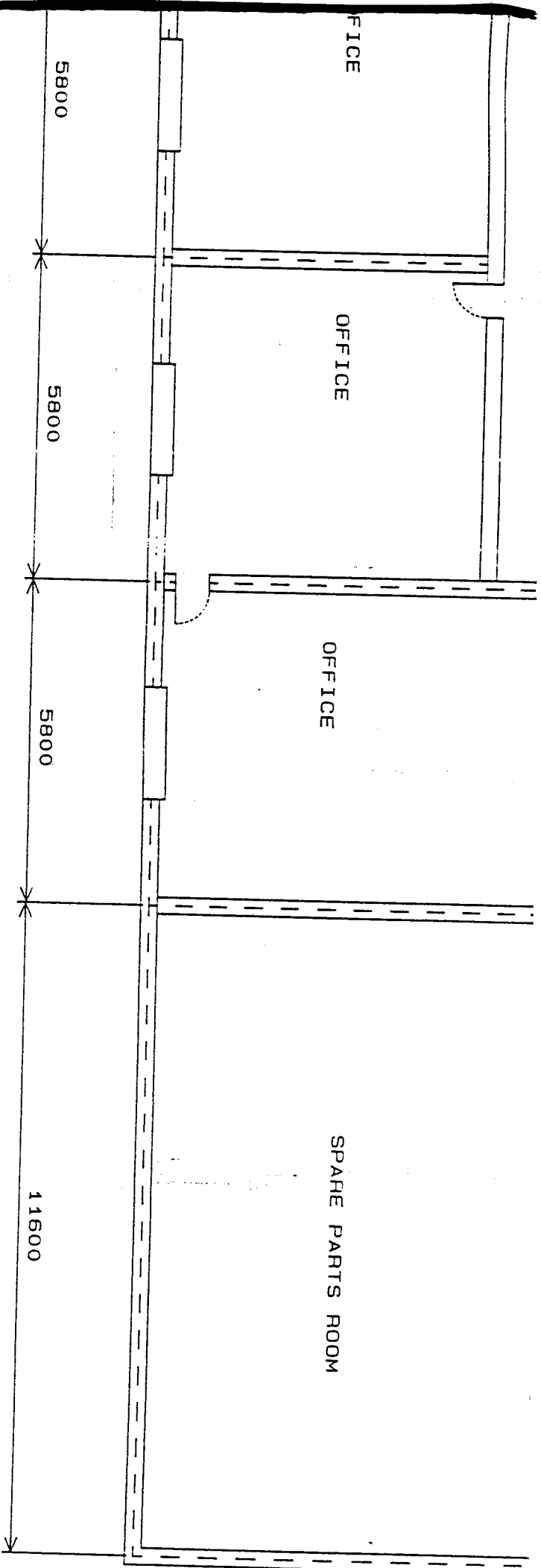
1. That my full name is Pham Van Lai;
2. That I was born on May 17, 1942 in Baxuyen(Soc Trang), Vietnam;
3. That I am a Canadian citizen, holder of Canadian Passport No. BC 041989 issued at Vancouver on December 06, 1995;
4. That my company license "Pam Kevin enterprises LTD" issued at Victoria, British Columbia on September 13, 1988;
5. That I am Vietnamese oversea and I wish to invest and joint-Venture with Vietnamese party to exploit mineral water and hotel in Vietnam country.

AFFIRMED AND DECLARED before
me at the city of Hanoi, Vietnam, this
14th day of February, 1996.


Canadian Consul in Hanoi, Vietnam
Kym Henke Poole
First Secretary & Consul

Pham Van Lai






Autronic Group of Companies
 Exclusive International Distributors
 Engineering Excellence for the Packaging World

PROPRIETÀ RISERVATA - A ter-
 mine di legge la Società si riserva
 la proprietà del presente disegno
 vietandone la riproduzione e la
 comunicazione a terzi senza la
 sua autorizzazione scritta.

PP095D

5000 B/H PET BOTTLING LINE

REF. - VIETNAM

scala: 1:100 data 29.10.96

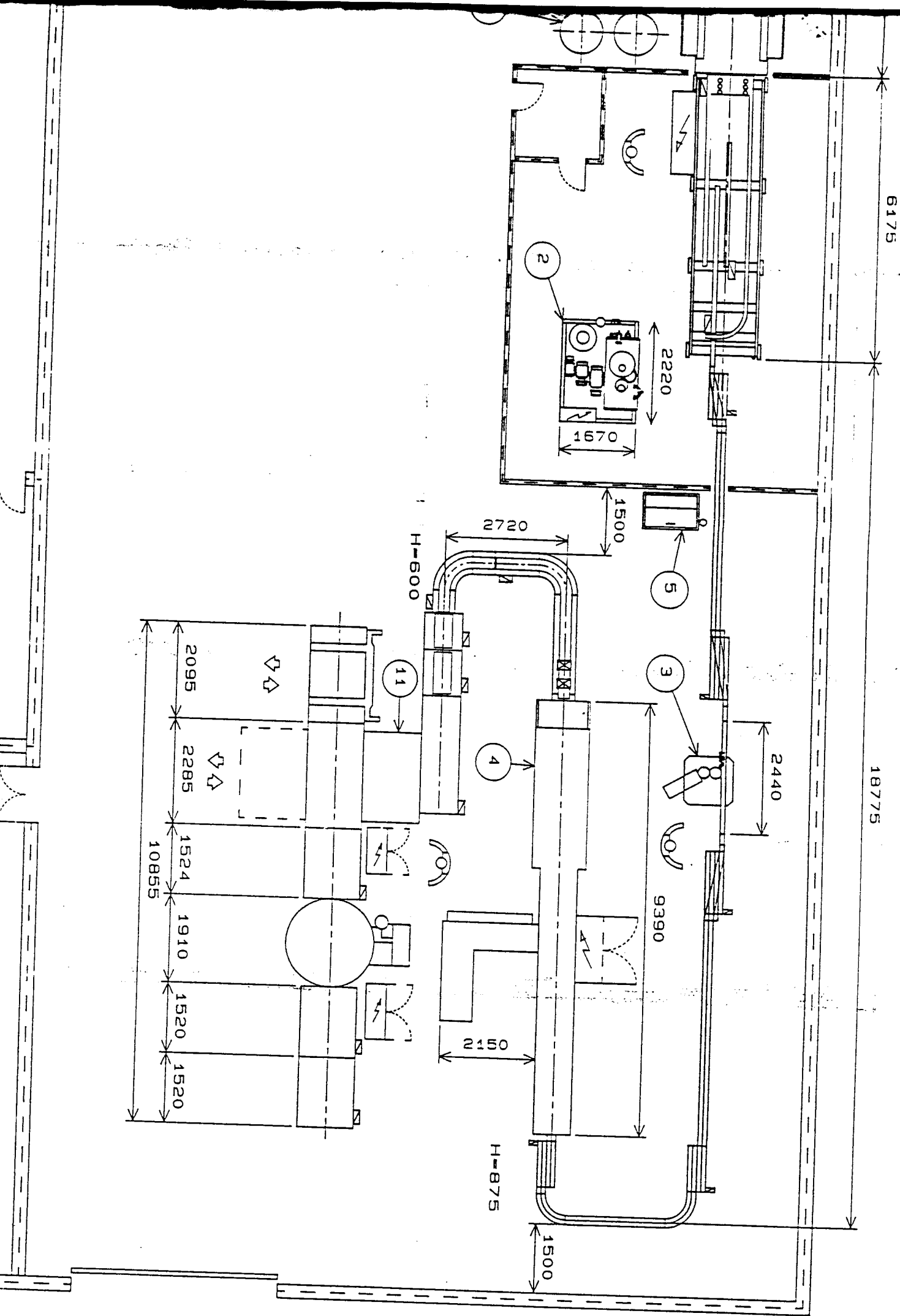
disegnato Zanardelli

verificato

sostituisce il

sostituito dal

DATA DIS. VER.



BORDEREAU DES PRIX

	PRIX H.T. EN F.F.	PRIX H.T. EN S USD
Etudes bâtiment et génie civil	807.000	161.400
Surveillance du génie civil	831.000	166.200
Génie civil et bâtiment	7.561.905	1.512.831
Fournitures départ usine. chargees en containers :		
* bâtiment	3.437.500	687.500
* électricité	495.000	99.000
* climatisation. traitement d'air	516.800	103.360
* plomberie	830.500	166.100
* sanitaire	85.000	17.000
* téléphone	168.300	33.660
* revêtement de sol	236.500	47.300
* équipement bureau	1.250.000	250.000
Transport de nos fournitures CIF port pays destinataire	850.000	170.000
Montage de nos fournitures	2.130.000	426.000
Assurances tous risques chantier	145.000	29.000
TOTAL H.T. EN FRANCS FRANCAIS	19.344.505 FF	3.868.901 S USD

NE SONT PAS INCLUS DANS NOS PRESTATIONS :

- Eau et électricité (puissance utile = 10 KW) sur site pour la durée du montage
- Visas de séjour et de travail de notre personnel
- Paiement de tous droits, toutes taxes et impôts au VIETNAM.

ANNEXE 2

PLAN

USINE D'EAU MINERALE LAFONTAINE
VIETNAM



Ets CUNIN sa

617 Rue Division Leclerc BP 50

Tél. 29 08 14 53

88142 CONTREXEVILLE Cédex

Fax. 29 08 25 24

DEPARTEMENT 19

FRANCE

Date :

Ech:

Dessiné par:

Affaire N°

Etude

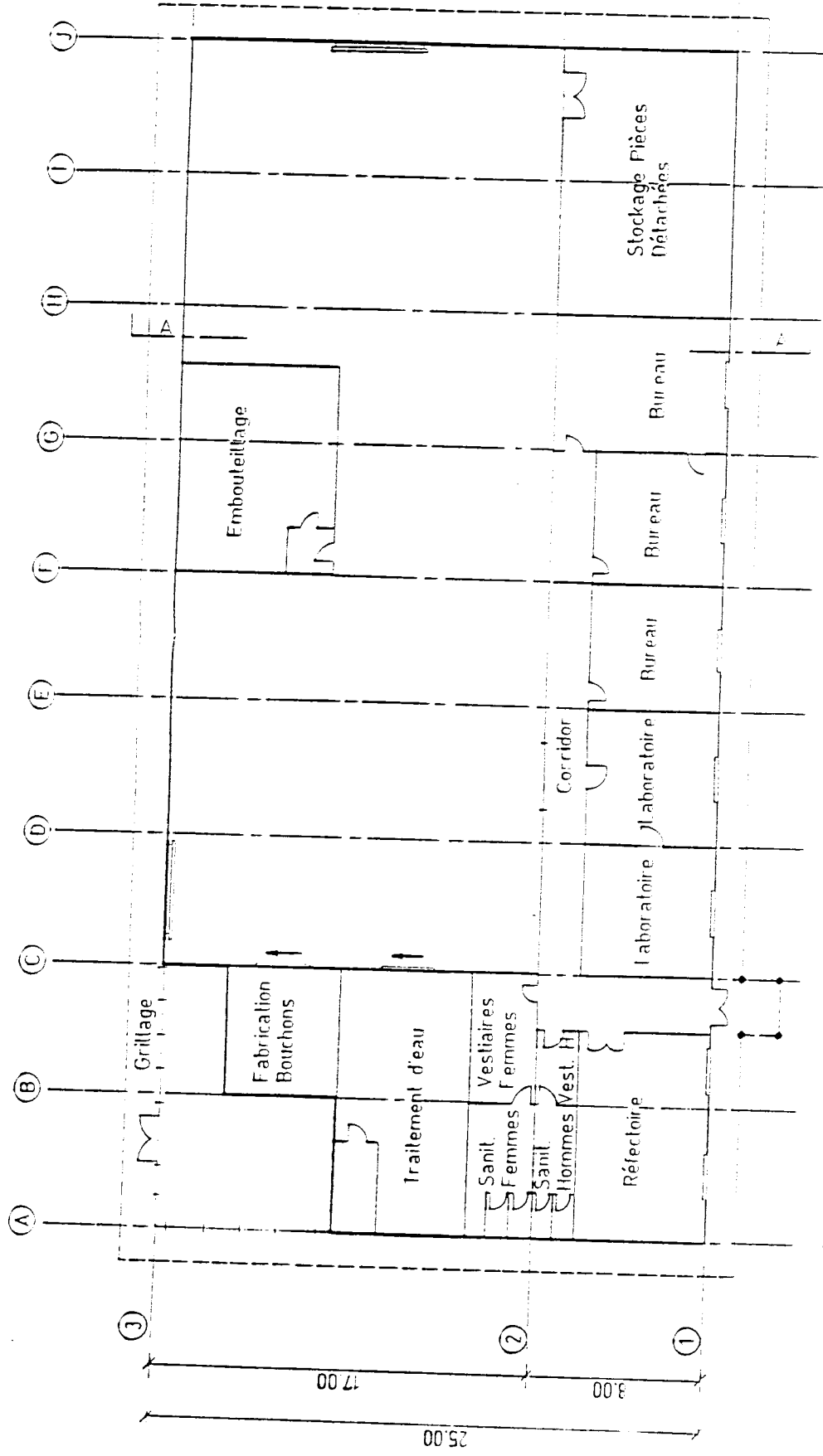
☐

Plan N°

Execution

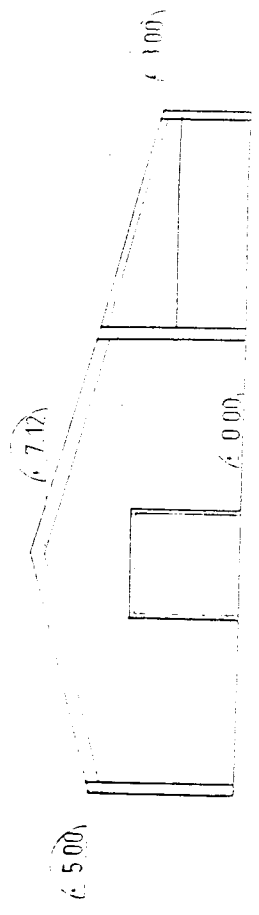
☐

VUE EN PLAN éch: 1/20



9 Travées de 5.80 : 52.20

COUPE A-A

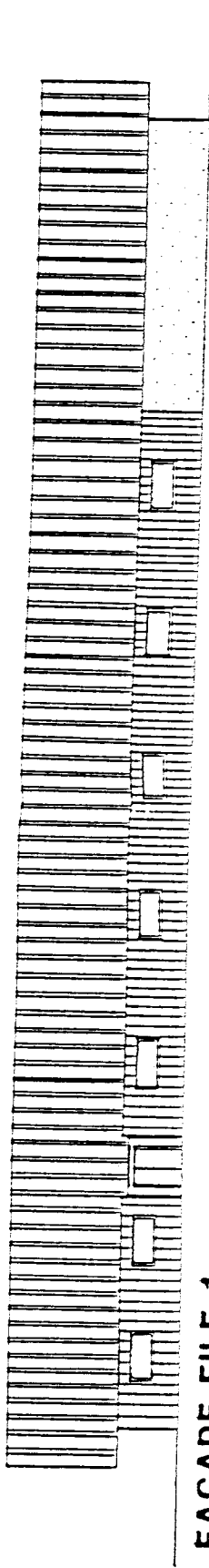


USINE D'EAU MINÉRALE LA FORTAINE
VIETNAM

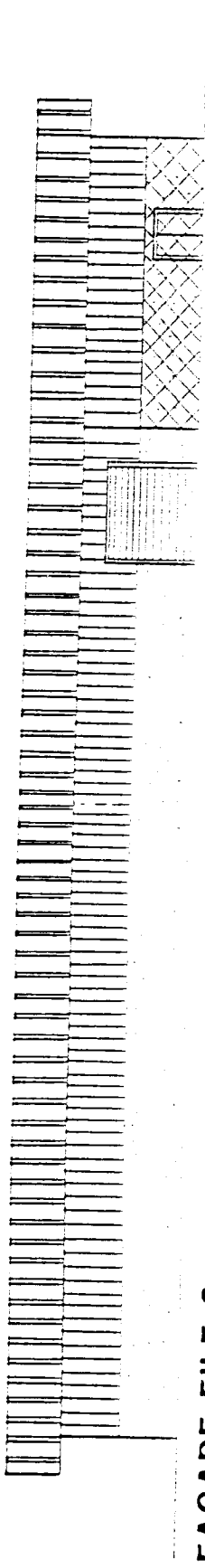
Ets CUNIN sa
Ets CUNIN sa
100 RUE DE LA FORTAINE
59100 LA FORTAINE
FRANCE

[ESPARTEN IN.]

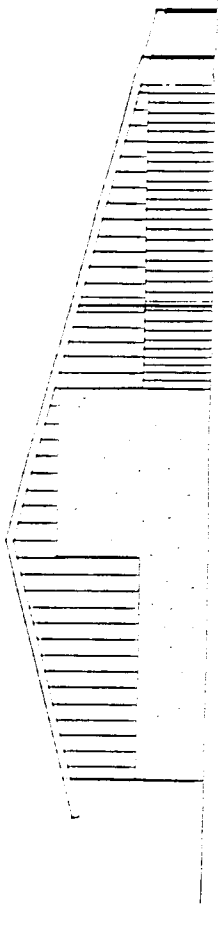
VUE EN PLAN : COUPE
Echelle



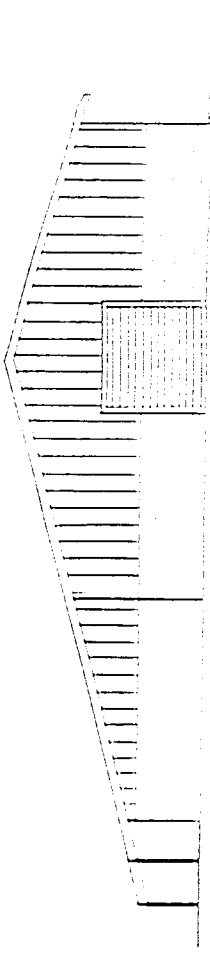
FACADE FILE 1



FACADE FILE 3



FACADE FILE A



FACADE FILE J

ANNEXE 3

PLANNING

PLANNING

Phase\Semaines	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
ETUDE	6 semaines																																	
COMMANDE						6 semaines																												
TRANSPORT											8 semaines																							
GENIE CIVIL											11 semaines																							
MONTAGE BATIMENT																						10 semaines												
MONTAGE UTILITES																						10 semaines												

28

Autronic International PLC

QUOTATION NO 17086-R1-96

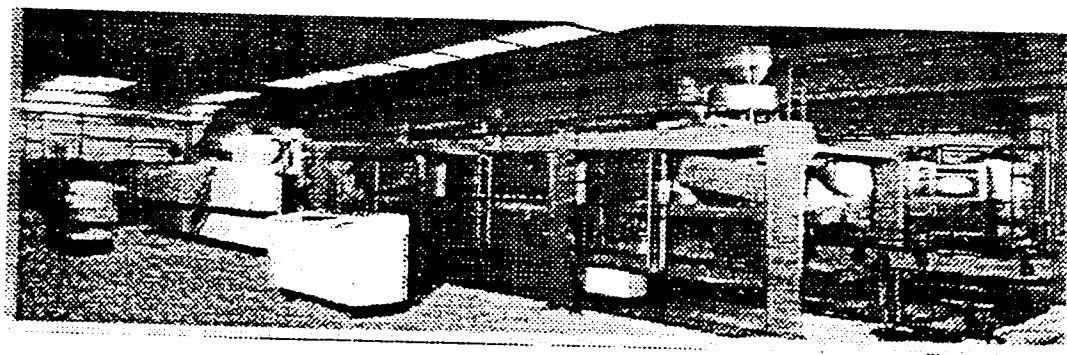
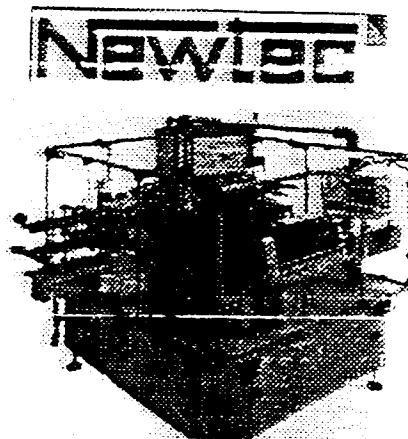
DATE: 2ND OCTOBER 1996

**MINERAL WATER BOTTLING, CONDITIONING & PACKAGING
CAPACITY: 5000 X 1.5 LITRE PET BOTTLES PER HOUR
FOR**

Soc. La Fontaine

Da Nang

Vietnam



Autronic International PLC

TECHNICAL OFFICE
331 Muswell Hill Broadway
London N10 3 JP
Tel: 0181-444-7166 / 0181-365-2182
Fax: 0181-444-2394

COMMERCIAL OFFICE
48 High Town Road
Luton
Bedfordshire LU2 0DE
Tel: 01582-30666
Fax: 01582-456995

QUOTATION No. 17086 R1 - 9 6

DATED 15th October 1996

PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONNING & PACKAGING PLANT

F O R
STILL MINERAL WATER
CYLINDRICAL ONE PIECE BOTTLES
CAPACITY 5000 x 1.5 LITRE / HOUR

Location for Installation

DA NANG - VIETNAM

ENGINEERED

for

S o c. L A F O N T A I N

by

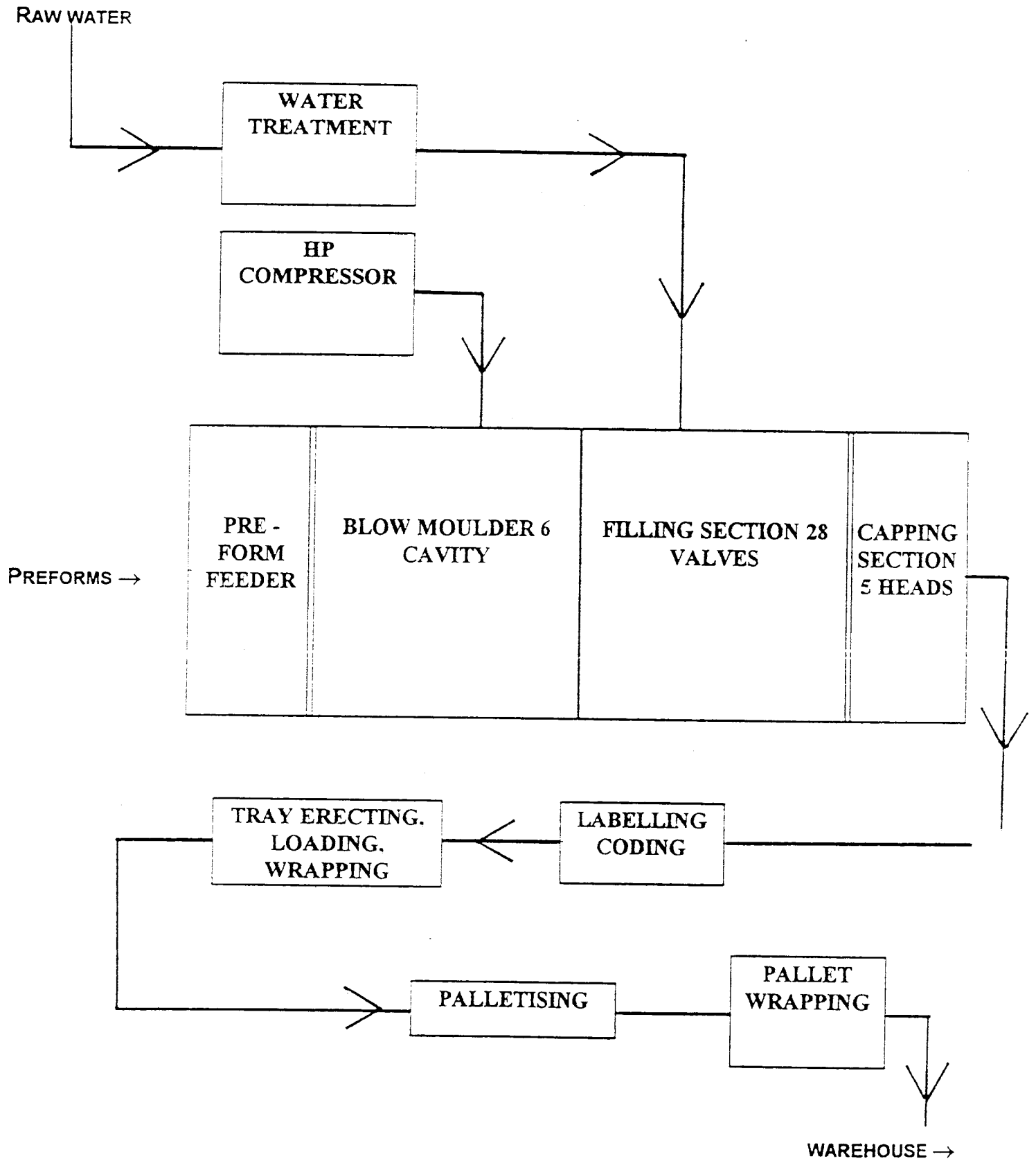
A U T R O N I C I N T E R N A T I O N A L P L C

Soc. LA FONTAINE
Vietnam French Exploit Natural Mineral
Water Export Company Limited.
Que Loc Commune,
Que Son District,
Quang Nam Da Nang Province,
VIETNAM

ref. : Pro/D/Aut/A.Lf.17086-RI-96.

Page 1

FLOW CHART



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 2

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR
OFFER SUMMARY / INDEX

Item	Description	Page
a)	Production parameters	3
b)	Certification	4
c)	Technical pre-amble	5
d)	Part two list-factory building-vehicles-consummables	8
PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT		
01	Fully integrated blow moulder-filler-capper with :	9
-	Change parts for 500 mls bottles	21
-	High pressure air compressor for blow moulder	22
-	Air drier for H.P. air compressor	30
-	Coalescence filter for H.P. air compressor	31
-	Sterilising filter for H.P. air compressor	32
-	1000 ltr, 42 bar tank for H.P. air compressor	32
-	Deodorising carbon filter for H.P. air compressor	34
-	Air compressor, M.P. bottling and packaging	39
-	Air drier for M.P. air compressor	43
-	Air tank, 1500 ltr for M.P. air compressor	43
-	Cooling tower 90,000 k.cals./hr for blow moulder	27
-	Chiller 30,000 k.cals./hr for blow moulder	27
-	Automated, pneumatic cap silo / elevator feeder	35
-	Fully packaged CIP plant for filling section	37
-	Steam generating plant	47
02	Automated labelling machine with label coder	48
03	Stainless steel bottle conveyor system	51
04	Fully automatic tray erector-loader-shrink wrapper	54
05	Automated shrink wrap pack conveyor	58
06	Automatic palletiser	59
07	Automated pallet conveyor	62
08	Fully automatic stretch wrapper for pallets	63
09	Fully packaged water treatment plant	64
10	Change parts, conveyor-fil-cap-labeller-wrapper	70
11	Central electrical control panel bottling & packaging	71
12	Laboratory and analytical equipment	72
13	Hydraulic, pneumatic and electrical installation	73
14	Spares parts, packaging & conditioning plant	74
15	Essential workshop and maintenance tools	76
16	Complete plant final assembly and tune up	77
17	Project management	78
18	Export boxing, FoB, estimated	79
19	Sea freight, estimated.	80
20	Price list	81
21	Specific terms and conditions	82
22	Autronic terms and conditions of sale , standard	
23	Price list building, vehicles and consummables	83
24	Specific terms and conditions of sale, building etc	84
25	Consolidated price list	85

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Da Nang,
Vietnam

28.10.96.
Page 3

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

Bottle types : PET 1500 mls & 500 mls

Product type : Still water without
gas, but capable of
filling with gas with
addition of carbonator

Bottle shape : Cylindrical one-piece

Closure : 28 mm plastic screw, tamper
evident

Label : Wrapping label paper

Product type : Still mineral water

Production speed : 5000 x 1.5 ltrs / hour

Packaging : Shrink wrapped trays.
Palletised, stretch wrapped.

Electrics : 380v 3Ph 50Hz

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Da Nang,
Vietnam

28.10.96.
Page 4

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

CERTIFICATION

A. PLANT

All items of plant and equipment as per the following quotation would be purpose built to order and brand new.

All items confirm to prevailing EC Health & Safety regulations and are EC plated in accordance with current manufacturing requirements.

All electrical, pneumatic and mechanical systems conform to EC relative directives.

B. VALIDITY

Prices as stated are fixed subject to terms and conditions until November 12th 1996.

C. DELIVERY

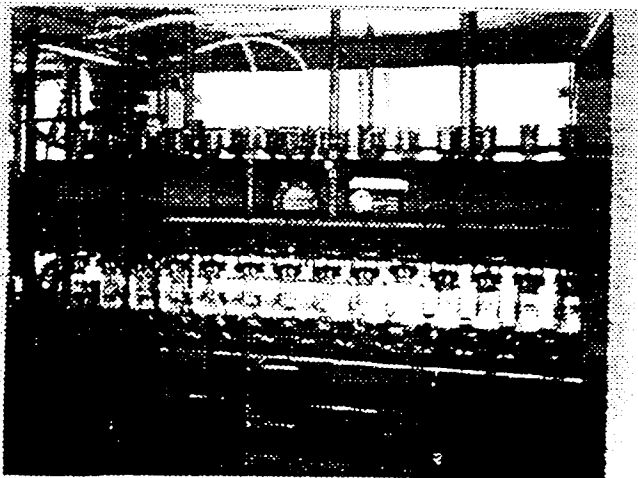
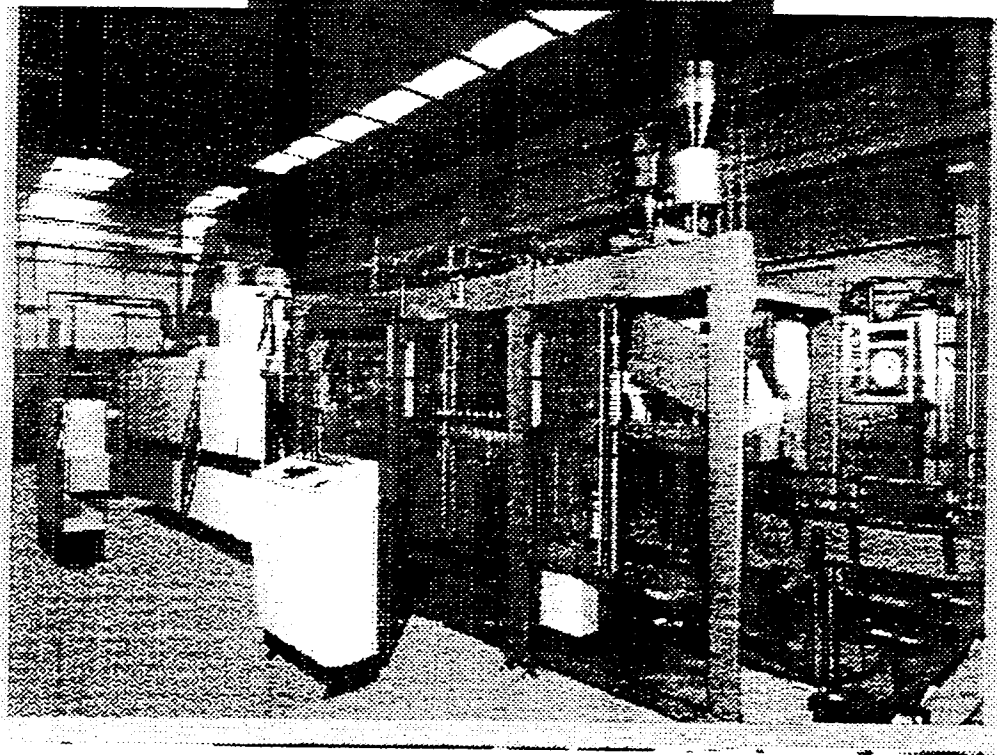
For the complete supply as stated in the quotation, the delivery period would normally be 5/6 months, ex works, from a technically and financially confirmed order.

D. GUARANTEE

Plant and machinery is guaranteed for a period of 15 months, parts and labour, for the ex works delivery of the same or 12 month from erection on customer's site.

Autronic International PLC

COMPLETE AUTOMATIC PRODUCTION AND
BOTTLING LINES FOR PET CONTAINERS
PET



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Da Nang,
Vietnam

28.10.96.
Page 5

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

TECHNICAL PREAMBLE

The complete plant as offered herein represents the very latest technology currently available for the manufacture from pre-forms of PET bottles, of 500 mls and 1.5 litre size.

The plant is **FULLY AUTOMATED** from the bottle making through to the end of line stretch wrapping. Maximum efficiency with simplicity of operation form the basis of design parameters. The Buyer should consider well the following constructional and operational characteristics.

1. The complete bottle making - blow moulding plant / filling and capping machine is constructed as A **SINGLE** block unit. This unique configuration has many operational advantages including simplicity, hygiene, reduction in number of skilled operatives. The complete function is under permanent synchronisation.
 2. The bottles are prepared and conditioned with filtered and sterile air, automatically **UV STERILISED** thus obviating the need for a separate air or wet rinsing section.
 3. The PLC controlled labeller is in permanent synchronisation with the through conveyor and includes a label coding system.
 4. The shrink-wrapping plant is fully automated and includes fully automatic tray erection, tray loading, shrink wrapping and sealing as well as fully automated transfer.
 5. The palletiser is automatic as is transfer to the fully automatic stretch wrapper.
 6. The water treatment plant, is based upon **WHO** standards for water treatment and is of the latest non chemical / gas treatment and without additives but with a fully automated fail safe system.
 7. The filling plant includes and automatic CIP plant with steam generator included for steam sterilisation of the filling block.
- Considering the total output required and the operational conditions in Vietnam, the plant has been selected for its practicality, versatility and reliability.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Da Nang,
Vietnam

28.10.96.
Page 6

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PREAMBLE CONTINUED

8. Given the total production required, the manual handling of bottles is considered both impractical and risky. Any delay in this area would bring the complete plant to a standstill. By building in over capacity at each stage we have designed in the capability of continuous operation by ensuring the rapid evacuation.

The production guarantees as stated herein are minimum guarantees of into store efficiency of the **WHOLE LINE** of 85%.

therefore the calculations are as follows :

5000 bottles per hour x 14 production hours per day x 275 days

$$\begin{array}{r} 5000 \quad \times \quad 14 \quad \times \quad 275 \\ \hline \end{array} = 16,362.500 \text{ per annum}$$

85%

9. The above figures are realistic and realisable and allows the factory sufficient time on 8 hourly shifts for maintenance and shifts. This will also allow the factory to respond to season variations.

10. At Buyer's cost option plant can be included to allow the filling - processing of carbonated mineral waters.

11. Step-up co-ordinated machine capacities for trouble free and continuous production.

blowing / filling / capping 5000 bph	labelling 8000 bph	shrink-wrapping 9000 bph
palletising 9600 bph	pallet wrapping 12000 bph	

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Da Nang,
Vietnam

28.10.96.
Page 7

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PREAMBLE CONTINUED

NOTE VERY WELL

It should be very well noted that prior to entry into the filling section the bottles have been treated with sterilised air and then pass through a UV STERILISER thus water rinsing with chemicals or gas is not required.

The filling system as included herein is of the ISOBARAMETRIC type. The water is filled under pressure of an inert gas which for still water would be sterile air.

This system pre-pressurises the bottles to prevent any bottle collapse but also removes most of the residual, initial air contained in the bottle. The residual air is mostly replaced with sterile air, this enhances the life of the product. As there is sterilised air in the head space, this also assists in stabilising the bottle and effects a stronger pack.

As the filling section is ISOBARAMETRIC, at any time in the future the customer can, by the addition of a carbonating machine or premix - carbonator, with CO₂ handling plant, produce carbonated mineral water and or carbonated soft drinks, type Coca-cola, type Pepsi-cola and or flavoured beverages.

This very high level of technology gives the customer the most advanced and flexible PET bottle-making and filling system currently available. The whole operation is of the synchro-block arrangement with a fully integrated, single system for bottle making, filling and capping.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 8

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

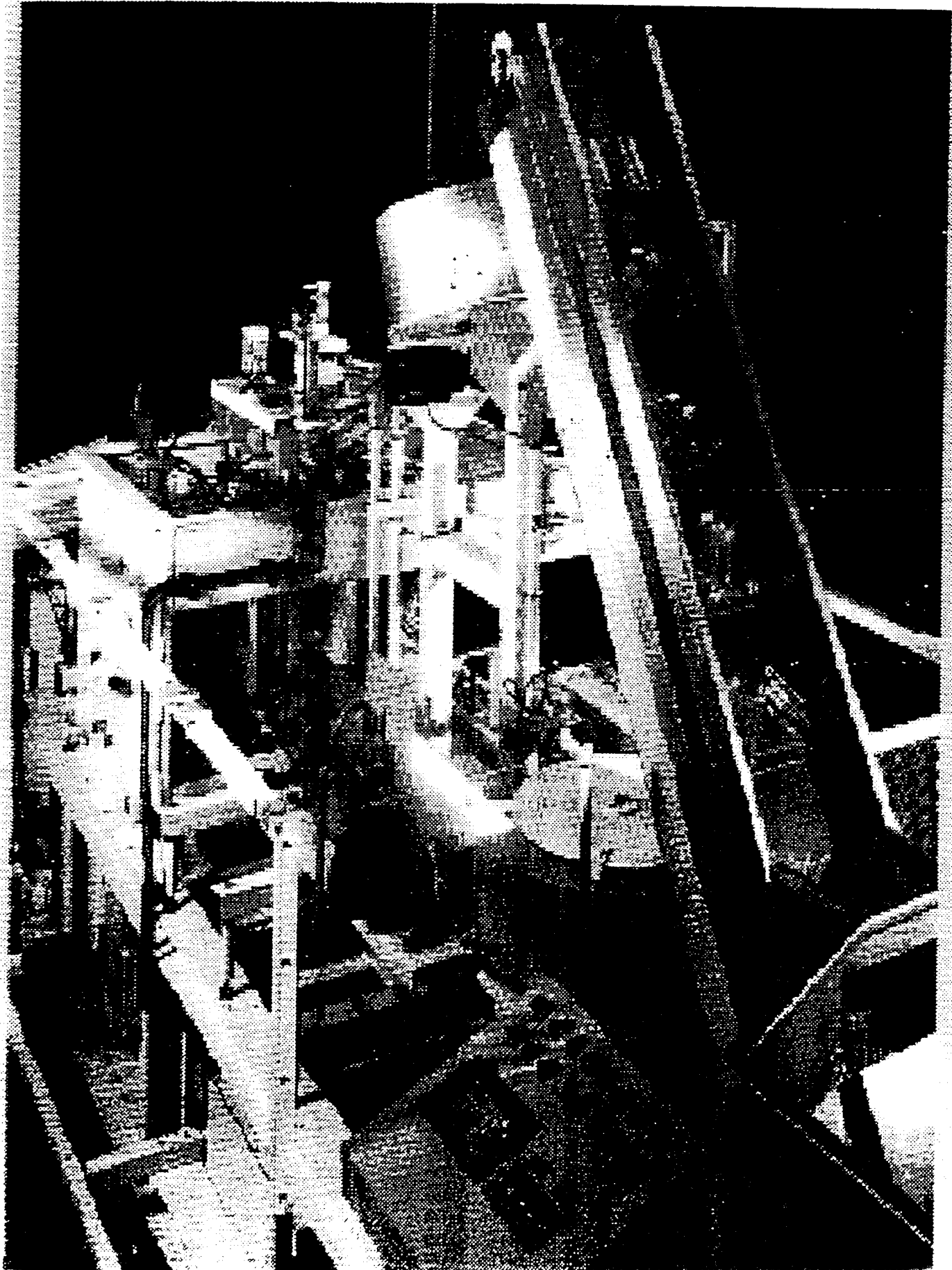
OFFER SUMMARY / INDEX

PART TWO FACTORY BUILDING, FITMENTS, VEHICLES, ANCILLARIES, RAW MATERIALS & SUPPLIES

Item	Description
01	Construction V.R.D. costs
02	Civil fitments costs
03	Building construction - utilities
04	Estimated freight charges for part two
05	Utilisation materials
06	Office equipment
07	Fork lift trucks
08	4 x 26 ton trucks & 2 x 16 pallet vehicles
09	Raw material stock for 3 months production
10	Consumable packaging materials 6 months

Autronic International PLC

AUTOMATED PRE FORM FEEDING TO BLOW MOLDER



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 9

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOULDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

BLOW MOULDING SECTION FOR PER BOTTLES - MODEL C6

CONSTRUCTIONAL FEATURES

The machine is complete with an automatic feeding system of the preforms with a fully integrated charging system including a bulk silo, stepped belt elevator with fully functional line controls for "on demand" synchronised feeding.

The feeding system machine frame is realised with section bar in FE55 hardened and tempered, sandblasted and varnished steel and equipped with :

Thereafter the pre-forms are fed to the blow moulder which includes :

- No.1 automatic device for orientation and introduction of the preforms in the supports for preforms-holding in heating furnace

- No. 2 devices to drive heated preforms to the next position on the blowing conveyors.

- No. 2 conveyors to the blowing realised with hardened stainless steel belt;

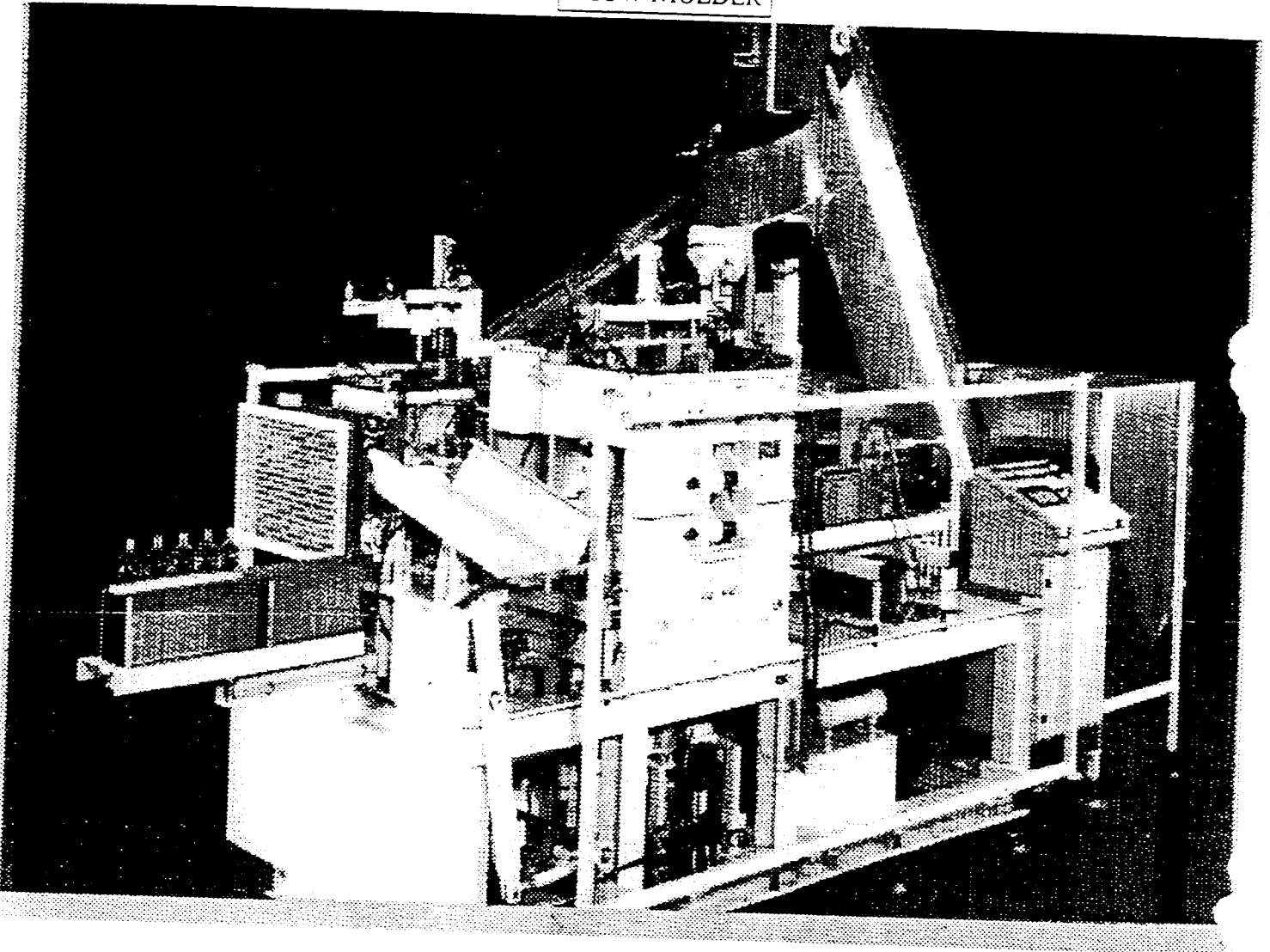
- No. 1 Preforms heating system composed by infrared lamps placed on horizontal files in vertical (till 9) to guarantee a total surface heating; to set an uniform heating at every preform continuously passing through the furnace;

The preforms neck is protected by irradiation by two guides at the interior of which cooled water circulates. In case of over feed to the blowing machine, the preforms charge is automatically interrupted and recommences on-demand. The furnace power reduces in order to save energy.

Fittings include :- Optical temperature controller of the preform for the different adjustments, with automatic adjustment of the room temperature;

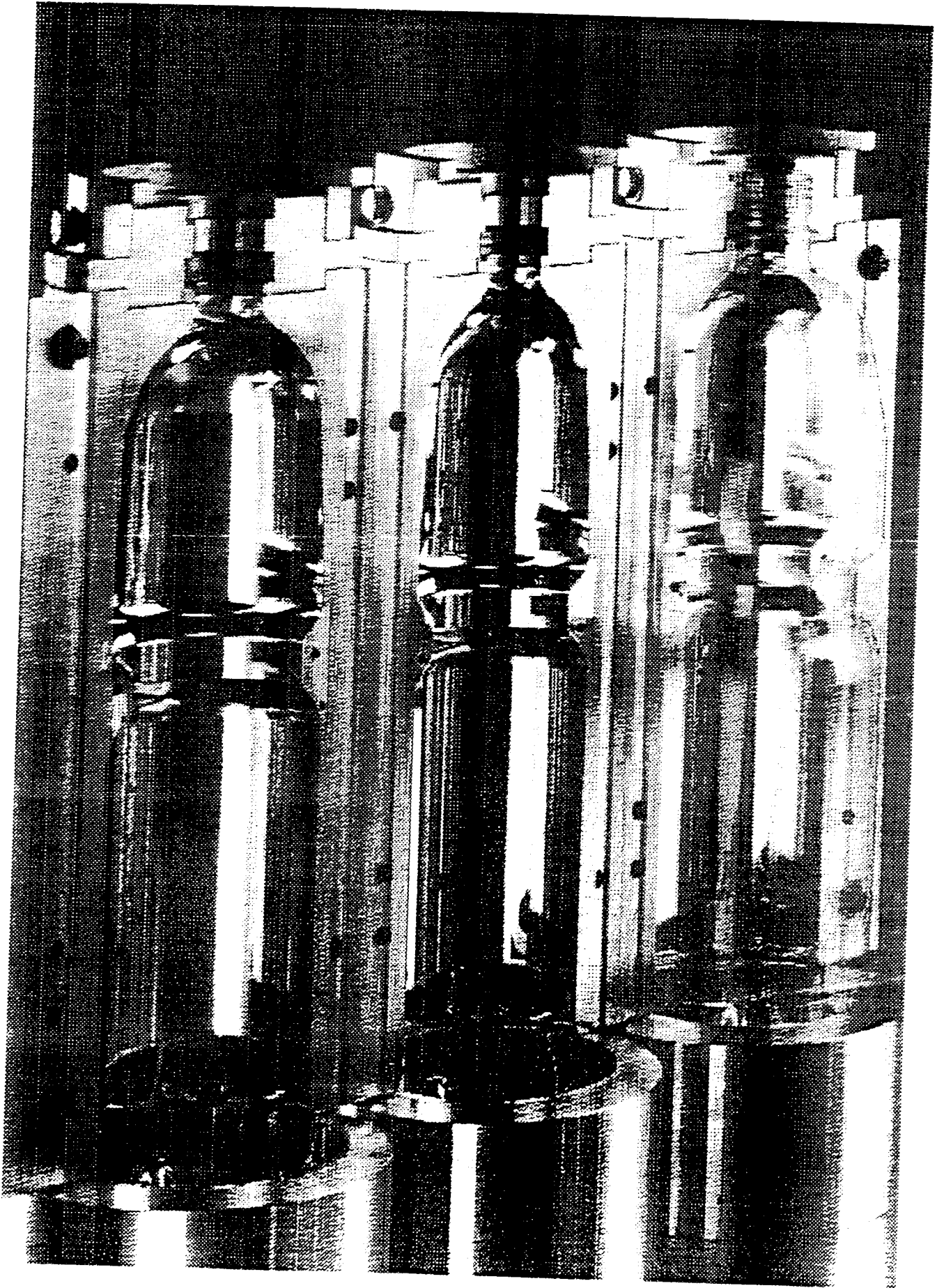
Autronic International PLC

BLOW MOLDER



Autronic International PLC

GEROSA PET MOLDS



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 11

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOULDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

BLOW MOULDING SECTION FOR PER BOTTLES - MODEL C6 CONTINUED

TECHNICAL FEATURES

Output with bottles from 0.25 to 1.5 litres @ 5050 b/h nominal

Output with 2 litre bottles @ 4,000 b/h nominal

Bottles volume to be fixed in range from 0.2 to 2 lt

Quality of the high pressure air dry, without oil, cold
Allowable room temperature for the good running

The warranty for the bottles production from 15 C to 45 C

Allowable dampness ratio from 20 to 70%

Exposure to air stream in an closed room

Bottle manufacturing moulds : 6

Machine length (excluding pre-form feeder) app. 6000 mm

Machine Depth app. 2150 mm

Machine height app. 3300 mm

Machine weight app. 10000 kg

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 12

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOULDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

BLOW MOULDING SECTION FOR PER BOTTLES - MODEL C6 CONTINUED

SERVICES NECESSARY FOR THE MACHINE

Line voltage 230/400V - 50 Hz - N + T

Installed power app. kW 90

Compressed air pressure (low pressure).min. 7 - max. 10 bar

Blowing compressed air pressure:

- * Flat bottom from 25 to 30 bar
- * Petaloid bottom from 36 to 40 bar

Moulds cooling water pressure. min. 3 max. 6 bar

Consumptions :

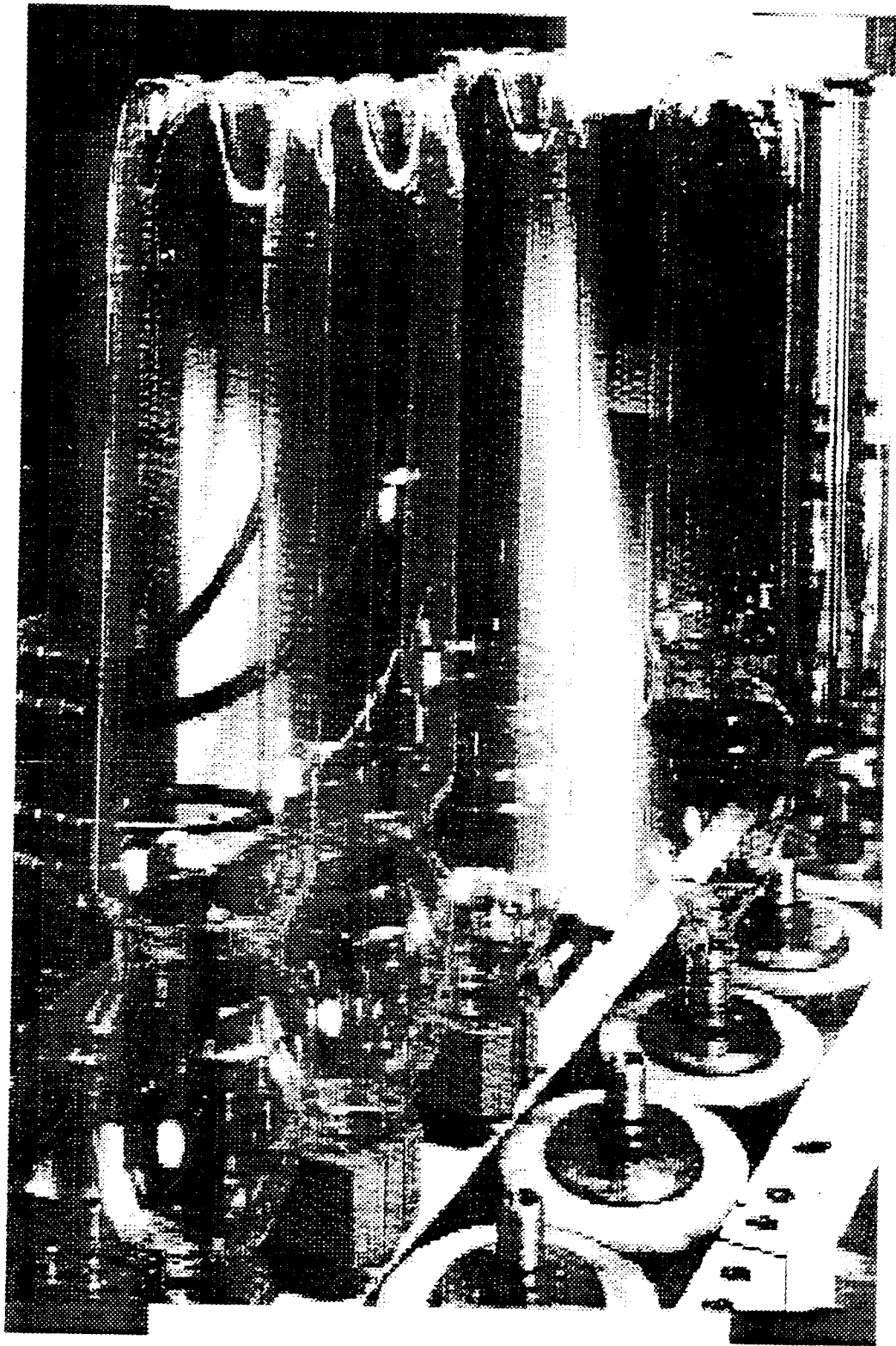
Low pressure compressed air (7 bar).app. Nm³/h 80

Blowing compressed air :

- * Flat bottom (from 25 to 30 bar) app. from 75 to 300 Nm³/h
- * Petaloid (from 36 to 40 bar) app. from 100 to 400 Nm³/h

moulds cooling water at 6°C (kCal to be removed app.
30.000)app. = lt/min. 200

Autronic International PLC



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son.
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 13

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

BLOW MOLDING SECTION FOR PER BOTTLES - MODEL C6 CONTINUED

WORKING DESCRIPTION

The preforms stored in the hopper are conveyed by a lifting belt to the rotating plate which regularly distributes them to the loading ramp. The preforms are then centred on the supports for preforms, holding that, because of the continuous belt motion, are conveyed to the heating furnace.

The preforms, passing through the furnace, swing and are uniformly heated thanks to the action of the infrared senders.

At the preforms charge it can be guaranteed that they have the same room temperature where the blowing machine is installed.

The optical temperature controller, placed at the furnace outlet, allows to control the different adjustments and automatically adjusts itself to room temperature variations.

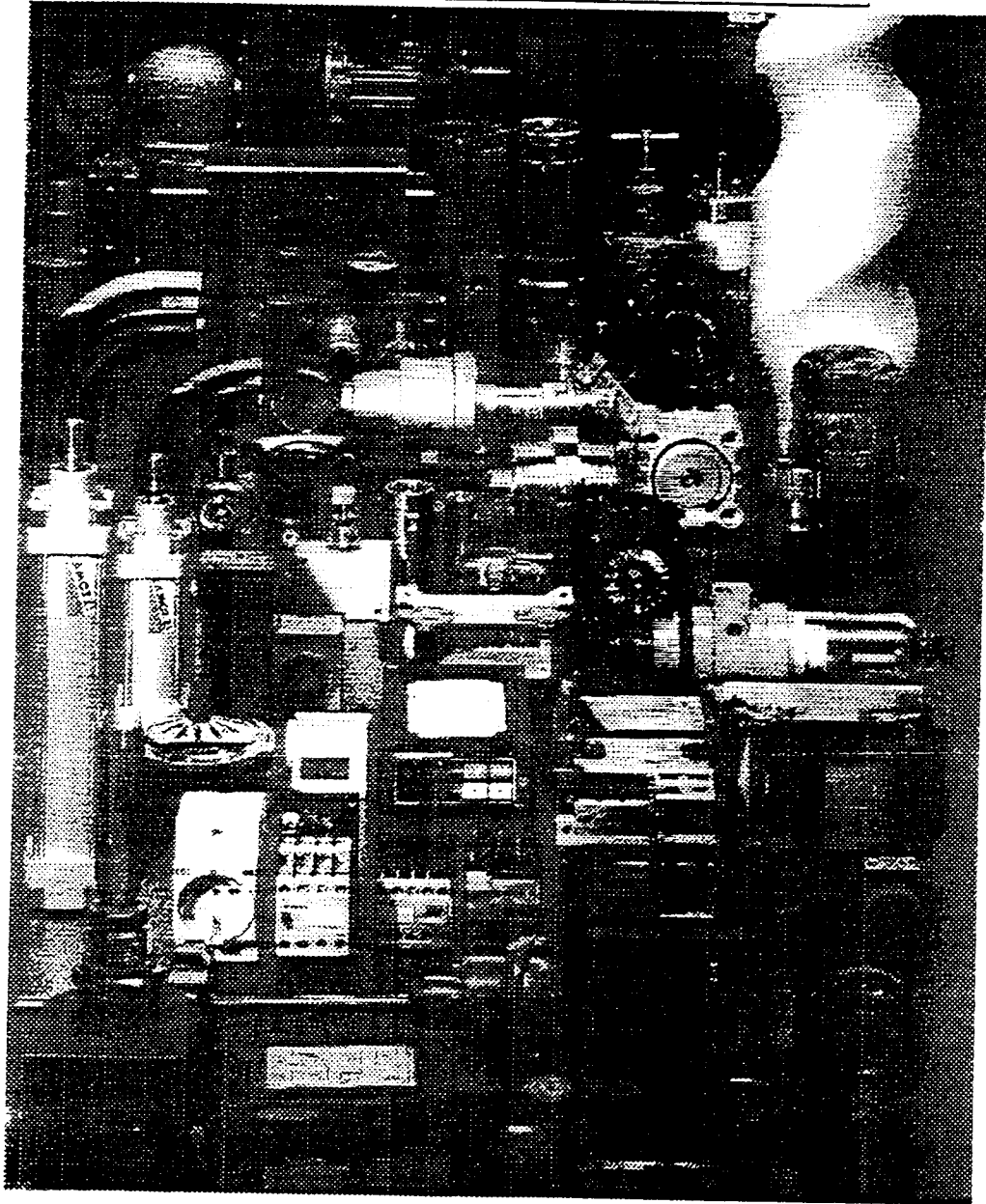
The preforms out from the heating furnace are transferred on the conveyors to the blowing. Now, the 2 moulds (with 3 cavities each) fed on the files, open and the movable plates lift.

Then, due to the conveyors motion, 6 preforms are conveyed to the moulds and consequently 6 bottles are carried to the extraction point.

The movable bottoms then go down and the moulds close simultaneously engaging the stretching rods. Then the stretching rods will start growing. As soon as they reach their run end, the blowing valves open and the bottles, fixed by the high pressure air, set on the walls of the moulds.

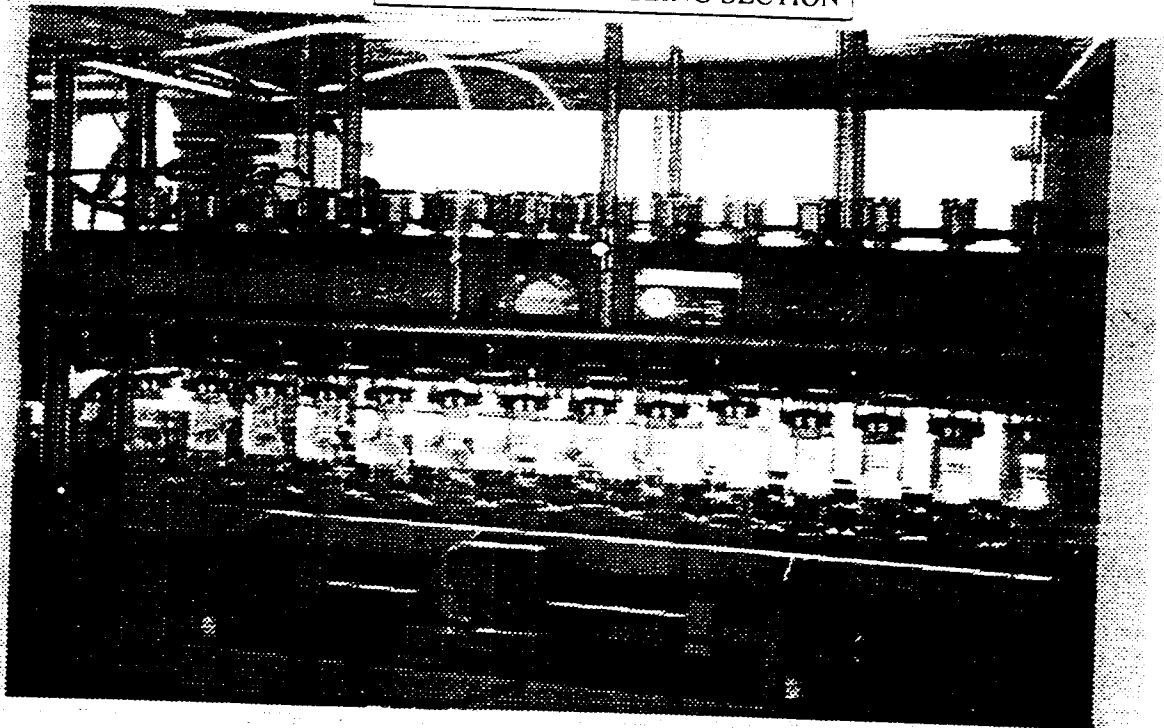
Autronic International PLC

GEROSA BLOW MOLDING & HANDLING PARTS



Autronic International PLC

INTERGRATED FILLING SECTION



POSITIVE CONTROLLED BOTTLE TRANSFER



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 15

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

FILLING AND CAPPING SECTION - MODEL G3 28/5

The filling and capping group should be regarded as an integral part of the blow moulding section which in synchro-block formation effectively becomes a single manufacturing unit.

At no stage are the produced bottles allowed to free flow but are kept at all times, under the positive control of the integrated handling devices for a perfect harmonisation of all functions.

The filling and capping section comprises of an isobaric Filling Machine and capsuling machine model 28/5 with 28 filling valves and 5 capping heads.

The complete frame is manufactured in stainless steel section and includes the following elements :

- cans for bottle transfer composed by a cylinder in plastic material group for positioning/introduction of the bottles into the conveying pockets;
- group for the translation of the conveying cans from the bottles introduction zone to the sliding surface to the filling section;
- group for the translation of the conveying cans from the bottles sliding surface to the filling station;
- filling station, composed by 28 valves: the height can be adjusted by the control selector placed on the electric panel conveyor belt for sending full cans/bottles to the capsules drawing
- capsules distribution group: four-head capsuling machine for plastic capsules (Mod. 144000) the height can be adjusted by the control selector placed on the electric panel.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 16

**QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR**

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

**FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES**

FILLING AND CAPPING SECTION - MODEL G3 28/5 - CONTINUED

- device for extracting the empty bottles from the cans and putting them on the evacuation belt;
- protections against labour accidents
- equipment for keeping the sterile air realised in anodised aluminium and transparent plates in anti-breaking PVC
- pre-arrangement for sanification system complete with false bottles: the operation happens in equi-current and concerns valves, filling manifold and piping in contact with the product: the cycle, properly studied, is controlled by the same PLC which controls the plant;
- machine general control panel, in painted steel (realised in conformity to the rules CEI), complete with the control and protection instruments necessary for the good working of the plant.
- The automation system is controlled by programmable logic, equipped with a complete program of automatic working cycle, manual working cycle and sanification.
- The control panel is equipped with:
 - message visualiser for signalling eventual troubles during the working of the machine
 - a selector to be operated for carrying out all the manual operations.
- Fan + absolute filter (99%) with support structure for the pressurisation of the filling module with sterile air.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 17

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

FILLING AND CAPPING SECTION - MODEL G3 28/5

TECHNICAL DATA

Output with bottles from 0.25 to 1.5 lt 5050 b/h nominal

Output with bottles of 2.00 4000 b/h nominal

NB: the production is referred to the bottling of mineral water. For other product bottling, the output will depend on the different product characteristics.

bottle capacity to define with ranges from 0.2 up to 2 lt

FILLING AND CAPPING MACHINE DATA

length app. 6680 mm

width app. 1840 mm

height app 2700 mm

Product filling temperatures :

water max. 18 C

soft drinks max. 8 C

Capping error (lack of caps):) 0.5% on condition that capsules have always the same dimensions and consistency and are always complete with the guarantee seal.

Level and filling tolerances: ribbed bottles with petaloidiolo bottom 98% +/- 2 mm (according to the bottle shape)

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son.
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 18

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

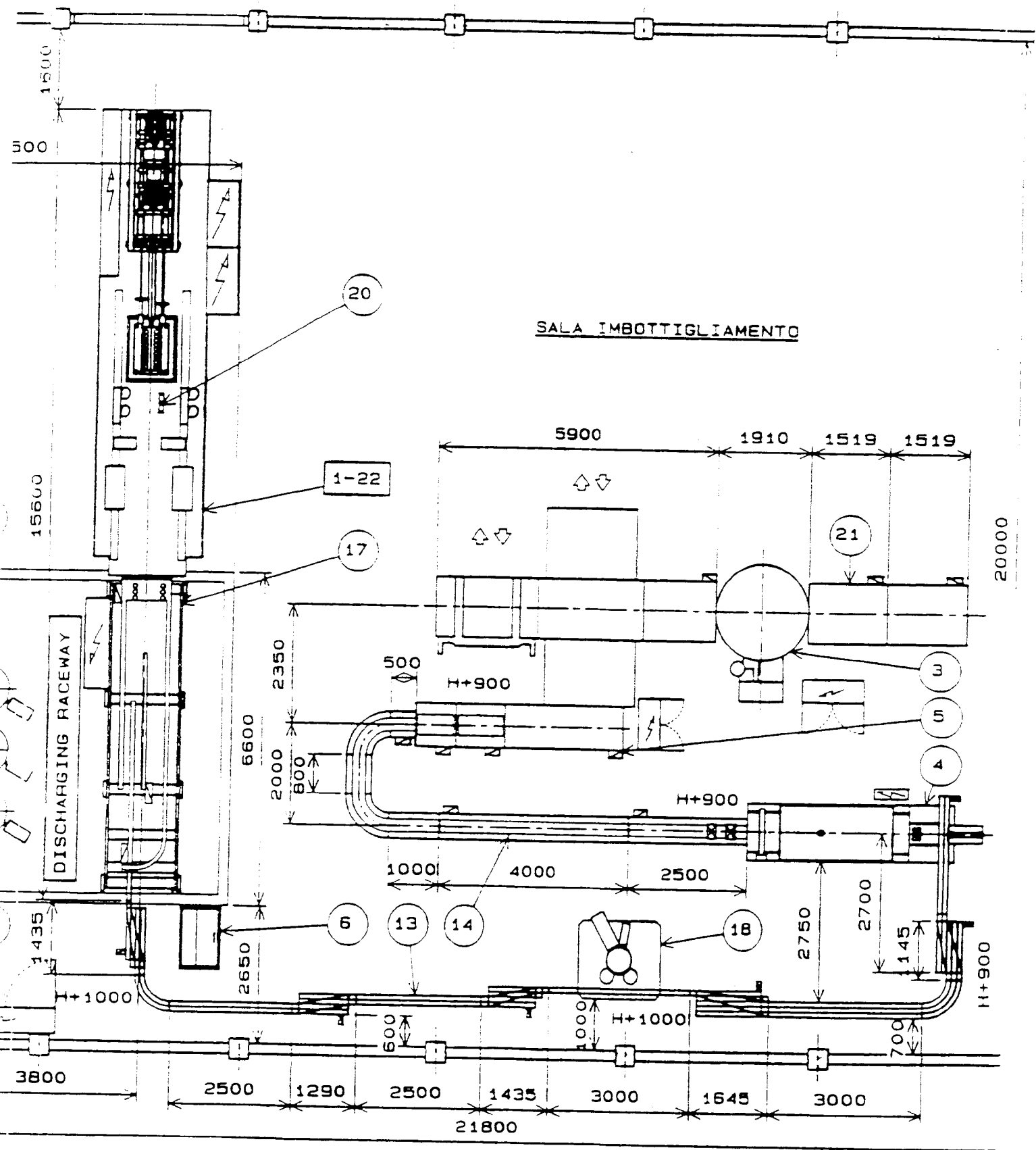
FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

FILLING AND CAPPING SECTION - MODEL G3 28/5

Service usage by the filling and capping group :

line voltage	: 230/400 V - 50 Hz + N + T
installed power	: about kW 5
compressed air pressure	: min 7 - max. 10 bar
sterile air pressure	: min 7 - max. 10 bar
Counter-pressure	: min 6 - max. 8 bar
Consumptions	: compressed air (7 bar) app. Nm ³ /h30
Counter pressure	: to define according to inert gas & volume of bottle to be filled. If sterile air (7 bar) about Nm ³ /h 1.5

Autronic International PLC



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son.
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 19

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

FILLING AND CAPPING SECTION - MODEL G3 28/5

RUNNING SECTION

The bottles are moved from the blowing module to the filling one by an integrated, positive and synchronised transfer group.

It should be very well noted that the bottles are transferred into the filling section via bottle carriage cans. The bottles DO NOT FREE TRAVEL. Each bottle is transferred in its own carrier can which holds the bottle secure throughout the transfer.

The feeding of the filling module is operated by a conveyor with a storage function. The conveyor cans containing the bottles are stored at the entry of the filling station, until the number of the empty bottles corresponds to the one of the valves.

The conveyor cans with the relevant bottles enter the filling station and are positioned in correspondence with the respective valves.

The bottles are lifted and leaned against the valve to assure their tightness. The valves are mounted on a manifold for the filling product.

The filled bottles remain in their cans which, after the capsules drawing operation, pass to the capsuling station, where at last, a device takes the bottles introduction zone where the cycle restarts.

The machine is studied to change bottle size in the quickest way: replacing the containers cans and adjusting the heights of the filling and capsuling station by operating on the proper selector positioned on the control panel.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 20

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

FILLING AND CAPPING SECTION - MODEL G3 28/5

PLEASE NOTE. MOST IMPORTANT

IT SHOULD BE WELL NOTED THAT THE FILLING SECTION IS OF THE ISOBAROMETRIC PRINCIPLE.

The selected counter pressure medium is sterile, compressed air. HOWEVER, BY USING CO₂ as the counter pressure medium and with the addition only of a carbonator or premix-carbonator, the plant as offered herein is also suitable for the filling of CARBONATED MINERAL WATER & SOFT DRINKS (Type Coca-Cola, Pepsi-Cola, included).

As the filling machine is ISOBAROMETRIC, the bottles are pre-pressurised prior to the filling commencing. This expels virtually all other residual air in the bottle and replaces this with an inert or sterile gas. The pre-pressurised bottles cannot collapse under filling, by inert gas pre-treatment the shelf life and strength of the bottles themselves is greatly enhanced.

The client can be assured that with a MINIMUM further investment, the complete set-up is then suitable for virtually any type of carbonated beverage.

As the complete set-up is suitable for 25 mls to 2 litre bottles, this makes the G3 system the most advanced and flexible system currently available.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 21

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

COMPLETE SET OF BOTTLE CHANGE PARTS
BLOW MOULDER

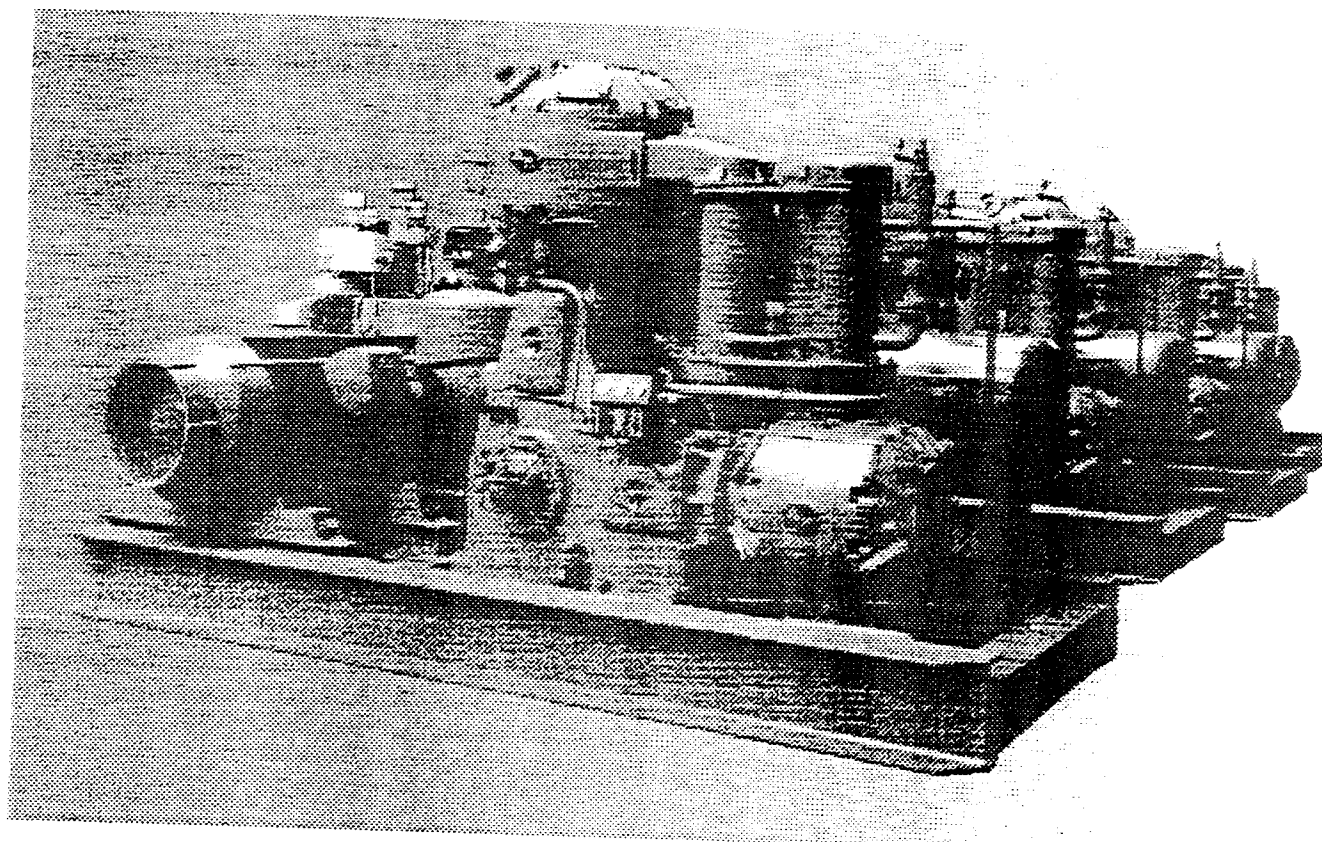
A complete set of change parts is included for the blow moulding section to enable the production of 500 mls PET bottles.

The change parts include a complete new set of moulding tools to the designated bottle design and all complimentary and ancillary parts necessary for the production within the blow moulder of of the designated bottle.

The additional moulding parts include 2 x 3 cavity mould tools to enable the 6 cavity production base for PET bottles.

Autronic International PLC

AIR COMPRESSOR



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 22

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

HIGH PRESSURE AIR COMPRESSOR FOR BLOW MOULDING

Compressor type : WS2/400 = A3

Production : 400 NMC/H of air oil free

Machine is without lubricated pistons and with sealing band in PTFE, charged and assembled on a unitary frame with vibration damping supports, for a system of air compression.

SUCTION CONDITIONS :

Pressure : atmospheric

Temperature : 25° C

Humidity : 50 %

DELIVERY CONDITIONS:

Pressure : 42 Bar

Output at suction condition : Nm³/h 400

Number of compression stage : 3

Pneumatic part working : dry rotation speed rpm 750

Average piston speed : m/sec 2.5

shaft power : kW 80

Cooling inlet water temp. : 30° C

Outlet water temp. : 40° C

Water requirement : Mc/h 7

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 23

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

HIGH PRESSURE AIR COMPRESSOR FOR BLOW MOULDING

STRUCTURAL FEATURES OF THE MACHINE

Pneumatic part consists of two cylinder lines carrying respectively:

- 1st stage double acting cylinder
- 2nd / 3rd stage single acting cylinder

GEOMETRICAL DATA

Stroke	:	100 mm
1st stage cylinder diameter	:	300 mm
2nd stage cylinder diameter	:	240 mm
3rd stage cylinder diameter	:	120 mm

The crankshaft in forged steel at single crank with counter-weights, working on two main roller bearings.

The crankshaft actions forged steel connecting rods with thin bushes on big end and needles on small end. The movement is given to cross-heads in nodular cast iron in which the piston rods are fixed; they run on treated cast iron easily replaceable sleeves.

Lubrication is forced by means of a gear pump coupled to the shaft, sucking oil from the carter through a net filter. The oil, after being cooled and again filtered, is sent to the points to be lubricated through some passages in the crankshaft itself.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 24

**QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR**

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

**FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES**

HIGH PRESSURE AIR COMPRESSOR FOR BLOW MOULDING

The cylinders are fixed to the crankcase by means of distance pieces with single extra long compartment having a set of oil wiper rings to prevent some oil going to the pneumatic part. The cylinders are in pearlitic cast iron easy replaceable liners. Valves are of flat disc type in high alloyed chrome steel and on suction side they can be provided with on-off unloaders.

Cylinders and heads have water circulation passages for proper cooling. The pistons are made in aluminium with packing rings in special filled TFE. Rod packing are obtained with floating TFE rings with possible recovery of leaking gas.

The compressor will be supplied complete with:

- flywheel
- suction filter
- safety valve tested ISLESP with calibration certificate at each stage
- pressure gauge at each stage delivery
- oil pressure and temperature gauge
- crankcase lubrication group with oil pump,
- single oil filter
- oil cooler our standard type
- manual pre-lubrication pump
- gas and water piping
- inter and after coolers
- pulsation damper/moisture separator after each stage, with automatic condensate traps

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 25

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

HIGH PRESSURE AIR COMPRESSOR FOR BLOW MOULDING

No.1 driving group including:

- electric motor 90 kW - 4 poles - 380 V - 50 Hz IP 55 execution
- safety guard
- grooved pulley and tensions slides set of anti-static V-belts steel
- base plate common to compressor, motor and auxiliary equipment on which the whole group will be assembled

No. 1 set of instruments for safe running of compressor, including:

- low oil pressure switch
- pressure transmitter on delivery for automatic unloading
- high pressure switch on delivery
- pneumatic suction valves unloaders for start up and 0-100%

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 26

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

HIGH PRESSURE AIR COMPRESSOR FOR BLOW MOULDING

- capacity control solenoid valve for unloader operation
- non-return valve on delivery
- low cooling water flow switch

All electrical equipment will be standard execution according to IEC rules. Instruments installed on a steel frame will be connected inside the skid edges.

Dimensions: 3,300 x 2,000 x 2,000 mm

Weight: 4,200 Kg

No.1 set of special vibration dampening supports - to be placed between the steel base plate and the floor

Said supports do not require stable fixing to the floor but are only positioned by means of adhesive pads included in the supply. With supports will be supplied a set of flexible hoses for air and water connections.

No.1 electric control panel - suitable to the automatic running of the compressor and complete with alarm and shut-down circuits and start/delta starting motor. The panel will be standard execution and supplied loose.

Electric connections between the electric panel and the compressor are included in our proposal.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 27

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

CHILLING / COOLING PLANT FOR BLOW MOULDER

Water cooling plant with forced draught evaporating towers.
Production 90.00 kCal/h

Composed of :

No.1 tower mod. PMS 9/85

Technical data for each tower:

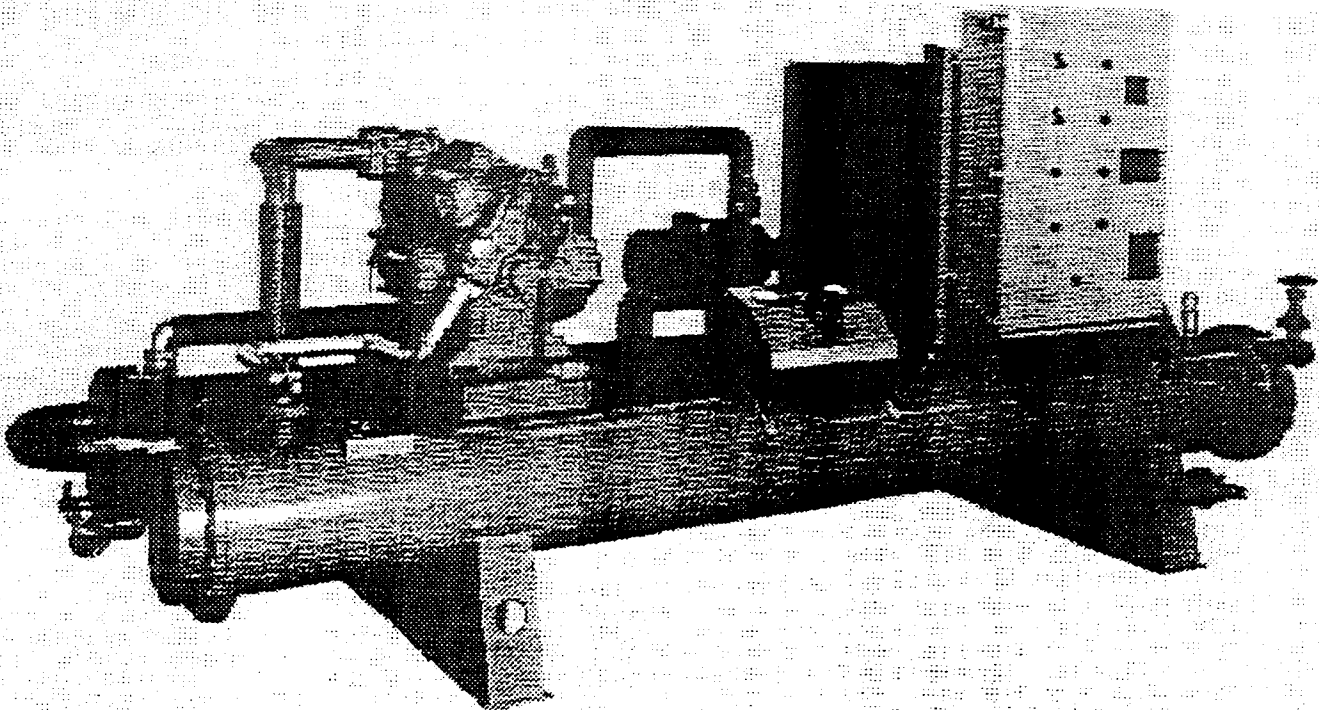
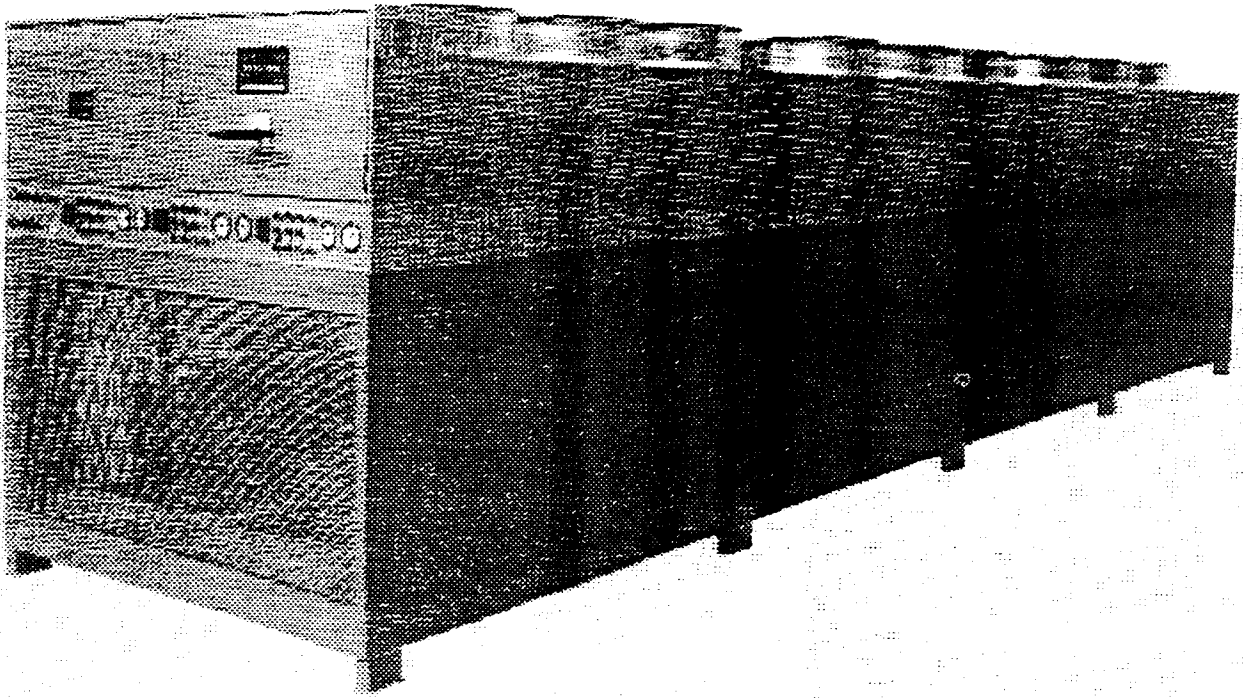
disposed heat quantity	:	90000 kCal/h
water capacity	:	9 mc/h
water inlet temperature	:	+38° C
water outlet temperature	:	+28° C
humid bulb temperature	:	+24.5°C
water quantity reinstatement	:	0.3 mc/h of which - mc/h 0.01 evaporated - mc/h 0.01 drainage
tower inlet required pressure	:	2.8 m Col H2O

Dimensional features and weights

Width	1000 mm
Length	1000 mm
Height	2600 mm
Empty weight	95 kg
Working weight	285 kg

Autronic International PLC

REFRIGERATION



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 28

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

CHILLING / COOLING PLANT FOR BLOW MOULDER

Motor fan features:

Motors 1 n

Power each 0.75 kW

Poles 4 n

Tension / phases / frequency 230 / 400 / 50 V/n./Hz

Motor coupling / fan direct

* the indicates technical data are valid in the case where cooling water does not contain chemical or mechanical substances which can cause the formation of deposits in the filling material or in the drops separator.

The PMS tower (for water of normal composition and cleaned) is composed by:

wrapping in polyester resin reinforced with glass fibre and coloured in paste. It is the apparatus frame in which are assembled the following parts:

- WATER DISTRIBUTION SYSTEM composed by:

- pipe for internal distribution in chloride of polyvinyl on which the spraying nozzles are fixed;
- spraying nozzles in polypropylene resisting up to 100 C, at full cone and with passages of 18-20 mm.

In order to avoid clogging the nozzles are easily removable

- PORTHOLE for inspection polyamides in order to allow the view and the inlet in the internal tower for an eventual control of the spraying nozzles

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 29

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

CHILLING / COOLING PLANT FOR BLOW MOULDER

- DROPS SEPARATORS in order to avoid drops entrainment of the outgoing air current, in plastic self-extinguishing two folds material
- HEAT EXCHANGER BODY composed by panels with a cellular structure, realised in plastic self-extinguishing matter resisting at a maximum working temperature of 55 C. with a form suitable to create an efficacy thermic exchange between water and air. SUPPORTS of the exchanger body and of the drops separator in strong thickness stainless nets, fire, galvanised AXIAL fan positioned on the tower top, with hub in aluminium and shovels in nylon-glass, with low revolutions directly coupled with:
- CLOSED ELECTRICAL MOTOR, externally self-ventilated, water-proof, in short circuit, with vertical axis (Protection IP 55).
- SUPPORTING RING of the electric fan in fire galvanised
- STAINLESS STEEL GRILL FOR AIR HOLDING in AISI 304
- WATER CONNECTIONS and overflow treated tube, in plastic material
- MANOMETER for evaporated and drained water residue pressure measurement
- FLOATING VALVE for evaporated and drained water automatic reinstatement
- WATER DISCHARGING DEVICE for the hardness control in the closed circuit
- WATER RECOVERY TANK in polyester resin with glass fibre and equipped with screens in reinforced polyester

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 30

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

ANCILLARIES & CHILLING / COOLING PLANT FOR BLOW MOULDER

Dryer mod. DFR 75

The dryer is equipped completely assembled, tested and ready to be connected. It consists of the following parts:

- CASING, made in carbon steel panels painted with epoxy powders and designed in such a way that the components of the drier are easily accessible
- CONDENSER, water cooled type, consists of a pack battery with copper pipes
- REFRIGERATION COMPRESSOR, of first quality, hermetic type, cooled by an intake refrigeration fluid and protected by thermic and amperometric reply
- AIR-AIR HEAT EXCHANGER, standard in any model, allows 40-50% energy savings and avoids the external dripping of compressed air pipes due to the low temperature coming out from the dryer
- EVAPORATOR, tube bundle type, with a very high exchange capacity in counter-current circuit, sized to obtain the best performance and an almost void pressure drop
- CONDENSATE-SEPARATOR, the separation takes place in the high efficiency separator, cyclone type, designed to work at its best different flow rate and pressure. Drain takes place by means of solenoid valve protected by a timer controlled mechanical filter, break and opening time can be checked
- DOUBLE SAFETY PRESSURE SWITCH, for protection of refrigeration compressor, high pressure with manual reset, low pressure with automatic reset

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 31

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

ANCILLARIES & CHILLING / COOLING PLANT FOR BLOW MOULDER

- THERMOSTATIC VALVE with external equaliser. It maintains constant evaporation pressure in the air-freon exchanger
- CPC VALVE or compressor capacity control. It regulates the power delivered by compressor
- FREON SEPARATOR, it acts on the exhaust system of the compressor to protect it against possible back flows
- DISPLAY BOARD with tele-thermostat for indication of dew point and all other necessary signals for the correct working of the dryer
- METAL CONTAINER for all electric parts of first quality

TECHNICAL DATA

ambient temperature	:	+25° C
max. ambient temperature	:	+45° C
min ambient temperature	:	+ 1° C
inlet temperature	:	+35° C
working pressure	:	7 bar
max. working pressure	:	40 bar
outlet pressure drop	:	0.2 bar
cooling fluid	:	22 R
cooling fluid charging	:	300 GR
evaporating pressure		3.8 (22R)

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 32

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

ANCILLARIES & CHILLING / COOLING PLANT FOR BLOW MOULDER

TECHNICAL DATA CONTINUED

condensation pressure : 15.4 (22R)

- fan pressure switch
- compressor pressure switch

max. electric power : Nominal 1064 W
Maximum 1254 W

condenser fan power : 95 W

weight : 105 KG
noise level : 58 dB

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 33

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

ANCILLARIES & AIR COMPRESSORS

No.1 Compressed air tank of 1000 lt

1.000 lt vertical tank for compressed air 42 Kg/cm² externally painted, completed with flanged attachments or coupling attachments, safety valve ISPEL homologated, manometer, condensate discharge valve etc.

Refrigerator EGF/30A mod. 59003

Technical data

Length approx. 2200 mm

Width approx. 1060 mm

Height approx. 1650 mm

Weight approx. 850 kg

Consumptions

- 1 compressor with motor of 15 HP
- 1 motor pump with a 1.5 HP motor - capacity 4.800 lt/h (80 lt/LÆ) - head 3.2 bar - for water recycle between refrigerator and recovery tanks
- 1 motor pump with a 4 HP motor - capacity 4.800 lt/h (80 lt/LÆ) - head 5.7 bar - for water recycle between recovery tanks and utilisation
- 2 electric fans with a 0.5 HP motor each = 1 HP

Services needed by the machine

Line voltage 230/400 V - 50 Hz - N + T

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 34

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

CHILLING

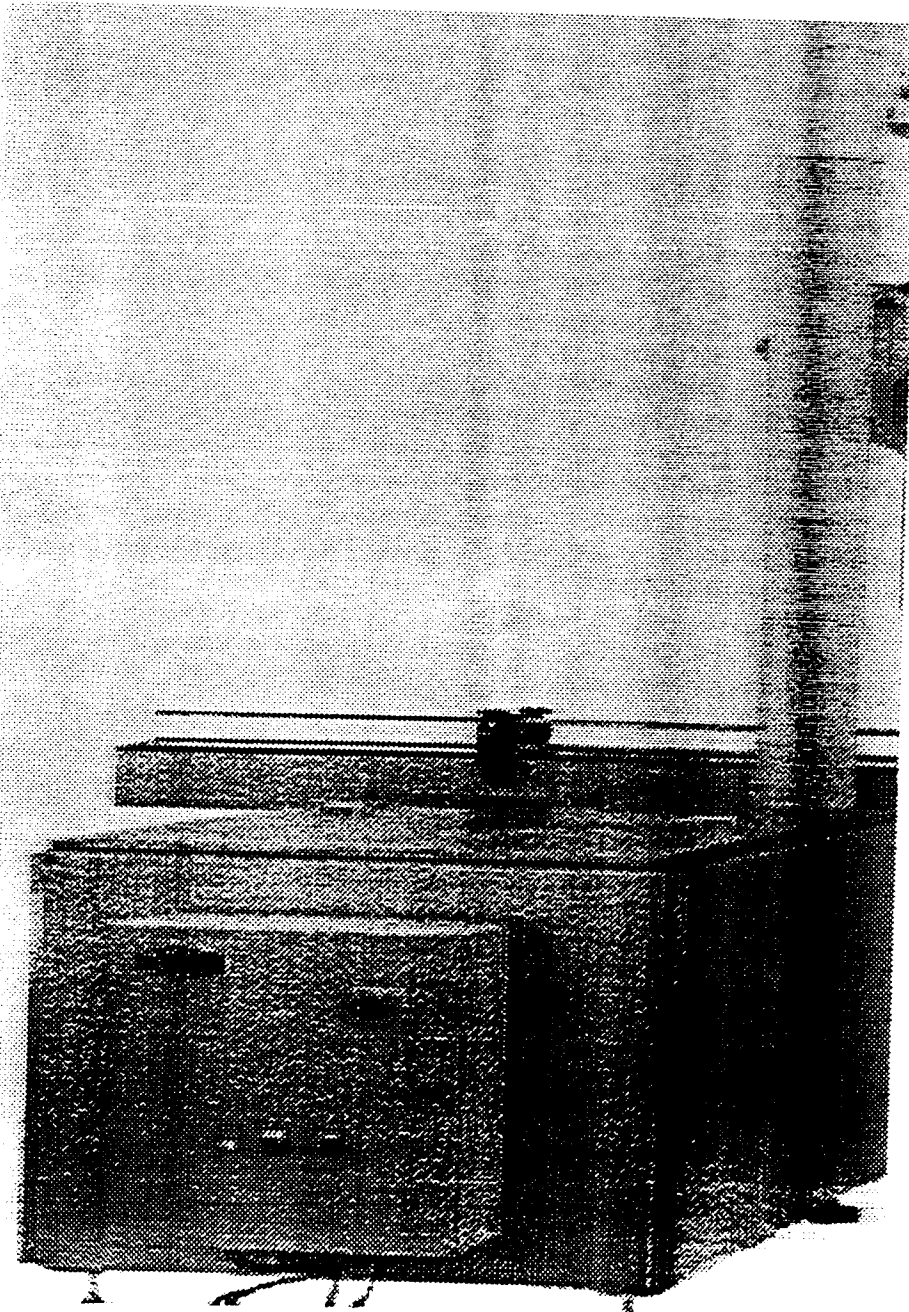
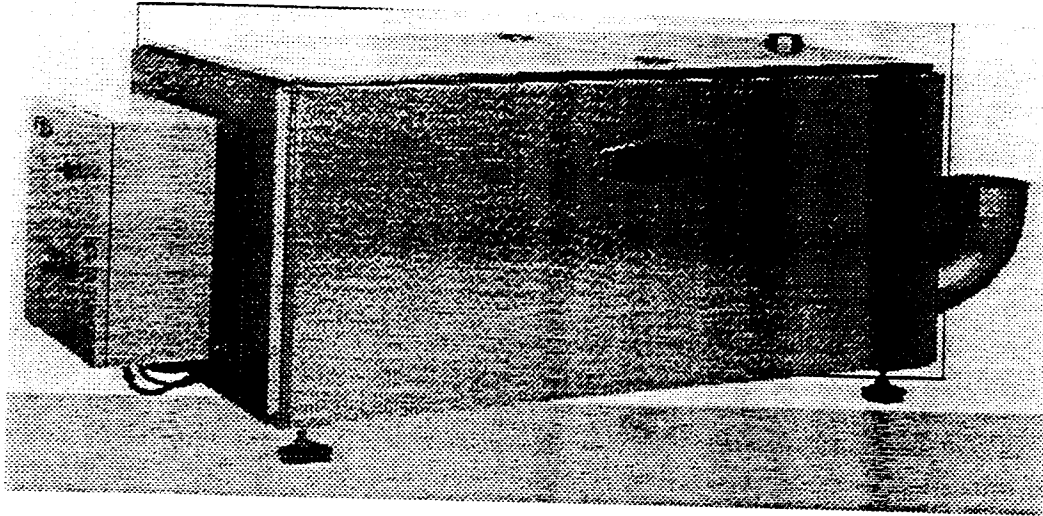
Working as an enbloc refrigerator for liquids in closed circuit, with power of 30.000 refrigeration units, suitable to refrigerate water at the temperature of 6° C.

The refrigerator has n.1 semi-airtight COPELAND compressor, running with Freon 22.

The condensation of the refrigerating fluid happens by air at - 40 C (with room temperature of 30 C), so without water consumption.

Autronic International PLC

PNEUMATIC CAP FEEDER



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 35

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

CAP FEEDING MACHINE

Capsules feeding machine, pneumatic type mod. 54001

Machine composed of :

- air filter unit complete with device to regulate the delivery by adjusting the front disc the best delivery is when, with minimum opening, the caps reach the capper hopper without damage owing to the crashing against the pipe walls mainly in the 90 elbows the cleaning of the filter (fitted) has to be checked periodically and the filter replaced when there is too much reduction on the delivery and low filtering of the air electro-fan unit.

It operates continuously (as the capper hopper does) even when there are no caps to feed in order to prevent any jams in the piping system the electro-fan, on the contrary, does not have to operate when the capper hopper is not operating to prevent to over-feeding of the hopper itself in case the rod controlling the limit switch for the caps feeding would be on feeding position electro-magnetic vibrating unit. It is controlled by the main panel and it is a 220 V single phase type.

It feeds the caps into the transport pipes and it operates only when allowed by the level height switch fitted in the hopper the quantity of the caps is adjusted by means of the step-switch (6 positions) fitted in the electric panel the piping system.

It has to be assembled very carefully so as to prevent damage to any inside edge that could damage the caps and affect the cap feeding the cone shaped end collectors. The purpose of this collector is to slow down the caps and to convey the same into the capper hopper. At the inlet there is a drilled 45 elbow made of plastic material, to reduce the kinetic energy of the air by means of the inside rubber strips, the caps are deviated towards the periphery of the hopper

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 36

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

CAP FEEDING MACHINE

NB the end collector can be supported in two different ways:

- directly on the hopper/turret
- directly on the frame of the machine

In the first case the adjustment of the height by hand so that there is enough space between the end collector and the hopper cover to allow the regular feeding of the caps

In this last case the height of the rod controlling the limit switch has to be adjusted to have proper feeding and control according to the need the horizontal piping system has to be fixed to allow such a flexibility to compensate the above height variations unit to control caps level height; by means of a limit switch controlled by the rod fitted inside the hopper, it keeps the level of the caps in the hopper itself constant the level height has to be as low as possible the electric panel. The standard voltage is 220 or 380 V but it is possible to have different voltage on request. It has its own electric diagram inside

TECHNICAL DATA

Hopper discharge height : 3 / 4 meters

Height with arm : from 1 up to 6 mt

Hopper capacity : 12,000 caps long type
30,000 caps short type

DIMENSIONS

Length : approx 1300 mm
Width : approx. 1100 mm
Height : approx. 1400 mm
Consumptions : installed power blowing 3 HP
Electrical services : line voltage 230/400 - 50 Hz + N + 1
auxiliary 24 V

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 37

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

C.I.P. PLANT

COMPRISES OF :

No.2 x 1,000 lt stocking tanks for the CIP washing of the filling machine for PET bottles

Construction features :

- cylindrical vertical tank in stainless steel AISI 304 having a capacity of 1,000 lt
- manual valve for mains water inlet
- heat exchanger in stainless steel for heating
- pneumatic valve for steam inlet
- steam trap
- group for temperature check and regulation
- probe for minimum safety level
- breather pipe for pressure discharge during the phase of detergent recovery overflow
- superior tight cover
- pump in stainless steel
- stub pipe for detergent inlet
- tube for level indication in acrylic glass

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 38

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

COMPRISES OF :

Screw compressor model BS 61 10 bar completely automatic. One stage fixed with air cooling and silenced.

TECHNICAL FEATURES

COMPRESSOR

- Air produced from the compressor measured at the radiator exit 5.25 m3/min
- Air produced from the screw measured according to ISO 1217 3 m3/min
- Working pressure 10 bar
- Absorbed power at charge from the compressor group 34.6 kW
- Absorbed power at empty from the compressor group 6.5 kW
- Cooling air flow 6200 m3/h

ELECTRIC MOTOR

- Motor power 37 kW
- Power required at the shaft 37 KW
- Voltage 230/400 V/50 Hz + N + T
- Specific / class IP 54/F
- Format B 3
- Speed 1500 rev/min

GENERAL INFORMATION

- Control type automatic type dual
- Oil quantity 35 litres
- Exit air temperature 7° C more than room temperature
- Noise level (standard) 74 dB(A) 1m
- Super-silenced 70 dB (A) 1m
- Sending connection G 1 1/2

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 39

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

Dimensions and weights

Length	1605 mm
Width	986 mm
Height	1382 mm
Net weight	740 kg
Shipping volume	4.2 m3

TECHNICAL FEATURES

Screw compressor with profile at high efficiency with oil injection transmission belt with tensor automatic device air suction filter with silencer and cyclone pre-room inlet valve and discharging pneumatic valve controlled by solenoid valve safety valve valve combined of minimum pressure and non-return proportioning of the against friction bearing for a long running life.

Execution and covering silenced compact unit assembled on a solid frame and on rubber pad against vibration silenced panels with insulation in oil proof glass fabric lateral and upper doors hinged for easy maintenance back doors completely moveable for perfect access to the inside elements re-lubrication system of the electric motor bearings working by out inter-changeable panel of pre-filtering materials for cooling and suction air cleaning the electric motor.

The compressor is insulated from the frame and from the covering by being against the vibration supports air ducts in rigid pipes protection grids for the transmission and belting for the cooling fan.

The machine is complete with internal connections ready to be used cooling and lubrication. Combined radiator in plate, air cooled, hinged and laterally removable for easy maintenance and cleaning.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 40

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

The radiator is divided into two parts:

- oil radiator designed to work under the conditions of room temperature up until + 40 C.

- Air radiator which allows the air to exit at a temperature of 6 C more than room temperature
(temperature limit conditions of the compressor:

3 C/40 C) cooling fan: directly spun on the electric motor shaft for an efficient ventilation (power 1.5 KW included in the power needed for the motor shaft) multi-function valve: thermostatic valve, by-pass and micrometric filter with interchangeable cartridge inserted in the main flow, integrated in a sole block.

Combined tank for oil storage and separation, CE type with multi stage oil separating cartridge (not separated oil: about 2-4 m²/m³) equipped with level pilot lights and real discharging valve with lubricant drainage tube.

Two quick couplings allow the real measure of the pressure difference relative to the separating cartridge. It is possible to change the oil with the machine off with the pressure drawing from another machine

Electric equipment :

- electric protection degree IP 54
- star delta starter for start without absorbing peak
- magnetic overload cut out assembled
- DUAL CONTROL for the automatic control of overload and control phases and for the optimization of the intermittent running with the possibility of recording the time running.
- relay of compressor final temperature control
- of the power absorbed from the electric motor
- of the rotation way and of the belt drive integrity

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 41

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

- overload contacts for running motor and running Machine /OK

Instruments panel with :

- sending Air Pressure Measure Manometer
- compressing final temperature thermometer
- general hour counter
- charge running hour counter
- start and stop switch
- emergency locking button
- Kaesar control

SAFETY SYSTEM

The safety system, assembled on the machine, controls main safety functions and assures the supervision for normal maintenance operation

The 9 functions signal the following positions

It indicates optically:

- green LED: machine ready for the running (stand-by)
- red LED: machine under voltage

It signals the following irregularities by stopping the compressor immediately (red LED)

- overcharge of the electric motor
- exceeding of the compressed maximum temperature accepted
- wrong direction of rotation, problem with the belts
- at disposal for all functions with automatic stop

It indicates optically the service state of the following components (yellow LED)

- clogging of the oil filter
- clogging of the cartridge which separates the oil
- clogging of the air filter

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 42

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

- anomalies indicator (red LED)
- at disposal

Compressed air dryer completely automatic model TD 61

The compressed air contains water and oil. A compressed air dryer reduces the temperature of the air itself before it enters into the distribution net keeping condensate and other particles which could precipitate in the plant

TECHNICAL FEATURES

The machine services surveyed according to DIN ISO 7183

capacity	:	6.20 m3/min
		referring to conditions + 20° C
		and 1 bar absolute
air inlet temperature	:	35° C
room temperature	:	25° C
air pressure	:	7 bar
fall	:	0.12 bar
outlet air temperature	:	25° C
real consumption	:	(included fans) 1.05 kW
dew point in pressure	:	+ 3° C
working maximum pressure	:	16 bar
room temperature	:	5 - 43° C min / max
electricity	:	230 V (10%) / 50 Hz
refrigerant	:	R 22
inlet/outlet connections	:	R 101/2

Dimensions and weight

- length	770 mm
- width	1115 mm
- height	1240 mm
- net weight	251 Kg

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 43

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

COMPRESSED AIR DRYER FULLY AUTOMATIC MODEL TD 61

The compressed air contains water and oil. A compressed air dryer reduces the temperature of the air itself before it enters the distribution net, keeping condensate and other particles which could precipitate in the plant.

TECHNICAL FEATURES

The machine services surveyed according to DIN ISO 7183
capacity : 6.20 m3/min
referring conditions - 20 C
and 1 bar absolute

air inlet temperature	:	35° C
room temperature	:	25° C
air pressure	:	7 bar
pressure fall	:	0.12 bar
outlet air temperature	:	25° C
real consumption	:	included fans 1.05 kW
dew point in pressure	:	+ 3° C
working maximum pressure	:	16 bar
room temperature min/max	:	5 / 43° C
requested voltage	:	monophase 230 V (10%) / 50 Hz
refrigerant	:	R 22
inlet/outlet connections	:	R 101/2

Dimensions and weight

- length	:	770 mm
- width	:	1115 mm
- height	:	1240 mm
- weight	:	251 Kg

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 44

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

RUNNING PRINCIPLES OF THE COMPRESSED AIR DRYER

The hot compressed air enters in a air/air exchanger where it is pre-cooled at the cost of the air already dried. Cool that goes out from the dryer then the same air then goes in an exchanger where it gives heat to the refrigerating system reaching the dew point temperature at the existing pressure. The stored condensate is divided from the air by the separation system assembled downstream. Water, oil and the contaminated agents are retained by the filtering element of the separator, filter system. The compressed air now dried and cool is heated in the exchanger and at the end goes out from the machine

COOLING CYCLE :

The refrigerating system is closed hermetically and equipped with actuating valve and evaporating gauge. The refrigerating gas is taken in from the frigorific compressor where it is compressed until the condensation in the air condensator with self-cleaning surfaces, without roughness and with aluminium finning, is released heat to the room air. In this way the refrigerating gas condensates the liquid that is sent again to the exchanger (compressed air-refrigerant). The refrigerant vaporised taking heat from the compressed air, and the cycle starts again. In case of partial load, a part of the refrigerant not condensated is sent to the compressor suction from a special by-pass valve. In this way the dew point is kept constant even when there is a change in the load conditions

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 45

**QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR**

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

**FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES**

**LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES**

SEPARATING SYSTEM

Filtration / separation system Centriflex easily accessible.
Constituted by nucleus with mechanic separation and filtering
elements divide water, oil and other particles until diameter
of 3 mm. The separated water, oil and other particles are
extracted by a snap-trap automatic control system

EQUIPMENT

Industrial covering for easy maintenance. Integral insulation
of all cool parts for the condensate formation prevention

Control panel

- starting and stopping switch
- pilot lamp for under voltage machine
- pilot lamp for high dew point
- evaporation pressure gauge

Supply limit

- electric gear case complete with feeding cable
- the dryer is complete with refrigerating and lubricating gas
- the dryer is ready to be connected to the compressed air and electric line

Maintenance

- the refrigerating system (sealed) does not require any maintenance
- maintenance is limited to the control of the condensate discharger and to the condensate radiator cleaning if necessary
- replacement of the filtering elements must be carried out with a frequency which depends on room pollution

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 46

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

Exclusion from the supply

- machine installation and start up
- connection with the compressed air net
- connection with the condensate lines

OTHER EQUIPMENT

Compressed air 1.500 lt vertical tank at the pressure of 12 bar

Equipment supplied with tank

- main pitch for tanks with m 1.400
- the safety valve is protected and suitable for external assembling, with homologation certificate ISPESL
- manometer wit red sign in correspondence with the max. pressure value of the tank sample cock manometer holder
- steam discharge cock with threaded connections

Overfacing treatment :

- sandblasted and with enamel paint anti-rust coat

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 47

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 01

FULLY INTEGRATED BLOW MOLDER, FILLER - CAPPER
TYPE GEROSA 3 WITH ACCESSORIES

LOW - MEDIUM PRESSOR AIR COMPRESSOR
FOR BOTTLING AND PACKAGING PLANT & OTHER SERVICES

STEAM GENERATING SET

Steam generator type Beta EC270 complete with gas oil burner,
softener, steam recovery tank and equipment

Constructive features :

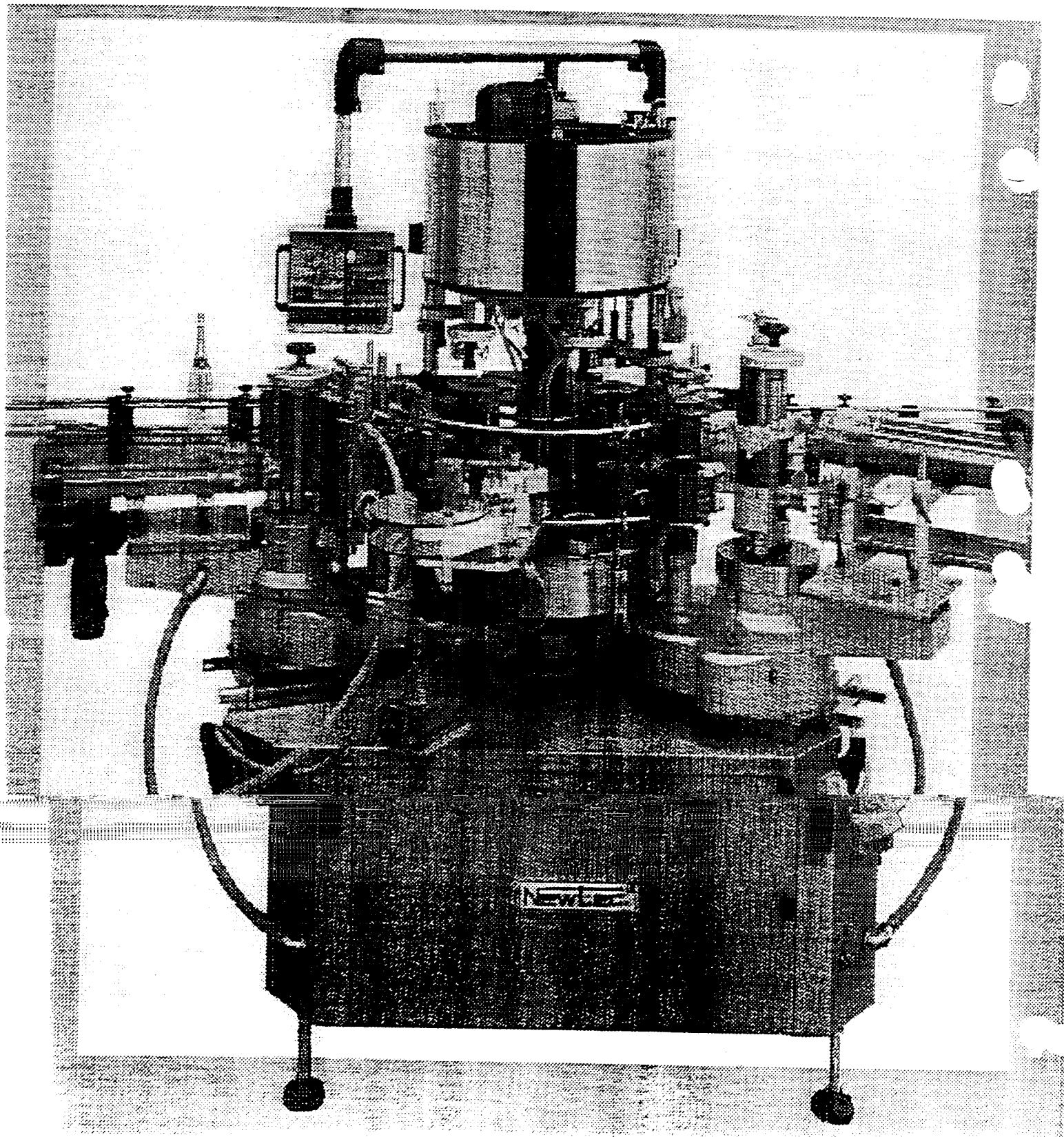
- vaporisation frame interstice type at water surface (so completely pipe less and without coil)
- steam flywheel increased by an expansion joint obtained at heat from a sole body without welding
- level regulator group with 4 feelers to allow three safety interventions safety group for lack of water composed by another feeler into shell drop separating system in order to guarantee the steam less humidity.
- possible construction in a unibloc pre-assembled in order to reduce assembling operations external covering by sheet-stainless steel

Technical data

length	:	1260 mm
width	:	760 mm
height without burner	:	1555 mm
testing pressure	:	4.5 atm
steam	:	270 kg/h

Autronic International PLC

NEWtec



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 48

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 02

FULLY AUTOMATED LINEAR LABELLING MACHINE
TYPE OXE - NEWTEC GAMMA FIX 285 / 4

The OXE - NEWTEC GAMMA labelling machine is a fully packaged, fully integrated, linear labelling machine for the high speed, continuous application of full wrapping and or body labels onto cylindrical plastic or glass bottles.

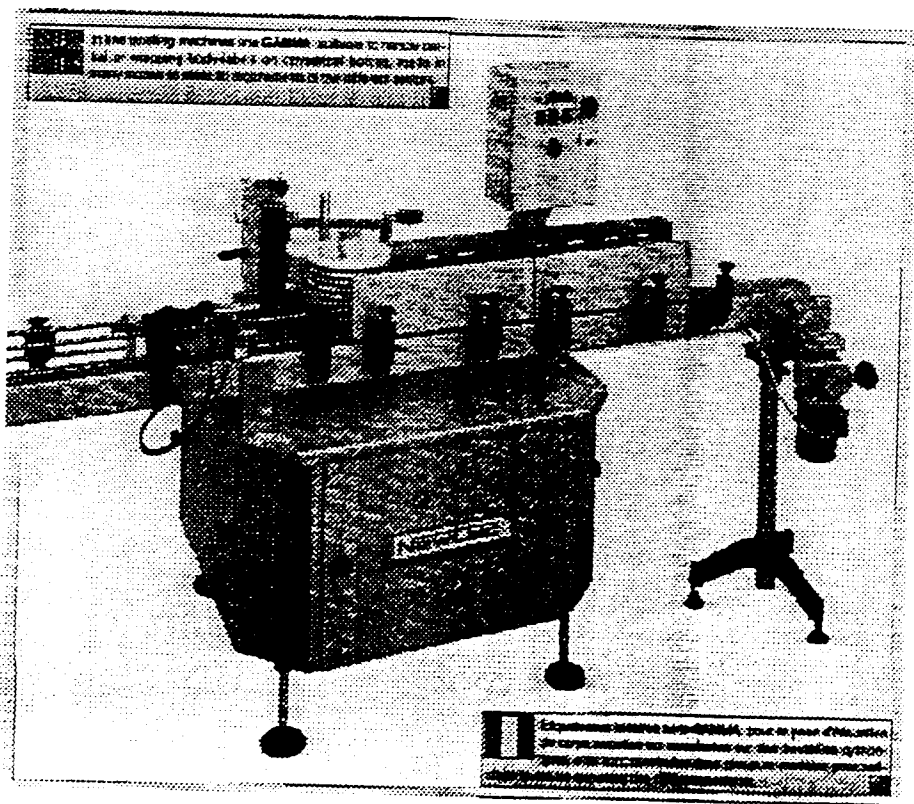
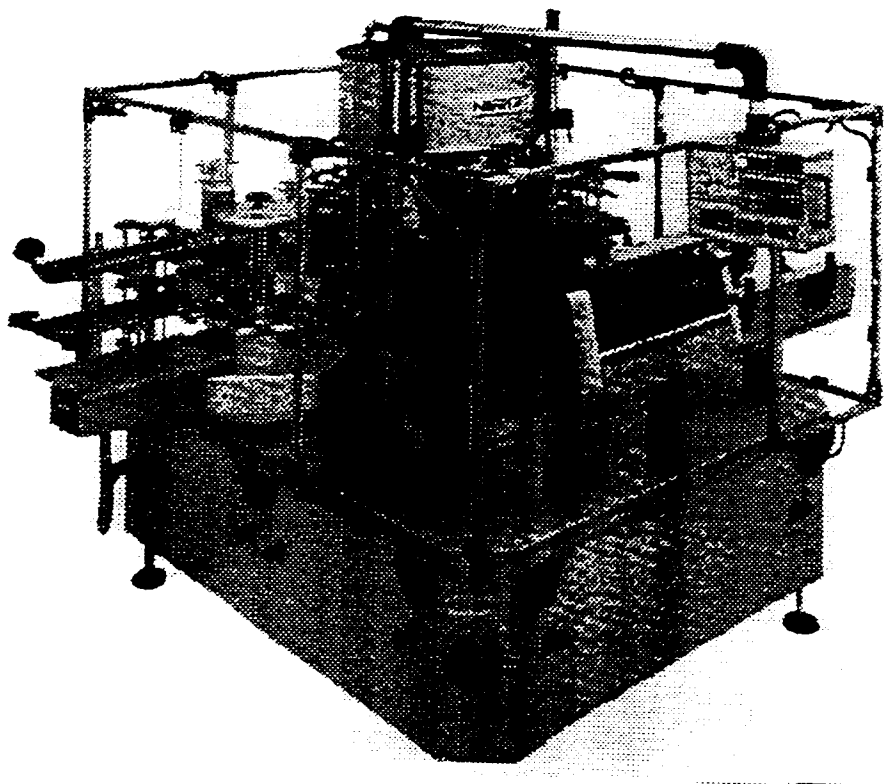
The machine is manufactured to the very highest specification and includes a complete compliment of automated features that allow the machine to effect a full function, self regulation to all labelling and bottle control functions.

The machine is offered with the following features :

- advanced **FIXED** label magazine instead of old floating type
 - fully automated glue adjustment
 - fully automatic glue wiping system for best bottle presentation.
 - label delivery is commanded and controlled by logic interface that allows photocell confirmation
 - the machine is complete with a fully automated, self regulating speed controller controlled electronically and fully programmable. The machine is able to calculate when bottles approach the machine and will automatically accelerate / decelerate strictly in line with the bottles flow. In the absence of bottles approaching the machine the labeller will stop.
- The machine is also able to detect down-stream conditions. If the conveyor becomes too full the machine will slow down and or stop but will automatically stop is the conveyor is full. The machine re-starts automatically when conditions allow.
- The machine will operate at 8000 bottles per hour continuously and can even accelerate to 9000 to clear a bag-log. In all circumstances, the superior speed of the labelling machine ensures that bottles are rapidly evacuated from the filling and capping zone

Autronic International PLC

NEWTEC



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 49

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 02

FULLY AUTOMATED LINEAR LABELLING MACHINE
TYPE OXE - NEWTEC GAMMA FIX 285 / 4

- To ensure total infeed stability the labeller is complete with a double layer scroll feeder. This controls the bottles at 2 levels and ensures that transfer to the label application station is always perfectly stable.
- The machine is also complete with a self diagnostic auto checker which will identify problem areas as assistance to the supervisor (though the machine normally does not require an operator). An illuminated display is included.
- For additional operation control and to avoid the need for a permanent supervision, the machine is complete with an audible and visual alarm system.

GENERAL

Fully automatic and fully packaged labelling system to apply a rectangular label onto cylindrical container, glass or plastic.

The operation of the machine is of the linear principle. The bottles are fed into the machine via a special infeed scroll which is driven by the labelling machine to ensure perfect synchronisation throughout the speed range of the machine and to ensure perfect spacing and timing with the "pick up" pallets which takes the label from the magazine and transfers it onto the bottle. The unit is driven from a single power source thus ensuring perfect synchronisation of all elements.

It is supplied complete with pneumatic glue pump, glue heater and no bottle no label device.

The special section of conveyor which serves the labelling machine, is fitted with a variable speed drive thus enabling the conveyor to be synchronised to the labelling machine operation.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 50

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 02

FULLY AUTOMATED LINEAR LABELLING MACHINE
TYPE OXE - NEWTEC GAMMA FIX 285 / 4

The machine is supplied with a discharge sensor to detect any down line bottle blockage, in which case the machine will stop thus preventing bottles from backing into the machine whilst labeller in operation.

The machine is supplied with a comprehensive control panel which is prewired and fully tested prior to despatch and incorporates full safety and cut out features.

The machine is fully capable of applying labels at 80000 bottles per hour, and is equipped to apply wrap around labels but can additionally be supplied with parts for body labels.

The machine is equipped with a fully integrated and packed label coding - printing system. The printer will apply the sell by date and or product code to the label prior to labelling. The application system is fully automatic and the message code is easily changed.

FEATURES

- sides and top of machine stainless steel clad.
- labelling station equipped with mechanical hook drum for label pick up.
- Pneumatic glue distribution by automatic recycle pump.
- Glue applied to complete surface of label.
- Synchronised conveyor.
- Capable of up to 8000 bottles per hour, max 9000
- Integrated and fully packaged label coding - printing system
- Integral conveyor - shaft driven

Guarding is to EEC regulations and safety, logic inter-locked with illuminated display

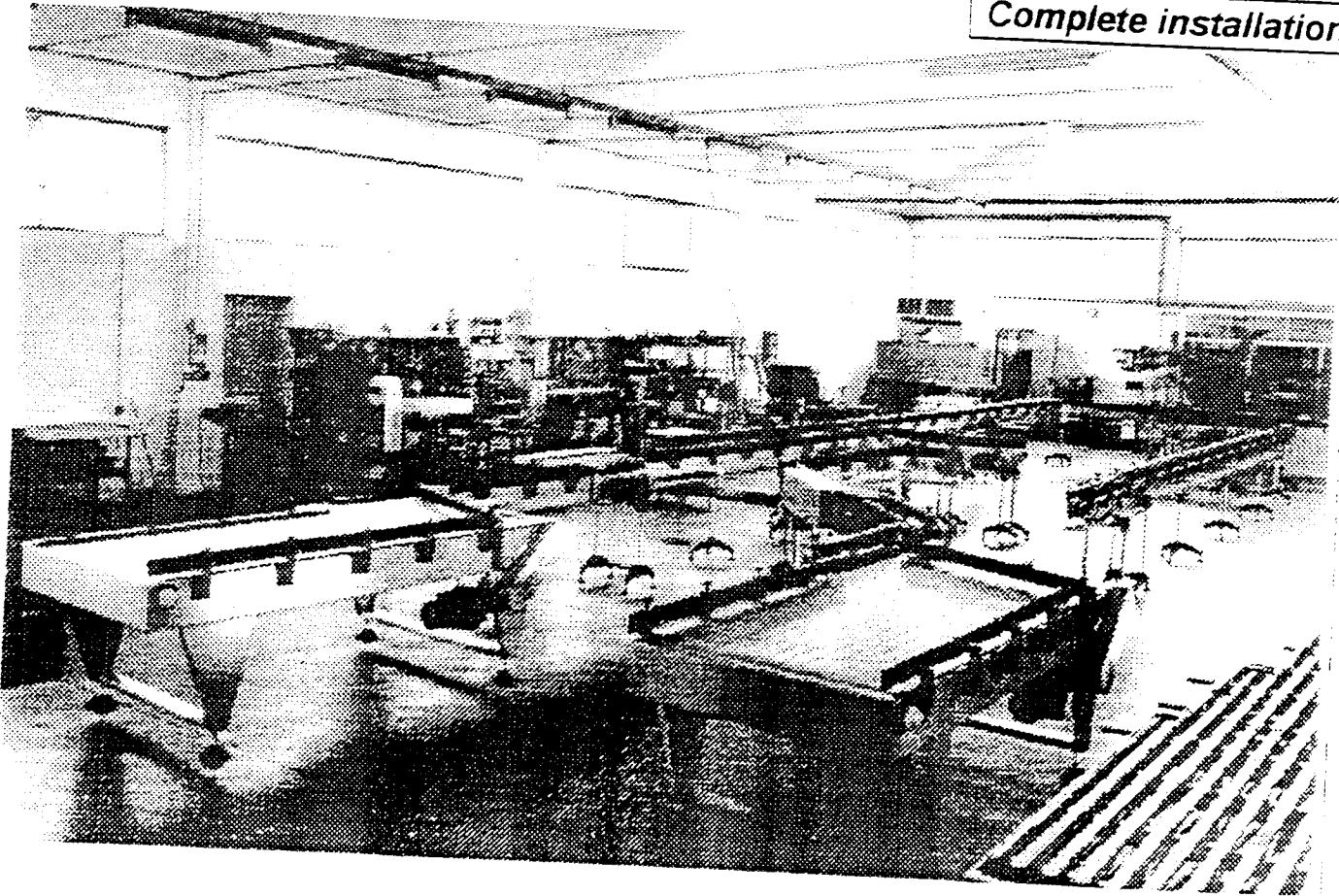
Autronic International PLC

AUTRONIC CONVEYORS



Linear and flex curve section

Complete installation



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 51

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 03

FULLY PACKAGED STAINLESS STEEL BOTTLE CONVEYOR SYSTEM TYPE AUTRONIC CBF INOX

The bottle conveyor system is designed and engineered to ensure the smooth and efficient transportation of bottles from the discharge of the capping section to the feeding chain which is an integral part of the automated shrink wrapping machine.

CONSTRUCTIONAL FEATURES.

All conveyor frames are manufactured in stainless steel with stainless steel height adjustable supports mounted on plastic tripod feet. All with stainless steel drip trays.

All sections are complete with drive motors, idle head and return, fully adjustable guide rails with plastic faced wearing strip. Sections after the labelling machine are complete with conveyor guide, adjustable in two planes for label protection.

All sections are also complete with an integral lubrication system comprising of a slat lubrication bath. The bath itself is complete on single track sections with a hinged end and a stainless steel clamp bracket. This enables the bath to be easily emptied and replenished. Multi-track sections are complete with a lubrication bath, but because of the weight of liquid a drain tap is included for emptying.

All sections are also complete with special chain tensioning rollers with stainless steel adjustment brackets. This enables the chain to be perfectly tensioned in case of chain stretch and avoids the completely the need for removing individual links to retain slat tension.

The slat chain is low friction acetate for best use with PET bottles and full section runs and return are included.

The drive motors have mechanically variable speed drives to allow the synchronisation of conveyors with the machines.

Standard conveyor fitments are MARBET type.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 52

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 03

FULLY PACKAGED STAINLESS STEEL BOTTLE CONVEYOR SYSTEM TYPE AUTRONIC CBF INOX

It should be well noted that no additional conveyors are required from the discharge of the blow moulder to the completion of the capping machine function. Till this point the bottles are always under positive control.

CONVEYOR SECTIONS

- A) The section feeding from the capping machine element is a straight section linear 3 meter section, complete with all accessories.
- B) At the end of section A) the bottles enter a cross over junction for automatic transfer to section C). The cross over junction is complete with guarded and protected guide rails.
- C) This section is a single track, BI-PLANAR, that is curved section of 5 meters length complete with flex chain and curved conveyor frame to suit. This section feeds to and through the labelling machine and is to be driven by the labelling machine for a permanent synchronisation. On the discharge from the labelling machine label protection guides are incorporated. This section is complete with lubrication bath and tensioning rollers.
- D) At the end of section C) the bottles enter a cross over junction for automatic transfer to section D). The cross over junction is complete with guarded and protected guide rails.
- E) The final section is a multi-track section for linear feed to the automated shrink wrapping group. This section comprises of 4 track acetate chain mounted on a stainless steel frame of 5 meters length. This allows for the bulk accumulation of bottles ready for the on demand feeding of the shrink wrapping group. This section also has a slat lubrication bath, stainless steel drip tray, protected side guides, chain tensioning rollers.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 53

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

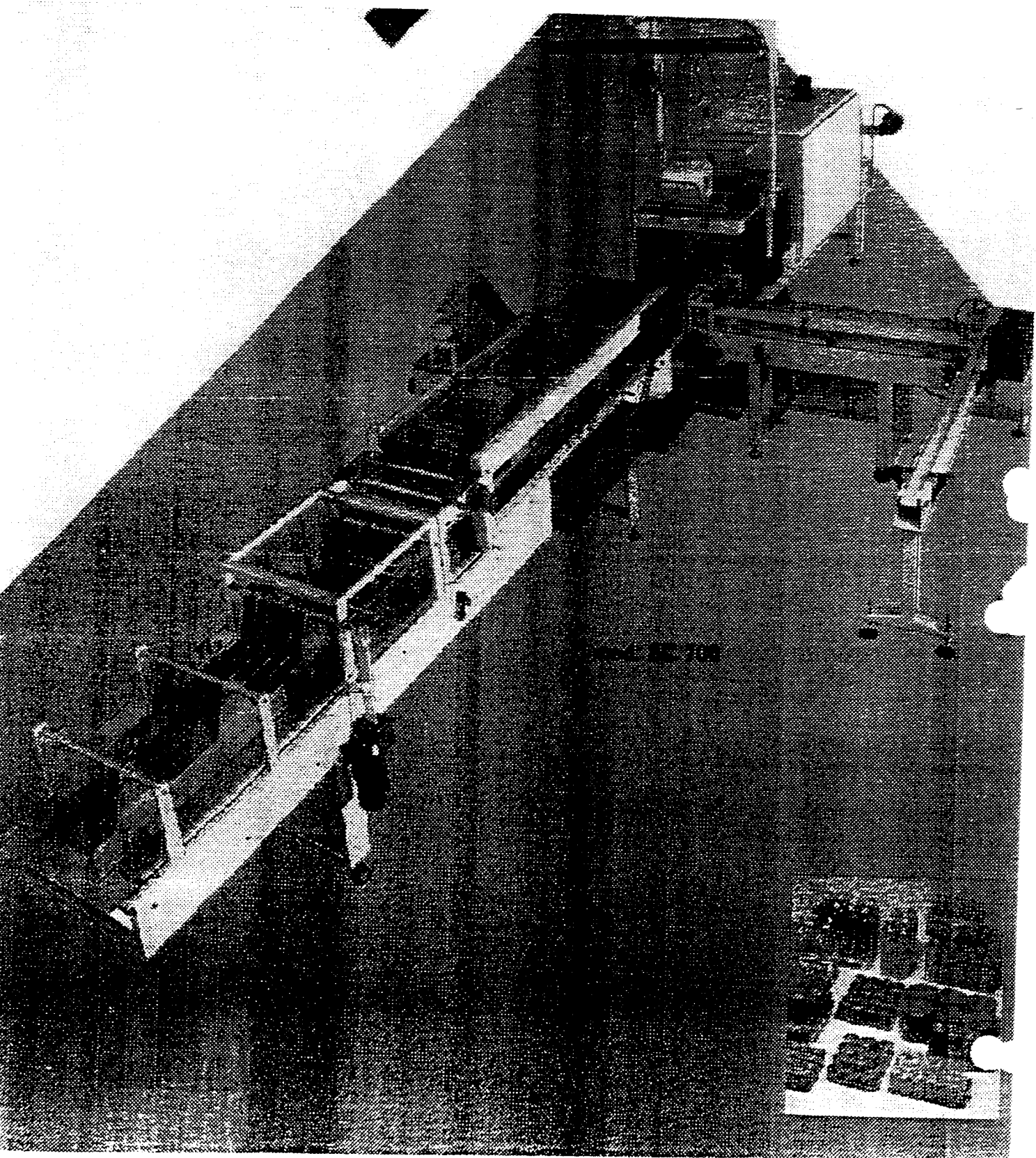
PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 03

FULLY PACKAGED STAINLESS STEEL BOTTLE CONVEYOR SYSTEM
TYPE AUTRONIC CBF INOX

CONVEYOR SUMMARY OF FEATURES

- all stainless steel frame and supports
- height adjustable feet
- stainless steel drip trays
- integral lubrication system by immersion bath
- all single slot sections baths with clamped and hinged
- multi track baths with drain ports
- mounted drive motors, mechanically variable speed drive
- label protection zones by 2 plane adjustment
- MARBET type fitments
- drives with full over-load protection
- acetate conveyor chain



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 54

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 04

FULLY AUTOMATED TRAY ERECTOR, LOADER, SHRINK WRAPPER
TYPE GRAMEGNA BDX 700X

A complete and fully packaged system for the end of line packaging of PET and glass bottles by shrink wrapped groups with cardboard trays. Machine can be supplied to handle in 6 x 4 formation and 4 x 3 as specified but can also handle 3 x 2 or other arrangements as required.

The complete line comprises of the following elements :

- infeed accumulation and organising section
 - automatic tray erection (hot melt)
 - automatic tray or board transfer and loading with cans
 - automatic wrapping of loaded tray or board
 - automatic shrink tunnel.
 - discharge roller conveyor
 - central control panel with electronic centralised control
- The machine is capable of packing up to 25 packs per minute.

The trays are formed in the tray forming unit, type RQ. This unit comprises of a hot melt (Nordser) gluing unit, an automatic flat tray dispensing magazine, adjustable to also handle flat board, tray drawing system via an integral vacuum pump and vacuum head which positions the the drawn tray into the forming mandril.

The tray forming unit is complete with transfer gluing system, vertical forming, all arranged for the making of trays with an edge to 50 mm. The system is complete with electrical, vacuum and pneumatic systems, safety devices, illuminated diagnostic display and acoustic alarm in case of tray / board shortage. The formed tray is automatically transferred by an integral belt conveyor to the can loading section. This belt conveyor also acts as a tray / board reservoir.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 55

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 04

FULLY AUTOMATED TRAY ERECTOR, LOADER, SHRINK WRAPPER TYPE GRAMEGNA BDX 700X

The CHAMPION module is the combined loading, wrapping and thermic system. Through the central SIEMENS Plc system the formed tray is automatically drawn into the loading section. The tray feeding belt acting as an intermediate tray / board reservoir. The bottles are released in blocks from the collation unit, the blocks corresponding to the required pack formation. Tray / board feeding and loading is a synchronous operation.

The grouped bottles are brought forward over a hinged dead-plate and the tray is indexed in precise synchronisation so that the cans are loaded into the tray in a smooth and stable, indexed movement. Compression guides act to stabilise the loaded tray edges as the tray then moves forward or the outer can rows as the loaded board is indexed forward.

The loaded tray / board is then automatically advanced to the wrapping section via a belt, 2100 mm in length.

The BDX F group comprises of the feeding unit type BS. The feeding unit receives the bottles from the preceding multi-track conveyor. The feeding unit forms the bottles into the correct formation pattern ready for transfer to the wrapping unit.

The feeding unit includes: multi-track conveyor belts made of thermoplastic resin, a vibratory unit at the entry for facilitating the canalisation of the bottles. Pneumatic devices for the separation of bottles assists in the grouping function ready for tray loading of the prepared groups. Included is a safety clutch, over flow control and photocell supervision of the grouped bottles. The grouped cans are then automatically advanced via a synchronised belt through the automatic wrapping unit.

The belt feeder allows the grouped bottles to be securely transported without any change in feeding level to and through the wrapping section.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 56

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 04

FULLY AUTOMATED TRAY ERECTOR, LOADER, SHRINK WRAPPER
TYPE GRAMEGNA BDX 700X

It should be well noted that a version of the system is available which will allow the machine to work with and without trays. Perfect pack stability is assured even without trays.

By a change on the program and with out any lengthy intervention the machine can be switched from tray to trayless - trayless to tray operation.

The wrapping module is the combined wrapping and thermic system. Through the central SIEMENS Plc system the formed group of bottles is automatically drawn into the loading section.

The bottles are released in blocks from the collation unit, the blocks corresponding to the required pack formation.

The bottle groups then automatically advanced to the wrapping section via a belt, now 2100 mm in length. The belt is driven by a DC motor. Normally one reel is mounted on a lower positioned chariot and an upper reel mounted on a higher positioned chariot.

Both reels are mounted on extractable chariots for ease of reloading. No reel hoist is now required. An acoustic and visual alarm warns of low reel level.

The film cutting and sealing bars are 700 mm wide and fully protected with a thermal and operational safety system. The loaded tray / board passes through upper and lower trailing films and is entirely wrapped. The cutting and sealing bar cuts and seals the edges and the welding bar welds the two films together. As the welding bar welds through entire surface of the film, printed film can be used without difficulty.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 57

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 04

FULLY AUTOMATED TRAY ERECTOR, LOADER, SHRINK WRAPPER TYPE GRAMEGNA BDX 700X

The wrapped group of bottles is then automatically advanced to the thermic tunnel by a stainless steel mesh conveyor belt driven via motor variator with reducer. The thermic tunnel has a comprehensive system for heat displacement and thermostatic control. Heat displacement is controlled and distributed by driven fans. The film is shrunk to a tight and secure outer wrapping. The tunnel temperature is electronically maintained and adjustable.

The machine is supplied with one set of bottle handling parts but change parts for different diameters of bottles / formations can be supplied as required.

The complete operation of the machine is controlled from a central control cubicle which commands all machine operations.

A diagnostic display is included as is an LED read out of function and operation.

SPECIFIC DATA

Machine overall length : 10110 mm

Machine overall width : 3250 mm, including room
for reel chariot.

Machine height : 2040 mm

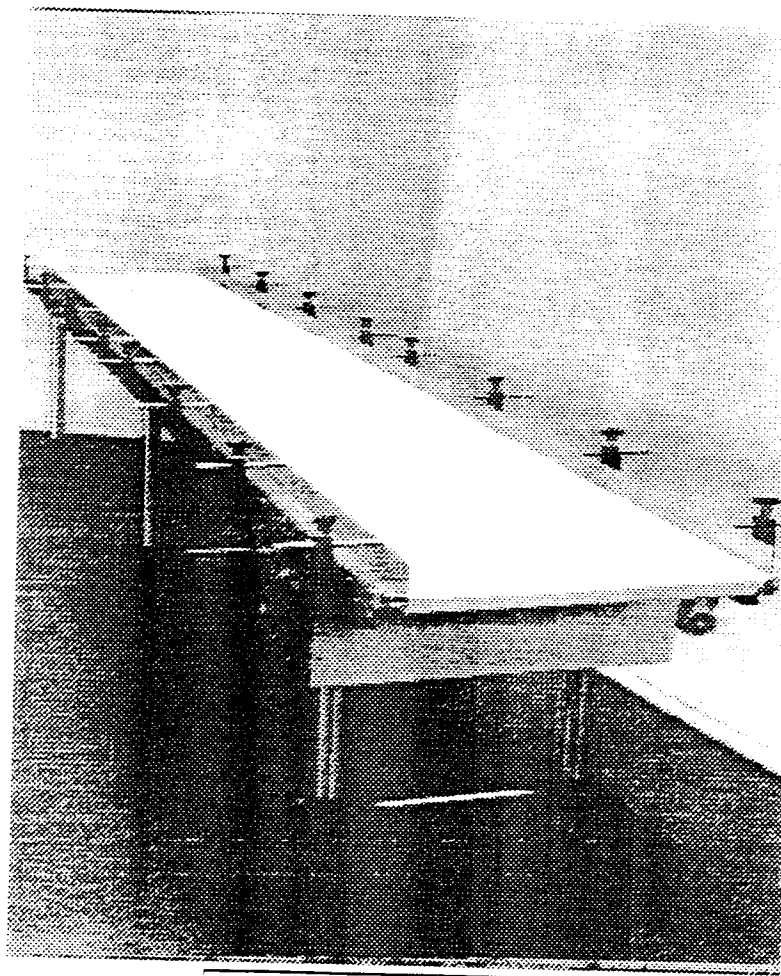
Electrical consumption : 40 Kw

Air consumption : 22 Nl per cycle

Electrical connection : 16 mmq cable

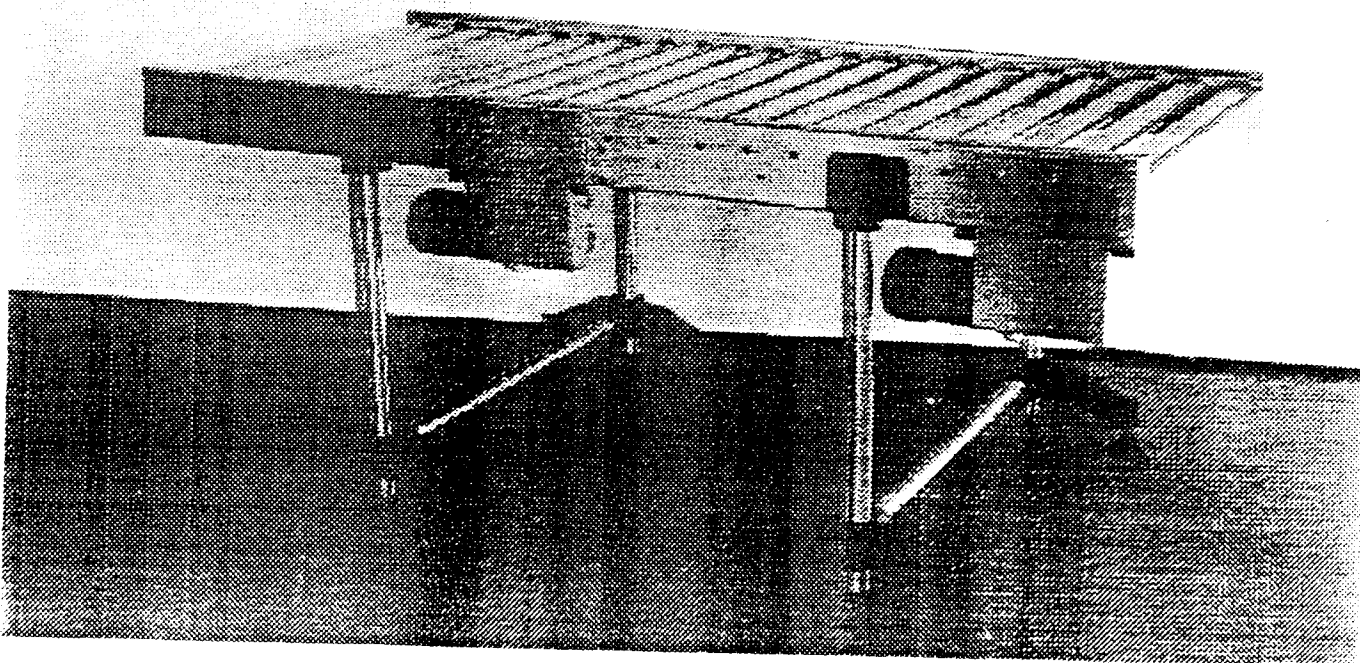
Autronic International PLC

AUTRONIC CONVEYORS



Belt feeder for packs

Motorised rollers for packs and pallets



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 58

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 05

MOTORISED SHRINK WRAP PACK CONVEYOR TYPE AUTRONIC CBF-INOX-R

The shrink wrap pack conveyors are designed to convey the ready tray erected, loaded and wrapped packs from the shrink wrapper to the infeed of the palletising machine.

The conveyors are mounted in front of discharge conveyor of the shrink wrapper and connect directly to the discharge GRC section.

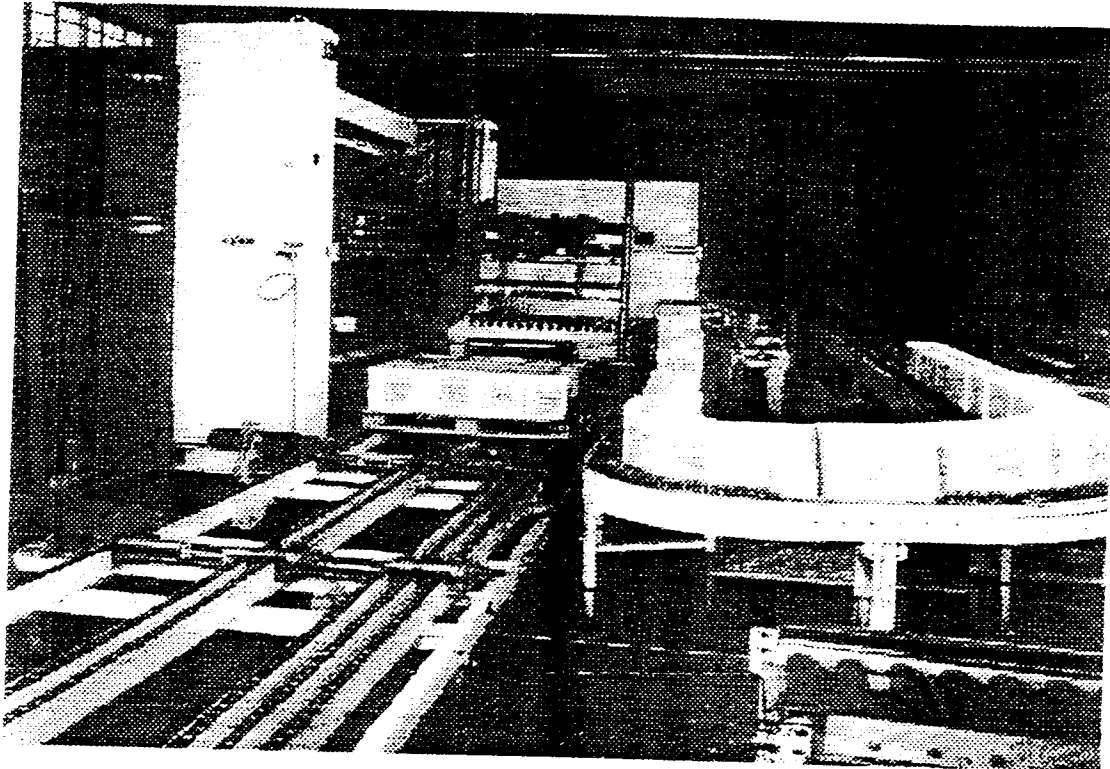
This section comprises of 4 meters of combination GRC and motorised variable speed drives.

The rollers are long life, close pitch rollers, with sealed fully lubricated bearings and require virtually no maintenance.

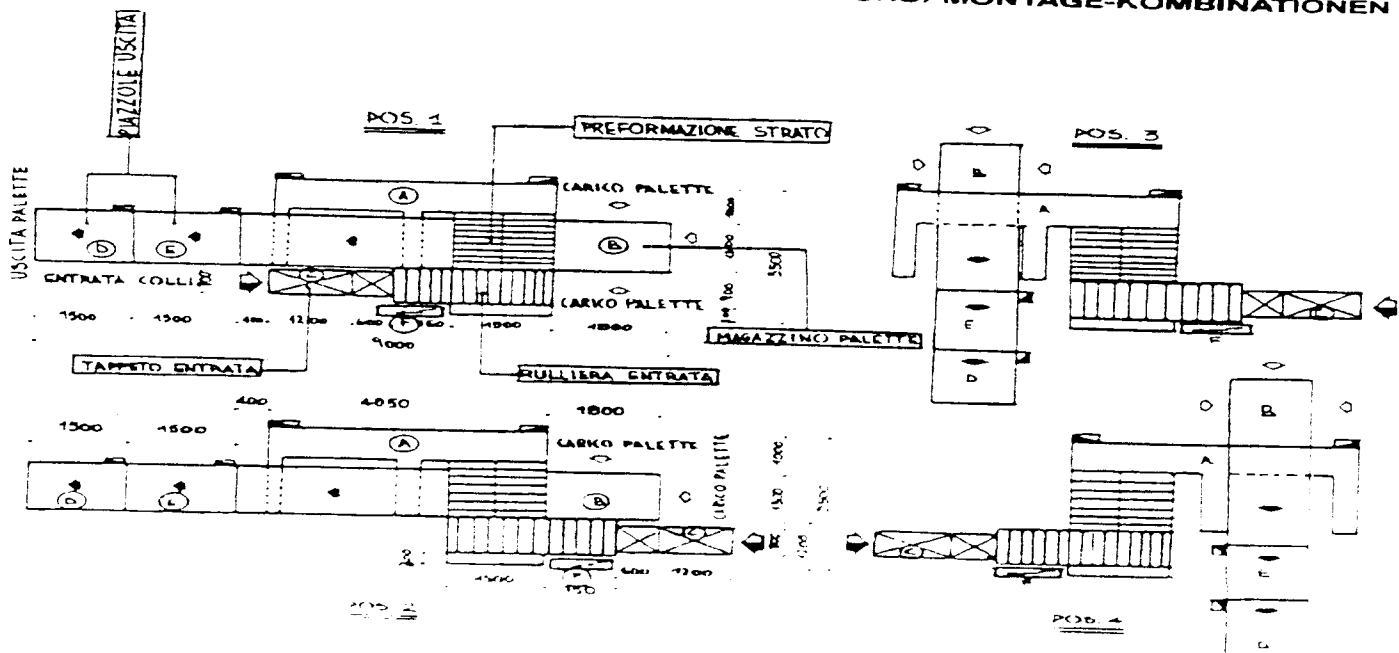
The conveyors are mounted on adjustable, telescopic feet for ease of levelling.

The conveyor section feeds the wrapped packs directly into the reception bay of the palletising machine.

All drive motors are fully tropicalised and with over-load protection with guarded motors and anti-personell protection.

[illegible]

32



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 59

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 06

AUTOMATIC PALLETISING MACHINE
MODEL OMA GH 1002 BP

The GH 1002 BP, is a low level, fully packaged, automatic palletising machine commanded by a central programmable PLC, for the completely handling of shrink wrapped packs or carton boxes.

The machine has a fully variable speed drive and fully auto velocity response.

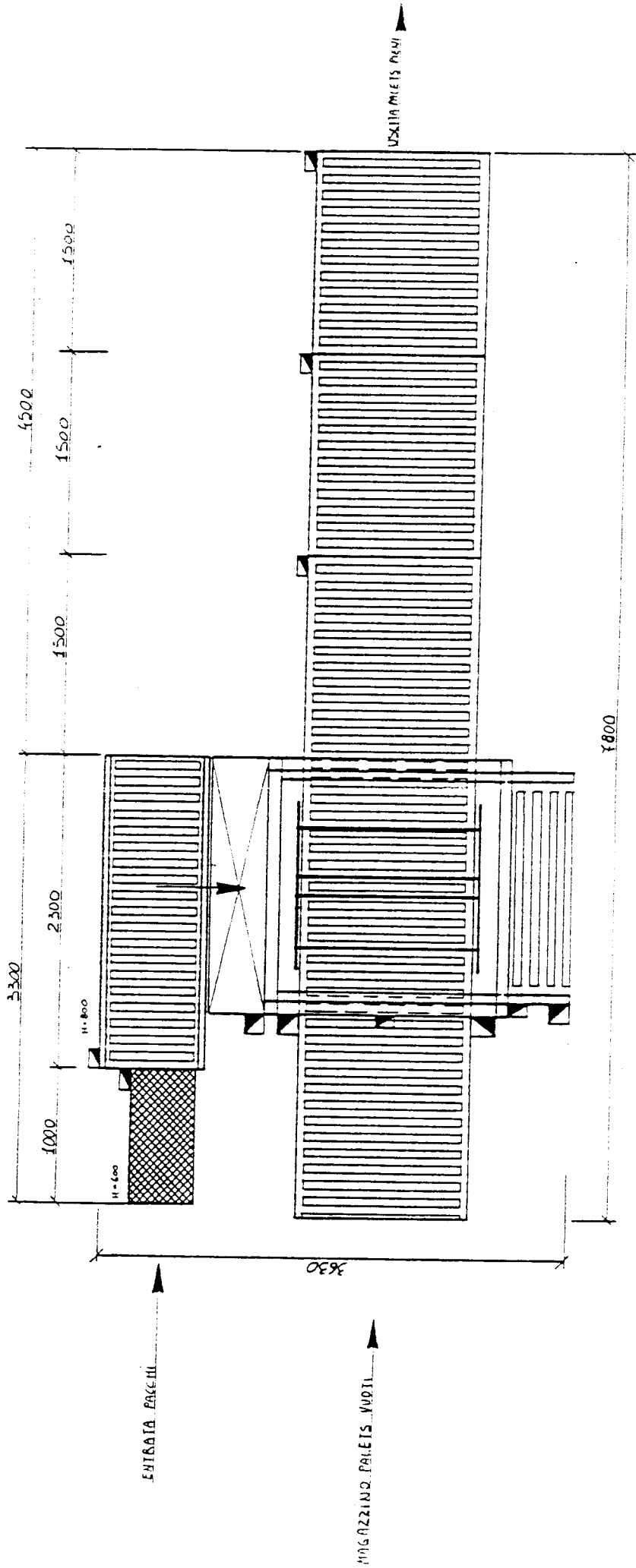
The plant comprises of :

- a sturdy, heavy gauge carbon steel, anti-rust treated, painted steel frame.
- pallet dispensing magazine
- palletising section
- mobile transfer plate
- pack organising system
- Central control panel with SIEMENS PLC programmable processor.
- pallet conveyor system
- motorised pallet conveyor section
- GRC infeed - discharge pallet conveyor section

The machine as supplied is suitable for handling a range of bottle packages with various dimensions and in various pallet formats, regular or irregular and to layer numbers as required. The palletiser comprises of the following systems :-

GRUPPO		MODELLO		PESO Kg	
VILLA FRANCA (VERONA)		SCALA 1:30			
PARTICOLARE		MODIFICHE			
MAT. STATO					
PEZZI TRATTAM.					
BEZIONE		LUNGH.			
DIS. FUL VIO					
NIS					
DATA 10/05/87					

Autronic Developments Limited
 AUTRONIC DEVELOPMENTS LIMITED
 331, Muswell Hill Broadway,
 London N10 3JP — England
 Tel: 01 444 2352 444 7166
 Fax: 01 444 2394 Tx 295441
 EXCLUSIVE INTERNATIONAL DISTRIBUTORS



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 60

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 06

AUTOMATIC PALLETISING MACHINE MODEL OMA GH 1002 BP

- carton preparation devices at low level - stage carton preparation with transfer according to the required configuration with continuous gentle motion - automated mobile transfer head for layer movement - automated devices for perfect layer formation per program - auto level sensors - fully integrated SIEMENS PLC

OPERATION

Pallets are fork lift truck loaded onto the infeed pallet section and under operator control are pushed to the motorised pallet conveyor section. Pallet dispense is operated on an on demand cycle.

The pallet magazine will house up to 10 pallets and includes an automatic visual and subsequent audible alarm system to advice of approaching pallets lack.

Packs ingress via a pack conveyor system to a point parallel to the palletising station. A series of transfer and orientating devices pre-organised the correct format of pallets.

A centring device finally established the correct pallet formation. the pack formation can be regular or irregular with a different pack formation on different pack layers. Pack formation is effected by motorised rollers and orientating devices. It should be noted that the palletiser is of the low level type, therefore the top layer of the foreseen loaded pallet is established first and is elevated via the palletising lift mechanism. A moveable plate holds the established layer(s) firmly and securely in position whilst the subsequent layer is formed.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 61

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 06

AUTOMATIC PALLETISING MACHINE
MODEL OMA GH 1002 BP

The machine is fully automatic in cycle and sequence and includes automatic height regulation for each upwards motion of the pallet layer lifting devices.

After a formed layer has been elevated, a subsequent group of packs is organised on the organising table, then following layer pad insertion this layer is also elevated to allow the subsequent layer to be effected.

When according to the programmed pallet format, the completed pallet is ready for discharge, the pallet automatically advances on the pallet conveyor section.

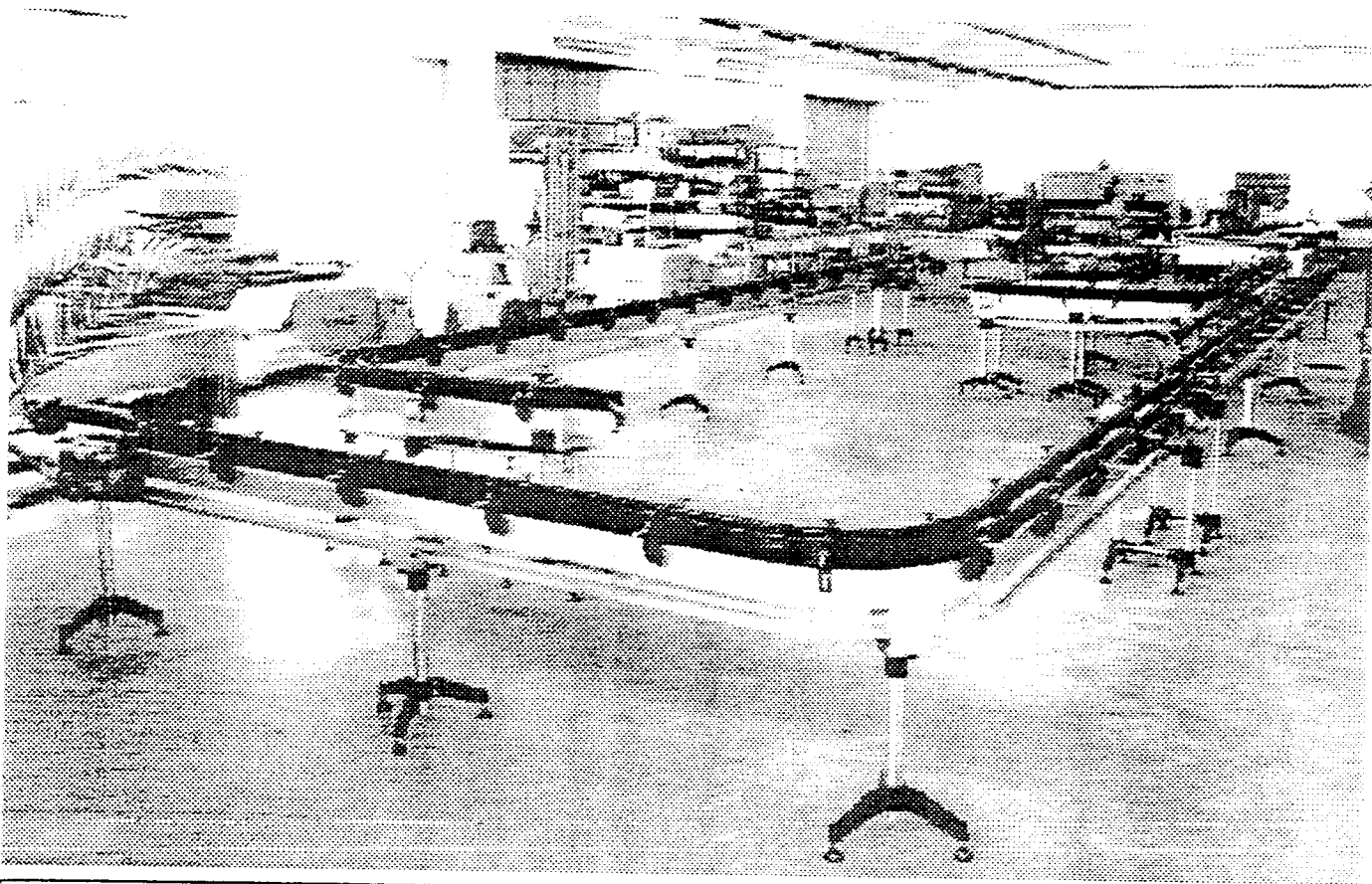
The loaded pallet conveyor is an integral part of the operating system and automatically to the GRC section for transfer to the automatic pallet wrapper.

The motorised pallet conveyor section comprises of fully motorised pallet conveyor, duplex chain type, complete with logic system so that the complete assembly operates as a unitised group.

The palletiser is capable of up to a maximum of 12000 bottles per hour

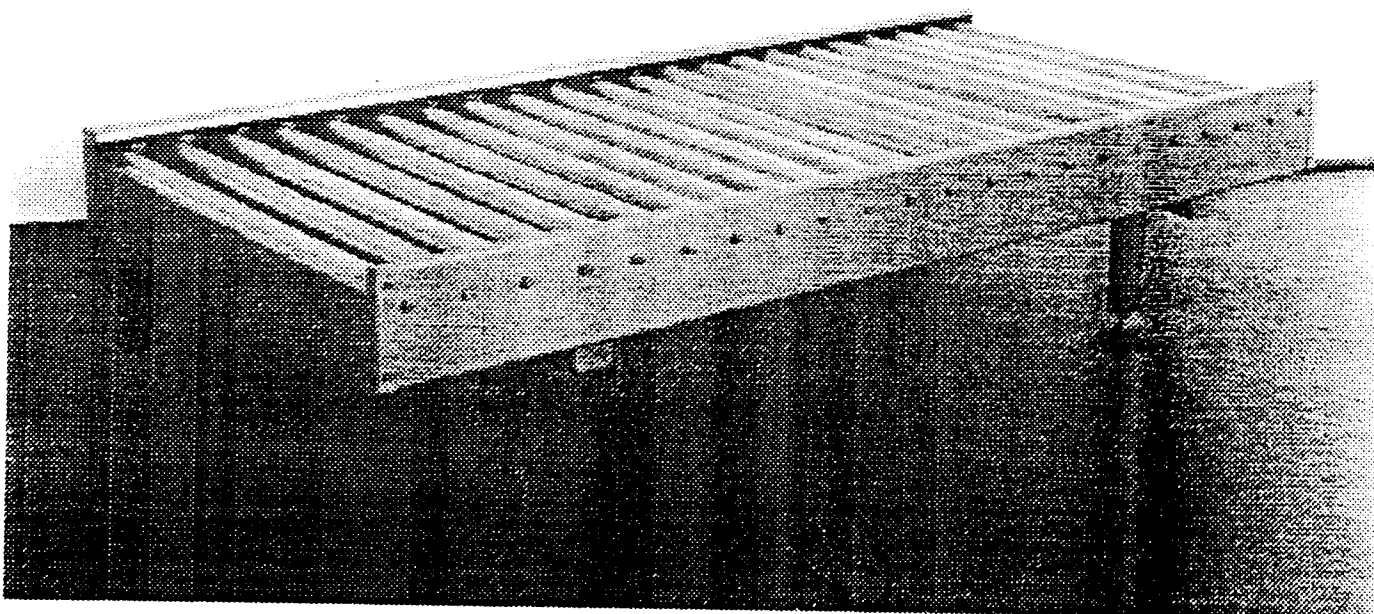
Autronic International PLC

AUTRONIC CONVEYORS



*Conveyors with stainless steel drip trays ,
stainless steel stands and variable drives*

Pallet conveyor



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 62

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 07

LOADED PALLET CONVEYOR TYPE AUTRONIC CBF-MV

The loaded pallets are transferred on a fully motorised section of conveyor to the automatic pallet wrapper.

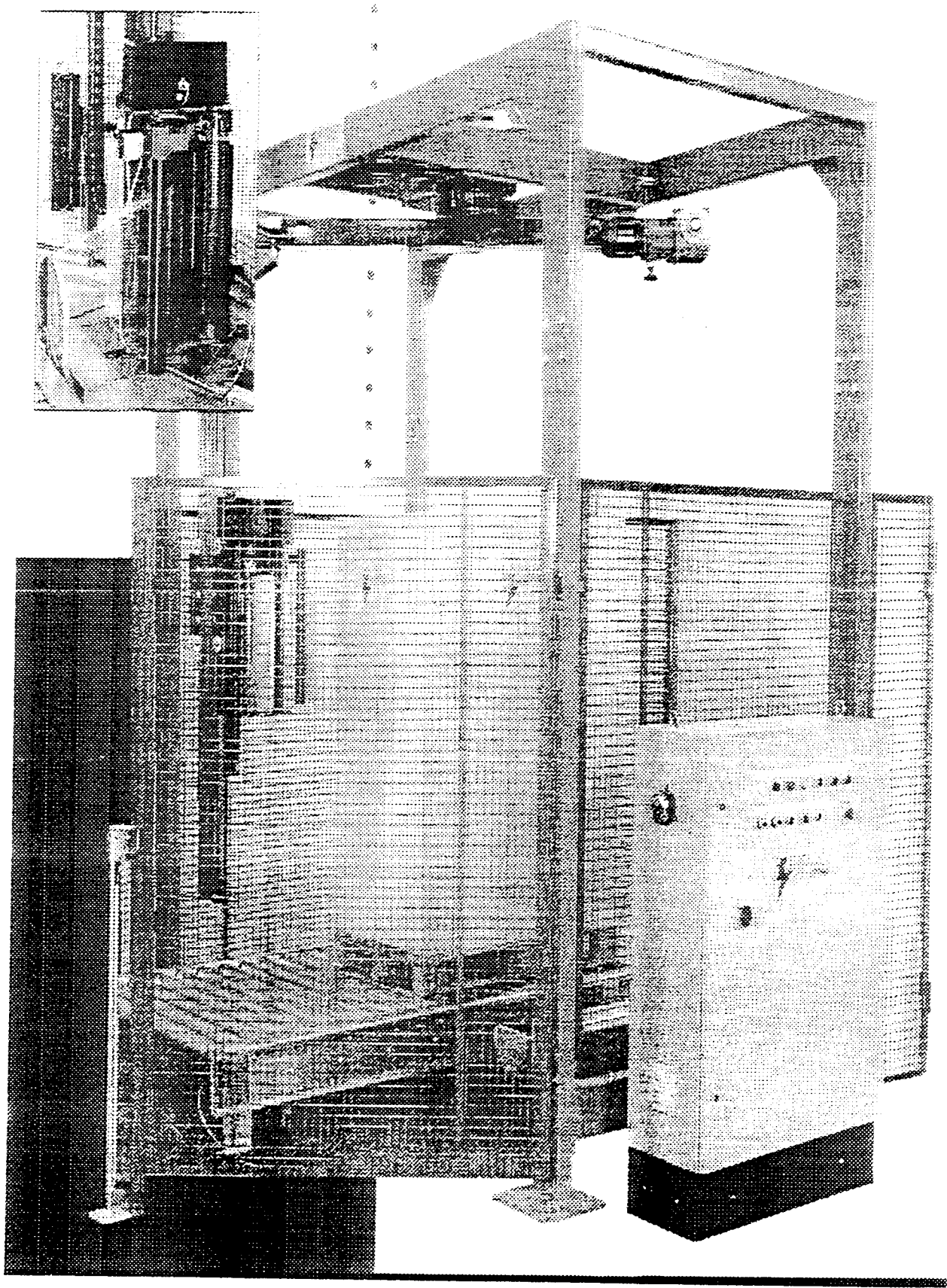
The pallet conveyor comprises of the following elements :

- stainless steel frame
- driven self lubricating rollers
- automatic sensing devices for the automatic stop - start of the conveyor in line with the demand cycle of the pallet wrapper.
- fully protected motors, variable speed drive
- side protection screens, anti accident
- complete interface with palletiser and pallet wrapper.

This fully integrated system allows the automatic discharge of the loaded pallet, automatic transfer to the pallet wrapper, automatic infeed to pallet wrapper, pallet wrapping and automatic discharge onto the final GRC section

Autronic International PLC

HELIX HS30
AUTOMATED PALLET WRAPPER



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son.
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 63

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING. FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 08

AUTOMATIC PALLET WRAPPING MACHINE TYPE HELIX HS 30

The pallet wrapper is a fully programmable unit, complete with automatic infeed and automatic discharge on completion of operation.

A pre-tensioning device ensures the most economic use of film whilst the machine can be programmed for single, double and or over-wrap programme. The machine is complete with an automatic sealing device for securing the final trailing edge of the film.

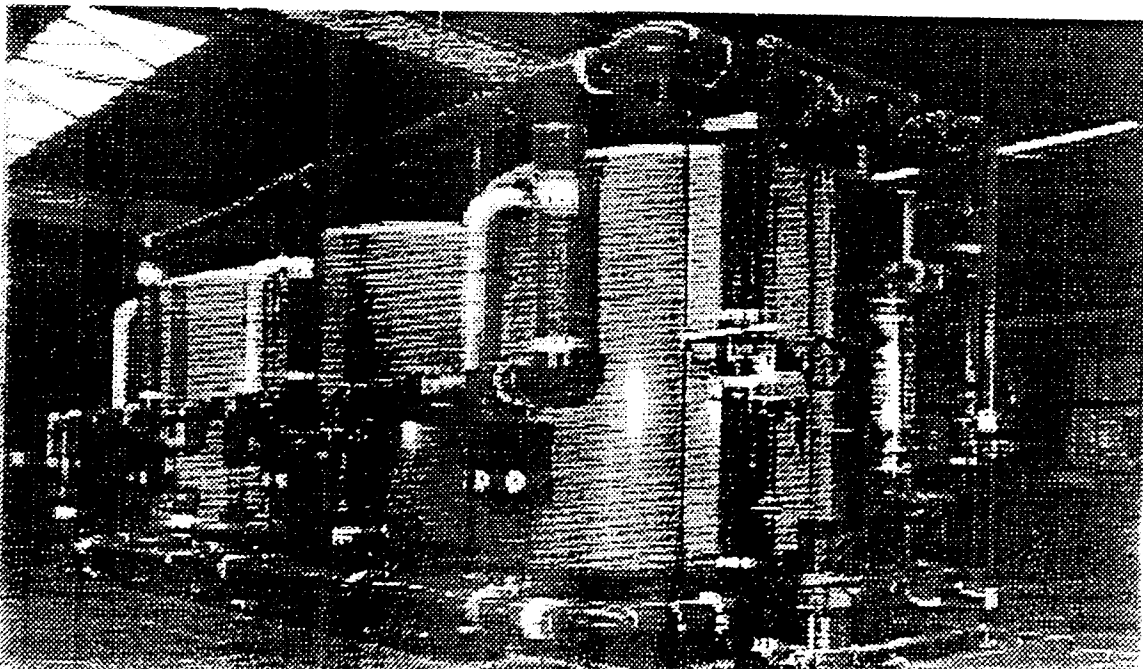
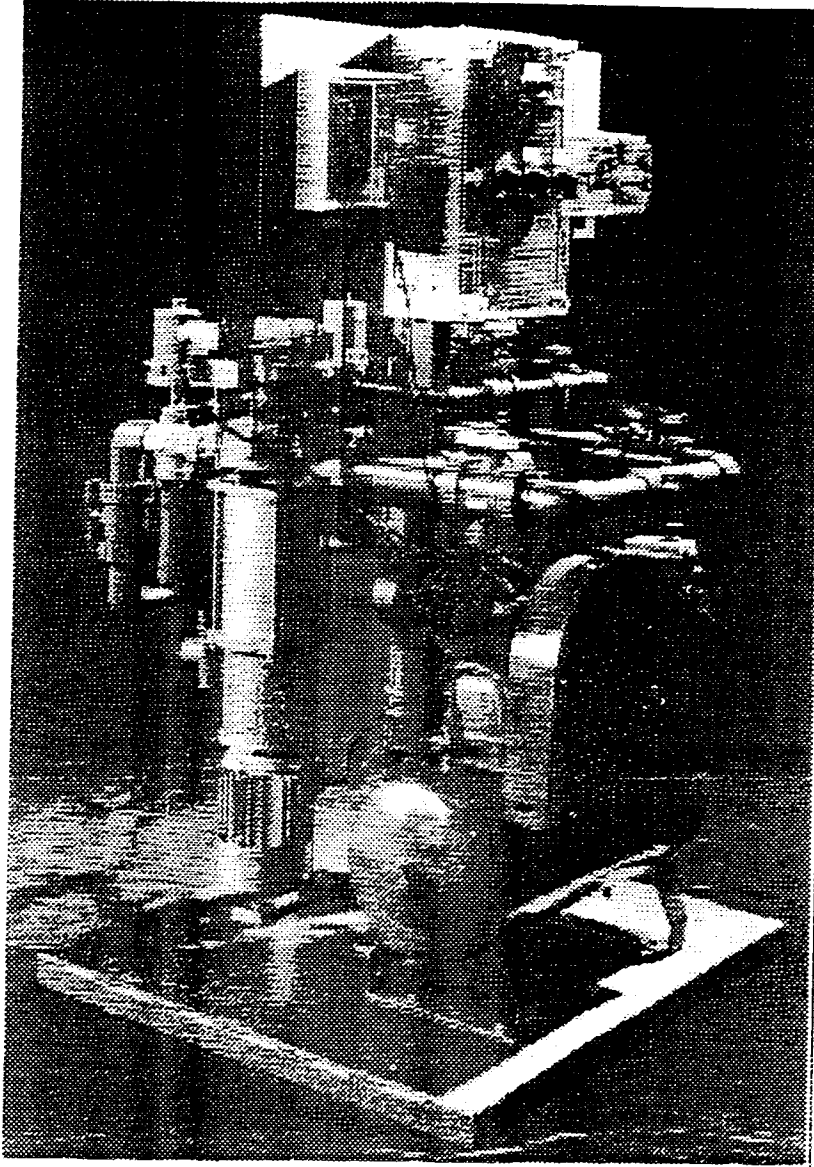
The loaded, ready pallet automatically ingresses into the pallet wrapper and automatically arrives and stops on the turn-plate. A series of sensors detects and commands the loading operation. When the machine has self detected the presence of the pallet the fully automatic operation commences.

- The features of the pallet wrapper include :
- rotary arm configuration
- automatic film clamping
- power pre-stretch for minimum film use
- full personnel protection including circumferential / lateral fencing guards, light / visual guarding
- SCPS self controlled constant power stretch
- micro-processor control of the frequency inverter for a fully programmable control
- graduated speed control with soft start and soft stop
- sequenced discharge onto final GRC conveyor.

Autronic International PLC

WATER TREATMENT PLANT

PROCESS CONTROL



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 64

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 09

FULLY PACKAGED WATER TREATMENT PLANT
TYPE AUTRONIC B-Wf-UV-tri/MP181006

The water treatment plant, as proposed herein, is to the latest non chemical contact and design.

The plant is designed to deliver to the rinsing and filling machines, a highly polished and sterilised water. The treatment system, is based upon the received water analysis and has been specialist confirmed as suitable for the required application.

The complete system consists of the following elements :

- a primary infeed system pump capable of delivering 15000 litres of water per hour.
- a stainless steel reception water tank, of hygienic construction, with all accessories
- primary 5 micron filter group with 5 cartridges
- secondary final filter of 0.2 micron with 8 cartridges
- final 10000 litre stainless steel balance tank with all accessories
- bottling line delivery pump of 15000 litres per hour capacity
- central control panel for the whole equipment
- UV sterilising plant
- base frame for the common mounting of the filters and steriliser
- all piping and connections for the filters and steriliser

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 65

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 09

FULLY PACKAGED WATER TREATMENT PLANT

The water treatment plant is designed to treat incoming water for use in the bottle rinsing process, filling and cleaning down. The plant has been sized to fulfil these functions. The plant is rated to run normally at no more than 80% of its capacity with plant on running load.

THE SYSTEM

The system comprises of :
A

SYSTEM FEEDING PUMP

MODEL BR KH INOX 15K/4B

ONE - stainless steel, monobloc pump, rated at 15.000 litres per hour with 22 meters head. All stainless steel unit, mechanical seal in graphite / stainless steel. This pump is the main water supply pump for all factory production purposes.

The pump is designed and sized for best standards of hygiene is easily dismountable and will deliver the product and rinsing water at 4 bar plus. The pump is complete with infeed and discharge DIN fittings for ease of mounting and connection.

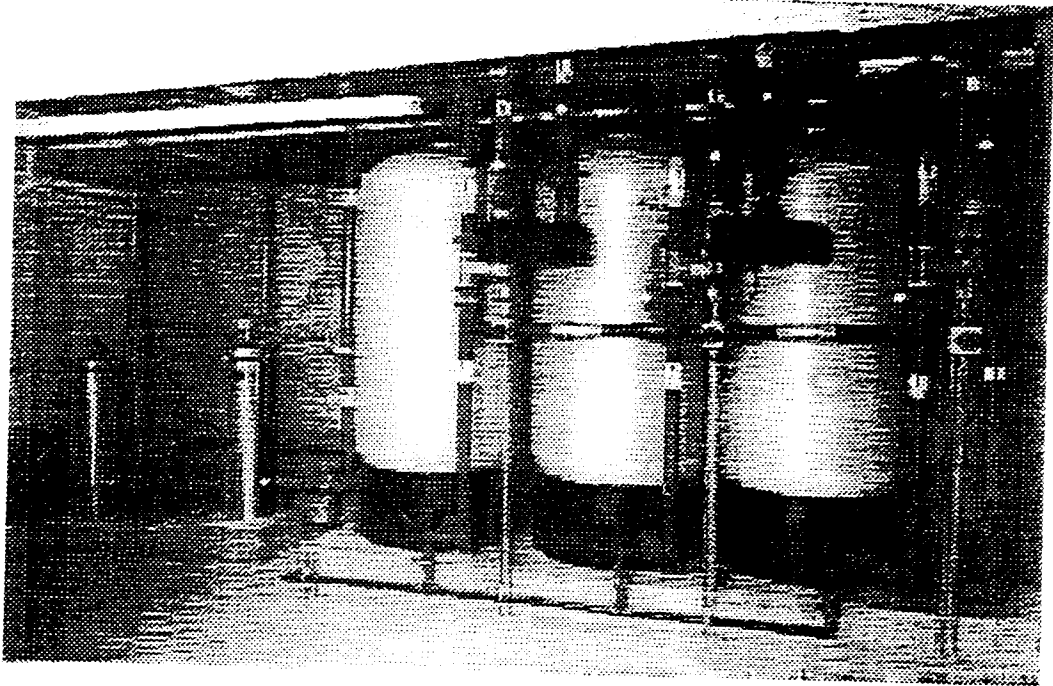
ONE 5000 LITRE CAPACITY STAINLESS STEEL RECEPTION TANK

The tank is entirely fabricated in stainless steel with highly internally and externally polished surfaces and crevice free. The tank is of the enclosed, vertical type and is mounted on stainless steel legs.

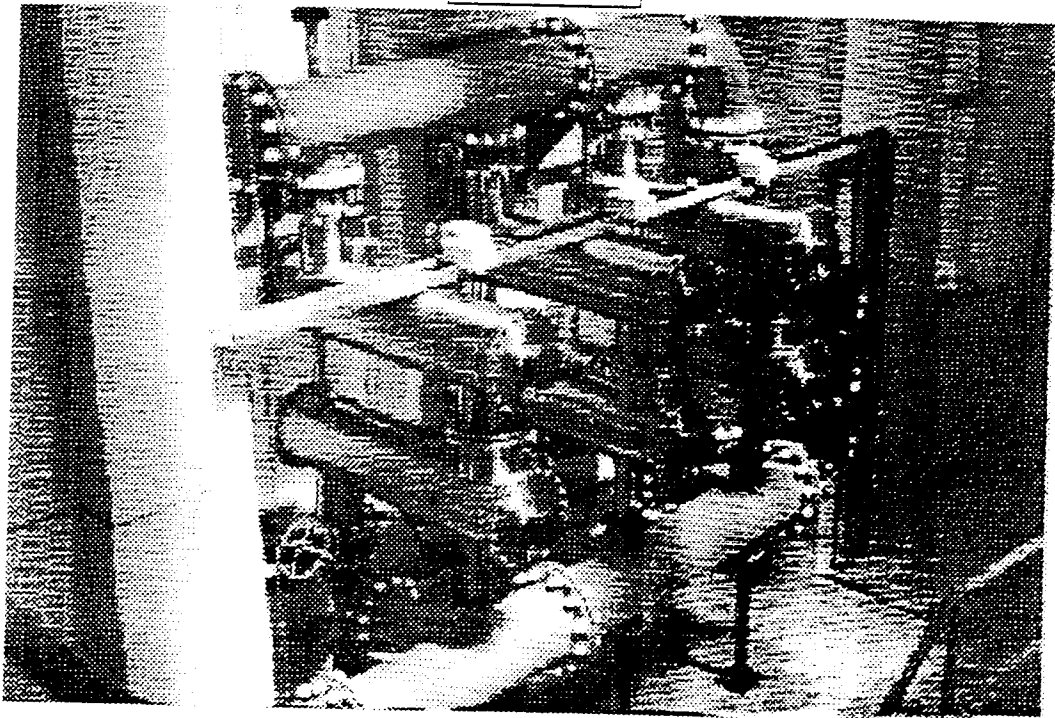
Autronic International PLC

WATER TREATMENT PLANT

FILTERS



FILTERS



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 66

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 09

FULLY PACKAGED WATER TREATMENT PLANT

The tank has a hermetic, anti-dust hermetic top fitting and the following stainless steel accessories :

- stainless steel CIP spray ball attachment
- stainless steel float valve
- stainless steel infeed valve for water
- stainless steel infeed valve for CIP
- stainless steel discharge valve for water
- stainless steel discharge valve for CIP
- stainless steel sampling cock
- stainless steel level indicator housing
- glass sight level indicator

WATER FILTRATION - PRIMARY FILTER

The primary filter is designed to give the water an initial treatment to 5 microns which will remove any particulates resident in the water and to protect the final, polishing filter.

The filter group is housed in a stainless steel, hygienic casing with stainless steel threaded and clamped housing, stainless steel ingress and stainless steel discharge port.

There are 5 filter cartridges contained within the stainless steel casings. The outer housing is easily accessible for service and filter replacement.

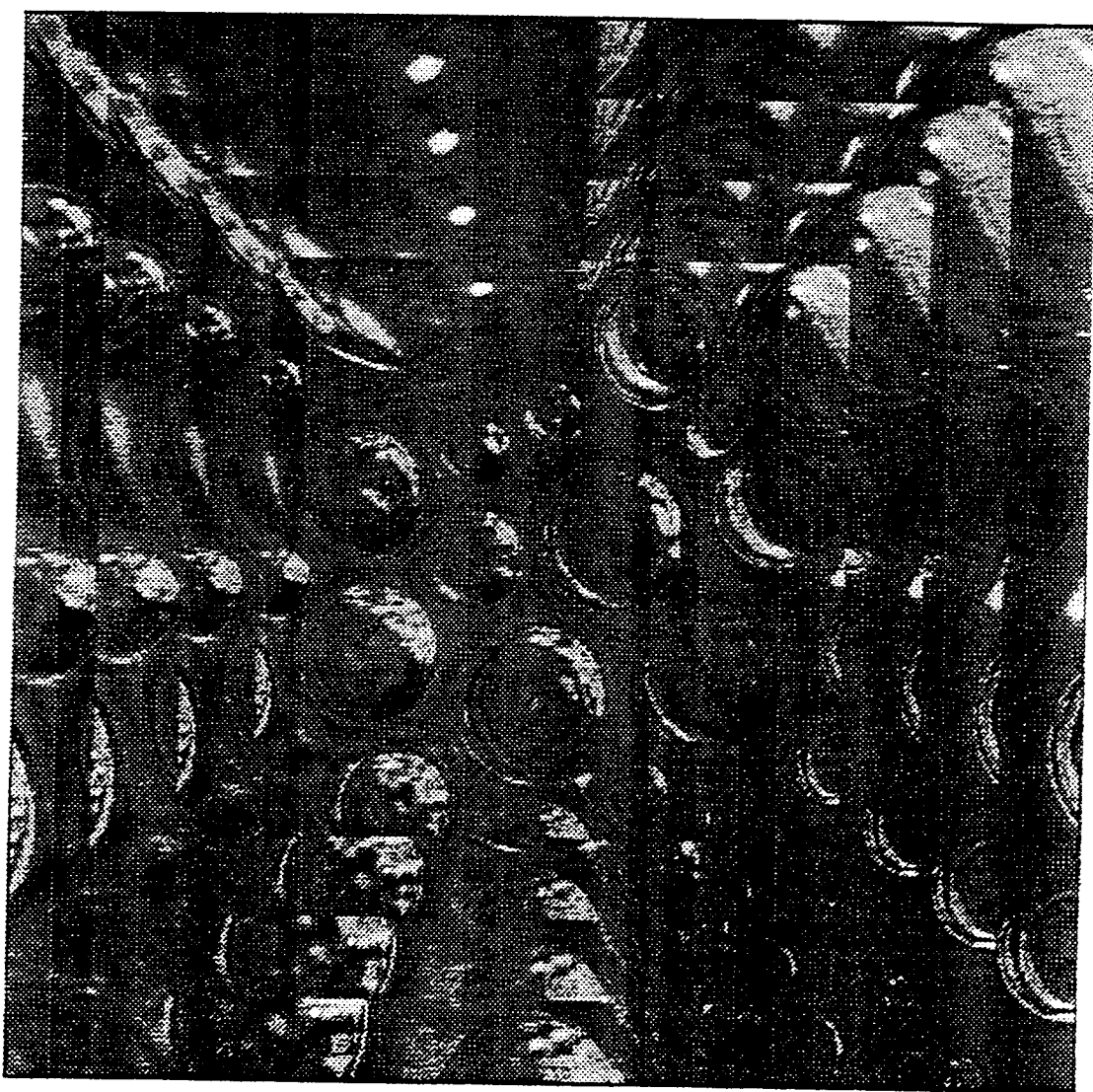
Water dispersion over the filter media element, ensuring even contaminant build up, long media life and less cleaning.

The positive "O" ring seals in the cap and element maintain absolute integrity to prevent by-pass. They will not break a compression set regardless of the frequency of opening, or the amount of pressure applied.

Autronic International PLC

TRIOGEN

MEDIUM PRESSURE UV SYSTEMS



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 67

**QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR**

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 09

FULLY PACKAGED WATER TREATMENT PLANT

WATER FILTRATION - STERILISATION - POLISHING

The final filter is designed to give the water a high level treatment to 0.2 microns which will render the water partially sterilised but highly polished.

The filter group is housed in a stainless steel, hygienic casing with stainless steel threaded and clamped housing, stainless steel ingress and stainless steel discharge port.

There are 8 filter cartridges contained within the stainless steel casings. The outer housing is easily accessible for service and filter replacement.

Water dispersion over the filter media element, ensuring even contaminant build up, long media life and less cleaning.

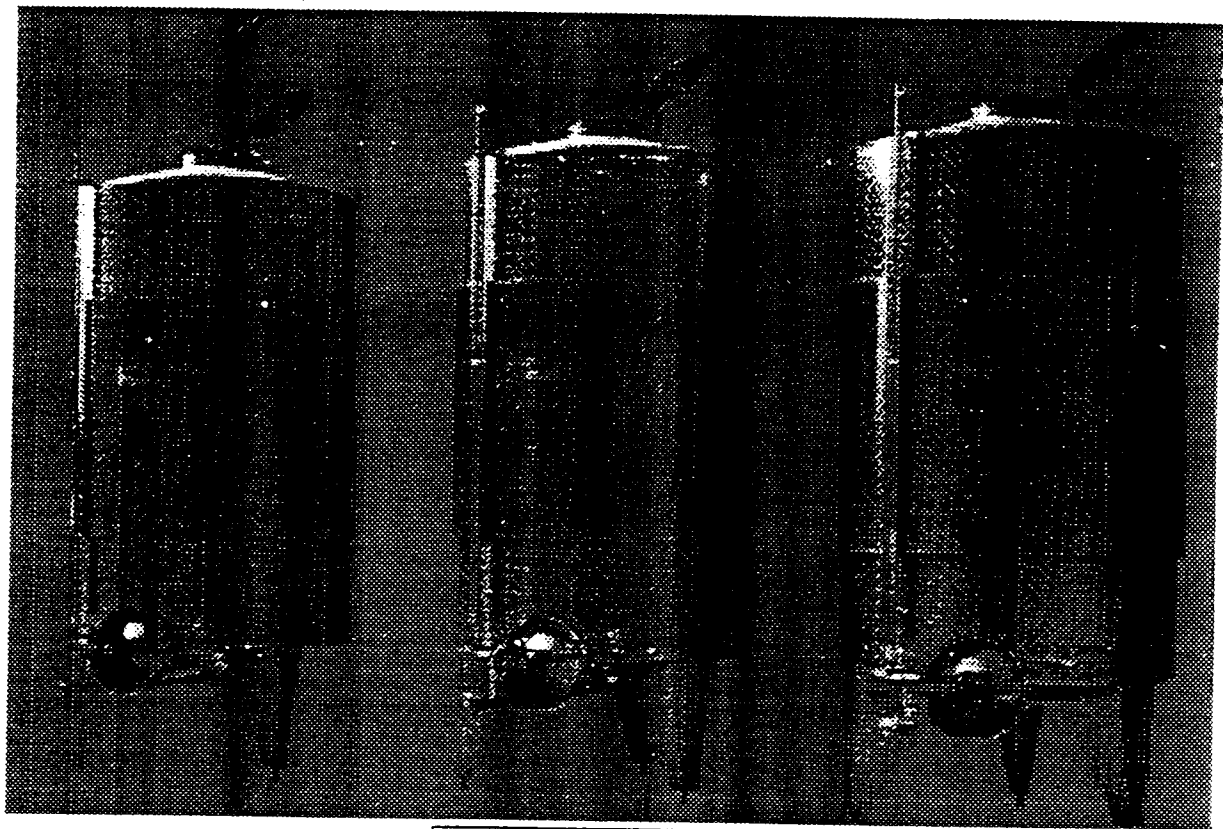
The positive "O" ring seals in the cap and element maintain absolute integrity to prevent by-pass. They will not break a compression set regardless of the frequency of opening, or the amount of pressure applied.

**STERILISATION UNIT
U V DISINFECTION MODEL TYPE LP 18006**

The UV sterilisation system comprises of a TRIOGEN ultra violet disinfection unit to treat 1800 litres per hour of mineral water. Based upon data norms the UV absorption factor will be equal to or greater than 95% in a 1 cm cell.

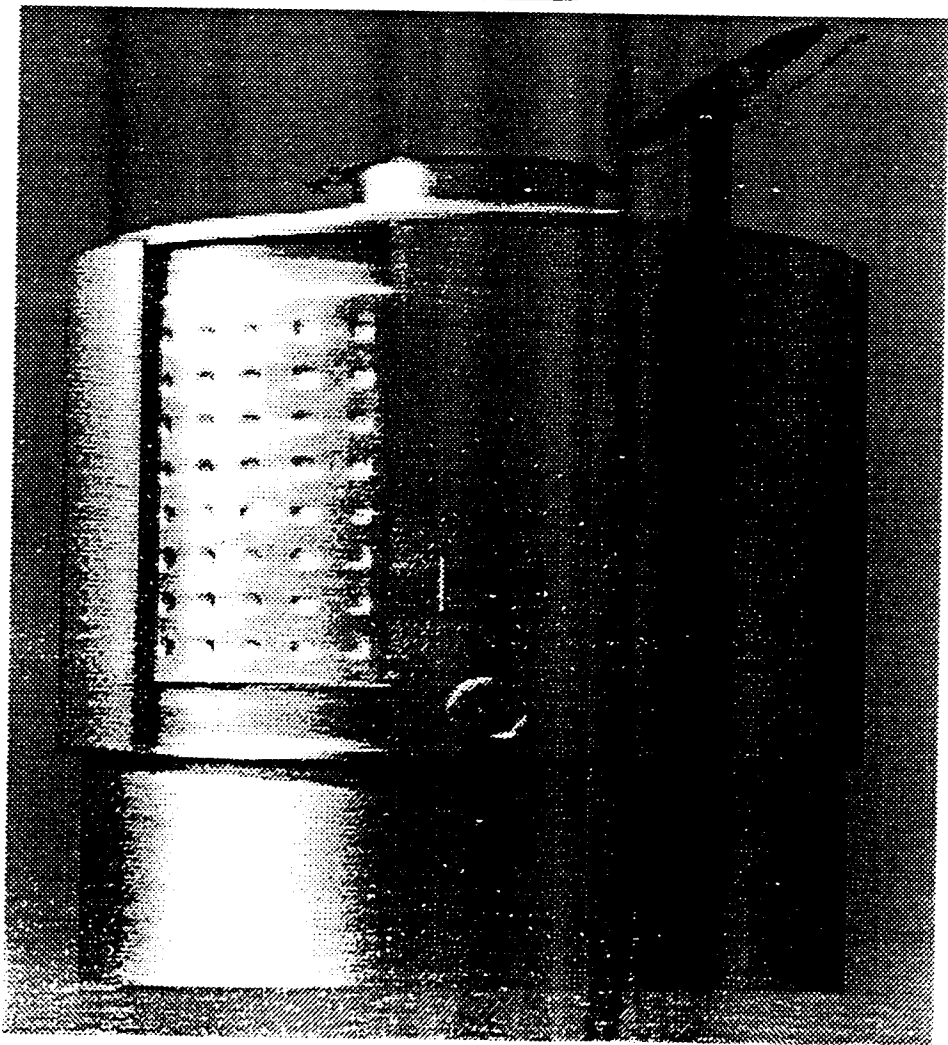
The unit is complete with a stainless steel reactor chamber with PVC end plates, electronic choke / starter equipment, mains supply fuses and ON / OFF switch, all housed within a special and integral steel control cabinet. Power ON and UV lamp ON illuminated indicators together with an hours run meter is included.

Autronic International PLC



Stainless steel tanks

CIP tank



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 68

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 09

FULLY PACKAGED WATER TREATMENT PLANT

The unit is fitted with a 2.05 kW pressure UV lamp rated for 7000 hours use with 3/4 BSP connections and 2 meters of cable. Also included is an additional UV lamp and quartz tube which provides a further 7000 hours use, thus foreseen use is equivalent to 14000 hours or nearly 3 years operation on double shift use.

ONE 10000 LITRE CAPACITY STAINLESS STEEL BALANCE TANK

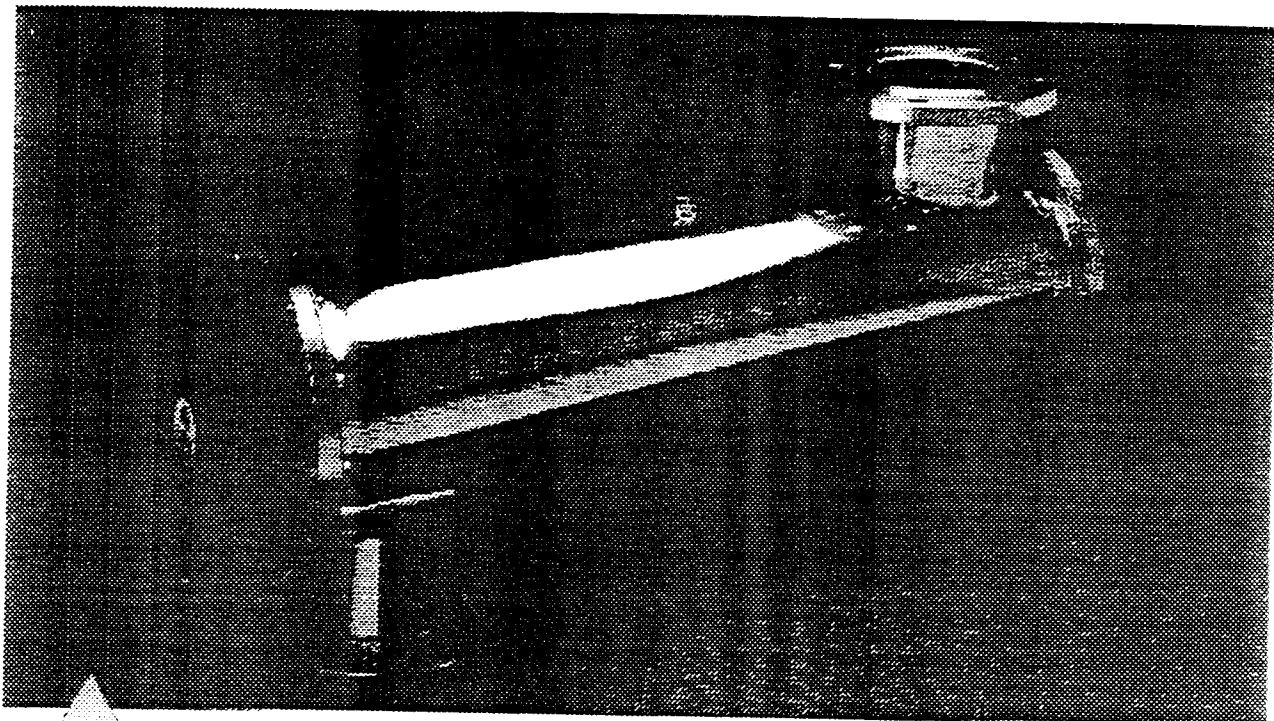
The tank is entirely fabricated in stainless steel with highly internally and externally polished surfaces and crevice free. The tank is of the enclosed, vertical type and is mounted on stainless steel legs.

The tank has a hermetic, anti-dust hermetic top fitting and the following stainless steel accessories :

- stainless steel CIP spray ball attachment
- stainless steel float valve
- stainless steel infeed valve for water
- stainless steel infeed valve for CIP
- stainless steel discharge valve for water
- stainless steel discharge valve for CIP
- stainless steel sampling cock
- stainless steel level indicator housing
- glass sight level indicator

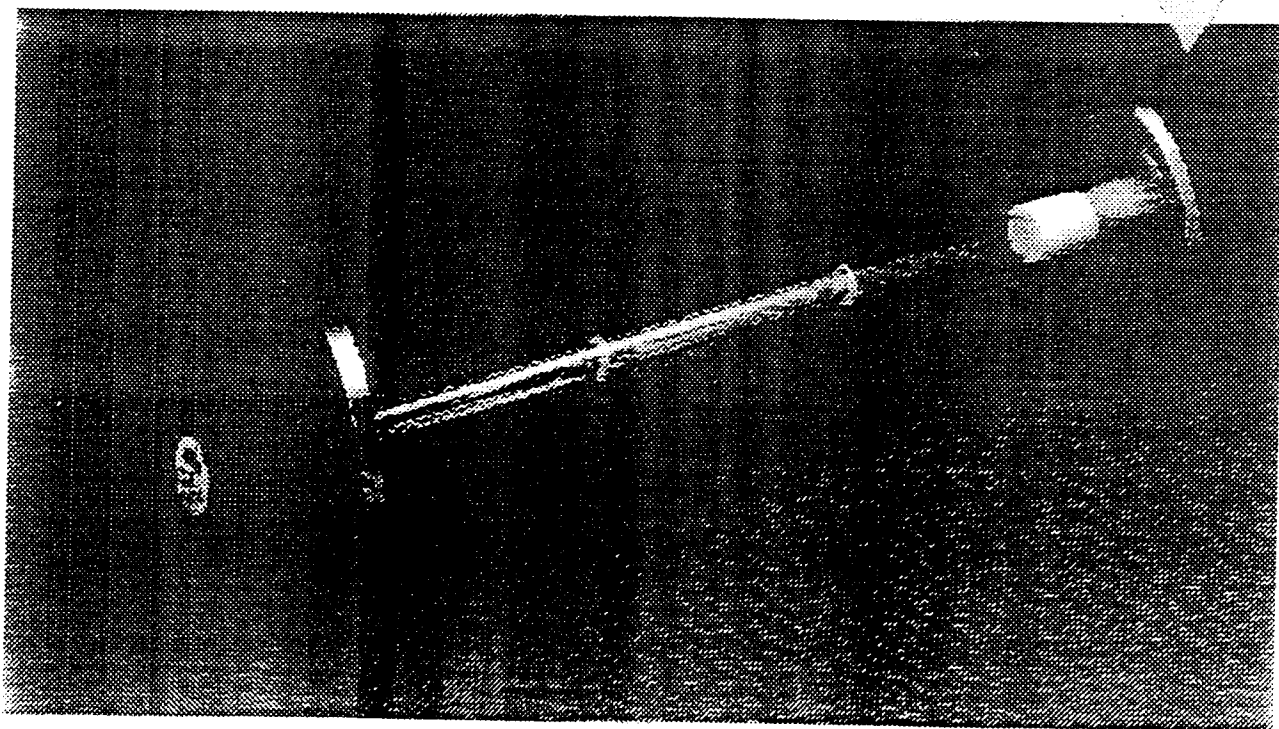
Autronic International PLC

UV STERILISING PLANT



MODEL MP120604

INTERNAL ASSEMBLY
OF MODEL MP120604

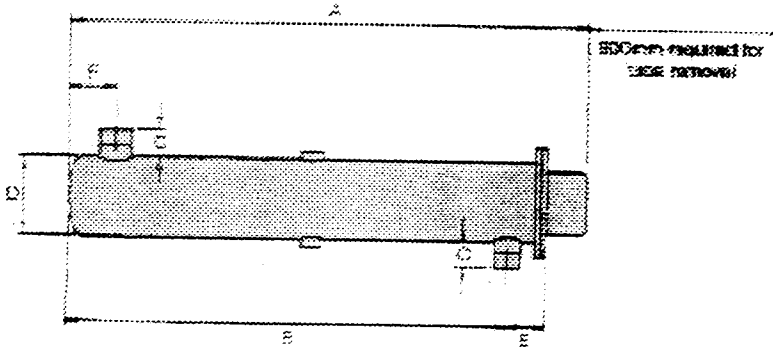


Autronic International PLC

UV STERILISING PLANT

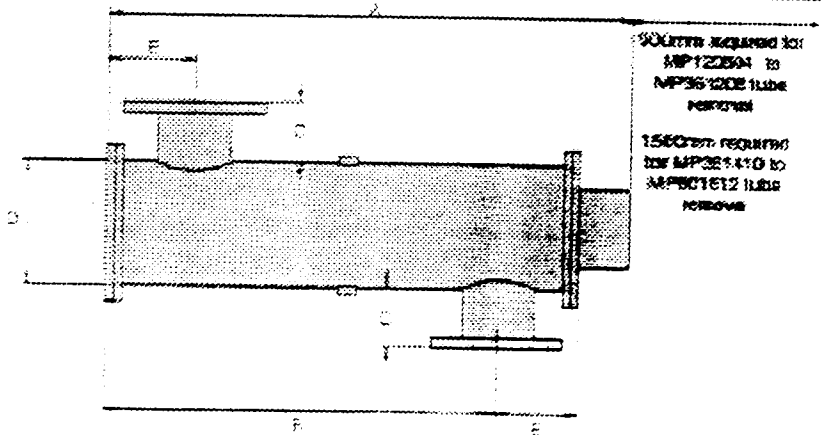
SPECIFICATIONS

MODEL	Max flow m ³ /h	DIMENSIONS mm						Branch size BSP	Power consumption kW
		A	B	C	D	E	F		
MP120402	27	1045	875	50	104	95	105	2"	1.37



MODEL	Max flow m ³ /h	DIMENSIONS mm					Branch size mm	Power consumption kW
		A	B	C	D	E		
MP120604	50	1058	825	100	154	155	100	1.37
MP120804	75	1058	825	100	204	155	100	
MP180804	110	1058	825	100	204	155	100	
MP181006	150	1058	795	120	254	185	150	2.05
MP241006	200	1058	795	120	254	185	150	
MP360806	225	1058	795	120	204	185	150	2.74
MP361008	300	1058	755	120	254	225	200	
MP361208	370	1058	755	120	305	225	200	
MP361410	450	1453	865	120	355	255	250	4.11
MP481210	500	1453	865	120	305	255	250	
MP481410	600	1453	865	120	355	255	250	
MP481610	690	1453	865	120	406	255	250	5.48
MP601412	740	1553	1195	120	406	280	300	
MP601612	860	1553	1195	120	406	280	300	6.85

base flow rates are based on:
Transmission value > 99% for a ten-cell
UV dose at end of seven life of 36 months



• Larger tanks up to 1,500m³/h flow available on request

Inlet/Outlet connections flanged to BS3948 PN10. Other connections available on request.

Drawings are continuous and specifications are subject to alterations at any time without notice.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 69

**QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR**

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 09

FULLY PACKAGED WATER TREATMENT PLANT

LINE FEEDING PUMP

MODEL BR KH INOX 15K/4B

ONE - stainless steel, monobloc pump, rated at 15,000 litres per hour with 22 meters head. All stainless steel unit, mechanical seal in graphite / stainless steel. This pump is the main water supply pump for all factory production purposes.

The pump is designed and sized for best standards of hygiene is easily dismountable and will deliver the product and rinsing water at 4 bar plus. The pump is complete with infeed and discharge DIN fittings for ease of mounting and connection.

MONOBLOC BASE FRAME

The filter groups and sterilising plant are pre-assembled on a common tubular base frame for ease of installation and connection.

The base frame also includes all the pipe connections, valves and connections, including 'T' connections, elbows etc for the interconnection of filters and steriliser.

CONTROL PANEL

A central control panel is included which contains the pump starters, over loads, relays, switch gear, illuminations, timers and other operating devices. The cabinet is of hose proof construction and to IP 54 standards.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 70

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 10

BOTTLE AND LABEL HANDLING CHANGE PARTS

This section includes all the bottle and label handling parts necessary to enable the handling of 500 ml PET bottles.

The parts included are :

- change cans for the filling machine
- levelling devices for the filling machine
- bottle handling stars and guides for the capping element
- bottle handling scroll for the labeller
- change stars and bottle guides for the labeller
- label magazine and smoothing station for the labeller
- change bottle guides for the shrink wrapper to enable the handling of bottles in 4 x 3 or 6 x 4 formation
- change electronic program for palletiser and pallet wrapper

Please note well that change parts for bottle making are included in the supply of the blow moulding and associated equipments.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 71

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 11

CENTRAL ELECTRICAL CONTROL PANEL

The purpose of this panel is to receive three 3-phase incomer from the external electrical source (provided by others with incomer cable) and to distribute electricity to the foregoing machines as detailed in this quotation that are supplied without a satellite panel.

The panel will also house the starters, controls, relays, safety system for the bottle, pack and pallet conveyors as well as supplementary for cap feeder and other ancillary bottling line machine.

The panel is of stainless steel construction and IP54 standard.

The panel comprises of a main incomer isolator with distribution to various sized circuit breakers accommodating the electrical loading of each machine and operating system.

The panel is fully tagged.

The panel is also equipped with illuminated display, push button on - off, main isolator and door safety inter-lock, safety key, disabling switch, mains supply indication and illumination, running lights, power lights, rotary switches as required and full traffolite external labelling.

All electrical fitments are to EC norms and regulations.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 72

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 12

LABORATORY AND ANALYTICAL EQUIPMENT

The laboratory equipment is designed for the control of the bottles, control of the water and of the finished product.

The equipment is designed to test bottle integrity, wall thickness, plastic distribution, neck thread accuracy.

The water QC plant is designed to control empty bottle hygiene, in-coming, pre-treatment water quality, post treatment water quality, rinse water quality, after filled water quality, bottle and cap hygiene, filler and piping hygiene control, filter bed condition.

The plant is also suitable for stage shelf life testing including accelerated shelf life tests.

Equipments would include :

- bottle pressure tester
- profile callipers
- thickness callipers
- electronic balances (2)
- incubating oven
- steam autoclave
- aspirators
- burettes
- pipettes
- culture dishes
- spectrometer
- hydrometer
- microscopes (2)
- laboratory furnace
- swab kits
- test tubes
- Bunsen burner
- stainless steel measuring vessels
- racks
- stainless steel utensils
- thermometers
- miscellaneous measuring utensils and hardware
- assorted chemicals and reagents
- assorted and miscellaneous culture kits

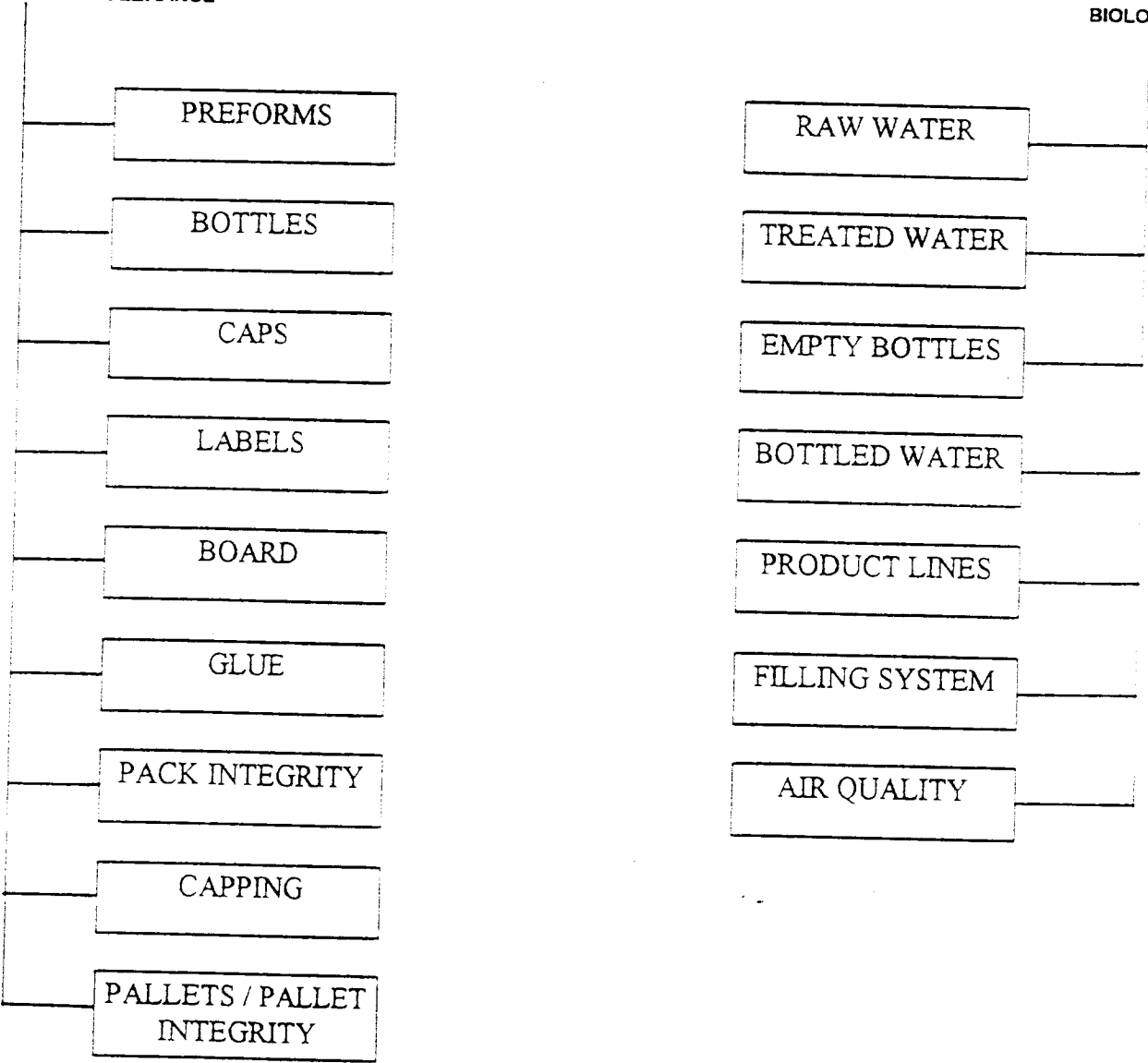
Autronic International PLC

La Fontaine
QC

Function Chart

MATERIALS
MECHANICAL TOLERANCE

PRODUCT QUALITY
BACTERIOLOGICAL
BIOLOGICAL



Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 74

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 14

SPARE PARTS

PACKAGING AND CONDITIONNING PLANT

ITEM 15

SPARE PARTS

SPARE PARTS FOR 1 YEAR OPERATION

A comprehensive supply of spare parts is included in this offer to cover normal operational requirements for 2000 hours production time.

This section includes spare parts for :

- labelling machine.
- tray erector, tray loader, shrink wrapper
- palletiser
- pallet wrapper
- bottle conveyors
- pack conveyors
- pallet conveyors
- water treatment plant
- working tools

Spares supplied includes normal wearing parts such as seals, springs, gaskets, valve seats, fuses, switches, essential electrical switch-gear, sprockets, and other wearing parts that likely to be required during normal operation and parts prudent to replace under the normal service recommendations.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 75

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 14

SPARE PARTS

PACKAGING AND CONDITIONING PLANT

Technical instruction books give detailed maintenance instructions.

Spares supply does not include normal industrial consumables such as lubricants, chemicals or those standard items such as nuts and bolts which are normally obtainable in the local market.

Complete detailed spare parts lists will be provided prior to shipment which will be strictly in accordance with manufacturers recommendations and based upon considerable experience of client consumption and requirements.

Though every effort is made to ensure that all required spare parts are supplied, it cannot be claimed that the supply is universal and will provide for any situation.

Other spare parts as required under guarantee, or under any other circumstances will automatically be dispatched rapidly subject to Buyer having complied with his obligations.

The detailed instruction books provided detail by chart and code individual spare parts. This enables the Buyer to easily identify his particular requirements which always ensures a fast and immediate response to spares requirements.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 76

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 15

WORKSHOP TOOLS

For the good maintenance of the plant and equipment to be supplied herein the Buyer requires a basic workshop with essential working tools. It is not intended that the workshop be fitted to machine production standards but normal working tools to a good quality are important.

These include :

- Complete sets spanners.
- Complete sets wrenches
- Complete set Allen keys
- Complete sets screw drives
- Complete sets compression clamps
- Small welding set and ancillaries
- Electricians sets, complete with testers, connectors etc
- Drills and attachments
- Power connection extension leads
- Bench sets
- Working tops
- Vices
- Small bench drill
- Small bench grinder
- Small bench lathe
- Mobile lockable tools boxes - wheel mounted
- Specialist tools for particular machines
- Lifting jig with chain
- Pneumatic blow jets
- Blow torch and accessories

And other working tools as required.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 77

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 16

COMPLETE PLANT FINAL ASSEMBLY AND TUNE UP

Complete plant and final assembly comprises of, under the specialist works engineers, the final assembly of all the machinery offered herein and thereafter the tune up of the machines to initial production standards.

These services are offered on the basis that work can begin on a clear site and all necessary main services are available to allow continuous and uninterrupted erection.

The price as quoted herein includes for the services of the supplier's trained engineers in sufficient numbers to erect and commission the entire equipment offered.

The Buyer at his cost will pay all air, rail and road transportation costs from Europe to the site for the erection engineers and will supply free of charge suitable accommodation, food and local transportation and cover subsistence and out of pocket expenses.

The Buyer will also make provision, at his cost for the adequate supply of local tradesmen, journeymen, unskilled labourers, semi skilled & skilled workers to assist the specialists in their work.

Heavy tools and lifting equipment which will be listed by the Supplier will be provided by the Buyer as are the main water, electricity, air and other necessary services for the installation to proceed.

The provision of these services covers all plant and machinery as offered in this quotation.

In addition, and by separate arrangement, the Buyer may request any extended training program by the Buyer's specialists and training officer. This will form the basis of a separate and additional agreement.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 78

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 17

PROJECT MANAGEMENT

For management services including :

- all the design and technical expertise in the putting together of this proposal according to the Buyer's requirements.
- co-ordination between the various plant manufacturing and design centres,
- supervision of the manufacturing phase of plant and machinery.
- production of final plant layouts, provision of layout and service drawings to the Buyer's building contractor.
- co-ordination with the Buyer's building contractor,
- supervision of the building readiness prior to machines arrival,
- organisation and management of freight to port of destination,
- specialist on-site at Buyer's factory to control and assist the ingress of the machines at arrival
- to check and control inventories, management of the plant positioning, erection / installation phases, commissioning, tune up
- supervision of first 3 months of production
- local training in Europe on blow moulding

The Buyer is however, responsible for the provision of all air tickets, hotel charges and other out of pocket expenses, including subsistence expenses associated with the above works.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 79

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONNING - PACKAGING PLANT

ITEM 18

EXPORT BOXING & FoB CHARGES

ITEM 18

EXPORT PACKING & FOB CHARGES

All the forgoing items of plant and machinery export packed as required and necessary and stuffed into containers as much as is possible, stuffed into open top containers, and or high cube containers, or shipped conventionally as required for the most efficient and practical transportation to the port or ports of loading.

Charges as stated herein are estimates only. This service is provided at cost and without added margin. The Buyer is responsible for actual costs and any variations +/- are to Buyer's account. Original boxing, transport and port handling charges as invoiced to the Seller are provided to the Buyer for costs verification.

Included are port handling charges, loading charges to point of goods loaded on board, plus all insurance to plant value plus 10%.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 80

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 19

SHIPMENT PORT TO PORT

The Seller will organise and effect shipment by the most effective means possible with regard always to plant safety, reliability of carrier and also to provide the Seller with the minimum possible cost. All Letter of Credit documentation will be effected in conformity with the relevant clauses of this quotation.

Shipment of the foregoing goods from Port of Shipment to the appropriate Port of unloading. Destination port charges and on charges are excluded as are local taxes, destination port handling taxes and charges, import duties etc.

The goods will also be insured for plant value plus 10%

Seller to select carrier. Please note that shipment charges are an estimate only and shipment services are provided at cost. Original shipping Company invoices will be submitted and any variation between estimate and actual cost, including insurance will be paid by or credited to the Buyer.

Please note that the Buyer is responsible for the goods after the goods have arrived at the port of destination. The Buyer is also responsible for customs clearance and onwards transportation to his factory and for all relevant and required documentation, permissions and licenses.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 81/b

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 20

PRICE LIST

Item	Description	Price £STG
01	Fully integrated blow moulder-filler-capper with :	
-	Change parts for 500 mls bottles	
-	High pressure air compressor for blow moulder	
-	Air drier for H.P. air compressor	
-	Coalescence filter for H.P. air compressor	
-	Sterilising filter for H.P. air compressor	
-	1000 ltr, 42 bar tank for H.P. air compressor	
-	Deodorising carbon filter for H.P. air compressor	
-	Air compressor, M.P. bottling and packaging	
-	Air drier for M.P. air compressor	
-	Air tank, 1500 ltr for M.P. air compressor	
-	Cooling tower 90,000 k.cals./hr for blow moulder	
-	Chiller 30,000 k.cals./hr for blow moulder	
-	Automated, pneumatic cap silo / elevator feeder	
-	Fully packaged CIP plant for filling section	
-	Steam generating plant	
	Total for Item 01	994,640
02	Automated labelling machine with label coder	25,510
03	Stainless steel bottle conveyor system	11,095
04	Fully automatic tray erector-loader-shrink wrapper	73,965
05	Automated shrink wrap pack conveyor	5,870
06	Automatic palletiser	55,630
07	Automated pallet conveyor	5,690
08	Fully automatic stretch wrapper for pallets	32,160
09	Fully packaged water treatment plant	52,580
10	Change parts, conveyor-fill/cap-labeller-shrink	13,225
11	Electrical control panel bottling & packaging	5,985
12	Laboratory and analytical equipment	19,365
13	Hydraulic, pneumatic and electrical	86,715
14	Spares parts, packaging & conditioning plant	33,510
15	Essential workshop and maintenance tools	21,180
	TOTAL EX WORKS	1,437,120
16	Export boxing, FoB, estimated	20,800
	TOTAL FoB	1,457,920
19	Sea freight & insurance, estimated.	52,055
	TOTAL CIF	1,509,975

TOTAL CIF US\$ 2,431,059.

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 82

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART ONE BOTTLE MAKING - CONDITIONING - PACKAGING PLANT

ITEM 21

TERMS AND CONDITIONS SPECIFIC

PAYMENT : By irrevocable letter of credit opened by Vietcombank, Danang Branch or Head Office, Hanoi and they to request BHF bank, London Branch to add their confirmation to the same. Open confirmation fee, commitment fee, deferred payment, handling commission, etc to be borne by Seller.

Downpayment with order : By T.T. 25%. And all technical details.

Against shipping documents : 65%, when loaded FOB, covered by irrevocable, divisible, transferable letter of credit as above stated.

Against start-up, 05% payable on start-up and covered by the above, letter of credit, but latest 180 days from shipment if through no fault of the Seller there is delays to the scheduled start up date.

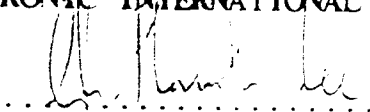
SHIPMENT : By sea to most suitable port.

PRICE : As stated
Any forex variations are to Buyer's account, Forex fix = £1 = Lira 2440
£1 = US\$ 1.61

DELIVERY : Delivery is ex-works, 5/6 working months from receipt of full Down payment and LC, and subject to receipt of all samples, technical details, and other required documents or information. Will be subject to all process data and bottle samples etc., being available on dates required within the required date stated above.

All subject to our standard terms and conditions of trade, a copy of which is included on the following page.

FOR AND ON BEHALF OF
AUTRONIC INTERNATIONAL PLC


G.L. FLORENTIN - IEE, (B.Tech. Hons. Director

AUTRONIC TERMS AND CONDITIONS OF SALE.

1. AUTRONIC offers to the recipient of this offer or quotation, hereinafter referred to as the Buyer, plant, machinery, and or services, all as specified in the offer, proposal, quotation or proforma. The document constitutes a formal offer subject to the terms and conditions contained in any other document and subject to the terms and conditions as contained hereinafter.

3. **FRUSTRATION.** Whilst **AUTRONIC** will use its best endeavours to ensure that the goods are delivered in accordance with the terms of this offer, it does not warrant that the goods will be delivered in accordance with the terms of this offer. If the goods are not delivered in accordance with the terms of this offer, the contract will be deemed to have been frustrated.

11. **FRUSTRATION.** Whilst **AUTRONIC** will use its best endeavours to fulfil its obligations, if the contract shall become impossible or performance or frustrated through no fault of **AUTRONIC**, the Buyer shall be liable to **AUTRONIC** for all costs which **AUTRONIC** or its suppliers or subcontractors have incurred, directly or indirectly and for which **AUTRONIC** may be liable under any subsidiary contract at the time of frustration or impossibility of performance. Any prepayment or stage payments which may have been paid by the Buyer under the contract shall be applied towards the satisfaction of such sums as may become due under the foregoing provisions and against any losses or prejudice that **AUTRONIC** may suffer as a result of frustration or impossibility of performance.

VARIATIONS IN EQUIPMENT - SPECIFICATION. Items of plant and machinery are constantly subject to development, improvement and or modification. All specifications and production statistics issued by seller, proposal or quotation should be regarded as none binding upon **AUTONIC**. Unless otherwise stated in writing, manufacturer's standard equipment will be supplied and in a new and unused condition subject only to use during tests and trials. Demonstration models will be sold as new, or specific new models will be built for the purposes of a specific contract. **AUTONIC** reserves the right to make any variations or modifications to machines and systems if such changes and or modifications constitute in the opinion of **AUTONIC** an operational improvement and or facilitate the manufacturing. If any specified machine or machines should for any reason be unavailable or not possible of supply for any contract in force, **AUTONIC** reserves the right at its sole discretion to substitute a machine or equivalent performance to that originally intended so long as no increased costs are passed on to the Buyer concerning machine or machines substitution.

RESEARCH, CONSULTANCY AND DOCUMENT OR STUDY PREPARATION. The Buyer is under no obligation to accept AUTRONIC offers, proposals or quotations, but should the Buyer request AUTRONIC to prepare documents, studies, reports, drawings or to engage in any other activity on behalf of the Buyer, then should the Buyer decide not to contract with AUTRONIC for the foreseen contract, then the Buyer shall be liable to pay fees to AUTRONIC for work carried out at the behest of the BUYER and for expenses incurred by AUTRONIC whilst complying with the Buyer's requests.

WARRANTY. Plant and machinery supplied by AUTRONIC under any contract is guaranteed for a period of twelve months from notification that plant is ready for dispatch. This guarantee refers specifically to materials and workmanship save electrical or electronic components which are guaranteed for a period of six months. AUTRONIC'S liability in respect of any failure or defect is strictly limited to making good by repair or exchange at AUTRONIC'S option, machines or parts thereof. Repair or exchange will be made good by AUTRONIC if shown to AUTRONIC'S reasonable satisfaction that failure was due to defective workmanship or materials. If it is shown to AUTRONIC'S reasonable satisfaction that failure was due to wear and tear or misuse, repair or replacement will be at customer's expense. The above does not apply to consumable items such as lamps, fuses, etc., which are subject to normal wear and tear.

[illegible]

of which is hereby completely excluded. AUTONIC will not be liable for any consequential losses or damages. Any performance capabilities stated in any technical literature, or in any contract, or in any offer, quotation or proforma, is to be regarded as non-binding. Generally, machines should be capable of an effective capacity in continuous production, of 85% of any nominally stated figure. Notwithstanding the aforementioned, any performance indication is effective subject to the buyer having AUTONIC with samples of product, bottles, closures and other materials and having provided with all material information relating to the production environment and situation, as well as having ensured that his staff are competent, skilled and experienced in the running and operation of machines similar to those supplied by AUTONIC and having received instruction & training by AUTONIC.

[illegible]

9. LICENCES. Where applicable and other required government licenses have been obtained and approval obtained from appropriate government agencies in accordance with the terms of the contract, AUTRONIC shall be entitled to delay the export of the equipment without being responsible for any losses or damages to the Buyer resulting from the failure to obtain the necessary licenses or approvals. The Buyer will be solely responsible for any losses or damages resulting from the failure to obtain the necessary licenses or approvals. The Buyer's failure to comply with the terms of this clause.

10. SITE READINESS AND SITE PREMISES HAVE BEEN FULLY PREPARED FOR THE INSTALLATION OF MACHINES SUPPLIED BY AUTONIC, OR THERE IS A DELAY IN PREVENTING THE SMOOTH AND COMPLETE INSTALLATION OF MACHINES SUPPLIED BY AUTONIC, WHICH PREVENTS THE AUTONIC, THAN ALL AND ANY OTHER CIRCUMSTANCES SHALL BE ENTIRELY THE RESPONSIBILITY OF THE BUYER'S FAILURE TO COMPLY WITH THE

Should for any reason outside their tasks due to any of the additional air tickets etc. to commence after commission operation save for the unrecovered amount mentioned.

Continued

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 83a

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART TWO BUILDING, FITMENTS, VEHICLES, MATERIALS AND CONSUMABLES

Item	Description	Price US\$
01	Building. Construction, including pre-fabricated building, utilities, functioning, includes sea freight for the above, office equipments, service equipments.	3.868.901
02	Vehicles. 3 x fork lift trucks, 3 ton capacity @ 3 meters. 4 x 26 ton trucks & 2 service vehicles of 16 pallets capacity per vehicle	1.396.472
03	Raw materials for first 3 months of bottles	699.925
04	Raw materials & packaging for functioning for 6 months	<u>2.887.556</u>
	Total CiF above goods	8.852.854

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 84

QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

PART TWO BUILDING, FITMENTS, VEHICLES, MATERIALS AND CONSUMABLES

ITEM 21

TERMS AND CONDITIONS SPECIFIC

PAYMENT : By irrevocable letter of credit opened by Vietcombank, Danang Branch or Head Office, Hanoi and they to request BHF bank, London Branch to add their confirmation to the same. Open confirmation fee, commitment fee, deferred payment, handling commission, etc to be borne by Seller.

Downpayment with order : By T.T. 25%. And all technical details.

Against shipping documents : 65%, when loaded FOB, covered by irrevocable, divisibile, transferable letter of credit as above stated.

Against start-up, 05% payable on start-up and covered by the above, letter of credit, but latest 180 days from shipment if through no fault of the Seller there is delays to the scheduled start up date.

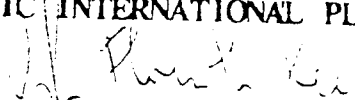
SHIPMENT : By sea to most suitable port.

PRICE : As stated
Any forex variations are to Buyer's account, Forex fix = £1 = Lira 2440
£1 = US\$ 1.61

DELIVERY : Delivery is ex-works, 5/6 working months from receipt of full Down payment and LC, and subject to receipt of all samples, technical details, and other required documents or information. Will be subject to all process data and bottle samples etc., being available on dates required within the required date stated above.

All subject to our standard terms and conditions of trade, a copy of which is included on the following page.

FOR AND ON BEHALF OF
AUTRONIC INTERNATIONAL PLC



G.L. FLORENTIN - LEE. (B.Tech. Hons. Director

Autronic

Engineering excellence for the international beverage industry

Soc. LA FONTAINE
Que Son,
Quang Nam Da Nang Province,
Vietnam

28.10.96.
Page 85

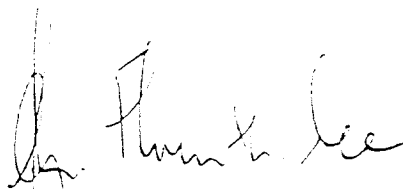
QUOTATION No. 17086 REV 1 - 96
MINERAL WATER PET BOTTLE MAKING, FILLING
CONDITIONING & PACKAGING PLANT
5000 X 1.5 LTRS / HOUR

CONSOLIDATED PRICE LIST

Item Description	Price US\$
01 Bottle making, packaging and ancillaries.	2,431,059
02 Building structure fitments & ancillaries. Vehicles, raw materials and packaging materials	8,852,854
TOTAL CONTRACT VALUE	11,283,913

All subject to the terms and conditions as contained in this quotation.

FOR AND ON BEHALF OF
AUTRONIC INTERNATIONAL PLC



G.L. Florentin - Lee (B.Tech.Hons.), Director.